

KINH DUY MA CẬT CHÚ GIẢI

Dịch và Bình : Pháp sư Cưu Ma La Thập
Chú giải : Đại sư Tăng Triệu

Việt dịch : Hồng Đạo



THIỆN TRI THỨC

KINH DUY MA CẬT

CHÚ GIẢI

Dịch và Bình: Pháp sư Cư Ma La Thập

Chú giải: Đại sư Tăng Triệu

Việt dịch: Hồng Đạo

THIỆN TRI THỨC

Mục lục

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết Chú Tụ	4
KINH DUY MA CẬT CHÚ GIẢI	7
I. PHẨM PHẬT QUỐC	9
II. PHẨM PHƯƠNG TIỆN	55
III. PHẨM ĐỆ TỬ	74
XÁ LỢI PHÁT	74
MỤC KIỀN LIÊN	77
ĐẠI CA DIẾP	80
TU BỒ ĐỀ	86
PHÚ LÂU NA	98
MA HA CA CHIÊN DIÊN	100
A NA LUẬT	104
ƯU BA LY	106
LA HẦU LA	111
A NAN	116
IV. PHẨM BỒ TÁT	123
BỒ TÁT DI LẶC	123
ĐỒNG TỬ QUANG NGHIÊM	133
BỒ TÁT TRÌ THỂ	139
TRƯỞNG GIẢ TỬ THIỆN ĐỨC	146
V. PHẨM VĂN THÙ SỰ LỢI THĂM BỆNH	154
VI. PHẨM BẤT TƯ NGHỊ	193
VII. PHẨM QUÁN CHÚNG SANH	205
VIII. PHẨM PHẬT ĐẠO	232
IX. PHẨM VÀO PHÁP MÔN CHẴNG HAI	262
X. PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH	279
XI. PHẨM BỒ TÁT HẠNH	291
XII. PHẨM THẤY PHẬT VÔ ĐỘNG	315
XIII. PHẨM PHÁP CÚNG DƯỜNG	330
XIV. PHẨM CHỨC LỤY	344

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết Chú Tự

Hậu Tần, Trường An, Thích Tăng Triệu thuật

Kinh Duy Ma Cật Bất Khả Tư Nghị (Kinh Duy Ma Cật Chẳng Thể Nghĩ Bàn) là bộ kinh nói về chỗ tuyệt diệu vô cùng huyền vi biến hóa tận tột. Chỗ đó sâu thẳm huyền vi, không thể dùng lời lẽ hình tướng mà đo lường được. Đạo vượt tam không, kể nhị thừa không thể nghĩ bàn tới; siêu xuất quần sanh, số' lượng, tuyệt cái cảnh hữu tâm. Nhỏ nhiệm, lớn lao, vô vi mà không gì chẳng làm. Vì chẳng biết chỗ “Nhiên” ấy mà có thể “Nhiên” cho nên chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Vì sao? Vì Thánh trí vô tri cho nên soi chiếu khắp muôn vật Pháp thân không hình không tượng mà ứng hợp mọi hình. Âm vận không lời lẽ mà trang trải khắp kinh sách huyền nhiệm. “Quyền” mà không mưu trí nhưng động thì hợp việc, cho nên có thể cứu độ khắp phương, khai vật thành việc, lợi khắp thiên hạ.

Nơi ta thì vô vi nên cái thấy được cảm chiếu nhân đó gọi là trí. Quán vật để ứng hình thì gọi đó là thân. Đạo đem huyền nhiệm khắp kinh sách tùy nơi nên gọi đó là lời. Thấy biến động mà ứng hợp gọi là quyền. Chỗ chí cực của Đạo há có thể dùng hình tượng, lời lẽ, quyền trí mà bàn được ư?

Nhưng giác ngộ của quần sanh đã lâu dài, chẳng dùng lời lẽ thì không sao hiểu nổi. Đạo chẳng chuyển vận một mình, rộng mở

do người. Do đó đức Như Lai mới bảo đức Văn Thù đến nơi phương khác mời đức Duy Ma Cật ở quốc độ khác tụ tập nơi thành Tỳ Da Ly để cùng rộng mở đạo này. Đó là chỗ kinh này muốn nói rõ.

Muôn hạnh phải lấy trí làm chủ, gốc cây đức phải dùng lục độ làm rễ. Tế độ kẻ mê mờ, lầm lạc phải dùng từ bi làm đầu. Nói cái cực diệu tông yếu ắt dùng chẳng hai làm cửa. Do đó muôn lời nói đều lấy bất tư nghị (chẳng thể nghĩ bàn) làm gốc.

Chỗ mượn tòa ngồi nơi Đấng Vương Phật, thỉnh cơm nơi Hương Quốc, tay tiếp cõi Đại Thiên, nhà bao trùm trời đất đều là dấu tích của bất tư nghị vậy.

Nhưng cửa quan khó mở nên thánh ứng chẳng đồng. Không có gốc thì không lấy gì làm dấu tích. Không có dấu tích thì không lấy gì để hiển gốc. Gốc, tích tuy khác nhưng chỉ một bất tư nghị thôi.

Cho nên chiếu cho kẻ Thị giả lấy mục đích làm tên kinh.

Vua nhà Đại Tần tinh thần khác hẳn hơn đời, riêng ngộ huyền tâm hoàng hóa để an trị thì trên vạn cơ mưu, cho nên chấn hưng đạo giáo hóa đã hơn ngàn năm nay. Nhiều phen tìm những kinh điển quý báu để làm cái nhà trú ngụ cho tâm thần, nhưng chỗ xuất phát ở Thiên Trúc thì quá xa, ngại lý bị ứ trệ nơi văn tự, lại e chỗ tông chỉ huyền diệu bị sai sót nơi người dịch. Kinh này do kẻ môn đồ ở Bắc Thiên Trúc chuyển qua hiện vẫn còn, nên đời Hoàng Thi năm thứ Tám chiếu sai Đại tướng quân Thường Sơn Công, Hữu

tướng quân An Thành Hầu, cùng với Sa môn của Nghĩa Học thiền sư hơn một ngàn hai trăm người tại chùa Đại Tự nơi Trường An mời Pháp Sư La Thập dịch lại bản chánh. Lấy cái độ lượng cao kiến hơn đời của đức Sư Thập để thấu xét cảnh chân thật của tâm. Ngài La Thập đã tận tột trong cảnh, lại rành rẽ tiếng bản xứ, tay cầm bản chữ Phạn miệng đọc dịch. Kẻ đạo người tục đều kính nể. Mỗi câu đều đọc đi đọc lại, sửa chữa kỹ càng, gắng sức cho còn thánh ý.

Lời văn giản dị mà trực chỉ, theo yếu lý thuận xuôi mà nêu bày, lời lẽ cao xa tinh vi hiển rõ cái “Nhiên”.

Tôi được dự thính một thời gian ngắn, tuy chỗ suy xét chưa được sâu xa, nhưng cũng hiểu được thô sơ văn ý, nên thuận theo chỗ nghe mà chú giải, lược ghi thành lời, thuật lại chứ không phải tự làm để bậc quân tử đời sau được cùng nghe vậy.

KINH DUY MA CẬT CHÚ GIẢI

Đời Diêu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập

dịch Phan ra Hán

Đời Diêu Tần, Đại sư Tăng Triệu tại Trường An chú giải

Việt Nam, Hồng Đạo dịch ra Việt văn.

Tổ Thập nói: Chữ *Duy Ma Cật* nhà Tần dịch là Tịnh Danh, tức là một trong năm trăm vị đồng tử từ quốc độ Diệu Hỷ đến ngao du tại cõi này. Đã trọn vẹn chỗ hiển bày, sắp trở về đất nước mình nên muốn bày rõ cái đức thanh tịnh để nhuần nhã sanh linh. Lúc bày dấu cho hiểu, phải có nguyên do. Cho nên khiến bạn đồng chí đến nơi Phật, nhưng riêng mình chẳng đi. Một mình chẳng đi, ắt biết bệnh mình vậy. Lấy đâu mà biết? Năm trăm bạn đồng chí cùng nhau vâng theo Đại đạo, đến chỗ nung đức trau lành, động tịnh đều tròn; nay vì cái hội nơi Tịnh quốc, vì cái nghiệp lớn ấy mà chẳng cùng nhau cất bước, hiện bày ra có bệnh. Có bệnh cho nên có cái cơ hội viếng bệnh. Cái hội viếng bệnh do sự nhóm họp trong Tịnh quốc mà ra. Sự nhóm họp trong Tịnh quốc do ở phương tiện của ông Tịnh Danh mà có. Vậy kinh này từ đầu chí cuối đều do theo đó mà giảng giải.

Như xem xét về chỗ giảng nói thì chư Thánh công đức đồng đều. Về gốc gác mà truy ra thì công bởi ông Tịnh Danh. Vì nguyên do ấy cho nên gọi là “**Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết.**”

Sư Triệu nói: Chữ Kinh ấy nghĩa *thường* vậy. Xưa, nay tuy khác nhưng đạo giác chẳng đổi. Đám tà chẳng thể ngăn trở, chư Thánh chẳng thể khác, cho nên gọi là *thường* vậy.

Kinh: Một tên nữa là “Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát.”

Sư Triệu nói: Nhật nhiệm, tí mù, uẩn áo, sâu thẳm. Kẻ nhĩ thừa chẳng dò thấu, chẳng nghĩ bàn nôi, mặc sức tung hoành chẳng trở ngại, lụy trần chẳng câu thúc, giải thoát vậy. Kinh này bắt đầu từ Tịnh Độ, chấm dứt ở pháp cúng dường. Chỗ tỏ bày tuy khác nhưng chỉ có một lý “Bất khả tư nghị giải thoát.” Cho nên tóm dùng làm tên là vậy. Trước lấy ở người đặt tên kinh. Đây lấy pháp đặt tên kinh. Dùng pháp đặt tên kinh chẳng qua là chỗ nêu lên, chỉ bày cái yếu lý trở về. Do lấy người đặt tên kinh chẳng qua do bởi người rộng mở cái đạo ấy.

I. PHẨM PHẬT QUỐC

Tổ Thập nói: Đầu đuôi của kinh đều do nơi Tịnh quốc cho nên dùng Phật quốc bao trùm nơi đầu kinh vậy.

Kinh: Như thế

Sư Triệu nói: Như thị, lời tin thuận, phàm tin ắt chỗ nói đều thuận lý. Lý thuận tất người tu dùng nên đạo. Kinh không bó buộc, chẳng tin thì chẳng trao, cho nên lập lời nói như vậy.

Kinh: tôi nghe

Tổ Thập nói: Nếu chẳng nói: "nghe", ắt là ta tự có pháp. Ta tự có pháp thì lòng có chỗ chấp. Lòng còn chỗ chấp ắt cãi cộ rắc rối phải dấy lên. Nếu nói: "nghe", ắt ta không có pháp. Ta không có pháp thì không có chỗ chấp. Được, mất, phải, quấy vốn nơi chỗ nghe. Ta đã không chấp thì kẻ khác cũng không tranh giành. Chẳng chấp chẳng tranh thì cãi cộ do chỗ nào sanh ra. Do đó kinh này xưng "Tôi nghe như thế".

Kinh: Một thời,

Tổ Thập nói: Thời nói kinh vậy.

Kinh: Phật ở trong thành Tỳ Da Ly.

Tổ Thập nói: Chỗ Phật đang ở trong vậy. Chữ Tỳ nghĩa là lúa, đất là nơi hợp vậy. Da Ly là rộng lớn, trang nghiêm. Như vậy Tỳ Da Ly là chỗ đất rộng lớn, trang nghiêm.

Kinh: nơi vườn cây Am La,

Tổ Thập nói: Cây Am La. Trái giống trái đào, nhưng không phải cây đào.

Kinh: cùng tám ngàn vị Đại Tỳ kheo,

Sư Triệu nói: Tỳ kheo tiếng Tần gọi là thanh tịnh khát thực hoặc gọi là phá phiền não, hoặc là thanh tịnh trì giới. Hoặc gọi là hay làm ma khiếp sợ. Một danh từ Ấn Độ, đây nêu ra bốn nghĩa. Tần không có chữ tương đương nên dùng y âm vậy.

Kinh: ba ngàn hai trăm vị Bồ tát,

Sư Triệu nói: Phạm âm là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ đề là Phật đạo. Tát đỏa là chúng sanh có đại tâm. Có đại tâm vào Phật đạo nên gọi là Bồ Đề Tát Đỏa. Dịch tóm gọn nên vậy.

Kinh: các vị hiểu biết nói trên.

Sư Triệu nói: Bạc Đại sĩ hành xử dường như mặt trời, mặt trăng mọc cao trên trời. Bạc có mắt ai chẳng hiểu biết.

Kinh: Đại trí, bản hạnh trọn đều thành tựu.

Sư Triệu nói: Đại trí là Nhất Thiết Chứng Trí (trí suốt thông tất cả). Trí này lấy Lục độ Ba la mật, Lục thông, các sự tu hành làm gốc. Các vị Bồ tát đều đã sẵn đủ những điều này.

Kinh: Chỗ kiến lập của oai thần chư Phật,

Sư Triệu nói: Trời chan rưới tuy chẳng riêng tư nhưng không làm tươi được cây khô. Oai thần của chư Phật tuy khắp cùng

nhưng chẳng xây dựng được kẻ không căn.

Kinh: làm hộ pháp thành thọ giữ chánh pháp,

Tổ Thập nói: Pháp thành là cái thật tướng của pháp.

Sư Triệu nói: Ngoài là thành trì hộ pháp, trong thì lãnh giữ cho bền chặt.

Kinh: hay làm sư tử rống,

Sư Triệu nói: Sư tử rống là âm thanh vô úy. Đại phạm khi nói năng diễn giải không khiếp sợ đám tà học khác thì cũng ví như khi sư tử rống, các thú khác đều khiếp phục. Như vậy sư tử rống là thuyết pháp hùng hồn hay đẹp.

Kinh: danh vang khắp mười phương.

Sư Triệu nói: Đi hết thế gian không chỗ nào là chẳng khắp.

Kinh: Chẳng đợi thỉnh cầu, các Ngài như hạn tốt giúp đỡ mọi người yên vui.

Sư Triệu nói: Bạn thật chẳng đợi mời, ví như mẹ hiền với con trẻ vậy.

Kinh: Làm hưng thịnh Tam Bảo, tiếp nối chẳng dứt tuyệt,

Tổ Thập nói: Chẳng phải là bây giờ hiển minh Tam Bảo diễn giải kinh pháp đâu, mà là tích chứa công đức để tự mình thành Phật. Thành Phật mới có Pháp. Có pháp ắt có Tăng, chẳng dứt công việc trong kiếp tới. Lại còn ở trong chỗ đó mà đi dạy người. Ta đã dạy người, người lại dạy đời. Đời với ta đồng nên, Tam Bảo

thịnh khắp, chúng sanh không cùng nên Tam Bảo cũng chẳng dứt vậy.

Kinh: hàng phục tất cả ma oán, chế ngự được các ngoại đạo.

Tổ Thập nói: Ma là bốn ma. Được pháp vô sanh nhẫn thì phiền não vĩnh viễn dứt cho nên hàng phục được ma dục. Được pháp thân tức rốt ráo không thân nên hàng phục được cái thân ma. Không có thân thì không có chết nên hàng phục được con ma chết. Không có ba loại ma đó thì Ba Tuần chẳng có dịp quấy được, cho nên hàng phục được Thiên ma vậy. Còn hàng phục ngoại đạo thì cũng như ông Xá Lợi Phất bàn luận với nhóm ngoại đạo bảy ngày bảy đêm, rốt cuộc thắng một cách tự nhiên đây cũng y vậy.

Kinh: Rốt ráo thanh tịnh, trọn lìa năm món ngăn che, mười điều ràng buộc.

Sư Triệu nói: Che đây là năm món che ngăn (ngũ cái). Buộc đây là mười điều ràng buộc (thập triền). Ngoài ra cũng còn có vô vàn sự ràng buộc nữa. Thân khẩu ý ba nghiệp đều thanh tịnh thì sự che, buộc chẳng còn hệ lụy vậy.

Kinh: Tâm thường an trụ vô ngại giải thoát.

Sư Triệu nói: Đây là chỗ được vô ngại giải thoát của bậc Thập trụ. Được cái giải thoát này ắt suốt thấu các pháp không trở ngại. Cho nên nói tâm thường an trụ là vậy.

Kinh: Niệm, Định, Tổng trì, Biện tài chẳng dứt.

Sư Triệu nói: Niệm đây là chánh niệm; Định đây là chánh định; Tổng trì là nắm giữ, nắm giữ sự lành chẳng mất, nắm giữ sự ác chẳng sanh ra; không cho rơi rớt, quên mất, gọi là trì; như vậy trì có hai cách: tương ưng mà trì và không tương ưng mà trì. Biện tài là bảy thứ biện luận.

Bốn phép này là chỗ yếu dụng của bậc Đại sĩ cho nên thường chẳng dứt.

Kinh: Các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, sức phương tiện, không gì chẳng đầy đủ.

Tổ Thập nói: Trên nói đạo niệm chẳng dứt. Sau cùng làm cái hạnh Lục độ. Khi sáu pháp này vẹn đủ thì việc mình châu đáo. Việc mình trọn vẹn thì tới phương tiện giúp người. Muốn độ nhiều người chẳng gì bằng thần thông. Thần thông đã đủ bèn dạy dỗ chúng sanh. Thứ tự trước sau sẽ giảng nói trong phần Tịnh Quốc.

Kinh: Đạt đến vô sanh pháp nhẫn, vô sở đắc với tất cả các pháp,

Tổ Thập nói: Từ còn cái thức đến nay, chưa từng thấy pháp, nay mới được; có thể tin, có thể thọ. Nhẫn chẳng còn e sợ, yên vững chẳng chao động, cho nên gọi là nhẫn.

Kinh: đã có thể tùy thuận, mà chuyển pháp luân bất thối.

Sư Triệu nói: Đạo chẳng sanh, chẳng được, nên chẳng mất chẳng hư. Tuôn trào viên thông chẳng vướng mắc người nào như bánh xe vậy.

Chư Phật đã chuyển bánh xe pháp này. Các vị bồ tát cũng tùy thuận mà chuyển vậy.

Kinh: Khéo rõ pháp tướng, thấu rõ căn cơ của chúng sanh.

Sư Triệu nói: Các pháp đều khác tướng nhưng không tướng nào chẳng hiểu. Tướng chúng sanh tuy khác nhưng không có tướng nào chẳng rõ.

Kinh: Che trùm đại chúng, được vô sở úy.

Tổ Thập nói: Bồ tát tự có bốn pháp không sợ (tứ vô úy); chưa phải vô úy của Phật. Sợ lúc sanh ra ở nơi chẳng đầy đủ, không gì chẳng đầy đủ nên không sợ. Hay nói mà không hay làm chẳng qua cũng là sợ. Nay hay nói mà hay làm nên chẳng sợ.

Vì hay nói mà lại hay làm nên gọi là không sợ sệt chi cả.

Kinh: Các ngài dùng công đức trí huệ để trau sửa lòng mình, tướng tốt trang nghiêm, hình sắc đệ nhất.

Sư Triệu nói: Lòng dùng trí đức là nghiêm. Hình dùng tướng tốt là (trang) sức. Nghiêm tâm nên đạo tiến, sức hình nên siêu tục.

Kinh: Bỏ trang sức tốt đẹp của người đời.

Tổ Thập nói: Chẳng cần chi, chỉ một chuỗi hạt là đủ rồi.

Kinh: Danh tiếng cao xa hơn núi Tu Di.

Sư Triệu nói: Danh tiếng tự có cao thì chẳng xa. Hễ xa thì chẳng tự cao, như thế mới vang khắp mười phương. Như thế mới

quá hơn núi Tu Di. Cao ấy mới là cao vượt bậc vậy.

Kinh: Lòng tin bền chắc như ngọc kim cương.

Sư Triệu nói: Bạc Thất trụ trở lên, lòng tin vô sanh nên không thể hủy hoại được.

Kinh: Pháp bảo soi khắp như rưới cam lồ.

Sư Triệu nói: Ánh sáng của pháp bảo không đâu chẳng soi. Soi vào chỗ si mê, mờ ám. Rưới không đâu là chẳng yên mát, yên mát cả sanh tử. Ví như ở biển cả có ngọc thần hay rọi ánh sáng từ tâm tối. Cũng nhân ánh sáng mà rưới cam lồ nhuần thấm sự khô khan vậy.

Kinh: Nơi chúng sanh lời lẽ tiếng tăm vi diệu hơn hết.

Sư Triệu nói: Mỗi chủng loại có một tiếng nói, âm thanh riêng. Nhưng bậc Đại sĩ đều khéo dùng nên vượt hơn tất cả.

Kinh: Các Ngài rõ thấu duyên khởi; dứt hết tà kiến có không hai bên. Chẳng còn trở lại một tập khí thừa nào nữa.

Sư Triệu nói: Thâm nhập gọi là trí rõ thâm sâu vậy. Rõ hiểu pháp từ duyên mà khởi lên, tà kiến chẳng do đâu mà sanh được. Có không hai pháp làm nhiều kẻ si mê lầm lạc. Bạc Bồ tát dứt đã lâu nên không còn tập khí nào nữa vậy.

Kinh: Diễn nói các pháp chẳng hề sợ sệt như sư tử rống.

Tổ Thập nói: Trước nói chẳng lúc nào hãi sợ. Đây nói pháp chẳng sợ. Trước nói như sư tử rống, âm vang chấn khắp nơi, đó là

làm rõ oai đức của chỗ nói giảng thật pháp. Mọi người đều vâng theo như sư tử rống bày thú đều khiếp vía vậy.

Kinh: Những lời giảng nói như sấm sét.

Sư Triệu nói: Pháp âm như sấm sét, dẫn đường mở lối, đâm chồi như sấm xuân vang động đến trăm ngàn cây cỏ vậy.

Kinh: Không thể đong lường được và cũng vượt quá sự đong lường.

Sư Triệu nói: Đã được pháp thân, vào cảnh vô vi. Tâm chẳng thể dùng trí mà tìm cho được, hình chẳng thể lấy xương thịt mà đo lường, cho nên gọi là vô lượng. Bạc Lục trụ trở xuống còn có thể đo lường được.

Kinh: Nhóm góp rất nhiều pháp báu như thầy dẫn đường trên biển (hải đạo sư).

Sư Triệu nói: Dìu dắt chúng sanh vào biển Đại thừa, nhặt lấy pháp báu ắt không khó. Cũng giống như người dẫn đường cho những nhà buôn vượt biển đi lấy được ngọc Dạ Quang.

Kinh: Hiểu thấu nghĩa màu diệu của các pháp.

Sư Triệu nói: Đó là như thật nghĩa vậy.

Kinh: Biết rành chỗ đi đến trong sáu nẻo của chúng sanh và tâm hạnh của chúng sanh.

Sư Triệu nói: Sáu nẻo qua lại, lòng dạ tốt xấu, đều rõ biết vậy.

Kinh: Gần kề đáng Phật Tối Tôn là bậc Trí huệ tự tại,

Thập lục vô úy, Thập bát bất cộng.

Tổ Thập nói: Trí huệ của Phật chẳng ai bằng, đây tạm lập thứ bậc chớ thật tướng Pháp chẳng thể so sánh được, làm gì còn có Phật với thứ bậc. Bạc Bề tát chỉ gần thôi chớ chưa được, cho nên gọi là gần thôi vậy.

Kinh: Đã ngăn đóng tất cả nẻo dữ, nhưng hiện thân trong năm đường để hóa độ chúng sanh.

Sư Triệu nói: Pháp thân chẳng có sanh, nhưng không đâu chẳng sanh. Không có sanh cho nên đóng kín nẻo dữ. Không đâu chẳng sanh ra, cho nên hóa hiện cái thân trong năm đường vậy.

Kinh: Làm vị đại y vương khéo trị mọi bệnh của chúng sanh, cho thuốc hợp bệnh nên uống thuốc vào ai cũng khỏe.

Sư Triệu nói: Thuốc pháp khéo liệu nên gọi là Y vương.

Kinh: Thành tựu vô lượng công đức.

Sư Triệu nói: Không đức nào chẳng đầy đủ.

Kinh: Trang nghiêm thanh tịnh vô lượng cõi Phật.

Sư Triệu nói: Chúng sanh vô lượng. Sở thích chẳng giống nhau cho nên tu vô lượng Tịnh độ để ứng hợp với sở thích khác nhau của chúng sanh vậy.

Kinh: Kẻ nào được nghe danh thấy hình đều có lợi ích.

Sư Triệu nói: Pháp thân chẳng có hình vóc, tiếng tăm. Ứng ra vật nên mới có hình, thanh. Đã được thấy, nghe mà sao không có

lợi ích ư?

Kinh: Tất cả việc làm của các Ngài đều không phải vô ích.

Sư Triệu nói: Công làm chẳng vô ích vậy.

Kinh: Tất cả công đức như thế đều đã hoàn toàn đầy đủ. Danh hiệu các Ngài là: Đẳng Quán Bồ tát, Bất Đẳng Quán Bồ tát, Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ tát.

Tổ Thập nói: Đẳng Quán là Tứ vô lượng tâm của chúng sanh. Bất Đẳng là Trí huệ phân biệt các pháp. Đẳng Bất Đẳng Quán là có đủ hai thứ này vậy,

Kinh: Định Tự Tại Vương Bồ tát. Pháp Tự Tại Vương Bồ tát. Pháp Tướng Bồ tát. Quang Tướng Bồ tát. Quang Nghiêm Bồ tát. Đại Nghiêm Bồ tát. Bảo Tích Bồ tát. Biện Tích Bồ tát. Bảo Thủ Bồ tát. Bảo Ấn Bồ tát. Thường Cử Thủ Bồ tát. Thường Hạ Thủ Bồ tát. Thường Thâm Bồ tát. Hỷ Căn Bồ tát. Hỷ Vương Bồ tát. Biện Âm Bồ tát. Hư Không Tạng Bồ tát. Chấp Bảo Cự Bồ tát. Bảo Dũng Bồ tát. Bảo Kiến Bồ tát. Đê Vông Bồ tát. Minh Vông Bồ tát. Vô Duyên Quán Bồ tát. Huệ Tích Bồ tát. Bảo Thắng Bồ tát. Thiên Vương Bồ tát. Hoại Ma Bồ tát. Diễn Đức Bồ tát. Tự Tại Vương Bồ tát. Công Đức Tướng Nghiêm Bồ tát. Sư Tử Hống Bồ tát. Lôì Âm Bồ tát. Sơn Tướng Kịch Âm Bồ tát. Hương Tượng Bồ tát. Bạch Hương Tượng Bồ tát. Thường Tinh Tấn Bồ tát. Bất Hư Túc Bồ tát. Diệu Sanh Bồ tát. Hoa Nghiêm Bồ tát. Quán Thế Âm Bồ tát. Đắc Đại Thế Bồ tát. Phạm Vông Bồ tát. Bảo Trượng Bồ tát. Vô

Thắng Bồ tát. Nghiêm Đệ Bồ tát. Kim Kế Bồ tát. Châu Kế Bồ tát. Di Lạc Bồ tát. Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ tát, cả thảy ba mươi hai ngàn Ngài.

Lại có mười ngàn vị Phạm Thiên Vương Thi Khí từ Tứ Thiên Hạ khác đến chỗ Phật nghe pháp.

Sư Triệu nói: Thi Khí là tên của Phạm vương. Nhà Tần dịch là Đảnh Kế vậy.

Kinh: Lại cũng có mười hai ngàn vị Thiên Đế, cũng từ bao nhiêu cõi Tứ Thiên Hạ khác đến trong pháp hội.

Sư Triệu nói: Một Quốc độ của Phật có đến trăm ức Tứ Thiên Hạ. Trong một cõi Tứ Thiên Hạ có trời Đế Thích, trời Phạm Vương. Cho nên nói: Cõi khác. Hoặc từ Quốc độ Phật nơi phương khác đến.

Tổ Thập nói: Câu “Từ cõi Tứ Thiên Hạ khác đến” ấy là để nói rõ về Phạm Thiên. Phạm Thiên có hai loại, một là Địa Thiên (trời thuộc phần dưới đất, còn nương đất), hai là trời ở cõi Không. Đế Thích ở trên đỉnh núi Tu Di, đó là Địa Thiên, làm chúa cõi đất, trông coi cõi này. Còn Phạm Vương ở cõi Không Thiên trông coi hết thảy. Đế Thích còn phải luân hồi một lần nữa tức là quả Tư đà hàm nhất lai Phạm Vương thì không trở lại nữa (tức quả A na hàm, không luân hồi lại dục giới nữa) thường lại nghe pháp, chôn đờ hội thảy đều biết, nên trong kinh viết là “Chúng sở tri thức” để làm chứng vậy.

Lại nữa tất cả chúng sanh tôn trọng thờ phụng Phạm Thiên

(như đạo Bà la môn) cũng đi đến nữa, nên viết nhiều người khác cũng đến vậy.

Kinh: Các vị trời có oai lực lớn nữa.

Sư Triệu nói: Ngoài Trời Phạm, Thích còn thêm các bậc Đại Thiên nữa.

Kinh: Cùng Long,

Tổ Thập nói: Rồng có hai giống, một là rồng ở đất, hai là rồng ở trên không vậy.

Kinh: Thần,

Tổ Thập nói: Thần lãnh các quả báo lành dữ. Giống người, trời mà chẳng phải là người, trời vậy.

Kinh: Dạ Xoa,

Tổ Thập nói: Tiếng Tần dịch là quý nhân, cũng gọi là nhẹ nhàng mau mắn. Có ba thứ: một ở dưới đất, hai ở trên không, ba là ở trên trời. Dạ Xoa ở dưới đất dùng của bố thí nên không bay lên được. Dạ Xoa ở hư không nhận xe ngựa bố thí nên bay đi được. Khi Phật nói pháp, Dạ Xoa ở dưới đất rao lớn, Dạ Xoa trên không nghe. Dạ Xoa trên không rao lại, bốn Vua Trời nghe, y vậy cho đến cõi Phạm Thiên.

Kinh: Càn Thát Bà (thần tấu nhạc),

Tổ Thập nói: Thần tấu nhạc trời vậy, ở trong các núi tích tụ bảy báu. Khi trên trời muốn chơi nhạc, thì hình thể của thần này có

tướng hiện ra trước, sau đó mới tấu nhạc lên trời vậy.

Kinh: A Tu La (thần chiến đấu),

Tổ Thập nói: Tiếng Tần gọi là chẳng uống rượu. Kinh Tạng Bửu Tạng nói: Do cái nhân duyên không uống rượu mà thành. Đây thuộc Lục đạo, đàn ông xấu, đàn bà đoan chánh. Có sức mạnh oai dũng, thường đánh nhau với trời.

Kinh: Ca Hầu La (thần chim cánh vàng),

Tổ Thập nói: Đó là thần Kim Xí Điều.

Kinh: Khẩn Na La (thần ca múa),

Tổ Thập nói: Tiếng Tần gọi là người mà chẳng phải người. Tựa người nhưng đầu có sừng. Người thấy nên gọi như vậy. Cũng là thần ca múa của trời nhưng nhỏ không bằng Càn Thát Bà.

Kinh: Ma Hầu La Đà (thần mãng xà) đều đến trong pháp hội.

Sư Triệu nói: Ma Hầu La Đà là Thần Mãng Xà. Tám bộ trên đây đều có oai linh rất mạnh mẽ. Hay tự hóa hình nơi tòa nghe pháp vậy.

Kinh: Lại có các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni,

Sư Triệu nói: Ni là tiếng gọi người nữ. Tám ngàn vị Tỳ kheo trên đây. Riêng gọi là người đặc đạo vậy.

Kinh: Ưu bà tắc,

Sư Triệu nói: Nghĩa là gọi nam cư sĩ.

Kinh: Ưu bà di.

Sư Triệu nói: Nghĩa là gọi nữ cư sĩ.

Kinh: Khi ấy đức Phật nói pháp cho vô lượng trăm nghìn đại chúng đang cung kính vây chung quanh Ngài. Ví như núi chúa Tu Di hiển bày nơi biển cả. Ngài ngồi yên trên tòa sư tử làm bằng các thứ báu, oai đức che trùm đại chúng.

Sư Triệu nói: Núi Tu Di chỗ ở của vua trời Đế Thích, là núi Kim Cương (tên riêng của núi Tu Di). Đồi Tàn dịch là Diệu Cao, ở chính giữa biển cả, từ mặt nước kể lên là ba trăm ba mươi sáu muôn dặm. Đức Như Lai ở trong Bốn Bộ đại chúng, hình dạng oai nghiêm tốt vời, ánh sáng bao trùm đại chúng, dường như núi Kim Cương hiển bày như nơi biển cả vậy.

Kinh: Thuở ấy trong thành Tỳ Da Ly có người con nhà trưởng giả tên là Bảo Tích cùng với năm trăm người con các nhà trưởng giả khác đồng cầm lọng thất bảo đi đến chỗ Phật, cúi lạy dưới chân. Mỗi vị đem lọng báu của mình cùng cúng dường Phật.

Sư Triệu nói: Ông Bảo Tích cũng là pháp thân Đại Bồ tát, luôn cùng ông Tịnh Danh trợ giúp đức Như Lai mở mang Đại đạo.

Nay lại một mình đi lại chỗ Phật. Cái duyên do của sự viếng bệnh đã khởi sanh, mở cái cửa huyền diệu của bộ kinh này vậy. Ở xứ Thiên Trúc quý thắng hơn hết là dùng lọng thất bảo cúng dường Phật. Hành pháp mỗi nơi một khác.

Kinh: Do oai đức của Phật các lọng báu ấy hợp thành một lọng trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới mà tướng rộng dài của các thế giới ấy đều hiện trong đó.

Sư Triệu nói: Lọng chẳng rộng mà bao trùm tám phương. Quốc độ chẳng hẹp mà hiện bày trong lọng.

Tổ Thập nói: Hiện ra sự thần biến này, có hai điều yếu lý: Một là hiện bày chỗ biến hóa nhiệm màu không lường để tỏ rõ cái trí huệ sâu xa. Hai là ông Bảo Tích dâng lên báu vật đó ắt sẽ được cái quả quý trọng, cái chỗ thành đạo đời sau vậy. Theo nghĩa màu nhiệm này thì cái nhân tuy nhỏ nhưng cái quả thật to lớn vậy.

Kinh: Lại nữa, các núi Tu Di, Tuyết Sơn, Mộc Chân Lâm Đà, Ma Ha Mộc Chân Lâm Đà, Hương Sơn, Bảo Sơn, Kim Sơn, Hắc Sơn, Thiết Vi, Đại Thiết Vi; biển lớn, sông to, sông nhỏ, rạch ngòi, suối nguồn nơi cõi tam thiên đại thiên thế giới.

Tổ Thập nói: Núi Tu Di nhà Tần gọi là núi Diệu Cao. Nói về Thập Bảo Sơn thì núi Tu Di ở giữa, chín núi kia vây quanh. Bản khác nói rằng: Bày tỏ cái màu biển cả núi vàng kia là do nước biển trong sạch phát ra cái tướng chói sáng. Cái duyên tướng hiển phát ra ánh sáng vàng đều cũng như vậy.

Kinh: Cho đến mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, thiên cung, long cung, cung của các vị Tôn Thần đều hiện ra trong cái lọng báu này.

Sư Triệu nói: Đó là thế giới của Phật vậy.

Kinh: Lại còn mười phương chư Phật, chư Phật đang thuyết pháp cũng hiện trong cái lọng báu ấy.

Sư Triệu nói: sắp hiện ra quốc độ của chư Phật chỗ đẹp đẽ chẳng giống nhau, cho nên hiện mười phương vậy. Các vị trưởng giả tử đều phát đạo tâm đã lâu, nhưng chưa tu Tịnh Độ, nên muốn lại cúng dường, phát chí mở bày Tịnh Độ, cho nên Phật nhân đó mà bày hiện trong lọng.

Kinh: Khi ấy, tất cả đại chúng thấy thần lực của Phật đều khen ngợi việc chưa từng có như vậy, chấp tay làm lễ, chiêm ngưỡng tôn nhan Phật không hề chớp mắt.

Tổ Thập nói: Tin, vui ở trong, tướng hiện ra ngoài vậy.

Kinh: Trưởng giả tử Bảo Tích liền ở trước Phật nói bài kệ khen ngợi rằng.

Tổ Thập nói: Trước dùng sức mình cúng dường. Bây giờ lấy tâm miệng cúng dường. Trên là lấy tiền của cúng dường. Nay dùng pháp cúng dường. Lại nữa đại chúng tuy thấy biến hiện, nhưng chưa biết cái nguyên do của sự biến hiện. Muốn cho hiểu rõ cái Tông yếu ngay đây, tin và vui lại càng thêm thúy nên dùng kệ khen ngợi vậy.

Kinh: Mắt trong, dài rộng như sen xanh.

Sư Triệu nói: Thân thể thì mắt quan trọng hơn hết, nên về tướng mạo trước ngợi khen mắt là vậy. Ở Thiên Trúc có loài sen xanh, cánh nó dài mà rộng; xanh trắng rõ rệt, giống như mắt của

Phật nên dùng đó để so sánh vậy.

Kinh: Tâm tịnh, siêu tột các thiên định.

Sư Triệu nói: về hình dạng thì mắt quan trọng hơn hết. Chủ tể của đức ấy là tâm. Cho nên nêu lên ngay đầu bài tụng biển thiên định sâu thẳm, không bờ bến. Nếu không phải cái chân tâm thanh tịnh của Như Lai thì chẳng thể nào siêu tột được.

Kinh: Hằng chứa tịnh nghiệp nói không cùng.

Sư Triệu nói: Do vô số kiếp chứa ba tịnh nghiệp nên gọi là nói không cùng vậy.

Kinh: Dùng tịch độ chúng nên cúi lạy.

Sư Triệu nói: Chử tịch là vô vi tịch diệt vậy.

Kinh: Đã thấy Đại Thánh dùng thần biến.

Khắp hiện mười phương vô lượng cõi.

Trong đó chư Phật diễn nói pháp.

Ngay đây tất cả đều nghe thấy.

Sư Triệu nói: Đã thấy thần biến ở chỗ hợp lọng, chẳng thể đo lường nổi rồi. Huống chi trong lọng lại hiện bày quốc độ của chư Phật khắp mười phương, cùng các vị Phật đang nói pháp nơi cõi Ta-Bà, tất cả chúng hội đều nghe thấy. Đó là sự ít có vậy.

Kinh: Pháp vương, pháp lực vượt quần sanh.

Thường dùng kho pháp thí tất cả.

Sư Triệu nói: Vua phạm thì dùng sức phạm để giúp dân, do đó nên chỉ chan rưới trong một nước. Bậc vua pháp dùng sức pháp mà độ chúng nên đạo cứu độ không bờ cõi.

Kinh: Hay khéo phân biệt các pháp tướng.

Sư Triệu nói: Các pháp tướng khác nhau hay khéo phân biệt rõ rệt. Từ đây xuống đến câu "Các nghiệp lành dữ cũng chẳng mất" là ca ngợi sự bố thí pháp.

Kinh: Trong đệ nhất nghĩa mà chẳng động.

Sư Triệu nói: Đệ nhất nghĩa là nhất tướng của pháp. Tuy vẫn phân riêng rành rẽ cái tướng khác nhau của các pháp nhưng chẳng trái với Nhất tướng. Cái khéo léo của Pháp Vương đây là cái đạo chẳng thay đổi. Động là trái vậy.

Kinh: Đã được tự tại cùng các pháp.

Cho nên đánh lễ Pháp Vương này.

Sư Triệu nói: Vua phạm tục tự tại với nhân dân. Vua pháp tự tại với pháp. Pháp không có định tướng, tùy nơi mà biện biệt. Vì chỗ khác nên biện biệt khác nhau nhưng chẳng nghịch lại chỗ giống nhau. Vì chỗ giống nhau nên biện biệt giống nhau nhưng chẳng nghịch lại chỗ khác. Giống, khác, biện biệt riêng khác nhưng đều thích hợp với pháp tướng cho nên được tự tại.

Kinh: Thuyết pháp chẳng Có cũng chẳng Không.

Sư Triệu nói: Muốn nói là có thì có chẳng tự sanh. Muốn nói là không thì hội duyên mới nên hình, hợp thành hình tượng chẳng

thể gọi là không. Như vậy chẳng phải không thì cũng chẳng phải gọi là có. Và lại có cái có nên mới có cái không. Không có cái có thì sao có cái không? Có cái không nên mới có cái có. Chẳng có cái không thì sao có cái có. Cho nên tự có thì chẳng phải có. Tự không thì chẳng phải không. Đó là cái chánh thuyết của Pháp Vương vậy.

Kinh: Vì do nhân duyên các pháp sanh.

Sư Triệu nói: Có cũng chẳng vì duyên, không cũng chẳng do duyên. Vì pháp chẳng phải có không, cho nên do nhân duyên mà pháp sanh ra. Trong Luận nói: Pháp theo duyên nên chẳng có, duyên khởi lên nên chẳng không.

Kinh: Không ngã, không tạo, không thọ giả.

Sư Triệu nói: Các pháp đều từ duyên sanh ra. Không thật có chủ thể riêng. Cho nên không có ngã, nếu có ngã sẽ tạo nên thiện ác họa phước. Pháp đã chẳng có ngã cho nên chẳng tạo, chẳng có kẻ thọ giả.

Kinh: Các nghiệp lành dữ cũng chẳng mất.

Sư Triệu nói: Nếu không tạo tất không lãnh chịu, ứng với làm lành thì được phước, làm dữ thì bị tai họa. Tâm thức của chúng sanh tiếp nối nên xấu tốt do đó dấy lên, đường báo ứng nhân quả xoay vần qua lại. Cũng như tiếng hòa thì âm thuận, hình ngay thì bóng thẳng. Đây là lý tự nhiên, không sai phân ly. Sao còn mượn cái ngã giả tạo làm chủ vậy?

Kinh: Trước tiên hàng ma nơi Phật thụ.

Sư Triệu nói: Cái sức mạnh chế trị của đạo quân ma sao cự nôi. Từ đây về sau cho đến chỗ "lễ Pháp hải" là ca ngợi chỗ công đức ban đầu của Như Lai vậy.

Kinh: Được cam lồ diệt, đạo giác thành.

Tổ Thập nói: Trong bản tiếng Phạn nói tịch diệt cam lồ. Tịch diệt cam lồ tức là Thật tướng pháp.

Sư Triệu nói: Cái đạo của đức Đại Giác lặng dứt không hình tướng, mùi vị cực kỳ thấm nhuần, dường như cam lồ. Nơi cây bồ đề trước hàng phục ngoại ma, sau mới thành cái đạo đại giác cam lồ tịch diệt.

Từ đó chỗ nội ma kết tập cũng đời đời dứt tận.

Kinh: Đã không tâm, ý, không thọ, hành.

Sư Triệu nói: Tâm là sao? Nhiễm cho nên sanh. Thọ là gì? Khổ vui là hành. Bạc chí nhân hiểu sâu xa cái chân thể tịch diệt, làm rộng không sự ôm bắm, tuy lại rọi soi muôn pháp nhưng tâm chưa từng khổ, vui; tuy trải qua nhưng lòng chẳng thọ nhận. Ta, vật đời đời lặng lẽ, đâu phải cái tâm thọ nhận mà được đâu. Thọ nhận có ba thứ: thọ khổ, thọ vui, thọ cái chẳng khổ chẳng vui.

Kinh: Mà dẹp tan hết các ngoại đạo.

Sư Triệu nói: Vô tâm mà hàng phục vật, thế nên chẳng vật nào chẳng phục.

Kinh: Ba lần chuyển pháp côi Đại Thiên.

Sư Triệu nói: Bắt đầu nơi vườn Lộc Uyển vì nhóm Câu Lô. Ba lần chuyển xe pháp Tứ Đế trong cõi Đại Thiên Thế Giới.

Kinh: Pháp ấy xưa nay hằng thanh tịnh.

Sư Triệu nói: Pháp luân thường tịnh, như hư không. Tuy xưa nay không giống nhau vì thời gian thay đổi, phong tục biến dịch. Nhưng Phật Phật vẫn trao nhau, đạo chẳng sai khác, thay đổi vậy.

Kinh: Trời người đấng đạo làm chứng có.

Sư Triệu nói: Ban đầu chuyển pháp luân nhóm Câu Lô năm người, tám chục ngàn chư Thiên đấng đạo. Đây là bằng cứ tỏ rõ chỗ hằng thanh tịnh vậy.

Kinh: Tam Bảo từ đây hiện thế gian.

Sư Triệu nói: Đạo giác đã thành: Phật Bảo vậy. Pháp luân đã chuyển: Pháp Bảo vậy, Năm người đi tu thành đạo: Tăng Bảo vậy. Từ đây để nói lúc ban đầu này.

Kinh: Dùng diệu pháp này độ chúng sanh.

Thọ rồi chẳng sụt, thường Tịch Nhiên.

Sư Triệu nói: Chín mươi sáu ngoại đạo. Bạc cao lia được sự phiền não, sanh về cõi vô sắc thiên. Nhưng vì không phải là chánh đạo nên còn sa vào ba nẻo. Phật dùng Tứ Diệu Đế tế độ chúng sanh cả ba thừa. Chẳng ai lãnh chịu rồi mà còn sa vào đường sanh tử, cho nên nói một phen thọ rồi chẳng lui sụt là vậy. Đời đời rất ráo vô vi nên thường vắng lặng là vậy.

Kinh: Đại Y Vương độ lão, bệnh, tử.

Sư Triệu nói: Sanh, lão, bệnh, tử mà điều lo sợ hơn cả. Cứu độ bằng pháp dược, cho nên là đáng Đại Y Vương vậy.

Kinh: Nay lễ Pháp hải đức vô biên.

Sư Triệu nói: Pháp luân sâu rộng chẳng thể đo lường. Biên pháp nhuần khắp chốn, cho nên đức cũng không cùng vậy.

Kinh: Chê khen chẳng động như Tu Di.

Sư Triệu nói: Được, mất; vinh, nhục; khen, chê, vui, khổ hại. Tám pháp như gió thổi chẳng rung động đức Như Lai. Dường như bốn phía gió thổi vào núi Tu Di.

Kinh: Lòng từ bình đẳng khắp lành dữ.

Sư Triệu nói: Hạ tay xuống chẳng buồn, nâng tay chẳng mừng. Lòng từ trùm khắp chẳng hai.

Kinh: Tâm hạnh bình đẳng như hư không.

Sư Triệu nói: Có tâm ắt có giới hạn, có giới hạn tất chẳng trải khắp được. Vì thánh tâm vô tâm cho nên bình đẳng như hư không vậy.

Kinh: Nghe đáng Nhân Bảo ai chẳng kính.

Sư Triệu nói: Tại trời là vị Thiên Bảo. Tại người là vị Nhân Bảo. Báu đây là báu của Thiên Nhân. Trời với người cũng chẳng khác. Nên tất cả đều kính vâng đáng Thế Tôn vậy.

Kinh: Nay dâng Thế Tôn lọng nhỏ này.

Ở trong bày lộ cõi Tam Thiên.

Cung điện các vị, Trời, Rồng, Thần.

Càn Thát Bà cho đến Dạ Xoa.

Mọi vật thế gian đều thấy rõ.

Phật từ bi hiện biến hóa này.

Tổ Thập nói: Tự chỗ vui dâng hiến nhỏ mọn mà được chỗ thấy hóa ra lớn lao.

Sư Triệu nói: Chỗ dâng cúng rất nhỏ bé, chỗ thấy rất rộng rãi. Đây là lòng thương tưởng của đức Như Lai nên biến hóa ra vậy.

Thập Lực là xưng tán cái danh hiệu riêng khác của các vị Như-Lai, có đủ mười lực. Cho nên dùng làm tên. Ngoài danh hiệu Thập Lực này cũng còn các danh hiệu tôn xưng khác nữa.

Kinh: Thấy việc ít có, chúng khen ngợi.

Nay con lạy đấng Tam Giới Tôn.

Sư Triệu nói: Thấy các điềm lành ở trong lòng.

Kinh: Đại Thánh Pháp Vương chỗ chúng nương.

Tịnh tâm thấy Phật ai chẳng vui.

Đều thấy Thế Tôn ở trước mặt.

Sư Triệu nói: Pháp thân ứng hiện tròn vẹn khắp. Dường như trăng giữa trời, ảnh hiện trong đáy nước.

Kinh: Đó là thần lực pháp bất cộng.

Sư Triệu nói: Chẳng cùng pháp bất cộng của kẻ nhị thừa.

Kinh: Phật dùng một âm diễn nói pháp.

Chúng sanh tùy loại thấy được hiểu.

Đều cho Thế Tôn giống tiếng mình.

Đó là thần lực pháp bất cộng.

Sư Triệu nói: Một âm màu nhiệm mỗi loài một hiểu khác nhau.

Kinh: Phật dùng một âm diễn nói pháp.

Chúng sanh mỗi mỗi tùy chỗ hiểu.

Khắp được thọ, hành mà ích lợi.

Đó là thần lực pháp bất cộng.

Sư Triệu nói: Phật dùng một âm nói một pháp; chúng sanh mỗi mỗi tùy chỗ ưa thích mà nhận hiểu, ưa bố thí thì nghe việc bố thí, ưa giới luật thì nghe giới luật, mỗi người nhận mỗi khác, hành mỗi khác, mà thâm hoạch cái ích lợi mỗi khác đó. Ở trên là một âm mỗi mỗi thích hợp, đây là một pháp mà mỗi mỗi thọ nhận khác nhau.

Kinh: Phật dùng một âm diễn nói pháp.

Có người kinh sợ có người vui.

Có kẻ dứt nghi hoặc nhằm chán.

Đó là thần lực pháp bất cộng.

Sư Triệu nói: Chúng sanh nghe khổ báo thì lo sợ. Nghe diệu quả thì vui mừng. Nghe sự chẳng sạch thì nhàm chán. Nghe pháp tướng thì dứt nghi nan. Chẳng biết một âm nào diễn nói mà sao vui sợ cùng nhau phát sanh. Đây đâu phải chỗ kẻ nhị thừa cùng chung được.

Kinh: Lễ dâng Phật lực đại tinh tấn.

Sư Triệu nói: Sau đây mỗi mỗi ca ngợi Phật lực để lòng cung kính.

Kinh: Lễ dâng đã được không chỗ sợ.

Sư Triệu nói: Tứ vô úy vậy.

Kinh: Lễ dâng trụ nơi pháp bất cộng.

Sư Triệu nói: Mười tám pháp bất cộng vậy.

Kinh: Lễ dâng đạo sư của muôn loài.

Lễ dâng dứt lia mọi trói buộc.

Lễ dâng đã qua bờ bên kia.

Sư Triệu nói: Bờ kia là bờ Niết bàn vậy. Niết bàn kia đâu có bờ bên chi. Do cho là đây khác với kia mà tạm mượn gọi vậy thôi.

Kinh: Lễ dâng cứu vớt mọi thế gian.

Lễ dâng trọn lia đường sanh tử.

Biết hết chúng sanh tướng đến đi.

Sư Triệu nói: Hình trạng chúng sanh đi đến trong sáu nẻo. Tâm giống ruồi chồn thị phi. Biết rõ hết vậy.

Kinh: Khéo nơi các pháp được giải thoát.

Sư Triệu nói: Ta đeo đuổi các pháp nên các pháp ràng buộc ta, lòng ta không đắm mê ắt muôn vàn trời buộc liền mở.

Kinh: Chẳng nhiễm thế gian như hoa sen.

Thường khéo vào nơi hạnh không tịch.

Sư Triệu nói: Ra vào tự tại, mà chẳng trái với tịch diệt. Cho nên "thường khéo vào" vậy.

Kinh: Thấu các pháp tướng không ngăn ngại.

Sư Triệu nói: Muôn pháp huyền ảo u thâm, ai rõ các bến bờ, chỉ có Phật vô ngại nên xưng là "thấu".

Kinh: Lễ đấng Như Không không chỗ nương.

Sư Triệu nói: Lòng của bậc Thánh chẳng nương gởi vào đâu, dường chồn trống không không nương dựa.

Kinh: Lúc ấy, trưởng giả tử Bảo Tích nói kệ tán thán xong, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, năm trăm vị trưởng giả tử này đều đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi; nguyện nghe chỗ đắc cõi Phật thanh tịnh.

Sư Triệu nói: A nậu đa la, Tần dịch là Vô thượng. Tam miệu Tam Bồ đề, Tần dịch là Chánh biến tri (khắp biết chân chánh). Đạo

chẳng có gì cao hơn là Vô thượng. Phàm đạo chân chánh thì chẳng pháp nào không biết đó là Chánh Biến Tri. Các trưởng giả tử đã phát tâm vô thượng lâu rồi, nhưng chưa tu pháp Tịnh Độ. Chỗ ông Bảo Tích cùng bằng hữu đi đến, Đức Như Lai biến hiện trong lọng đều là khêu mở manh mối vậy. Trong lọng đã thấy cõi thanh tịnh của chư Phật. Chỗ tốt đẹp khác nhau, lòng dạ gom về sự tôn kính, cho nên cầu nghe chỗ Phật được cõi thanh tịnh cùng sự tốt đẹp riêng khác vậy.

Kinh: “Cầu xin Thế Tôn dạy cho cái hạnh của các Bồ tát tu pháp Tịnh Độ.”

Sư Triệu nói: Quốc độ sở dĩ thanh tịnh chẳng phải do trang điểm, chung diện mà được; thanh tịnh ấy là do ở cái hạnh. Cho nên thỉnh nói cái hạnh tu vậy. Hạnh tu ắt thuộc chỗ học tập, cho nên hỏi đây là hỏi về Bồ tát hạnh. Đó là cái vi diệu của Như Lai biến hiện ra trong lọng. Nhóm Bảo Tích vốn vì ý đó mà cùng nhau đi đến vậy.

Kinh: Phật nói: “Lành thay Bảo Tích! Ông đã vì chư Bồ-tát mà hỏi Như Lai hạnh tu Tịnh Độ. Hãy nghe cho kỹ, khéo suy nghĩ nhớ lấy, ta sẽ vì các ông mà giảng nói.” Lúc ấy, ông Bảo Tích cùng năm trăm vị trưởng giả tử vâng lời Phật dạy lắng nghe. Phật nói: “Này Bảo Tích! Tất cả chúng sanh là cõi Phật của Bồ tát.

Sư Triệu nói: Bạc Chí nhân rộng lặng không hình tượng, ứng vật cho nên ra trạng tượng; hình tượng vô thường, hướng chi quốc độ mà còn hoài sao? Nhưng chúng sanh muôn mối, hành nghiệp

chẳng đồng. Vì cái biến hóa khác lạ đó cho nên báo ứng cũng chẳng cùng một cách.

Bởi lẽ ấy nên thanh tịnh ứng hợp với ngọc báu. Như uế ứng hợp với đá sỏi. Tốt xấu từ đó sanh ra. Nơi ta vô định, cái cõi vô định ấy mới là quốc độ chân thật. Như vậy sự như sạch của quốc độ là do chúng sanh. Cho nên nói tất cả chúng sanh là cõi Phật của Bồ tát hoặc quốc độ như sạch là do chúng sanh vậy.

Như thế quốc độ báo ứng của chúng sanh chẳng phải là cõi của Như Lai. Trong lòng cũng chưa hiện rõ chỗ báo ứng khác nhau của mười phương ấy, nên thử bàn luận về chỗ này.

Chỗ tu Tịnh Độ của Như Lai lấy không phương hướng nơi chốn làm thể, nhưng vì chúng sanh hành nghiệp tạp loạn nên tuy chỗ xem giống nhau mà chỗ thấy khác nhau. Vì chỗ thấy khác nhau đó nên mới sanh ra như sạch.

Không có phương hướng nơi chốn nên có cái quốc độ thuần chân. Còn như sạch là cái báo ứng của chúng sanh. Như vậy không phương chỗ vốn là cái quốc độ thuần chân của chư Phật. Đây đâu phải có nước riêng cõi khác gì mà phàm thánh có hai xứ, phải như vậy mới biện được lẽ sạch như.

Kinh: “Vì sao như vậy? Bồ tát tùy theo chỗ giáo hóa chúng sanh mà giữ lấy cõi Phật.

Sư Triệu nói: Ở dưới giải thích về chỗ tại sao chúng sanh tức là cõi Phật. Như vậy cõi Phật là ảnh hưởng của chúng sanh. Đại phàm thân cao thì bóng dài, hình ngắn tất bóng vẫn, đâu phải mặt

trời mặt trăng khiến vậy ư? Hình vóc y tự nhiên vậy. Cho nên tùy theo chỗ hóa độ chúng sanh nhiều ít mà cõi Phật rộng hẹp. Như vậy cõi Phật hoặc dùng Tứ Thiên Hạ, hoặc dùng cõi Tam Thiên, hoặc cõi Hằng Sa, là đồng một cõi vậy.

Kinh: “Tùy chỗ điều phục chúng sanh mà giữ lấy cõi Phật.

Tổ Thập nói: Bỏn cũ tiếng Phạn nói là Tỳ ni. Tỳ ni là khéo chữa, khéo điều phục. Khéo điều phục chúng sanh khiến bỏ dữ làm lành. Tùy chỗ bỏ dữ nhiều ít, chỗ làm thiện cạn sâu mà thành cõi ấy. Như vậy chỗ điều phục thì ý chỉ giống nhau nhưng ngôn ngữ phức tạp cho nên mới giữ theo bản gốc.

Kinh: “Tùy các chúng sanh ứng theo quốc độ nào thấu ngộ trí huệ Phật mà giữ lấy cõi Phật.

Tổ Thập nói: Lúc tạo nên Tịnh Quốc phải quán ngược lại cái tâm trong kiếp tới của chúng sanh nơi trong đời sau ứng hiện ở cõi nào mà được giải thoát. Như vậy trước phải rõ cái yếu mạnh của cõi đó qua đời tới. Sau mới cùng chúng sanh chung trợ ba nguyên nhân để lập nên quốc độ, khiến cho ai kia đến sanh vào mà gọi là tiếp, tiếp là cái kỳ hẹn đó vậy. Đây nói về Phật huệ, kế sau là Bồ tát căn, bày tỏ rõ chỗ tương lai nhận giáo hóa nông sâu vậy.

Kinh: “Tùy các chúng sanh ứng hợp với quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ tát mà giữ lấy cõi Phật.

Sư Triệu nói: Trước là thấu vào Phật huệ. Phật huệ là chỗ được pháp vô sanh huệ của bậc Thất địa. Bây giờ là Bồ tát căn, là

Bồ đề tâm của hàng Lục địa trở xuống vậy.

Kinh: “Vì sao như thế? Bồ tát giữ lấy chỗ quốc độ thanh tịnh đều là vì lợi ích cho chúng sanh vậy.

Sư Triệu nói: Cái pháp thân vô định thì làm gì có đất nước nào? Tốt xấu đều là chuyện ở ngoài, sao lại thanh tịnh, sao lại cầm giữ? Sở dĩ giữ cái đất nước thanh tịnh ấy đều vì ai kia vậy. Cho nên tùy cái chỗ mà ứng hợp.

Kinh: “Ví như có người muốn xây cát lâu đài nơi chỗ đất trống thời tùy ý mà tạo lập không bị ngăn ngại. Nhưng nếu xây dựng giữa hư không thì không bao giờ thành. Bồ tát cũng như vậy vì sự thành tựu chúng sanh nên nguyện giữ lấy cõi Phật. Nguyện giữ lấy cõi Phật ấy chẳng phải ở nơi hư không vậy.

Tổ Thập nói: Trong bản chữ Phạn nói: Trong chỗ trống trải dựng cát lâu đài không trở ngại. Trên không chẳng thể dùng xây lâu đài nhà cửa được. Như vậy Bồ tát chẳng thể lìa chúng sanh mà đắc Tịnh Quốc vậy. Lại nói trong chỗ trống trải làm được lâu đài nhà cửa, chẳng thể dùng trên không được; nhưng cần thiết phải dùng cây, ván sau mới thành được. Cho nên Bồ tát tuy đã hiểu lý không nhưng chẳng thể dùng cái không mà được việc. Cốt yếu là phải dùng ba cái nguyên nhân mới nên đất nước được. Căn cơ mỗi khác nên văn tự nơi kinh chẳng đồng nhau vậy.

Sư Triệu nói: Tịnh Độ do ở chúng sanh, ví như xây cát cung điện thì cái nhân nền tảng là đất, không có đất, không có chúng

sanh, thì lâu các, đất nước cũng chẳng lấy đâu mà tạo nên. Bậc nhị thừa bám níu ở chỗ hư vô nên chẳng có chúng sanh, do đó cũng chẳng có Tịnh Độ vậy.

Kinh: “Bảo Tích! Ông phải biết trực tâm là Tịnh Độ của Bồ tát.

Sư Triệu nói: Đất nước mà thanh tịnh ấy là nhờ ở chúng sanh, chúng sanh được thanh tịnh là do ở các hạnh. Trước đem chúng sanh ra để giải rõ đất nước thanh tịnh. Bây giờ nói về đầy đủ các hạnh thì mới là hoàn toàn hiển rõ cái chỗ thanh tịnh vậy.

Đại phạm các hạnh thanh tịnh thì chúng sanh thanh tịnh. Chúng sanh thanh tịnh tất cõi Phật thanh tịnh. Điều ấy tất nhiên chẳng sai lệch vậy.

Đất nước chẳng ứ đọng như bản chính do nơi trực tâm mà ra. Cho nên trực tâm là Tịnh Độ của Bồ tát.

Tùy theo nhân mà nói quả. Trực tâm ấy là chân thật, ngay thẳng, không xảo trá, quỷ quyệt. Cái tâm này chính là cội gốc của muôn hạnh, cho nên lập ở ngay đầu chương.

Kinh: “Khi Bồ tát thành Phật, chúng sanh chẳng xảo trá sanh qua đó.

Sư Triệu nói: Trực tâm chẳng xảo quyệt; một hạnh mà khác tên. Bồ tát lòng đã ngay thẳng, dạy kẻ khác đồng như mình; cõi mình đã thành cho nên cùng tụ tập tại đây. Chỗ này chỉ rõ sự hóa duyên cho nhau nên cái quả báo cũng tương thông, nêu bày rõ cái

nghĩa của cõi Phật vậy. Từ đây về sau hai câu đối nhau, hoặc trước sau khác tên, hoặc trước lược sơ sau bàn rộng, hoặc trước nhân sau quả, một loại nhân làm ra đó mà thôi.

Đại phạm thiện hạnh có hai thứ: Một là làm thiện, hai là được quả báo thiện. Từ đây về sau chỗ tu tập ấy của các chúng sanh được quả báo thiện vậy.

Kinh: “Thâm tâm là Tịnh Độ của Bồ tát.

Sư Triệu nói: Gốc tâm nhiều đức báu sâu bền chắc khó nhổ lên gọi là thâm tâm vậy.

Kinh: “Khi Bồ tát thành Phật chúng sanh đầy đủ công đức sanh qua đó.

Sư Triệu nói: Chở tám vạn hạnh tu, gồm hết thiên hạ chẳng sót một người là tâm kẻ Đại thừa vậy. Nói ba tâm là theo thứ lớp tu hành của bậc mới học. Đại phạm muốn hoằng dương đại đạo trước phải chân thật ngay thẳng cái tâm. Tâm đã chân thật ngay thẳng thì nhập hạnh mới sâu vững được. Nhập hạnh có sâu vững thì vạn dụng mới không bờ bến được. Đó là thứ lớp của ba tâm. Đủ ba tâm này rồi sau mới tu Lục độ.

Kinh: “Bồ thí là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật chúng sanh có thể thí xả tất cả sanh qua đó.

Sư Triệu nói: Ngoài bỏ đất nước, của cải, thân mệnh. Trong bỏ tham lam, yêu thích, bòn xén, ganh ghét là thí xả tất cả vậy.

Kinh: “Trì giới là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành

Phật chúng sanh mãn nguyện thập thiện sanh qua đó.

Tổ Thập nói: Có trì giới mới nói được là mãn nguyện. Giới luật rất khó hành. Cũng bao gồm việc chăm nom các điều thiện. Cho nên chỗ nguyện trọn vẹn vậy.

Kinh: “Nhẫn nhục là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật chúng sanh trang nghiêm ba mươi hai tướng sanh qua đó.

Sư Triệu nói: Nhẫn nhục làm cho dung mạo an hòa nên liên hệ với vóc tướng, chẳng phải chỉ hình tướng ngoài mà đã đủ đâu.

Kinh: “Tinh tấn là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật chúng sanh siêng tu tất cả công đức sanh qua đó. Thiên định là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật chúng sanh nhiếp tâm chẳng loạn sanh qua đó. Trí huệ là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật chúng sanh chánh định sanh qua đó.

Sư Triệu nói: Đắc Chánh trí huệ rồi, quyết định pháp tướng, ba pháp này gồm đủ mới gọi là đắc Chánh định vậy.

Kinh: “Tứ vô lượng tâm là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật, chúng sanh thành tựu từ bi hỷ xả sanh qua đó.

Sư Triệu nói: Bốn tâm này rộng mở khắp nơi không bờ cõi nên kêu là vô lượng vậy.

Kinh: “Tứ nhiếp pháp là Tịnh Độ của Bồ tát.

Sư Triệu nói: Dùng tứ đẳng pháp mà giữ gìn hóa độ chúng sanh là Tứ nhiếp pháp vậy. Một là Huệ thí, Tài thí; tùy theo chỗ kẻ

kia cần dùng. Hai là Ái ngữ: dùng lời nói êm dịu, dùng tâm thương xót cho nên lời nói hòa ứng với kẻ kia. Ba là Lợi hành: tùy theo kẻ kia mong muốn mà làm ích lợi cho họ. Bốn là Đồng sự: là gặp ác, cùng với kẻ ác nhưng lìa dứt được sự ác đó; gặp thiện, cùng với kẻ thiện mà tăng thêm sự thiện cho nên gọi là Đồng sự.

Kinh: “Khi Bồ tát thành Phật, chúng sanh giải thoát bằng Tứ nhiếp pháp sanh qua đó.

Tổ Thập nói: Có kẻ thấy Phật mà chẳng được giải thoát, do bởi công tu huệ cạn non vậy. Hay hành Tứ nhiếp pháp thì huệ sâu công lớn, cho nên trước Phật được giải thoát, như vậy Tứ nhiếp pháp có thể khiến chúng sanh được giải thoát. Do đó người hay làm sau được cái báo giải thoát.

Kinh: “Phương tiện là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật, chúng sanh phương tiện vô ngại nơi tất cả các pháp sanh qua đó.

Sư Triệu nói: Phương tiện là cái huệ phương tiện thiện xảo thành tựu công đức. Công tuy thành tựu nhưng chẳng chứng. Ở chỗ có nhưng chẳng trái chỗ tịch diệt. Ở nơi không nhưng chẳng mất chỗ biến hóa. Vô vi nhưng chẳng gì không làm. Đó là phương tiện vô ngại vậy.

Kinh: “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật chúng sanh đầy đủ niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn, lực, giác, đạo sanh qua đó.

Sư Triệu nói: Niệm xứ là Tứ niệm xứ. Chánh cần là Tứ chánh

cần. Thần tức là Tứ thần tức. Căn là Ngũ căn. Lực là Ngũ lực Giác là Thất giác. Đạo là Bát chánh đạo. Cộng lại là ba mươi bảy phẩm.

Kinh: “Hồi hướng tâm là Tịnh Độ của Bồ tát.

Sư Triệu nói: Ba quả trong nhị thừa đều do chỗ hành khác nhau. Nếu bậc Đại sĩ nêu tâm Phật đạo cho nên hay cùng tu với nhị thừa nhưng xoay hướng về chỗ nhất thừa. Đó là hồi hướng tâm.

Kinh: “Khi Bồ tát thành Phật được quốc độ đầy đủ tất cả công đức.

Sư Triệu nói: Khéo hồi hướng thì đức nào chẳng sẵn đủ. Ba câu này tuy chẳng nói đến chúng sanh, nhưng nói quốc độ là nói chúng sanh gồm trong đó vậy.

Kinh: “Nói pháp trừ tám nạn là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật đất nước không có ba ác, tám nạn dữ vậy.

Sư Triệu nói: Nói cái pháp diệt trừ tám nạn, cho nên quốc độ chẳng có tám nạn.

Kinh: “Tự mình giữ giới hạnh không chê chỗ kém khuyết của người khác là Tịnh Độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, quốc độ chẳng có cái từ ngữ phạm giới cấm.

Sư Triệu nói: Phạm luật cấm nên gọi là ác, buông lời chê bai kẻ kia là tự mình chẳng giữ gìn giới cấm.

Kinh: “Thập thiện là Tịnh Độ của Bồ tát, khi Bồ tát thành Phật, thân mạng không chết non.

Sư Triệu nói: Được cái quả báo do sự chẳng giết chóc.

Kinh: “Giàu có.

Sư Triệu nói: Được cái quả báo chẳng trộm cắp.

Kinh: “Phạm hạnh.

Sư Triệu nói: Quả báo chẳng dâm dục.

Kinh: “Lời nói chân thật.

Sư Triệu nói: Chẳng bị cái quả báo vọng ngữ.

Kinh: “Thường dùng lời êm ái dịu dàng.

Sư Triệu nói: Chẳng bị cái quả báo do ác khẩu.

Kinh: “Không chia rẽ quyến thuộc, khéo giải hòa các việc đấu tranh, kiện cáo.

Sư Triệu nói: Chẳng bị cái quả báo do nói năng dâm thọc.

Kinh: “Lời nói thật có ích.

Sư Triệu nói: Chẳng bị cái quả báo do lời nói nịnh nọt.

Kinh: “Không ganh ghét chẳng giận hờn; chúng sanh có chánh kiến sanh qua nước đó.

Sư Triệu nói: Ganh ghét, giận hờn, tà kiến; vì lầm lỗi của ba cái đó nên riêng lập ba điều thiện.

Tổ Thập nói: Hồi hướng thiện là khéo hướng về Phật đạo, cho nên gọi là Hồi hướng. Hồi hướng là mình cùng tất cả chúng sanh.

Cho nên gọi là đầy đủ công đức. Đầy đủ công đức tất không có bát nạn. Cho nên nói là trừ bát nạn. Trừ bát nạn là cái chỗ hành cho nên được cái quả báo không có hoạn nạn. Đã không có bát nạn tất cũng chẳng có sự dữ. Chẳng có sự dữ tất không phạm luật cấm. Cho nên sau nói không phạm giới là vậy.

Trên đã nói về giới độ (Ba la mật) nay lại nói về giới nữ, nhưng nghĩa chẳng chỉ trong vòng giới đâu, mà muốn nhân giới để nói rõ cái chỗ chẳng nên chê thiếu sót của người. Không chê chỗ xấu của người cho nên chẳng biết có cái đó. Chẳng biết có cái chỗ thiếu sót đó nên không có cái danh từ phạm giới cấm.

Dùng đó làm sự tu hành nên được kết quả đó; được cái kết quả đó rồi, tất mọi điều dữ đều ngừng, cho nên dùng thập thiện tiếp sau vậy.

Kinh: “Như vậy, Bảo Tích! Bồ tát tùy theo trực tâm đó mà phát hạnh.

Sư Triệu nói: Trực tâm nên đức tin kiên cố. Đức tin kiên cố nên sau mới phát tâm tạo hạnh. Khởi nguồn của vạn hạnh đó đều từ chỗ trực tâm mà ra vậy thôi. Chương này nói rõ về thứ lớp của hạnh. Cái nhật niệm chứa giữ cái nhân bởi thế khởi nguồn ở trực tâm, cứu cánh ở Tịnh Độ vậy. Cũng ví như trồng cây, lúc mới trồng cây nhỏ như sợi tơ cọng tóc mà sau lớn lên tươi tốt, che trùm cả trăm khoảnh; cây trực tâm đâm chồi tược như vậy. Các hạnh nhân đó mà thành cho nên nói là tùy theo.

Kinh: “Tùy phát hạnh mà được thâm tâm.

Sư Triệu nói: Đã hay phát hạnh tất tâm đạo càng lúc càng sâu vững.

Kinh: “Tùy thâm tâm mà ý được điều phục.

Sư Triệu nói: Tâm đạo đã sâu vững tất ý cũng chẳng thể thô thiển vậy.

Kinh: “Tùy ý được điều phục mà làm được như lời nói.

Sư Triệu nói: Tâm đã điều phục tất như nói mà làm.

Kinh: “Tùy như nói mà làm thì hay hồi hướng.

Sư Triệu nói: Nghe rồi hay làm tất hay hồi hướng việc làm. Nên cái tâm là quan trọng nhất vậy.

Kinh: “Tùy chỗ hồi hướng mà có phương tiện.

Sư Triệu nói: Đã hay hồi hướng đến pháp Đại thừa thì phương tiện do đó phát sanh ra.

Kinh: “Tùy chỗ phương tiện tức thành tựu chúng sanh.

Sư Triệu nói: Chỗ nhắm đến của phương tiện là thành tựu chúng sanh vậy.

Kinh: “Tùy thành tựu chúng sanh tức cõi Phật thanh tịnh.

Sư Triệu nói: Chúng sanh vốn thanh tịnh thì cõi Phật cũng chẳng như ướ.

Kinh: “Xứ vốn thanh tịnh ắt thanh tịnh thuyết pháp.

Sư Triệu nói: Ở cõi thanh tịnh tất có giảng nói pháp thanh tịnh.

Kinh: “Theo chỗ thuyết pháp thanh tịnh mà trí huệ thanh tịnh.

Sư Triệu nói: Đã thuyết pháp thanh tịnh ắt cái trí huệ thanh tịnh sanh ra vậy.

Kinh: “Tùy trí huệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh.

Sư Triệu nói: Trí huệ thanh tịnh đã phát sanh thì tâm thanh tịnh, sáng suốt vậy.

Kinh: “Tùy tâm thanh tịnh đó mà tất cả công đức thanh tịnh.

Sư Triệu nói: Chứa đức chẳng ngừng nghỉ là để trong sạch cái tâm, nhưng tâm vốn thanh tịnh rồi nên chẳng đức nào không thanh tịnh.

Sư Đạo Sanh nói: Công đức ấy, diệu quả thù thắng. Tùy chỗ gốc đó nên có tên.

Tổ Thập nói: Tín tâm là thành tâm tin vào Phật pháp. Tín tâm đã lập tất hay phát khởi làm các việc thiện. Các việc thiện đã tích chứa tâm càng sâu vững. Tâm đã sâu vững thì chẳng theo các điều ác, mà bỏ ác làm thiện, nên gọi là điều phục. Tâm đã điều phục tất gặp thiện tự nhiên làm; gặp thiện tự nhiên làm nên khó làm cũng có thể làm được. Làm được việc khó làm cho nên có thể như chỗ nói mà làm. Như chỗ nói mà làm nên muôn việc thiện đồng kiêm đủ. Muôn việc thiện đồng kiêm đủ nên hay hồi hướng về Phật đạo. Hướng về Phật đạo mà tiến mới thật là phương tiện lực vậy.

Yếu lý của phương tiện lực có ba điều:

- Khéo tự hành mà chẳng giữ tướng;
- Chẳng giữ chỗ đứng;
- Khéo hóa độ chúng sanh.

Gồm đủ ba việc này rồi tất hay thành tựu chúng sanh, thành tựu chúng sanh rồi thì ba nhân gồm đủ. Ba nhân gồm đủ tức đắc Tịnh Độ. Quốc độ mà thanh tịnh thì chúng sanh cũng thuần tịnh. Chúng sanh thuần tịnh tất chẳng nói đến giáo lý hỗn tạp cho nên gọi là thuyết pháp thanh tịnh.

Thọ pháp rồi tất có ba điều thanh tịnh như sau; có đủ ba điều thanh tịnh như sau tất đồng đức với Phật. Cho nên nói: Tất cả thanh tịnh.

Đoạn trước tuy rộng nói các hạnh của Tịnh Quốc, nhưng chưa bày tỏ được các thứ lớp lần hồi của các hạnh.

Đoạn này nói rõ về chỗ tốt sâu rộng chẳng thể vượt mau được, nên tìm đường sẵn có mà giẫm lên từng bước, cho nên noi theo dấu tích đầu tiên là ở cái trực tâm, sau thành mỹ mãn thì tất cả đều thanh tịnh vậy.

Kinh: “Như vậy đó Bảo Tích, Bồ tát muốn được cõi Phật thanh tịnh phải thanh tịnh tâm; tùy theo tâm thanh tịnh ấy mà cõi Phật thanh tịnh.”

Sư Triệu nói: Kết thành cái nghĩa Tịnh Độ. Tịnh Độ hoàn toàn do ảnh hưởng của tâm. Nên muốn cho âm thuận thì thanh phải hòa

hợp. Muốn cho bóng ngay thì phải chỉnh nơi hình. Đó là định lý của báo ứng vậy.

Kinh: Lúc ấy, ngài Xá Lợi Phất nương oai thần của Phật phát ra cái niệm: “Nếu tâm của Bồ tát thanh tịnh chắc cõi Phật phải thanh tịnh. Như vậy Thế Tôn ta khi trước làm Bồ-tát tâm ý đâu phải chẳng thanh tịnh mà cõi Phật này sao chẳng được thanh tịnh như thế?”

Sư Triệu nói: Cái như sạch của cõi Phật kẻ nhĩ thừa chẳng có thể đề cập được. Đức Như Lai sắp hiển rõ chỗ cõi Phật hằng thanh tịnh, xấu đẹp đều do ai kia, nên dùng oai thần làm phát sanh ra cái niệm nghi hoặc để nhân lời nói sanh ra đó làm đầu mối, cho nên nói là "nương" (nhờ oai thần của Phật mà có).

Kinh: Phật biết niệm ấy liền bảo ông Xá Lợi Phất rằng: “Ý ông thế nào? Mặt trời, mặt trăng chẳng thanh tịnh ư mà kẻ mù sao không thấy?”

- Bạch Thế Tôn, chẳng phải vậy. Đó là lỗi tại người mù chẳng phải nói mặt trăng mặt trời.

Phật bảo: “Này Xá Lợi Phất! Bởi chúng sanh tội chướng nên chẳng thấy cõi Phật Như Lai trang nghiêm thanh tịnh. Đó không phải là lỗi của Như Lai.

Sư Triệu nói: Mặt trời, mặt trăng luôn sáng mà chẳng thấy là do đôi mắt mù. Cõi Phật luôn thanh tịnh nhưng vì tội lỗi, như ư nên chẳng thấy vậy thôi!

Kinh: “Này Xá Lợi Phất! Cõi nước đây của ta vốn thanh tịnh mà ông chẳng thấy.”

Sư Triệu nói: Nhân cõi nước này mà nghi ngờ nên cũng nhân cái cõi nước này mà hiển rõ ra chỗ thanh tịnh vậy.

Kinh: Bấy giờ ông Loa Kế Phạm Vương nói với Xá-Lợi-Phất rằng: “Ngài chớ có cái ý nghĩ cho rằng cõi Phật này chẳng thanh tịnh. Bởi sao? Vì tôi thấy cõi nước của Phật Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh ví như cõi Trời Tự Tại.”

Tổ Thập nói: Cõi Phật thanh tịnh, cấp độ chẳng giống nhau. Hoặc như cõi của Tứ Thiên Vương cho đến Lục Thiên. Hoặc như cõi của Phạm Vương cho đến cõi Trời Tịnh Cư hoặc quá hơn cõi Trời Tịnh Cư. Chỉ riêng phần của bậc Bồ tát bồ xứ mới được sanh vào chỗ quá hơn Cõi Tịnh Cư đó thôi.

Vì thích hợp với hết thảy tâm cho nên chỗ hiện ra đất nước chẳng giống nhau. Chỗ ông Loa Kế thấy giống như cung điện trên cõi Trời Tự Tại chỉ là chỗ ứng hợp mà thấy được thôi chưa phải tận tột của thanh tịnh đâu.

Sau này có nói cái ví dụ như cõi Phật Bảo Trang Nghiêm đó mới là chỗ chân báo ứng Tịnh Độ của đức Thích Ca vậy, Tịnh quốc tức là thế giới này, như Phạm Thọ Lượng trong Kinh Pháp Hoa; nơi xứ này tịnh, uế cùng nhau nhưng chẳng lẫn lộn. Cũng như vật đựng hai thứ món ăn ứng hợp với hai loại chúng sanh vậy.

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất nói: “Sao tôi thấy cõi này toàn là gò nông, hầm hồ, chông gai, cát sỏi, đất đá, núi non như bản

đầy đầy như thế!”

Sư Triệu nói: Mỗi người đều theo chỗ thấy mà cho là chúng vậy.

Kinh: Ông Loa Kế Phạm Vương nói: “Nhân giả tâm còn có cao thấp chẳng y theo Phật huệ nên thấy cõi này chẳng thanh tịnh vậy thôi.

Sư Triệu nói: Muôn việc, muôn hình đều do tâm mà thành. Tâm có cao thấp nên gò đống sanh ra vậy.

Kinh: “Ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng; thâm tâm thanh tịnh y theo trí huệ của Phật tức thấy cõi Phật này thanh tịnh.”

Sư Triệu nói: Nếu tâm luôn bình đẳng với chúng sanh. Thâm nhập trí huệ, tịnh nghiệp đã đồng tất chỗ thấy chẳng khác vậy.

Kinh: Khi ấy, Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, cõi Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới tức thì nghiêm sức bằng vô vàn thứ trân bảo rực rỡ cũng như cõi Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả đại chúng đều ngợi khen chuyện chưa từng có và đều thấy mình ngồi trên tòa sen báu.

Sư Triệu nói: Cõi Phật thường thanh tịnh, chẳng đợi tới biến hóa rồi mới được trang hoàng. Ấn xuống đất ấy là để xoay đổi cái lỗi chẳng thấy của đám người đó vậy. Cõi Bảo Trang Nghiêm là chỗ tột độ của Tịnh Độ; cho nên lấy đó làm chỗ thí dụ.

Kinh: Phật bảo ông Xá Lợi Phất: “Ông có thấy cõi Phật này nghiêm tịnh không?” Xá Lợi Phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Đó vốn là chỗ con chưa từng thấy, chưa từng nghe; nay cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm hiện bày trọn vẹn.”

Sư Triệu nói: Hiện bày cõi thanh tịnh trước kẻ chưa từng nghe thấy cũng như mang hình sắc âm thanh khai mở cho người đui điếc vậy.

Kinh: Phật bảo ông Xá Lợi Phất: “Cõi Phật của ta thường thanh tịnh như thế. Nhưng vì muốn độ những kẻ yếu kém ở đây nên thị hiện ra cõi như uế chẳng thanh tịnh đó thôi.

Tổ Thập nói: Các vị Phật hay vì chúng sanh thị hiện thanh tịnh, mà ẩn cái chẳng thanh tịnh. Thị hiện ra sự thanh tịnh mà ẩn cái chẳng thanh tịnh ấy tất không có lợi ích gì cho chúng sanh nên để chúng sanh tùy sức mà chẳng che lấp. Nghĩa thị hiện là như vậy.

Kinh: “Ví như chur thiên, cùng nhau dùng cơm trong chén bấu, nhưng tùy theo phước đức của mỗi vị mà sắc cơm có đổi khác.

“Y vậy ông Xá Lợi Phất! Như người tâm thanh tịnh thì thấy công đức trang nghiêm của cõi này.”

Sư Triệu nói: Đầu tiên đem sự ở cõi trời mà nói để muốn cho mọi người cùng biết chút ít công đức. Chỗ yếu lý là cùng thức ăn trong chén bấu, cơm trên trời rất trắng nên dùng sự chẳng trắng làm thí dụ. Người nhiều phước đức mang cơm lên miệng sắc cơm liền đổi khác. Ở trong đồ đựng cơm cùng một màu; nơi tay cầm

chẳng đồng. Cơm đâu có sai khác, khác tự các vị trời. Mới có thể biết cõi Phật chẳng đồng đều vậy.

Sư Sanh nói: Dem ra cái thí dụ về Phạm Thiên và ông Xá-Lợi-Phất. Huệ tâm sáng suốt thanh tịnh tất thấy công đức trang nghiêm. Vì cố giữ lấy cái tâm mờ ám nên cho là như uế; tất nhiên chẳng phải cõi Phật là thế vậy.

Kinh: Ngay khi Phật hiện sự nghiêm tịnh của quốc độ này năm trăm vị trưởng giả tử đi cùng ông Bảo Tích đều được vô sanh pháp nhẫn. Tám mươi bốn ngàn người đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Sư Triệu nói: Cõi Phật hưng vượng chính là như thế đó. Vô sanh nhẫn cũng giống như "Bất khởi pháp nhẫn" trên. Pháp nhẫn tức là Huệ tánh vậy. Thấy pháp không có sanh, tâm trí tịch diệt. Kham nhận chẳng lui sụt, cho nên có tên là vô sanh pháp nhẫn.

Kinh: Phật thâm nhiếp thần túc lại liền đó thế giới trở lại như cũ.

Sư Triệu nói: Đó là chỗ chẳng phải duyên phận thì chẳng có thể ở mãi, cho nên trở lại chỗ thấy ứng hợp với phận riêng vậy.

Kinh: Ba mươi hai ngàn người trời và người phàm cầu Thanh văn thừa đều thấu suốt tất cả các pháp hữu vi là vô thường, bèn xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh.

Sư Triệu nói: Hạng Tiểu thừa, ngoài bậc Độc Giác, cần phải có thầy thì mới thành, cho nên gọi là Thanh văn thừa, cũng gọi là

Đệ tử thừa. Quốc độ như uest mà thể thanh tịnh. Vốn thanh tịnh rồi mà thị hiện như uest. Nhân vì rõ lý vô thường nên đắ pháp nhãn tịnh, pháp nhãn tịnh là đạo của bậc Tu đà hoàn. Mới thấy được cái dấu đạo cho nên có cái tên pháp nhãn.

Trần cầu là tám mươi tám sự ràng buộc vậy.

Kinh: Tám ngàn vị Tỳ kheo chẳng còn thọ các pháp, dứt hết phiền não, tâm ý được giải thoát.

Sư Triệu nói: Đạo chẳng có chấp trước. Nơi pháp tu là chẳng thọ, chẳng nhiễm. Lậu tận (dứt hết phiền não) là dứt hết chín mươi tám sự ràng buộc của trần lao, cho nên tâm ý được giải thoát thành quả A la hán vậy.

II. PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Tổ Thập nói: Phẩm kế này nói về đức của ngài Tịnh Danh, chẳng phải do ý của người sưu tập kinh. Bởi đức Thế Tôn đã từng khen ngợi về phương tiện tài của Ngài cho nên người sưu tập kinh nương theo chỗ nghe đó mà dùng chữ đức vậy.

Kinh: Khi đó trong thành lớn Tỳ Da Ly có một ông trưởng giả tên là Duy Ma Cật đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu gốc lành, được vô sanh pháp nhẫn, biện tài vô ngại, du hý thần thông.

Tổ Thập nói: Nhân thần thông mà giáo hóa rộng khắp nơi. Cũng lấy sức thần thông đó mà chứng tỏ biện tài vô ngại như đức Long Thọ luận nghĩa với ngoại đạo. Ngoại đạo hỏi: Hiện nay Trời làm việc gì? Đáp rằng: Bây giờ Trời với A Tu La đang đánh nhau.

Lại hỏi: Lấy gì làm bằng chứng? Bồ tát liền hiện bày ra làm bằng chứng. Ngay lúc ấy mọi người thấy cây giáo bị gãy mũi nhọn và đầu của A Tu La từ trên không rơi xuống. Lại còn thấy Trời và A Tu La ở trong không trung bày trận đánh nhau. Ngoại đạo đã thấy bằng chứng mới cúi đầu khâm phục biện tài. Chỗ chứng cái thần thông về biện luận giống như đây vậy.

Sư Triệu nói: Bậc Bồ tát được phép Ngũ thông cũng nói là có đủ Lục thông vì lẽ được pháp vô sanh nhẫn thì hết sạch sự trói buộc trong ba cõi.

Bên Tiểu thừa nói là sáu thông nhưng đối với bên Đại thừa thì chỉ là năm thông vì phiền não nhóm (kết tập) vẫn chưa dứt trọn, nên chỉ nói là năm.

Kinh: Năm được các tổng trì, được pháp vô úy, hàng phục ma oán, thấu lý sâu xa của pháp môn, khéo nơi trí huệ ba la mật, thông đạt các pháp phương tiện, thành tựu đại nguyện.

Tổ Thập nói: Lúc mới phát tâm, cái nguyện chưa lớn, hoặc lớn nhưng chưa thành. Lớn mà thành tựu thì duy chỉ có bậc pháp nhãn Bồ tát. Giống như bốn mươi tám nguyện của đức Vô Lượng Thọ Phật. Đại nguyện đây đồng như vậy.

Sư Triệu nói: Đem cái đại nguyện sánh bằng với nguyện của đức Vô Lượng Thọ Phật vậy.

Kinh: Rõ hiểu các nẻo của tâm chúng sanh. Lại còn phân biệt được rành rẽ chỗ sáng tối của căn tánh, thường hằng trong Phật đạo, tâm đã thành thực, chí quyết chắc nơi Đại thừa, khéo suy lường mọi việc, trụ nơi oai nghi của Phật, tâm bao la như biển cả.

Tổ Thập nói: Biển có năm đức: Một là trong sạch lặng lẽ chẳng nhận thân chết. Hai là sanh ra nhiều của báu màu nhiệm. Ba là rồng lớn phun mưa xuống liên tục như trục xe nước mà vẫn lãnh nhận chẳng bị đầy ngập. Bốn là gió bốn phương, mặt trời chẳng thể làm khô cạn. Năm là thâm sâu khó dò. Bậc Bồ tát tâm thanh tịnh chẳng lãnh chịu cái thấy phá giới, tuôn ra cái báu huệ rực rỡ; Phật rưới pháp lớn, nhận nhưng chẳng đầy tràn. Ma tà, gió, mặt trời

chẳng thể làm suy giảm. Trí đó sâu thẳm, chẳng thể đo lường được, cho nên nói tâm bao la như biển cả vậy.

Kinh: Chư Phật đều khen ngợi. Hàng đệ tử Phật Đế-Thích, Phạm Thiên, vua ở thế gian đều kính trọng Ngài. Vì muốn độ người cho nên Ngài dùng các phương tiện khôn khéo nơi thành Tỳ Da Ly, nương vào cửa cải vô lượng để nhiếp độ những người nghèo khó, giữ giới thanh tịnh để nhiếp độ các kẻ phá giới, dùng hạnh nhẫn nhục điều hòa để nhiếp độ những kẻ nóng giận, dùng đại tinh tấn để nhiếp độ những kẻ biếng nhác, dùng thiền định nhất tâm để nhiếp độ những kẻ loạn ý, dùng trí huệ quyết định để nhiếp độ những người vô trí.

Tuy là người áo trắng (cư sĩ) mà giữ gìn giới hạnh thanh tịnh của sa môn. Vẫn ở trong gia đình mà chẳng nhiễm nơi ba cõi. Thị hiện có vợ con nhưng thường tu phạm hạnh. Hiện có quyến thuộc nhưng hằng ưa sự xa lìa. Tuy phục sức quý báu nhưng dùng tướng tốt để nghiêm thân. Tuy có ăn uống nhưng dùng thiền duyệt làm mùi vị.

Khi đến chỗ cờ bạc vui chơi thì ngài dùng cơ hội đó để độ người. Mặc dù thọ học các đạo khác nhưng chẳng tổn hại lòng chánh tín. Tuy hiểu rõ sách vở thế tục nhưng thường vui trong Phật pháp. Kính nhường tất cả mọi người xem đó là pháp cúng dường hay hơn hết.

Sư Triệu nói: Trùm cả mọi giai cấp, không người nào mà chẳng kính. Nuôi dưỡng thanh tịnh, chẳng ai mà chẳng nhường, cho nên nói đó là sự cúng dường hơn tất cả mọi sự cúng dường

vậy.

Kinh: Năm giữ chánh pháp để nhiếp độ khắp kẻ già người trẻ.

Sư Triệu nói: Ở nước ngoài trong hàng ngũ lãnh đạo có lập Tam lão là những người lớn tuổi, có đức hạnh để năm giữ quyền hành, để xét xử các việc kiện tụng, trợ giúp các người già trẻ. Ông Tịnh Danh, lúc ấy trông coi việc chánh trị nên nhân đó mà thấu đáo luật đạo vậy.

Kinh: Trong mọi việc làm ăn, tuy được nhiều món lợi thế tục nhưng Ngài chẳng vui theo. Ngao du khắp nẻo lưu thông để giúp ích cho đời. Tham gia vào việc chánh trị để giúp đỡ tất cả mọi người. Đến chỗ giảng luận dùng tâm Đại thừa mà dẫn dắt người nghe. Vào trường học chỉ bảo khai mở cho trẻ thơ.

Sư Triệu nói: Học đường là chỗ trẻ thơ học tập. Chỉ bảo, khai mở giống như Thái tử đang học chữ Phạn vậy.

Kinh: Vào chỗ dâm dục để chỉ bày sự tai hại của dâm dục.

Tổ Thập nói: Ở nước ngoài (tức là nói bên Ấn Độ) có một cô gái toàn thân đẹp như sắc vàng. Có một chàng trai con nhà trưởng giả tên là Đạt Mộ Đa La dùng ngàn lượng vàng hẹn rủ cô ta vào Trúc Lâm rồi dùng xe chở nhau đi. Giữa đường đức Văn-Thù-Sư-Lợi hóa thân làm người trần thế đón đường, người này bận một bộ quần áo rất quý giá đẹp đẽ. Cô gái thấy bộ quần áo đó, lòng tham dấy động.

Đức Văn Thù nói: Muốn được bộ quần áo này phải phát Bồ đề tâm.

Cô gái hỏi: Bồ đề tâm là sao?

Ngài đáp: Chính thân người đó. Tánh Bồ đề "không", thân người ngay đây cũng "không", đó là sự thật. Cô gái này tiền kiếp trong đời của đức Phật Ca Diếp đã trồng gốc lành, trau dồi trí huệ, nghe đến đó liền đắc vô sanh pháp nhẫn. Được vô sanh pháp nhẫn rồi lại tỏ bày cái lỗi của sự ham dâm.

Sau đó đi vào Trúc Lâm để gặp người công tử nọ, vào đến nơi rồi liền hiện thân xác chết, ruột sinh thối, công tử nọ thấy vậy hoảng sợ đi đến chỗ đức Phật cư ngụ. Phật vì đó thuyết pháp, ông ta cũng được vô sanh pháp nhẫn. Do đó nói rõ cái tai hại của dâm dục có ích như vậy.

Sư Triệu nói: Ở ngoại quốc phường hoa liễu tụ tập riêng thành xóm. Thường người đạo đức mắt chẳng dám đề ý tới. Nhưng bậc Bồ tát dám bước vào chốn dâm dục đó để chỉ rõ cho mọi người cái tai hại của dâm dục.

Kinh: Vào chỗ quán rượu Ngài lập được chí hướng cho những kẻ tại đó.

Sư Triệu nói: Rượu làm mất chí, mở toang cửa ngõ phóng túng luân thường vậy.

Kinh: Ở trong hàng trưởng giả Ngài là bậc tôn quý nhất trong hàng trưởng giả, giảng nói cho pháp thù thắng hơn hết.

Tổ Thập nói: Trưởng giả là bậc hào tộc trong bốn giai cấp chính của Ấn Độ ngày xưa. Bậc Thanh văn đối với kẻ phàm phu thì cao trội hơn, cứ thế dần lên thì Phật pháp tối thắng hơn hết.

Sư Triệu nói: Người đời dễ lấy uy lực làm cho theo, khó dùng lý mà làm cho tùng phục. Cho nên Đại Bồ tát thường ở bậc tôn quý để giáo hóa phong tục tốt đẹp khắp nơi. Bậc trưởng giả là kẻ giàu có được trọng vọng, nhưng phần nhiều ở trong pháp của thế tục.

Kinh: Ở trong hàng cư sĩ ngài là bậc được tôn quý nhất, chỉ bày cho họ biết dứt hết sự tham lam chấp trước.

Tổ Thập nói: Ở ngoại quốc hàng Bạch y giàu có được gọi là Cư sĩ.

Kinh: Ở trong giòng Sát Lợi Ngài là bậc tôn quý nhất trong giòng Sát Lợi, lấy pháp nhẫn nhục mà giáo hóa cho họ.

Tổ Thập nói: Chữ sát lợi trong tiếng Phạn gồm có hai nghĩa: Một là nhẫn nhục, hai là nóng giận. Lời đó là nói về người có thể lực lớn hay nóng giận, nhưng biết chịu đựng sự đau khổ nhọc lòng đó vì biết rằng cứng rắn quá thì không thấu phục được mọi người, nên nhân đó mà thành tính nhẫn nhục vậy.

Sư Triệu nói: Sát Lợi là giòng họ nhà vua. Tiếng Tần gọi là điền chủ. Thời kỳ ban đầu loài người ăn những món ăn đủ mùi vị của đất sanh ra. Sau đó có lúa nên thay đổi món ăn. Sau nữa lòng người càng ngày càng xảo trá, ai cũng có phần đất sanh lợi riêng, nên phải cử người có đức hạnh để xử đoán, phân chia đất đai cho công bằng. Vua bắt đầu có từ đây, rồi nối tiếp nhau mà chặn dất

dân chúng. Vì là kẻ tôn quý tự do nên phần nhiều hay nóng nảy, giận dữ làm theo ý thích của mình, chẳng thường nhẫn nhục ôn hòa.

Kinh: Ở giòng Bà La Môn Ngài là bậc tôn quý nhất, khéo trừ ngã mạn của họ.

Tổ Thập nói: Rộng học hỏi, tìm tu tà đạo, ý mình thông minh, kiêu ngạo chẳng kính nể ai, gọi là Bà la môn.

Sư Triệu nói: Bà la môn Tàn gọi là "ngoài ý". Giòng này có kinh sách riêng, đời đời nối nhau, lấy đạo học làm nghề nghiệp. Hoặc tại gia, hoặc xuất gia tu khổ hạnh, phần lớn cậy vào đạo thuật của đạo mình nên sanh ngã mạn.

Kinh: Ở trong đám đại thần Ngài là bậc tôn quý nhất, thi hành chánh pháp mà giáo hóa.

Ở trong hàng vương tử Ngài là bậc vương tử tôn quý nhất, nêu bày chỉ dạy cho họ lòng trung hiếu.

Ở trong hàng nội quan Ngài là bậc tôn quý nhất, khéo dạy bảo cung nữ theo đường chánh trực.

Tổ Thập nói: Không phải như nội quan ở Tàn. Theo phép của Ấn Độ, chọn lấy trong giòng giống trung lương từ đời này qua đời kia người lớn tuổi, có đức hạnh, dùng làm quan nội giám để dạy dỗ cung nữ cho chánh trực.

Kinh: Ở nơi thứ dân Ngài là kẻ tôn quý nhất, chỉ dạy cho họ biết nâng cao phước lực.

Tổ Thập nói: Xưa có một người nghèo, đi vào chốn đô thị, thấy một người ăn mặc hết sức trang nghiêm sạch sẽ, cưỡi ngựa cao lớn, cầm lọng quý, liền kêu lớn: Chẳng đẹp! Chẳng đẹp! Chẳng đẹp! Ba lần như thế. Người kia lấy làm quái dị hỏi: Ta ăn mặc trang nghiêm sạch sẽ như thế sao người nói chẳng đẹp là sao?

Người nghèo kia nói: Ngài trồng cây đức đã nhiều nên nay được cái quả báo này, trang phục phước đức uy nghiêm ai cũng kính trọng, còn tôi xưa chẳng gieo phước nên nay thô kệch xấu xí như vậy. Tôi so sánh với ngài cũng như cầm thú vậy thôi. Cho nên tự nói mình chẳng đẹp chớ không phải nhạo báng ngài đâu. Người nghèo kia nhân đó mà cảm khái bèn rộng tu phước nghiệp. Hình sắc quý trọng làm cho người tỉnh ngộ là chỗ lợi ích lan ra, hướng chi lấy đạo pháp mà giáo hóa cho dân chúng!

Sư Triệu nói: Phước lực nhỏ nhen cạn cợt nên sanh làm dân dã là vậy.

Kinh: Ở nơi hàng Phạm Thiên Ngài là bậc tôn quý nhất, chỉ dạy cho họ trí huệ thù thắng nhất.

Tổ Thập nói: Phạm Thiên tuy có cái huệ của pháp định, nhưng chưa phải ra khỏi đường sanh tử, cho nên dùng cái huệ của Phật khuyên giải, vì vậy nói là thắng là vượt hơn cái huệ của Phạm Thiên vậy.

Kinh: Ở nơi trời Đê Thích Ngài là bậc tôn quý nhất, chỉ bày cho họ pháp vô thường.

Tổ Thập nói: Người trời phạm vẫn còn bụi trần, mỏng manh

hay chấp trước, phước lực còn cạn cợt, cho nên hiện ra trí huệ thù thắng để chỉ dạy.

Đế Thích nghiệp ái còn nặng nên chấp trước cũng thâm sâu, do đó hiện sự vô thường để giáo hóa cho họ vậy.

Kinh: Ở nơi Hộ Thế Ngài là bậc tôn quý nhất, che chở cho chúng sanh.

Tổ Thập nói: Hộ thế là Tứ thiên vương vậy. Khi Những quý thần dữ tợn muốn giết hại chúng sanh thì Hộ thế tứ thiên vương che chở khiến chúng không thể giết hại được. Đây nói đạo lực của bậc tôn quý đó che chở khắp mười phương.

Kinh: Trưởng giả Duy Ma Cật dùng vô lượng phương tiện như vậy làm lợi ích cho chúng sanh.

Sư Triệu nói: Pháp thân tròn đầy ứng khắp (viên ứng) y theo các tướng mà hiện dụng, chẳng có mảy may dấu tích, nên gọi là chẳng thể đo lường được. Trên tóm tắt vậy.

Kinh: Ngài cũng dùng phương tiện hiện thân có bệnh.

Tổ Thập nói: Trên là những phương tiện, dùng pháp bố thí giúp đời. Vì bố thí giúp người nên người cảm cái ân huệ đó, nay nghe Ngài có bệnh ắt người đến thăm bệnh đông đảo. Nhiều người thăm bệnh, cái công giáo hóa ắt lan rộng. Vì lẽ đó mà rộng bày ra pháp phương tiện, sau mới nhân bệnh mà nói pháp.

Sư Triệu nói: Tuy biến hóa khắp nơi theo chỗ ứng nhưng dấu tích màu nhiệm chẳng như nhau. Do đó kinh này khởi ra từ chỗ thị

hiện có bệnh tật, cho nên người diễn kinh đặc biệt nêu lên chuyện đó.

Kinh: Do Ngài có bệnh nên các vị quốc vương, đại thần, cư sĩ, Bà la môn cùng với các vị vương tử, các quan lại và vô số trời, người đều đến thăm bệnh Ngài. Hễ ai đến đức Duy-Ma-Cật cũng lấy chỗ tật bệnh của thân mà rộng giảng nói pháp.

Tổ Thập nói: Ý muốn nói rõ cái thân tu hành này mà còn chưa tránh khỏi hoạn nạn này, huống hồ là không có đức hạnh thì làm sao giữ gìn được nó.

Sư Triệu nói: Cái đồng với ta thì dễ tin, khác với ta thì khó thuận theo. Cho nên lấy cái bệnh hoạn của thân thể mà rộng nói cái hoạn nạn của việc có thân.

Kinh: “Các ngài ơi! Thân này là vô thường, không vững chãi, không có sức mạnh, không bền chắc. Là vật mau hư hoại, không thể tin cậy được. Nó là cái khổ, là cái phiền lòng, là chỗ chứa nhóm của các tật bệnh.

Tổ Thập nói: Pháp của chư Phật cốt yếu trước hết dùng bảy việc để phát khởi tâm người, sau mới nói pháp Tứ Đế. Bảy việc này là:

1. Bồ thí;
2. Trì giới;
3. Sanh quả báo lành;
4. Nói cái thú vị;

5. Lo sợ quả báo: Tuy có chút vui nhưng đau khổ vô lường. Người đời mê trong cái vui nhỏ bé mà chẳng biết cái khổ nhiều. Giống như lấy hột cải để trên đỉnh núi chỉ thấy hột cải mà không thấy núi to vậy;

6. Dạy chúng lìa trần thế;

7. Khen ngợi công đức của Niết bàn.

Đây chẳng nói đến bảy pháp mà nói thẳng cái vô thường ấy. Vì đám người tụ hội tại đây chứa đức đã nhuần nhĩ rồi cho nên giờ cần phải làm sáng tỏ cái tánh huệ ấy.

Lại nữa vô thường là cái tướng ban đầu của cái Không, nên muốn nói cái Không trước phải nói vô thường. Do đó chỉ nói về thân mà không nói các pháp khác vì trong các pháp khác dễ sanh chấp trước vậy.

Kinh: “Các ngài ơi! Cái thân này bực trí huệ sáng suốt chẳng bao giờ ỷ lại nơi nó. Thân này như bọt đọng không thể cầm nắm được. Thân này như bong bóng nước chẳng vững lâu được. Thân này như hơi lửa bốc lên do lòng khao khát yêu thương sanh ra. Thân này như cây chuối, trong không bền chắc. Thân này như huyễn ảo do nơi điên đảo mà sanh ra. Thân này như chiêm bao do hư vọng mà thấy có. Thân này như cái bóng theo nghiệp lực nhân duyên mà hiện ra. Thân này như tiếng vang vì do nhân duyên mà thành. Thân này như mây nổi trong giây phút đã tiêu tan. Thân này như điện chớp niệm niệm chẳng dừng trụ. Thân này không có chủ giống như đất bụi mà thôi.

Sư Triệu nói: Muôn vật muôn hình đều do bốn đại thành ra ở ngoài là đất đai, cây cỏ, núi non, sông ngòi, ở trong thì là chân tay hay vóc dạng. Hợp lại thì gọi là sống, tan ra thì gọi là chết. Như vậy sống ắt thuộc trong, chết ắt thuộc ngoài. Trong ngoài tuy có khác nhưng cái chất đại chẳng sai khác. Cho nên lấy bốn đại trong ngoài giống nhau mà rõ ra sự vô ngã vậy. Như ở đất đai bên ngoài xưa nay bao giờ kẻ giàu mạnh cũng chiếm trước, cho nên chẳng ai làm chủ. Cái thân này cũng giống như vậy, do các duyên lập nên, duyên hợp thì dấy lên, duyên rã thì tan lìa, nào có cái gì là người chủ tế thường tồn đâu?

Kinh: “Thân này không có ta giống như lửa.

Sư Triệu nói: Dù cho rằng có cái tự nơi mình gọi là "ta" (ngã) đi nữa nhưng lửa ở ngoài bốc cháy hay tàn rụi là do củi, lửa chẳng thể tự tại. Như vậy lửa chẳng có cái "ta". Lửa ngoài đã chẳng có cái "ta" thì lửa trong cũng vậy mà thôi.

Kinh: “Thân này chẳng trường thọ, như là gió.

Sư Triệu nói: Thường còn chẳng thay đổi gọi là trường thọ. Nên gió ở ngoài khi thổi ào ạt, rung động, khi ngừng nghỉ vô thường nhưng vì rung động, ngừng nghỉ vô thường nên gió chẳng trường thọ. Gió ngoài chẳng trường thọ, gió trong cũng vậy mà thôi.

Kinh: “Thân này chẳng có người, giống như nước.

Sư Triệu nói: Quý nhất trong muôn vật trước sau không thay đổi nên gọi là "người" (nhân). Nước ở ngoài tùy theo muôn hình,

vuông tròn tùy vật, như sạch, đầy vơi, khác lạ vừa thích hợp nên hình thể không nhất định. Do đó nước không có "người" (không có hình thể nhất định). Nước ở ngoài đã chẳng có hình thể chắc quyết thì nước ở trong cũng vậy mà thôi.

Kinh: “Thân này chẳng thật, nó chỉ là chỗ trú ngụ của bốn đại mà thôi; thân này vốn không có, nó là “cái ta” và “cái của ta”.

Tổ Thập nói: Là ngã tức là chúng sanh không. Là "cái của ta" (ngã sở) là các pháp không vậy.

Bốn câu trên nói thí dụ về cái "vô ngã Không". Đây nói ngay về cái "vô ngã Không" vậy.

Sư Triệu nói: Cái thân ta là chủ của cái của ta. Cái của ta thuộc về bên ngoài của ta. Từ cái thân thể cho đến đất nước của cải vợ con muôn vật đều là "cái có của ta".

Người trí thì chỉ cần xem thân, bên trong thân không tịch tất hai sự đồng là vậy.

Kinh: “Thân này vô tri; giống như cây cỏ, gạch sỏi.

Sư Triệu nói: Cái thân tuy hay xúc chạm mà vô tri. Phần bên trong tuy hay biết nhưng không có xúc thì cũng chẳng biết. Cả hai đều chẳng tự biết. Đã nói là không biết nên khác chi ngói, gạch, đá, sỏi.

Kinh: “Thân này không có làm, do sức gió mà hoạt động.

Tổ Thập nói: Không có chủ nhân làm nhưng có chỗ làm (có

tạng phủ cơ quan), là chỗ gió hoạt động vậy. Từ cái không biết đến cái không làm mới giải thích rõ ra cái không, vô ngã vậy.

Kinh: “Thân này chẳng trong sạch như uế đầy đầy. Thân này là giả dối, dầu có tắm rửa ăn mặc tử tế rốt cuộc nó cũng quay về chỗ hao mòn suy diệt.

Tổ Thập nói: Đây nói rõ sự tiêu hoại của vô thường, chỗ lấy làm khổ vậy. Từ đây về sau tất cả đều nói về thí dụ của sự khổ, cái khổ về tai họa, cái khổ về bệnh tật. Từ chỗ gò, giếng trở xuống đều nói về cái khổ sở không kể xiết của sanh, lão, bệnh, tử.

Kinh: “Thân này là tai họa vì đủ thứ bệnh tật phiền não. Thân này như giếng khô trên gò vì nó bị sự già yếu bức bách.

Tổ Thập nói: Giếng trên gò là giếng khô cạn trên gò. Tích xưa có người bị tội với nhà vua nên sợ tội chạy trốn. Vua ra lệnh cho voi say rượu đuổi theo, người đó sợ quá nhảy xuống một cái giếng cạn. Lúc đang rơi xuống, ở giữa giếng, gặp một bụi cỏ mọc liền lấy tay nắm chặt lấy. Dưới đáy giếng có một con rồng dữ đang hướng lên phun nọc độc. Bên cạnh thì có năm con rắn độc đang muốn hại, lại có hai con chuột cắn bụi cỏ, cỏ gần đứt lìa. Voi lớn thì đã tới bên muốn thộp bắt. Trong cảnh hiểm nguy đó người ấy vô cùng hoảng sợ. Nhưng bên trên có một cội cây, mật ong đang từ trên cây ấy nhiều xuống, rơi xuống ngay miệng người này, do đó người này quên cả sợ hãi.

Giếng trên gò là sự sống chết. Voi say là sự vô thường. Rồng độc là ác đạo. Năm con rắn độc là ngũ uẩn. Cỏ mọc là mạng căn.

Hai con chuột đen trắng là ngày đêm. Mật nhiều xuống là ngũ dục. Vì được mật nhỏ xuống nên quên cả sợ hãi, cũng ví như chúng sanh được giọt mật ngũ dục mà chẳng sợ khổ vậy.

Kinh: “Thân này không chắc chắn vì thế nào cũng phải chết. Thân này như rắn độc, như giặc cướp oán thù, như chốn bỏ hoang; vì do các âm, giới, nhập nhóm mà hợp thành.

Tổ Thập nói: Xưa có người đắc tội với vua, vua muốn giết ngầm sai dựng bốn con rắn độc trong rương rồi bắt phải giữ; có năm kẻ giặc thù hươi đao giành lấy. Có người thiện tri thức bảo phải chạy trốn, người đó liền chạy vào một xóm hoang và ở lại trong đó. Ông thiện tri thức lại bảo: "Chốn này là nơi giặc dữ ở, nếu ở đây, giây lát giặc đến sẽ giết người, lấy hết tiền của báu vật của người, phải mau bỏ đi mới yên ổn được". Người đó y theo lời dạy bảo liền bỏ đi, lại gặp một con sông lớn phải kết bè mà qua. Qua rồi người đó được yên ổn không còn lo sợ gì nữa.

Vua ví là ma, rương là thân, bốn rắn là tứ đại, năm giặc là ngũ uẩn, xóm hoang là sáu căn, giặc dữ là sáu trần, sông là sanh tử, thiện tri thức bảo chạy đi ấy là Phật.

Bồ tát dạy chúng sanh xa lánh ma dữ, vứt bỏ tứ đại, ném buông ngũ uẩn. Chúng sanh y theo lời dạy tuy buông xa ba sự lo sợ nhưng chưa ra khỏi các căn trần xóm vắng nợ thì chưa thoát khỏi giặc thù. Lại dạy khiến cưỡi bè bát chánh, qua giòng sanh tử. Qua giòng sanh tử rồi thì thân nhiên vô vi, chẳng còn sự lo sợ nào nữa vậy.

Sư Triệu nói: Sáu tình ví dụ cho xóm hoang đều thật có chứng cứ, ở kinh khác có ví dụ. Cho nên kinh Niết Bàn nói: "Quán thân tứ đại như rắn độc", thân này vô thường hằng làm chỗ cắn chích của muôn vàn trùng độc. Thân này như bản bị cái ngục tham muốn trói buộc. Thân này đáng sợ dường như con chó chết. Thân này chẳng trong sạch chín lỗ thường chảy ra. Thân này như thành lũy, máu thịt gân xương ở trong, da bọc ngoài; tay chân là lầu gác canh giữ; mắt làm lỗ hang đầu làm cung điện; tâm Vương ở giữa y như cái thân thành lũy vậy.

Chư Phật Thế Tôn đều ném bỏ. Kẻ phàm phu người ngu muội thường mê đắm cái mùi vị đó. Tham lam, dâm dục, giận hờn, oán ghét, si mê, ngu xuẩn, quý dũ la sát trú ngụ trong đó. Thân này chẳng bền chắc dường như cỏ lau, tranh, sậy trên nước, như cây chuối. Thân này vô thường niệm niệm chẳng dừng trụ, dường như chớp nhoáng, như nước chảy, như lửa ma trời cũng giống như vẽ trên nước, vẽ rồi nước lấp lại ngay.

Thân này dễ hư nát như cây lớn mọc ở mé sông hay trên đỉnh núi cao. Thân này chẳng lâu bền, cọp, sói, điều hâu, bò cắt, kên kên, chó đói đều muốn ăn nuốt. Ai là người có trí mà vui thích cái thân này?

Có thể lấy dầu chân trâu mà chứa hết nước của biển lớn nhưng cũng chẳng thể nói cho hết sự vô thường, sự chẳng sạch, sự như bản của cái thân này. Có thể vo tròn trái đất thành như trái táo rồi dần dần nhỏ như hạt đình lịch, sau cùng như hạt bụi nhưng cũng chẳng có sức nào nói cho hết sự ghê sợ của cái thân này. Do đó,

nên vứt bỏ nó như khắc nhỏ cục đờm, như hỷ mũi mà thôi.

Kinh: “Các ngài ơi! Thân này đáng lo chán hãy nên ham mộ cái thân Phật. Vì sao? Thân Phật ấy, tức là pháp thân vậy.

Sư Triệu nói: Kinh nói pháp thân là thân như hư không vậy. Không sanh mà cũng chẳng phải không sanh, không hình mà chẳng phải không hình. Vượt ngoài sự bày hiện của ba cõi. Dứt hẳn cái cảnh hữu tâm, âm nhập chẳng thể chi phối được, xung tưng, khen ngợi cũng chẳng đến được. Lạnh, nóng cũng chẳng thể làm lo nhọc. Sống chết cũng chẳng làm thay đổi được cái thể đó. Cho nên cái vật ấy vi diệu chẳng có hình tượng, nên không thể cho là có. Ứng hợp đầy đủ muôn hình nên chẳng thể cho là không. Thông khắp tất cả cõi nên chẳng thể bảo là nhỏ. Vào chỗ nhỏ nhiệm mà không cách hở nên chẳng thể cho là lớn. Cho nên vào sanh ra tử suốt thấu các biến hóa không cùng. Biến hiện ra các cõi khác mà không tìm được một mảy may manh mối. Chỗ đó kẻ nhĩ thừa chẳng biết được, hàng bồ xứ cũng chẳng trông thấy được, huống chi người phàm không mắt mà dám nghĩ bàn, thương lượng, suy xét đến cái khoản đó ư?

Liêu Y kinh nói: Tho sơ mà cực kỳ huyền diệu vậy. Vậy ắt cái pháp thân nơi trời là trời, nơi người là người. Há có thể bỏ cái thân trọng sáu trước mắt này mà xa tìm cái pháp thân xa xôi nào ư?

Kinh: “Thân ấy do vô lượng công đức trí huệ sanh. Do giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sanh. Do từ, bi, hỷ, xả sanh. Do bố thí, trì giới, nhẫn nhục nhu hòa, siêng hành, tinh tấn, thiên định, giải thoát tam muội, trí huệ, các pháp ba

la mật sanh.

Sư Triệu nói: Thiên có Tứ thiên; định có Tứ định; giải thoát có Bát giải thoát; tam muội có Tam tam muội. Đây là các biệt hạnh của Thiên độ.

Chữ các (chư) tức là sáu phép qua bờ kia (Lục độ Ba La mật). Chữ Ba La Mật Tần dịch là qua bờ kia, bờ kia là bờ thật tướng vậy.

Được "pháp vô sanh" thì về sau các pháp tu hành đều trọn hợp với thật tướng không còn phân biệt nữa.

Kinh: “Do phương tiện sanh, do lục thông sanh.

Sư Triệu nói: Bạc Thất địa Bồ tát trở lên ắt đủ lục thông. Nếu chẳng có lục thông thì chẳng thể chuyển hóa, chẳng lấy gì mà thành cái pháp thân vậy.

Kinh: “Do tam minh sanh.

Sư Triệu nói: Thiên nhãn, Túc mệnh trí, Lậu tận thông là tam minh vậy.

Kinh: “Do ba mươi bảy phẩm trợ đạo sanh. Do chỉ quán sanh.

Tổ Thập nói: Lúc mới tu pháp quán buộc tâm vào một chỗ gọi là Chỉ; tột đỉnh tức sáng, sáng tức huệ, huệ là Quán vậy.

Sư Triệu nói: Pháp Chỉ Quán tức là pháp Định Huệ vậy.

Kinh: “Do thập lực, tứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng sanh. Do dứt lìa hết thấy pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện

sanh. Do chân thật sanh. Do không buông lung sanh. Do vô lượng pháp thanh tịnh như thế mà cái thân Như Lai sanh.

“Này các nhân giả! Muốn được thân Phật, dứt tất cả bệnh chúng sanh thì phải phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.”

Như thế trưởng giả Duy Ma Cật ứng hợp thuyết pháp với những người đến thăm bệnh ông, khiến cho vô số trời người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

III. PHÂM ĐỆ TỬ

Sư Triệu nói: Bậc thượng thiện như nước, tùy theo chỗ cao thấp mà uốn khúc thuận xuôi nên thành mà không lẫn lộn. Cái giờ cổ động cho sự lành đã đến, sở dĩ hợp cơ mà không sai thất vì đó là cái mà người đời ghét sợ, cho nên cùng tật bệnh với người đời. Đức Thế Tôn đại từ ắt trông xuống thăm hỏi, nhân đó mà hoàng dương đạo pháp sâu rộng khắp nơi. Đó là cái bản ý của việc thị hiện tật bệnh vậy.

XÁ LỢI PHÁT

Kinh: Lúc bấy giờ, trưởng giả Duy Ma Cật tự nghĩ rằng: “Nay ta bệnh nằm nơi giường, Thế Tôn là đáng đại từ, lẽ đâu chẳng đoái lòng thương xót.” Phật biết ý ấy liền bảo ngài Xá-Lợi-Phát rằng: “Ông đi đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh.”

Tổ Thập nói: Trong pháp của bậc Thanh văn, cái trí huệ vô lậu của các bậc La Hán cao trội hơn cái trí huệ của kẻ thế tục. Trong pháp Đại thừa, hai việc của Bồ tát đều vượt hơn. Nay dùng cái pháp của bậc Thanh văn để nêu rõ về sự lớn nhỏ, cho nên trước sai đệ tử. Trong hàng đệ tử ngài Xá Lợi Phát là hàng trí huệ bậc nhất nên bảo đi thăm trước vậy. Phật biết rõ ngài chẳng đủ sức nhưng vẫn bảo đi là muốn để cho cái tài biện luận thù thắng của ngài Duy-Ma-Cật được phát khởi lên trong hội chúng. Rồi lại bảo người khác thêm nữa là muốn cho mỗi người đều nói rõ ra chỗ sáng đẹp của cái trí huệ biện tài ứng khắp đó vậy.

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ấy. Vì sao? Nhớ lúc trước con từng ở trong rừng ngồi yên thiền định dưới gốc cây. Khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: “Thưa ngài Xá-Lợi-Phất! Chẳng phải ngồi như vậy mà là ngồi yên đâu. Phàm ngồi yên thì thân ý chẳng hiện nơi ba cõi mới thật là ngồi yên.

Sư Triệu nói: Phàm cái yên ngồi của pháp thân thì thân tâm đều dứt, "đạo" dứt tuyệt cảnh trạng thường tình, thấy nghe chẳng đến được. Há còn hiện thân trong ba cõi ư? Chỉ tu sửa tâm ý mà là định sao? Ngài Xá Lợi Phất còn có cái thân sanh quả báo trong đời và ý căn thể báo. Vì còn bị nhân gian phiền nhiễu nên tọa thiền dưới gốc cây nhưng thân tâm chưa thể; không dấu vết, cho nên bị cái quả trách này. Chỗ quả trách này rất có ích vì còn đâu ta người mà lấy phải quấy làm tâm ư?.

Kinh: “Chẳng khởi diệt định mà bày hiện các oai nghi mới thật là ngồi yên.

Sư Triệu nói: Tiểu thừa vào diệt tận định thì hình như cây khô không có được khả năng vận dụng. Bồ tát nhập thật tướng định, tâm trí đời đời dứt lặng nhưng dạng hình đầy khắp pháp giới, thuận theo cơ duyên mà làm, ứng hội không định hướng cử động tới ngừng chẳng mất oai nghi. Đó là ngồi yên, là tốt định vậy.

Trên nói chẳng hiện thân nơi ba cõi, đây nói hiện các oai nghi vậy. Đại phàm dùng vô hiện nên không đâu chẳng hiện, không đâu chẳng hiện chính là cái thể của chẳng hiện.

Kinh: “Chẳng đời đạo pháp mà hiện bày việc phạm mới thật là ngôi yên.

Sư Triệu nói: Tiểu thừa còn có chương sanh tử cho nên chẳng hòa sáng cùng đời. Bậc Bồ tát tốt xấu cùng đều ý vị, đạo đời là một, cho nên suốt ngày phạm phũ là suốt ngày đạo pháp.

Ông Tịnh Danh có gia đình là cái sự việc đó vậy.

Kinh: “Tâm chẳng nương trong cũng chẳng dựa ngoài mới thật là ngôi yên.

Tổ Thập nói: Bậc hiền thánh nhiếp tâm gọi là trong. Người đời ruồi giông theo ý tưởng đó gọi là ngoài. Nói là chẳng trong cũng chẳng ngoài ấy là cái tâm trong ngoài đồng đẳng vậy.

Kinh: “Đối với các kiến chẳng động mà tu hành theo ba mươi bảy phẩm trợ đạo mới thật là ngôi yên.

Sư Triệu nói: Các kiến là sáu mươi hai vọng kiến. Vì lấy "thấy" làm "chỗ thấy" cho nên cần phải xả bỏ cái "thấy" ấy để trau dồi đạo phẩm. Bậc Bồ tát quán tưởng cái chân tánh của cái "thấy" ấy, đó là đạo phẩm vậy. Cho nên chẳng bỏ cái "thấy" trước mắt mà xa tu theo đạo phẩm.

Kinh: “Chẳng lia đứt phiền não mà vào Niết bàn mới thật là ngôi yên.

Tổ Thập nói: Phiền não tức Niết bàn cho nên chẳng chờ đoạn đứt rồi mới vào.

Kinh: “Nếu có thể như vậy mà ngồi thì Phật chứng minh

cho.” Bạch Thế Tôn! Lúc ấy nghe như vậy, con lặng thinh không trả lời được nên con chẳng kham lãnh đến thăm bệnh ông.

MỤC KIỀN LIÊN

Kinh: Phật bảo ngài Đại Mục Kiền Liên: “Ông đi đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh.”

Tổ Thập nói: Ông Mục Liên là giòng dõi Bà La Môn tên là Câu Lục Đà. Câu Lục Đà là tên của thần cây cổ thụ, vì lấy sự cầu thần mà được nên dùng đặt tên. Sinh ra có tánh rất thông minh nên gọi là Đại Mục Liên, là bậc thần thông đệ nhất.

Kinh: Ngài Mục Kiền Liên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ấy. Vì sao? Nhớ lúc trước con vào trong thành lớn Tỳ Da Ly nói pháp cho các cư sĩ nghe trong một ngõ xóm. Lúc ấy ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: “Thưa ngài Mục Kiền Liên, nói pháp cho bạch y cư sĩ chẳng đúng như chỗ Ngài nói đó, phàm nói pháp phải như pháp mà nói. Pháp không có chúng sanh nên lìa sự nhớ lầm của chúng sanh.

Tổ Thập nói: Bậc cư sĩ trí huệ sáng suốt linh lợi đáng được nghe ngay thật tướng. Nhưng ông Mục Liên chưa thấy được cái căn của người, y theo lẽ thường mà thuyết pháp, trước dùng bày sự thí giới để khởi phát lòng tỏ ngộ của đám cư sĩ; cư sĩ nghe sự bố thí các giới cùng sự sanh về cõi trời hưởng phước tất dấy lên cái chúng sanh tướng. Khởi chúng sanh tướng rồi ắt nơi các pháp cũng

vọng sanh cái tướng tướng. Cho nên lập chương này để tỏ rõ cái không có chúng sanh sau rồi phá hết thảy tướng. Vậy mới có thể xoay ngược chỗ mê mà ứng hợp với bản thức vậy.

Sư Triệu nói: Từ đây về sau, nói về cái nghĩa của chân pháp. Hễ còn chúng sanh tướng ắt như lấm lấm chân pháp. Nếu ngộ pháp không có chúng sanh ắt cái như lấm kia tự là mất vậy. Chúng sanh tự mình tập nhiễm chấp trước cái ngã quá nặng cho nên trước nêu lên cái “ngã” đó không thật có là vậy.

Kinh: “Pháp chẳng có ta cho nên là sự như lấm của cái ta. Pháp không có thọ mạng cho nên là sanh tử.

Sư Triệu nói: Sống chết là cái đầu cuối của cái mạng. Đầu cuối đều là xa ắt thọ mạng cũng chẳng có. Cái tiếng là ấy là tên riêng khác của cái không mà thôi.

Kinh: “Pháp không có người cho nên trước sau đều là dứt. Pháp hằng vắng lặng cho nên dứt bặt các hình tướng. Pháp là hình tướng cho nên chẳng có chỗ duyên. Pháp không có danh tự cho nên là dứt ngôn ngữ. Pháp không giảng nói cho nên là giác quán. Pháp không hình tướng cho nên như hư không. Pháp không hý luận cho nên rốt ráo không. Pháp không ngã sở cho nên là ngã sở. Pháp không phân biệt cho nên là các thức. Pháp không so sánh cho nên không đối đãi. Pháp không thuộc nhân cho nên không tại duyên. Pháp đồng pháp tánh cho nên khắp vào các pháp. Pháp tùy chân như cho nên không chỗ tùy. Pháp trụ thật tế cho nên các bên chẳng lay động.

Tổ Thập nói: Ba tên này trong một cái thật vậy. Do lúc quán tưởng có cạn sâu cho nên có ba tên. Ban đầu mới thấy cái thật đó gọi là "nhu", đi vào thâm sâu hơn gọi là "tánh", hết trọn các bên gọi là "thật tế". Vì kẻ mới học bị lục tình dẫn dắt tâm theo vật mà chuyển, khi quán thì thấy đồng nhau, ra khỏi quán thì thấy khác nên nói rõ các pháp đồng với ba pháp này. Cho nên pháp có, pháp không chẳng phải đúng, so với chân thật chỉ là ngoài rìa. Do đó nói có mà chẳng phải có, nói không mà chẳng phải không. Tuy các trần ngoài rìa đầy khởi nhưng không làm chuyển đổi chân tánh thành khác được. Cho nên nói các bên chẳng động vậy.

Kinh: “Pháp không dao động chẳng nương sáu trần. Pháp không tới lui, thường không trụ. Pháp thuận không, tùy theo không hình sắc, ứng với không làm.

Sư Triệu nói: Ba Không đồng vậy.

Kinh: “Pháp lìa tốt xấu. Pháp không thêm bớt. Pháp không sanh diệt. Pháp không chỗ về. Pháp vượt khỏi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Pháp không cao thấp. Pháp thường trụ chẳng động. Pháp lìa tất cả quán hạnh. Nay, ngài Đại-Mục-Kiền-Liên! Pháp tướng như thế há có thể nói được sao?

“Vả chẳng người nói pháp thì không nói không dạy. Còn người nghe pháp cũng chẳng nghe được; ví như nhà huyền thuật nói pháp cho người huyền hóa nghe, phải rõ suốt ý như thế mà nói pháp. Phải biết căn cơ của chúng sanh có kẻ nhanh người chậm, khéo nơi sự thấy biết nên không bị ngăn ngại.

Dùng tâm đại bi ca ngợi pháp Đại thừa, nghĩ nhớ đền trả ân Phật, chẳng dứt mắt Tam Bảo, rồi sau mới nói pháp.”

Khi ông Duy Ma Cật nói pháp ấy rồi, tám trăm cư sĩ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Con không có biện tài như thế nên không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

ĐẠI CA DIẾP

Kinh: Phật bảo ngài Đại Ca Diếp: “Ông đi đến ông Duy-Ma-Cật thăm bệnh.”

Ngài Đại Ca Diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc trước có lần con đi khát thực trong xóm nhà nghèo. Lúc ấy, ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: “Này ngài Đại Ca Diếp! Có lòng từ bi mà chẳng thể phổ khắp là bỏ nhà giàu mà theo nhà nghèo khát thực.

Tổ Thập nói: Trước khi Phật xuất gia, ông, Ca Diếp là vị đệ tử nhất đầu đà. Lần nọ từ trong núi đi ra, mình mảy bản thủ quần áo rách rưới đến viếng Phật; các vị tỳ kheo thấy vậy khởi lòng khinh rẻ. Phật muốn trừ lòng khinh mạn của các vị tỳ kheo đó mới nói rằng: “Lành thay! Ca Diếp đến”, rồi phân chỗ ngồi. Ông Ca Diếp chối từ: “Phật là đấng Đại Sư, con là đệ tử sao dám ngồi chung.”

Phật nói: "Ta thiên định giải thoát, trí huệ tam muội, đại từ, đại bi giáo hóa chúng sanh. Ngươi cũng y vậy có chi sai khác".

Mấy thầy Tỳ kheo nghe rồi sanh lòng hiểm có, tăng thêm cung

kính. Ông Ca Diếp nghe vậy thường học tập cái hạnh từ bi cứu khổ giúp người của Phật, có lòng từ bi đó nhưng lại bỏ giàu theo nghèo. Ý tại đâu? Vì lẽ người nghèo xưa chẳng trông phước cho nên phải trả cái báo đó, nay chẳng hóa độ thì đời sau càng nghèo thêm.

Cũng vì ghét kẻ chỉ biết làm giàu ham danh lợi chẳng biết đời sau chỉ biết hiện nay vui sướng mà thôi. Cũng vì lẽ người giàu ngạo mạn, phóng túng, khó mở mang dạy dỗ. Cũng vì lẽ người nghèo hiểu rõ sự khổ, nhàm chán sự đó nên tâm dễ được.

Bỏ hay theo đều là cái thấy phân biệt, cho nên tránh chỗ chẳng khắp mà khuyên lấy chỗ bình đẳng vậy.

Sư Triệu nói: Ông Ca Diếp vì thấy những người nghèo xưa chẳng trông phước cho nên sanh vào chỗ cực khổ, nếu nay chẳng chứa thêm lành sau ắt khổ hơn nữa. Do đó thương cái khổ kéo dài mà thường đến khát thực. Ông Tịnh Danh vì chỗ bỏ giàu theo nghèo đó nên trách ông Ca Diếp chẳng phổ khắp vậy.

Kinh: “Ngài Ca Diếp! Trụ pháp bình đẳng mới nên đi khát thực theo tuần tự.

Sư Triệu nói: Sống chết luân chuyển, giàu nghèo vô thường. Hoặc đời nay giàu đời sau nghèo khổ, hoặc đời này nghèo đời sau giàu. Nếu quán rộng ra sướng khổ chẳng khác nhau. Phạm là trụ trong bình đẳng pháp thì tuần tự mà đi khát thực chẳng nên bỏ giàu mà đến chỗ nghèo.

Kinh: “Vì chẳng ăn nên mới đi khát thực.

Tổ Thập nói: Đó là thật tướng của sự ăn, nên lấy cái tâm đó mà khát thực.

Kinh: “Vì hoại tướng hòa hợp nên dùng cơm ăn.

Tổ Thập nói: Hòa hợp tướng là là đoạn thực (tức là cơm và đồ ăn vắt chung lại một nắm).

Sự ăn có bốn cách:

1. Đoạn thực.
2. Xúc thực.
3. Tư thực.
4. Thức thực.

Hoại tướng hòa hợp chính là thật tướng khiến bảo dùng cái tâm đó mà đi khát thực vậy.

Kinh: “Vì chẳng thọ nên nhận món ăn đó.

Sư Triệu nói: Chẳng thọ cũng là pháp Niết bàn vậy. Phạm Niết bàn (vắng lặng) mà đi khát thực ấy, ứng với cái tâm không thọ mà nhận món ăn đó. Như vậy ắt trọn ngày thọ mà chưa từng thọ nhận vậy.

Kinh: “Vì tướng “không tụ” mà vào nơi tụ hợp xóm làng.

Sư Triệu nói: "Không tụ" cũng là tướng của Niết bàn vậy. Phạm đi vào chỗ xóm làng phải ghi lòng cái tướng ấy. Được như vậy ắt trọn ngày nơi xóm làng nhưng trọn ngày "không tụ" vậy.

Kinh: “Chỗ thấy hình sắc giống như mù.

Sư Triệu nói: Bạc Nhị thừa chán ghét sanh tử, hãi sợ sáu trần nên lấy quán tưởng mà gìn giữ. Mù là chẳng thấy chỗ tốt xấu khác nhau, không phải là nhắm mắt đâu.

Kinh: “Chỗ nghe tiếng cũng như vang.

Sư Triệu nói: Chưa từng có việc vì tiếng dội trong núi mà mừng giận vậy.

Kinh: “Chỗ ngửi mùi như gió thoảng.

Sư Triệu nói: Thơm, thối nhân bởi gió, nhưng gió vốn chẳng có thơm thối, nên giữ lấy cái chẳng ghi nhớ đó vậy.

Kinh: “Dùng thức ăn vị chẳng phân biệt.

Tổ Thập nói: Pháp không có định tánh. Do phân biệt giữ tướng nên mới có mùi vị. Nếu chẳng phân biệt thì cũng không có mùi vị. Tuy ăn nhưng nên như bản tướng vậy.

Kinh: “Lãnh chịu các sự cảm xúc như trí chúng.

Sư Triệu nói: Được Lộ tận trí (trí đoạn hết phiền não). Vô sanh trí (trí biết thân ta chẳng sanh lại trong ba cõi nữa). Tự chứng thành đạo, cái thân như nhuyễn khoángi lạc nhưng chẳng sanh lòng bám níu. Thân mình thọ nhận các sự cảm xúc phải nên như vậy.

Kinh: “Biết các pháp như huyễn tướng, không tự tánh, không tha tánh. Trước vốn không sanh nay cũng không diệt.

Tổ Thập nói: Ngón tay nắm lại thành quyền, cho nên quyền không có tự tánh. Ngón tay cũng vẫn vậy nên không có tha tánh.

Sư Sanh nói: Nương cái khác sanh ra cho nên không có tự tánh. Đã không có tự tánh sao có tha tánh? Vốn tự nó chẳng sanh sao lại có diệt? Cho nên là như huyễn vậy.

Kinh: “Ngài Ca Diếp! Có thể chẳng bỏ bát tà mà vào bát giải thoát.

Sư Triệu nói: Bát tà, bát giải thoát đồng một bản tánh. Khéo quán bát tà liền nhập bát giải thoát. Sao lại bỏ bát tà mà cầu giải thoát ư? Nếu có thể như thế bèn gọi là nhập giải thoát vậy!

Kinh: “Dùng tướng tà mà vào chánh pháp.

Sư Triệu nói: Nếu bản tánh thường một ấy ắt tà chánh cùng hòa nhập, chẳng trái với hình tướng đó vậy.

Kinh: “Dùng một bữa ăn mà thí cho hết thầy, cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh rồi sau mới ăn.

Sư Triệu nói: Nhân đó mà dạy pháp bồ thí không ngăn ngại vậy. Nếu tà chánh bình đẳng lại hay dùng tâm bình đẳng thí cho hết thầy chúng sanh, cúng dường chư Phật, các vị hiền thánh, thì mới nên ăn món ăn của người đời.

Pháp bồ thí không ngăn ngại là phạm được bữa ăn trước phải dùng cái ý thí cho hết thầy chúng sanh sau đó mới ăn.

Như được pháp thân ắt có thể thí sự đầy đủ cho tất cả. Như chuyện bát cơm sau này vậy. Như chưa được pháp thân phải khởi ý bình đẳng mà thí khắp. Đó là pháp bồ thí vô ngại vậy.

Kinh: “Như thế mà ăn thì chẳng có phiền não, chẳng lìa

phiền não.

Sư Triệu nói: Cái ăn còn có phiền não là người phạm tục. Là phiền não mà ăn là bậc nhị thừa. Được như nói trên tức là bình đẳng mà ăn, ắt là cái ăn của pháp thân vậy. Chẳng phải có phiền não mà ăn, chẳng phải là phiền não mà ăn vậy.

Kinh: “Chẳng phải tâm nhập định, chẳng phải tâm xuất định.

Sư Triệu nói: Bậc Tiểu thừa nhập định tất chẳng ăn, ăn tất không vào định. Bậc pháp thân Đại Bồ tát trọn ngày ăn nhưng trọn ngày định. Cho nên không có cái tâm vào định ra định vậy.

Kinh: “Chẳng trụ thế gian, chẳng trụ Niết bàn.

Sư Triệu nói: Muốn nói trụ thế gian thì pháp thân tuyệt hẳn thường tục. Muốn nói trụ vào Niết bàn thì cũng có ăn như người cõi dục.

Kinh: “Người thí ấy không có phước lớn, không có phước nhỏ chẳng có gì thêm, chẳng có gì bớt.

Sư Sanh nói: Người bình đẳng bố thí được quả báo bình đẳng. Cho nên người chủ thí cũng chẳng thấy có cái phước lớn nhỏ.

Kinh: “Đó là thật vào Phật đạo, chẳng nương theo Thanh văn.

Sư Triệu nói: Bình đẳng khát thực. Lợi cho mình lợi cho người, cho nên thật vào Phật đạo, chẳng nương theo con đường của bậc Thanh văn.

Kinh: “Ngài Ca Diếp! Như thế mà ăn thì chẳng uổng đồ ăn của người cho vậy.”

Sư Sanh nói: Nói ắt có phước cho kẻ kia là không những đem kẻ kia ra khỏi cảnh nghèo khổ mà rốt cuộc còn được quả Đại thừa vậy.

Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc ấy, nghe lời nói đó con được việc chưa từng có, liền khởi tâm cung kính sâu xa với tất cả các vị Bồ tát. Lại nghĩ rằng: Ông ấy có danh tiếng nên biện tài trí huệ mới được như vậy! Ai nghe mà chẳng phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Sư Triệu nói: Thời đó gọi là tại gia Đại Bồ tát Trí huệ biện tài vô ngại nên ai gặp mà chẳng phát tâm vô thượng.

Kinh: Từ ấy đến nay, con chẳng còn khuyên người tu theo hạnh Thanh văn và hạnh Bích chi Phật. Vậy nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

TU BỒ ĐỀ

Kinh: Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: “Ông đi đến ông Duy-Ma-Cật thăm bệnh.”

Tổ Thập nói: Ông Tu Bồ Đề, Tàn gọi là Thiện Nghiệp, hiểu lý chữ "Không" đệ nhất. Vì lẽ ông Duy Ma Cật có thể chỉ bảo chỗ sai thất cho ông Thiện Nghiệp nên Phật mới khiến qua thăm để nói rõ ra chỗ sai thất đó. Thí như người bắn cung giỏi, bắn ra không sai đích, tên tuy nhẹ nhanh nhưng cũng chẳng lượn quanh thành

Kỳ-Xá được. Ông Duy Ma Cật trí huệ biện tài sâu xa, lời nói chẳng sai thất cơ hội cho nên năm trăm vị đệ tử của Phật ứng theo chân thật chẳng kham lãnh đến thăm bệnh ông vậy.

Ông Thiện Nghiệp tự cho mình trí huệ sâu xa, biện tài đủ để ứng đối cho nên sẽ đến ngay chẳng ngại, đó là cái ý khiến qua thăm vậy. Nhưng hiện thời ông Thiện Nghiệp vào quán tưởng thì tâm thuận theo pháp tướng, đến khi xuất định thì "tình" lại theo sự chuyên, chỗ hờ sót chính là chỗ này đây!

Ông Duy Ma Cật nêu ra chỗ ông Thiện Nghiệp tự cho mình là thấu hiểu sâu xa nhưng trái với "Pháp bình đẳng" cho nên chương này lời lẽ thâm thiết. Cốt chỉ sâu xa.

Các vị Thanh văn chẳng đồng đều nơi thể tánh, ai cũng có tài riêng gọi là đệ nhất, cho nên năm trăm vị đệ tử đều gọi là đệ nhất vậy.

Sư Triệu nói: Ông Tu Bồ Đề, Tàn dịch là Thiện Cát, trong hàng đệ tử là vị hiểu rõ lý Không hạng nhất.

Kinh: Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc trước, con vào thành Kỳ Xá khát thực, lúc ấy ông Duy Ma Cật cầm lấy cái bát của con san đầy cơm vào.

Sư Sanh nói: Ông Duy Ma Cật xưa trong hàng cư sĩ nên bị cái nghi kỵ về sự tham tiếc. Nếu chưa đưa đồ ăn mà cật vẫn như thế thì đừng cho là hơn. Cho nên trước phải cầm bát san đầy cơm vào, nhưng chẳng đưa ngay vì sợ ông Tu Bồ Đề cầm bát đi liền, không

kip hết lời luận đàm vậy.

Kinh: Rồi nói với con rằng: “Thưa ngài Tu Bồ Đề nếu có thể bình đẳng với các món ăn thì các pháp cũng bình đẳng.

Sư Sanh nói: Nếu ý vào định mà đến thì đối với định mà chẳng có bình đẳng vậy. Bèn lấy món ăn cật vấn là để rõ ra việc ăn cũng chẳng bình đẳng. Chẳng bình đẳng nơi sự ăn thì sao bình đẳng nơi pháp định được? Tất cả đều chẳng bình đẳng vậy. Đã không bình đẳng thì làm sao có định bình đẳng mà ý lại.

Kinh: “Các pháp đã bình đẳng thì các món ăn cũng bình đẳng. Như thế mà khát thực mới nên nhận món ăn.

Sư Triệu nói: Ông Tu Bồ Đề vì lẽ kẻ trưởng giả giàu có, phóng túng, tham tiệc, không lo đến sự vô thường, nay tuy sung sướng khoái ý nhưng sau tất bị nghèo khổ, nên sanh lòng thương cảm cho cái mê hoặc đó, cho nên hay lại khát thực. Nay vào nhà ông Tịnh-Danh, ông Tịnh Danh liền cầm bát san đầy cơm vào, cái khoảng chưa trao là để trách chỗ chưa bình đẳng vậy.

Nói là muôn pháp cùng một tướng, mỗi mỗi nên biết. Như đối với việc ăn bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng. Các pháp đã bình đẳng, việc ăn cũng bình đẳng. Lấy đó mà đi khát thực thì mới nên nhận món ăn. Sao lại bỏ nghèo theo giàu? Tự mình sanh cái tướng khác lạ ư?

Kinh: “Nếu ngài Tu Bồ Đề chẳng lìa dứt dâm dục, nóng giận, si mê mà cũng không chung cùng với chúng.

Sư Triệu nói: Lìa dứt dâm dục, nóng, giận, si mê là hạng Thanh văn. Cùng với dâm dục, nóng giận, si mê là kẻ phàm phu. Bạc Bồ tát xem dâm dục, nóng giận, si mê là Niết bàn. Cho nên chẳng lìa dứt chẳng chung cùng. Nếu khéo được như thế mới nên nhận đồ ăn vậy.

Kinh: “Chẳng hủy hoại thân mà tùy nhất tướng.

Sư Triệu nói: Vạn vật đồng yếu lý, phải trái thấy như nhau là nhất tướng. Vậy thân thể là nhất tướng, sao lại đợi tới chỗ hư nát thân hình, diệt mất cơ thể rồi mới gọi là nhất tướng ư?

Kinh: “Chẳng diệt dứt si độn, thương yêu, mà khởi ra giải thoát.

Sư Triệu nói: Kẻ Thanh văn cho là si độn phủ che cái trí, do đó diệt dứt si mê tất nên sáng suốt. Cho là thương yêu ràng buộc cái tâm cho nên cởi khỏi thương yêu tất giải thoát. Bạc Bồ tát thấy cái tướng của si mê, thương yêu chính là sáng suốt giải thoát cho nên chẳng diệt dứt cái si độn yêu thương mà khởi lên cái minh thoát (tức là sáng suốt giải thoát) vậy.

Kinh: “Dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, chẳng mở cũng chẳng buộc.

Sư Triệu nói: Chân tướng của ngũ nghịch tức là giải thoát, sao còn có cái khác của cởi hay buộc ư? Ngũ nghịch là tội rất nặng, giải thoát là cái thẳng trôi của đạo vậy. Như hay nơi tướng ngũ nghịch mà được giải thoát thì mới nên nhận lấy đồ ăn của người.

Kinh: “Chẳng thấy tứ đế mà không phải chẳng thấy đế. Chẳng phải đắc quả mà không phải chẳng đắc quả. Chẳng phải phạm phu mà chẳng phải xa lìa phạm phu.

Sư Triệu nói: Cái quả là các đạo quả vậy. Chẳng thấy tứ đế nên không đắc quả. Không phải chẳng thấy đế nên chẳng phải phạm phu. Cho nên tuy chẳng phải phạm phu nhưng chẳng lìa pháp phạm phu. Đó mới là cái đạo bình đẳng.

Kinh: “Chẳng phải thánh nhân mà không phải chẳng thánh nhân.

Sư Triệu nói: Chẳng lìa pháp phạm phu, chẳng phải thánh nhân vậy. Đạo vượt qua ba cõi chẳng phải không là thánh nhân vậy.

Kinh: “Tuy thành tựu tất cả pháp nhưng lìa mọi pháp tướng. Như thế mới nên nhận món ăn.

Sư Triệu nói: Chẳng bỏ pháp dữ mà theo sự lành thời tất cả các pháp sao lại không thành? Các pháp tuy thành nhưng lìa sắc tướng. Dùng chỗ lìa sắc tướng nên xấu tốt đều thành vậy.

Kinh: “Nếu ngài Tu Bồ Đề chẳng có thấy Phật, chẳng có nghe pháp.

Sư Triệu nói: Dường khuyên răn lấy sự bình đẳng vậy. Phạm như hay được phải quấy bằng nhau, xấu tốt là một ấy, tuy trên đồng với đức Như Lai nhưng chẳng lấy làm tôn trọng, dưới đồng với bọn Lục sư chẳng lấy làm hèn hạ. Vì sao? Trời đất một cơ yếu,

muôn vật xem là một, cái tà chánh tuy khác nhau nhưng tánh chẳng có hai, đâu phải riêng đức Như Lai mới quý trọng mà Lục sư hèn thấp sao? Nếu hay đồng với bọn Lục sư kia, chẳng thấy có Phật, chẳng có nghe pháp, tu hành hay không tu hành chẳng lấy làm khác mới nên nhận lấy món ăn vậy. Đó là chỗ cùng lý, tận tánh tốt bực không còn phương nói vậy. Thiện ác hai đường nhưng chẳng nghịch trái cái thường hằng, tà chánh đối nhau nhưng chẳng mất cái chân thật. Đó gọi là cái bình đẳng chân chánh giáo hóa của đạo chẳng hai vậy.

Kinh: “Bọn Lục sư ngoại đạo kia như Phú Lan Na Ca Diếp.

Tổ Thập nói: Ca Diếp là họ của mẹ, Phú Lan Na là tên hiệu. Người này dấy lên cái tà kiến cho rằng tất cả các pháp không chỗ nào có, như hư không chẳng sanh diệt (đây là lý bác nhân quả luân hồi).

Sư Triệu nói: Họ Ca Diếp, tên là Phú Lan Na, là người dấy lên cái tà kiến cho rằng tất cả các pháp đoạn diệt tánh không, chẳng có cái đạo vua tôi, cha con, trung hiếu.

Kinh: “Mạt Già Lê Câu Xa Lê Tử.

Tổ Thập nói: Mạt Già Lê là tên, Câu Xa Lê Tử là tên mẹ. Người này khởi lên cái tà kiến coi tội lỗi của chúng sanh không có nhân không có duyên (nghĩa là tự nhiên mà có, chẳng do nhân duyên).

Kinh: “San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử.

Tổ thập nói: San Xà Dạ là tên, Tỳ La Chi Tử là tên mẹ, Người này khởi lên cái tà kiến cần phải trải qua sự sống chết lâu dài, chẳng kể kiếp số, rồi sau tự nhiên hết khổ.

Sư Triệu nói: Người này cho rằng đạo chẳng cần phải tìm cầu trải qua một số kiếp sanh tử, khổ hết rồi thì tự được. Giống như quay guồng tơ trên núi cao, tơ hết thì tự ngừng, khởi phải tìm cầu.

Kinh: “A Kỳ Đa Chỉ Xá Khâm Bà La.

Sư Triệu nói: A Kỳ Đa Chỉ Xá là tên, Khâm Bà La là tên thứ áo rách nát cực xấu. Người này bận cái áo rách nát, tự mình nhổ tóc, dùng năm cái móng chân đốt thân thể, dùng cái khổ hạnh làm đạo. Bảo là đời nay chịu khổ cực để đời sau thường được vui sướng.

Kinh: “Ca La Cưu Đà Ca Diên Chiên.

Tổ Thập nói: Tên của ngoại đạo vậy. Người này ứng vật mà khởi sự thấy. Như có người hỏi rằng: "Có ư?" Liền đáp: "Có." Hỏi "Không có ư?" Liền đáp: "Không có vậy."

Kinh: “Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử.

Tổ Thập nói: Ni Kiền Đà là tên, Nhã Đề là tên mẹ. Người này khởi cái tà kiến cho là: tội phước, khổ cực, sung sướng đều là do đời trước nay phải bồi trả. Nay tuy hành đạo nhưng không thể đoạn dứt chúng được.

Đó là Lục sư dấy lên tà kiến, mình mảy trần trường khổ hạnh, tự xưng là Nhất thiết trí, bậc lớn giống nhau nhưng bậc nhỏ có

khác vậy.

Đại phàm có ba loại Lục sư, cộng lại là mười tám bộ. Bậc Nhất tự xưng là Nhất thiết trí. Bậc hai được phép ngũ thông. Bậc ba tụng bốn bộ Vệ Đà. Các Lục sư nói trên thuộc bậc thứ nhất vậy.

Kinh: “Là thầy của Ngài. Ngài theo họ xuất gia. Họ đọa lạc Ngài cũng đọa lạc theo mới nên nhận món ăn.

Tổ Thập nói: Nhân cái thấy có phân biệt đó nên khuyên răn khiến xem như bình đẳng. Nếu không thấy Phật hơn bọn Lục sư mà theo họ xuất gia, cho đó là một, chẳng phá bỏ cái tướng phân biệt ấy mới nên nhận món ăn vậy.

Kinh: “Nếu ngài Tu Bồ Đề vào nơi tà kiến chẳng sang bờ bên kia.

Sư Triệu nói: Bờ kia là bờ thật tướng vậy. Hoặc giả cho tà kiến là tà, bờ kia là chánh, cho nên không xả cái tà kiến đó mà chọn bờ bên kia. Cái tà kiến và cái bờ kia bản tánh chẳng có chi sai khác, sao lại bỏ tà mà vui thích cái bờ kia ư? Vì thế vào nơi tà kiến mà chẳng sang nơi bờ kia mới nên nhận lấy món ăn vậy.

Từ hạng Lục sư trở xuống tất cả đều chẳng được diệt độ, tuy nảy sanh ra chỗ đàm luận trái ngược nhưng cần thiết để tạo thành cái thông suốt lớn lao vậy. Bậc thông tâm quân tử dùng đó để nêu bày cái Cơ yếu màu nhiệm.

Kinh: “Đứng trong tám nạn, chẳng được cái không nạn.

Sư Triệu nói: Phàm thấy nạn là nạn ấy, chắc bỏ nạn mà cầu vô

nạn. Nếu chẳng cho nạn là nạn thì có thể đứng vững trong nạn. Chẳng cho cái không nạn là không nạn cho nên chẳng được nơi không nạn vậy.

Kinh: “Đồng với phiền não, là pháp thanh tịnh.

Sư Triệu nói: Tỏ biết phiền não chẳng phải là phiền não, thì tuy trong phiền não, mà vẫn thanh tịnh. Nếu lấy thanh tịnh làm thanh tịnh thì tuy trong thanh tịnh mà là phiền não.

Như vậy đồng với phiền não, là tướng thanh tịnh ấy mới là thường tịnh vậy.

Kinh: “Ngài được pháp vô tranh tam muội tất cả chúng sanh cũng được pháp định ấy.

Tổ Thập nói: Pháp vô tranh tam muội có hai. Một là dùng cái sức của tam muội đem ra trợ giúp chúng sanh, khiến cho chẳng khởi lòng tranh giành. Hai là tùy thuận pháp tánh, không trái không tranh. Ông Thiện Nghiệp tự cho mình đã thâm đạt pháp Không chẳng có chỗ nào tranh cạnh, mà như đã được vô tranh thời ắt phải đối với chúng sanh không có chỗ nào sai biệt vậy.

Sư Triệu nói: Ông Thiện Cát đối với chúng sanh tánh hằng một Tánh này chẳng lẽ chỉ riêng ông Thiện Cát được mà chúng sanh không được hay sao? Đây là nói rõ cái tánh vốn chẳng riêng tư vậy.

Ông Thiện Cát trong năm trăm vị đệ tử là bậc thấu hiểu cái lý Không đệ nhất, thường khéo thuận pháp tướng, chẳng trái nghịch,

chẳng tranh cạnh. Trong đã chẳng tranh, ngoài cũng khéo xuôi thuận tâm chúng sanh khỏi chỗ tranh cãi. Được pháp định này gọi là Vô tranh tam muội.

Kinh: “Những người thí cho Ngài, chẳng gọi là phước điền.

Sư Triệu nói: Ta nhận đồ của người cho, khiến kẻ kia được phước lớn, cho nên gọi là phước điền. Còn như xem ta người chẳng khác thì ai là kẻ gieo giống? Ai là kẻ có ruộng?

Kinh: “Những kẻ cúng dường cho Ngài, đọa vào ba đường dữ.

Sư Triệu nói: Cái tổn hại của ngũ nghịch, cái ích lợi của cúng dường xem như bằng nhau, chưa giác thì thấy khác nhau. Bằng như ngũ nghịch phải sa đọa thì cúng dường cũng sa đọa vậy thôi.

Kinh: “Ngài nắm tay với chúng ma làm bạn lũ, Ngài cùng chúng ma và các phiền não trần lao như nhau chẳng có chi sai khác.

Sư Triệu nói: Đã là bạn lũ sao lại còn khác. Phạm vì không khác nên hay thành được cái khác vậy.

Kinh: “Có lòng oán hận tất cả chúng sanh, chê bai Phật, khinh rẻ pháp, chẳng gia nhập tăng chúng, trọn không được diệt độ.

Sư Triệu nói: Cái tâm phân chia thân sơ, cái ý chê khen tốt xấu dẹp đi, ai nói rằng có khác! Ví nói rằng chẳng khác thì sao là chẳng

đồng ư? Người phạm trọng tội tất chẳng được vào hàng hiền thánh, trọn chẳng được diệt độ.

Kinh: “Nếu Ngài được như thế mới nên nhận món ăn.”

Sư Triệu nói: Như hay đủ các ác nói trên mới nên nhận món ăn. Sao vậy? Phạm bỏ ác theo thiện là cái thường tình của người đời. Vậy ắt cái phải quấy dường mắc nơi lòng, dường chưa khỏi vương vấn, phải dùng pháp bình đẳng quán vậy. Vì lẽ còn cái giữ thiện là chỗ lo sợ, nên bỏ cái thiện để tìm cái tông chỉ. Vì lẽ bỏ điều ác là cái hệ vương mắc, cho nên là ác mà vẫn trở lại cội nguồn. Như vậy là ác bèn có cái công quên hệ lụy, bỏ cái thiện có cái công không đắm nhiễm.

Cho nên phải biết đồng với điều thiện chưa phải là được, đồng với điều ác chưa phải là mất, ý trong lời nói của ông Tịnh Danh là ở chỗ này đây.

Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc đó nghe như vậy, con hoang mang chẳng hiểu ông ấy nói gì và cũng không biết trả lời sao? Liên để bát lại muốn ra khỏi nhà. Ông Duy Ma Cật liền nói: “Thưa ngài Tu Bồ Đề, cứ lấy bát chớ sợ, ý Ngài nghĩ sao? Như Phật biến ra một người huyễn hóa và nếu người huyễn hóa đó đem việc này hỏi Ngài, Ngài có sợ chẳng?”

Sư Triệu nói: Ông Tịnh Danh muốn khiến cho ông Thiện Cát hoảng hóa đạo bình đẳng, vô tâm mà nghe, tốt xấu đều tùy thuận. Nhưng ông Thiện Cát đã chẳng hiểu nghĩa đó, mà mê mờ nơi chỗ nói, nên phải dẫn ra thí dụ đó để làm cho rõ ra.

Kinh: Con đáp: “Không.” Ông Duy Ma Cật lại nói: “Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa, Ngài nay chẳng nên sợ.

Sư Triệu nói: Như trong hàng đệ tử là người hiểu lý không bậc nhất đã biết biến hóa chẳng có tâm, cũng biết pháp như huyễn hóa, lấy lẽ ấy mà nghe có sao còn kinh sợ.

Kinh: “Vì sao? Vì tất cả lời lẽ nói ra chẳng là tướng ấy.

Sư Triệu nói: Tướng ấy tức là tướng huyễn hóa vậy. Lời lẽ nói ra như huyễn hóa, nghe cũng như huyễn hóa. Lấy huyễn hóa mà nghe huyễn hóa thì há có cái kinh sợ ư?

Kinh: “Bậc có trí chẳng vướng mắc nơi văn tự nên không chỗ sợ. Vì sao thế? Vì tánh văn tự là lìa.

Sư Triệu nói: Văn tự được sanh ra từ cái nắm giữ mê lầm. Pháp chẳng thể nắm giữ ắt tướng văn tự là lìa. Hư vọng giả danh kẻ trí chẳng vướng mắc.

Kinh: “Không có văn tự chính là giải thoát.

Sư Triệu nói: Giải thoát là vô vi chân giải thoát vậy. Phàm danh (tên gọi) sanh ra nơi chẳng đủ. Đủ tất không có danh. Cho nên chẳng có văn tự chính là chân giải thoát vậy.

Kinh: “Tướng giải thoát đó là các pháp vậy.”

Sư Triệu nói: Danh sanh ở pháp, pháp sanh nơi danh. Danh đã giải thoát cho nên các pháp cũng giải thoát vậy.

Kinh: Khi ông Duy Ma Cật nói pháp ấy rồi, hai trăm vị

Thiên tử được pháp nhãn tịnh, vì thế nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

PHÚ LÂU NA

Kinh: Phật bảo ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử: "Ông đi đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh."

Tổ Thập nói: Phú Lô Na, Tần gọi là Mãn (là trọn vẹn đầy đủ)

Di Đa La Ni là Thiên Tri Thức đó là tên bà mẹ. Là bậc đệ nhất trong hàng pháp sư, giảng kinh A Tỳ Đàm rất hay.

Kinh: Ngài Phú Lô Na bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc xưa, con ngồi trong một khu rừng lớn, dưới gốc cây, thuyết pháp cho các Tỳ kheo mới học.

Tổ Thập nói: Gần thành Tỳ Da Ly có một khu rừng, trong rừng có ao nước gọi là Di Hầu Trì, có nhà thiên. Đó là một trong ba cái tịnh xá nơi thành Tỳ Da Ly. Trong đó ông Phú Lô Na nói pháp cho kẻ mới nhập học nghe.

Kinh: Lúc ấy, ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: "Thưa ngài Phú Lô Na, Ngài nên nhập định trước để xem tâm của những người này đã rồi sau mới nên nói pháp.

Sư Triệu nói: Đại thừa, từ bậc pháp thân trở lên (là pháp thân Bồ tát) đã được chân tâm vô ngại, tâm trí lặng lẽ tự nhiên chưa từng chẳng định. Do tâm hằng an tịnh nên soi rọi đồng đều muôn việc, chẳng do sự tìm kiếm rồi mới biết.

Bậc Tiểu thừa, tâm còn ranh giới trở ngại, lại chẳng hay thường định; vả chẳng chỗ xem xét ở trong pháp định thì thấy, xuất định chẳng thấy. Lại nữa sức thâm sâu của định Thanh văn chỉ thấy tốt cái căn của chúng sanh trong tám vạn kiếp, định lực cạn yếu ấy chỉ thấy thân số mà thôi. Chỗ thấy của bậc Bồ tát, thấy đến vô cùng. Các vị Tỳ kheo mới nhập học đây có căn Đại thừa đáng nghe đại đạo, mà ông Phú Lô Na lại nói tiểu pháp, cho nên khuyên nhập định là vậy.

Kinh: “Chớ đem món ăn như đồ để trong bát báu.

Sư Triệu nói: Món ăn như đồ đổi là pháp của Tiểu thừa đựng trong đồ quý báu. Vô thượng là đồ dùng của Đại thừa vậy.

Kinh: “Phải biết chỗ niệm tưởng trong tâm của các vị Tỳ-kheo này, chớ cho ngọc lưu ly này đồng với thủy tinh kia. Ngài không biết được căn nguyên của chúng sanh thì chẳng nên phát khởi cho họ bằng pháp Tiểu thừa. Những người kia vốn không tỳ vết đừng làm cho họ tổn thương.

Sư Triệu nói: Những người kia vốn chất Đại thừa, tự họ không có vết tích, chớ lấy Tiểu thừa làm thương tổn họ vậy.

Kinh: “Họ muốn đi đường lớn, chớ chỉ lối nhỏ. Đừng đem biển cả nhét vào dấu chân trâu. Chớ cho ánh sáng mặt trời đồng với lửa đom đóm kia.

Sư Triệu nói: Vật lớn phải để trong chỗ lớn, sao lại dẫn rông voi về nơi đường nhỏ? Sao lại cho nước biển cả chảy vào lỗ chân trâu ư?

Kinh: “Ngài Phú Lô Na, các vị tỳ kheo này đã phát tâm Đại thừa từ lâu, nửa chừng quên lãng, sao lại lấy pháp Tiểu thừa mà chỉ dạy họ? Tôi xem hàng Tiểu thừa trí huệ cạn hẹp như người mù, không phân biệt được căn tánh lạnh lợi chậm chạp của tất cả chúng sanh.”

Liền ấy ông Duy Ma Cật nhập tam muội giúp cho các vị Tỳ kheo đó tự biết được kiếp trước của mình đã từng vun trồng nhiều cội đức trong năm trăm cõi Phật, đã từng hồi hướng về đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Liền đó các vị này rộng suốt trở lại được bản tâm.

Sư Triệu nói: Ông Tịnh Danh muốn giúp mở cái tâm đời trước, thành được cái ý nguyện của mình, cho nên dùng sức tịnh khiến cho các vị Tỳ kheo đó biết được kiếp trước của mình, tự biết đã từng vun trồng cội đức nơi năm trăm cõi Phật, đã từng hồi hướng công đức về đạo vô thượng. Đó là gốc vậy.

Kinh: Lúc ấy các vị Tỳ kheo cúi đầu đánh lễ sát chân ông Duy Ma Cật. Ông Duy Ma Cật nhân đó thuyết pháp làm cho các vị ấy không còn thoái chuyển nơi đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác nữa. Con thềm nghĩ hàng Thanh văn chẳng xem được cái căn cơ của người chẳng nên thuyết pháp nên con chẳng kham lãnh đến thăm bệnh ông.

MA HA CA CHIÊN DIÊN

Kinh: Phật bảo ngài Ma Ha Ca Chiên Diên: “Ông đi đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh.”

Tổ Thập nói: Vị này là giọng giống Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc, giải khế kinh rất hay.

Kinh: Ngài Ca Chiên Diên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc xưa, Phật lược nói pháp yếu cho các vị Tỳ kheo nghe, sau đó con liền diễn giảng rộng ra các nghĩa đó: nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, nghĩa tịch diệt.

Sư Triệu nói: Đức Như Lai lời lẽ giảng nói chưa từng có tâm, cho nên chỗ nói pháp ấy chưa từng có tướng. Ông Ca Chiên Diên chẳng hiểu nghĩa cái ý chỉ màu nhiệm, cho nên khi nhập thất (tham học) đều lấy cái hình tướng mà giảng. Sao vậy? Đức Như Lai bỏ thường nên nói vô thường, chẳng phải thật cho là vô thường. Bỏ vui nên nói khổ, chẳng phải thật cho là khổ. Bỏ thật nên nói không, chẳng phải thật cho là không. Bỏ ngã nên nói vô ngã, chẳng phải thật cho là vô ngã. Bỏ tướng nên nói tịch diệt, chẳng phải thật cho là tịch diệt.

Năm cái pháp này gọi là "Giáo pháp vô ngôn" là cái "thuyết pháp không hình tướng". Nhưng ông Ca Chiên Diên chẳng thấy được chỗ tốt cùng, chỗ nghe tùy theo tâm sai khác. Nghe pháp vô thường, bèn chấp chuyển động; nghe pháp tịch diệt cũng chấp lấy tướng tịch diệt; do đó mà lời nói thì giống nhưng yếu chỉ thì khác. Ông Ca Chiên Diên vì lẽ đó mà lầm lạc vậy.

Kinh: Lúc bấy giờ ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: “Thưa ngài Ca Chiên Diên, Ngài không nên đem tâm hạnh sanh diệt mà nói pháp thật tướng.

Tổ Thập nói: Bằng không sanh diệt ắt không có chỗ gây tạo. Không có chỗ gây tạo bèn đạt đến thật tướng. Nhân vì ngài Ca-Chiên-Diên lấy sanh diệt làm thật cho nên bị trách “chẳng nên dùng cái pháp sanh diệt mà nói pháp thật tướng.” Nếu thông thì chẳng cần tiếp năm câu sau này đâu.

Kinh: “Ngài Ca Chiên Diên! Các pháp rốt ráo chẳng sanh chẳng diệt là nghĩa vô thường.

Tổ Thập nói: Phạm nói pháp Không, ắt trước nói pháp vô thường, vô thường là cái cửa mới vào của pháp Không. Mới vào gọi là vô thường, rốt ráo gọi là Không. Xu hướng tuy giống nhau nhưng lấy chỗ tinh thô làm sâu cạn vậy.

Nói thế vì sao? Nói vô thường ắt nói rằng niệm niệm chẳng trụ, chẳng trụ thì phải dùng buộc lại để trụ. Tuy nói trụ lâu nhưng chưa hiểu rõ cái vô trụ, đó là cái vô thường thô vậy. Nhưng chưa đến tột mực đâu.

Khiến cho một niệm, như nay buộc trụ ắt sau cũng trụ như nay trụ sau trụ thì trước sau không thay đổi, nương vào cái trước sau không thay đổi đó tất chẳng tự nhiên vậy.

Rõ lẽ lúc trụ chẳng có trụ, thì trụ tức là chẳng trụ mới là cái chân vô thường vậy. vốn bởi lấy trụ là có, nay không trụ thì không có, chẳng có tất rốt ráo không, rốt ráo không là cái cơ yếu mầu nhiệm của vô thường, cho nên nói rốt ráo không là nghĩa của vô thường vậy. Ông Ca Chiên Diên chưa tường tận mà đã gọi là cùng tột cho nên mới chịu cái quả trách về sự tướng quấy vậy.

Kinh: “Năm thọ ẩm rộng suốt, không chỗ khởi là nghĩa khô.

Sư Triệu nói: Ngũ ẩm của kẻ hữu lậu thọ nhận nhiễm sanh tử gọi là thọ ẩm. Tiểu thừa thì thọ ẩm khởi lên tất khổ não sanh ra là nghĩa của khô. Đại thừa rõ suốt cái thọ ẩm trong ngoài thường không, vốn tự chẳng khởi thì cái gì sanh ra khổ ấy? Đây là nghĩa chân chánh của khô vậy.

Kinh: “Các pháp rốt ráo không chỗ có là nghĩa Không.

Sư Triệu nói: Tiểu thừa quán tướng cái duyên của các pháp khởi ra trong đó không có cái chủ là nghĩa của cái Không. Tuy có thể quán cái Không nhưng nơi cái Không chưa có thể tận khắp cho nên chưa rốt ráo.

Đại thừa tại có mà chẳng có, trong không mà chẳng không, lý là rốt ráo. Chỗ rốt ráo của nghĩa Không là vậy.

Kinh: “Nói ngã và vô ngã mà chẳng hai là nghĩa vô ngã.

Sư Triệu nói: Tiểu thừa cho là mang cái ngã là hệ lụy nên tôn sùng cái vô ngã, vô ngã đã tôn trọng thì đối với ngã lại cũng là hai. Đại thừa cốt yếu là phải quấy bình đẳng nên hai cái ấy chẳng khác. Đó là nghĩa của vô ngã.

Kinh: “Pháp vốn chẳng cháy nay cũng chẳng diệt là nghĩa tịch diệt.”

Sư Triệu nói: Tiểu thừa cho là ba cõi lửa bùng cho nên phải diệt để cầu vô vi. Phạm lửa cháy ắt có hình cho nên sanh ra cái tên

diệt.

Đại thừa xem pháp vốn tự chẳng có nay diệt chỗ nào đâu? Chẳng sanh chẳng diệt mới là chân tịch diệt vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật nói pháp ấy xong, các vị Tỳ kheo kia tâm được giải thoát nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

A NA LUẬT

Kinh: Phật bảo ngài A Na Luật: “Ông đi đến ông Duy-Ma-Cật thăm bệnh.”

Sư Triệu nói: A Na Luật, Tần gọi là Như Ý, giòng Sát Lợi, trong hàng đệ tử là bậc thiên nhân đệ nhất.

Kinh: Ông A Na Luật bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc xưa, con đi kinh hành nơi chỗ nọ, khi ấy có vị phạm vương tên là Nghiêm-Tịnh cùng với một muôn người trời phạm khác, phóng ánh sáng trong sạch, lại chỗ con cúi đầu làm lễ và hỏi: “Thưa ngài A Na Luật, thiên nhân của Ngài thấy được bao xa?”

Sư Triệu nói: Phạm Vương nghe ông A Na Luật thiên nhân đệ nhất nên đến hỏi xem chỗ thấy xa gần.

Kinh: Còn liền đáp: “Nhân giả, tôi thấy cõi Phật của đức Thích Ca Mâu Ni, tam thiên đại thiên thế giới như thấy trái am ma lạc trong bàn tay vậy.”

Sư Triệu nói: Trái am ma lặc, hình giống như quả cau, ăn để trừ bệnh phong lãnh (trúng lạnh). Lúc ấy ông A Na Luật tay cầm trái đó nên liền lấy làm thí dụ.

Kinh: Liền ấy! Ông Duy Ma Cật đến nói với con: “Thưa ngài A Na Luật, chỗ thấy thiên nhãn của Ngài là làm ra tướng hay chẳng làm ra tướng? Như làm ra tướng thì giống như ngũ thông của ngoại đạo. Như không làm ra tướng thì là vô vi, chẳng ứng với cái có thấy.”

Tổ Thập nói: Sắc không sắc tướng. Như thấy sắc có xa gần tinh thô thì sắc là sắc tướng, đó là mắt làm lặc, điên đảo nên giống như ngoại đạo. Như chẳng vì sắc mà làm ra tướng, sắc tất là vô vi; vô vi tất không ứng với cái thấy có xa gần; mà nói thấy xa đến cõi tam thiên ắt là tới lui khó nổi cho nên không hiểu được phạm thiên, đành chịu ở trong hai nạn vậy (nạn hữu vi chưa rời khỏi sắc, nạn vô vi chưa tột vô tướng).

Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con nín lặng, các vị phạm thiên nghe lời ấy rồi được chỗ chưa từng có, liền làm lễ hỏi ông rằng: “Trong đời, ai có thiên nhãn chân thật?”

Tổ Thập nói: Ông A Na Luật dùng thiên nhãn lấy sắc làm ra sắc tướng nên không phải chân thiên nhãn. Nếu không làm ra tướng mới là chân thiên nhãn. Các vị phạm thiên chưa biết ai có nên mới hỏi vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Có Phật Thế Tôn được chân thiên nhãn, thường nơi tam muội, thấy suốt các cõi Phật,

chẳng dùng hai tướng.”

Tổ Thập nói: Chẳng vì sắc làm ra hai tướng tinh thô vậy.

Sư Triệu nói: Chân thiên nhãn là con mắt của pháp thân vô tướng Như Lai, thâm sâu soi rọi khắp tướng hình, to lớn tế nhuyễn đều thấy, muôn sắc bao la có như trước mắt, vẫn thấy nhưng chưa từng có thấy, cho nên không có "hai cái thấy" của nhãn sắc vậy. Bậc nhị thừa trong định ắt thấy, ngoài định chẳng thấy. Đức Như Lai chưa từng không định, chưa từng chẳng thấy, cho nên thường hằng trong tam muội vậy.

Kinh: Khi ấy phạm vương Nghiêm Tịnh cùng quyền thuộc năm trăm phạm thiên đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác đảnh lễ dưới chân ông Duy Ma Cật, rồi bỗng nhiên biến mất. Cho nên con chẳng kham lãnh đến thăm bệnh ông.

ƯU BA LY

Kinh: Phật bảo ngài Ưu Ba Ly: “Ông đi đến ông Duy-Ma-Cật thăm bệnh.”

Tổ Thập nói: Thệ nguyện lâu dài, đời đời thường giữ giới luật, nên nay giữ giới luật bậc nhất.

Kinh: Ông Ưu Ba Ly bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc xưa, có hai vị Tỳ kheo phạm luật hạnh, lấy làm hổ thẹn, không dám hỏi Phật.

Tổ Thập nói: Vì Phật là đấng Chí Tôn nên các ông này rất hổ thẹn, lại nữa đối với chúng cũng rất khiếp sợ. Lại sợ khi đức Như-Lai thấy rõ pháp tướng, quyết định tội của mình, ghép vào tội Tứ trọng tăng tàn, ắt phải ra khỏi chúng Tăng, dứt tuyệt cái hy vọng nơi đường chân chánh.

Kinh: Đến hỏi con rằng: “Thưa ngài Ưu Ba Ly! Chúng con phạm luật thật lấy làm hổ thẹn không dám hỏi Phật, mong nhờ Ngài giải rõ chỗ ăn năn, nghi ngại cho chúng con được khỏi tội ấy.”

Sư Triệu nói: Xấu hổ vì lỗi đó, không dám hỏi Phật. Vì ông Ưu Ba Ly giữ giới luật bậc nhất nên theo hỏi vậy. Nghi cái chỗ phạm không biết nặng nhẹ ăn năn cái lỗi đã qua làm hư đạo hạnh, cho nên phải nhờ thầy giữ luật giải thích cho khỏi tội.

Kinh: Con liền vì đó, y theo như pháp mà giải nói cho hai vị. Lúc ấy, ông Duy Ma Cật lại nói với con: “Thưa ngài Ưu-Ba-Ly, chớ làm nặng thêm tội cho hai vị Tỳ kheo này, phải trừ dứt ngay, chớ làm nhiều loạn tâm họ.

Tổ Thập nói: Người phạm luật tâm thường bán loạn sợ sệt. Nếu định theo cái tướng của tội thì lại chùng thêm nữa, ắt có thể gọi là tâm bị khuấy nhiễu mà tội nặng lên nữa. Nếu nghe thật tướng, thì cái tâm mâu nhiệm chẳng dựa đâu, tội lỗi tự tiêu tan, cho nên nói phải diệt liền vậy.

Kinh: “Vì sao? Tội tánh kia chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở giữa. Như Phật nói: “Tâm như nên chúng sanh

nhờ, tâm sạch nên chúng sanh sạch.”

Tổ Thập nói: Lấy tội làm tội nên tâm tự nhiên sanh nhờ lấm. Tâm tự nhiên sanh nhờ lấm, ắt bị nhờ lấm buộc ràng, thì đó là tội lỗi làm nhờ lấm chúng sanh. Chẳng lấy tội làm tội, đó là tâm sạch (tịnh tâm), tâm sạch ắt chúng sanh sạch vậy.

Kinh: “Tâm cũng chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng tại giữa, tâm như như, nhờ lấm của tội cũng như như.

Sư Triệu nói: Biết ngược lại cái gốc kia vậy. Phàm nắm gốc để biết ngọn, giữ mẹ để thấy con. Phật nói: Sự nhờ sạch của chúng sanh đều do tâm khởi. Tìm gốc của tâm chẳng nơi ba chỗ, tâm đã chẳng tại đâu, nhờ lấm của tội cũng thế.

Kinh: “Các pháp cũng vậy, chẳng ngoài cái “Như”.

Sư Triệu nói: Muôn pháp vân vân điều do tâm khởi, đâu phải chỉ riêng nhờ sạch thôi đâu? Cho nên các pháp cũng y vậy, chẳng ra ngoài cái Như, Như tức là như bản tướng vậy.

Kinh: “Như ngài Ưu Ba Ly tâm tướng đã được giải thoát há còn nhờ lấm nữa hay không?

Tổ Thập nói: Bạc la Hán cũng nhờ quán cái tâm thật tướng của tâm chúng sanh mà được giải thoát.

Nay đây hỏi rằng khi thành đạo, lúc quán tự thật tướng trong giải thoát đạo thứ chín, có còn thấy trong đó nhờ lấm hay không?

Kinh: Con đáp: “Chẳng có vậy.” Ông Duy Ma Cật nói: “Tất cả chúng sanh tâm tướng không nhờ lấm cũng y vậy.

Thưa ngài Ưu Ba Ly, vọng tưởng là nhớ, không vọng tưởng là sạch; điên đảo là nhớ, không điên đảo là sạch; chấp ngã là nhớ, không chấp ngã là sạch.

Tổ Thập nói: Tội vốn không tướng, nhưng nghiêng ngã theo bèn sanh tướng, đó là vọng tưởng, vọng tưởng tự sanh nhớ lầm, chẳng phải lỗi ở cái lý đâu!

Kinh: “Ngài Ưu Ba Ly! Tất cả các pháp sanh diệt không ngừng, như huyễn như chớp, các pháp chẳng đợi nhau, cho đến một niệm cũng chẳng ngừng.

Tổ Thập nói: Từ đây về sau giải thích về tội theo lẽ "chẳng thể đắc" (bất khả đắc) vậy.

Sư Triệu nói: Thành ra cái nghĩa "tướng vốn thường tịnh" trước kia vậy. Các pháp như chớp nhoáng, đổi thay liên liên chẳng ngừng nghỉ, một phen dấy ra một phen dứt mất chẳng đợi chờ nhau, chỉ một búng tay sáu mươi niệm trải qua, các pháp chẳng ngừng lại một niệm, huống hồ là muốn ngừng lâu. Không trụ nên như huyễn, như huyễn thì chẳng thật, chẳng thật tức là Không, Không thì thường định. Vậy ắt vật vật đều tịnh, sao còn có cái tội hệ buộc ràng nơi ta ư?

Kinh: “Các pháp đều là vọng thấy, như chiêm bao, như ánh lửa, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, do vọng tưởng sanh.

Sư Triệu nói: Trên nói rõ các pháp ở ngoài chẳng trụ, đây nói rõ về cái vọng thấy ở nội tâm cùng nói về cái nghĩa Không. Trong

ngoài khác nhau vậy. Phàm vì vọng thấy nên chỗ thấy chẳng thật. Chỗ thấy chẳng thật, tất cả cái thật thì ở ngoài chỗ thấy, cái thật ở ngoài chỗ thấy tất thấy chỗ chẳng thể thấy, thấy chỗ chẳng thể thấy tức là vô tướng thường tịnh vậy.

Trên là hai thí dụ về cái diệt chớp nhoáng. Đây là bốn thí dụ về việc giữ cái vọng tướng vậy.

Kinh: “Ai biết như vậy gọi là giữ luật. Ai biết như vậy gọi là khéo hiểu.”

Tổ Thập nói: Giữ luật gốc tiếng Phạn là Tỳ Ni; Tần gọi là khéo sửa trị, sửa trị dâm dục, giận hờn, mê muội của mình và cũng hay sửa trị cái ác của chúng sanh.

Sư Triệu nói: Nếu có thể biết pháp như thế mới gọi là khéo giải hiểu rành rẽ cái pháp vâng theo cấm giới, chẳng biết pháp đó thì sao xưng là kẻ giữ cấm luật bậc nhất?

Kinh: Lúc ấy, hai vị Tỳ kheo nói rằng: “Thật là bậc thượng trí ngài Ưu Ba Ly giữ giới bậc nhất mà chẳng bì kịp, chẳng giảng nói được như vậy.” Con đáp: “Trừ đức Như Lai ra, chưa có bậc Thanh văn, Bồ tát nào có thể chế phục được vị biện tài lạc thuyết ấy, trí huệ suốt thông là như thế vậy.”

Khi ấy, hai vị Tỳ kheo dứt hết nghi hối phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác và phát nguyện rằng: “Nguyện làm cho tất cả chúng sanh đều được biện tài như vậy.” Vì thế con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

LA HẦU LA

Kinh: Phật bảo ngài La Hầu La: “Ông đi đến ông Duy-Ma-Cật thăm bệnh.”

Tổ Thập nói: Khi thần A Tu La che mặt trăng, gọi là La Hầu La. La Hầu La, Tần gọi là ngăn che, ngăn che ánh sáng của mặt trăng. Ngài là con của Bồ tát và công chúa Da Du Đà La. La Hầu La ở trong thai mẹ sáu năm, ngăn che thai mẹ nên nhân lấy đó gọi làm tên vậy. Trong pháp Thanh văn là vị mật hạnh đệ nhất.

Kinh: Ngài La Hầu La bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh, đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc xưa, các trưởng giả tử nơi thành Tỳ Da Ly đến chỗ con cúi đầu làm lễ rồi hỏi: “Thưa ngài La Hầu La, Ngài là con Phật, bỏ ngôi chuyển luân vương xuất gia vì đạo, việc xuất gia đó có lợi ích gì? Con bèn như pháp mà nói về ích lợi của công đức xuất gia.

Tổ Thập nói: Phật nếu chẳng xuất gia, tất làm Đại Chuyển luân Vương, vua của bốn cõi thiên hạ. Ông La Hầu La nếu chẳng xuất gia tất làm vua một cõi Diêm Phù Đề, quý thần dưới đất mười do tuần, trên không mười do tuần đều thuộc quyền sai sử của ông.

Ông La Hầu La bị chỉ trích về bốn điểm: Một là chẳng thấy cái căn cơ của người không ứng với cái thuốc đó. Hai là xuất gia công đức vô lượng mà dùng có hạn lượng để nói. Ba là dùng hình tướng mà nói về chân thật tướng. Bốn là pháp xuất gia vốn là thật tướng Niết bàn, xuất gia là phương tiện của hai pháp đó. Nay tuy chưa được nhưng đã có tướng đó rồi. Ông La Hầu La tuy nói về sự tốt

đẹp của xuất gia nhưng chẳng nói đến cái tướng về chỗ rốt ráo, cho nên nghịch trái lý thường, bỏ mất cái chân thật.

Hai người tuy đều nói về công đức xuất gia, nhưng ông La-Hầu-La có bốn điều sai thất với tông chỉ. Ông Duy Ma Cật dùng bốn chỗ đúng ứng hội với chỗ đó, cái chỗ được mất tương phản sai biệt như vậy đó.

Sư Triệu nói: Chẳng khéo biết cái gốc rễ đó là nói về ích lợi công đức của hữu vi vậy.

Sư Sanh nói: Vinh hoa của thế gian tuy sừng nhưng khó giữ lâu. Cái lý xuất gia là vui với vô vi, chẳng giống với chỗ hơn thua mạnh yếu của ngôn ngữ đâu.

Kinh: Lúc đó ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: “Thưa ngài La Hâu La, Ngài chẳng nên nói cái lợi của công đức xuất gia. Vì sao? Không lợi không công đức mới là xuất gia.

Sư Triệu nói: Cái ý xuất gia thần diệu nơi vô vi, cái đạo vô vi ấy lại có cái lợi về công đức sao?

Kinh: “Về pháp hữu vi, có thể nói có lợi, có công đức, còn xuất gia là pháp vô vi, trong pháp vô vi không lợi không công đức,

Sư Triệu nói: Phàm cái quả của pháp hữu vi chắc có cái nhân của pháp vô vi. Quả, nhân đồng tướng đó là cái đạo tự nhiên, Xuất gia là vô vi, tức là cái nhân vô vi vậy. Vô vi không lợi không công

đức, xuất gia cũng như vậy đó.

Kinh: “Ngài La Hầu La! Kẻ xuất gia không kia, không đây, cũng không ở giữa.

Sư Triệu nói: Kẻ giả dối đi tu, ghét sự sống chết này sùng bái Niết bàn kia, cho nên có cái sai khác của trung gian ba chỗ. Người xuất gia chân thật, dứt hết mọi ràng buộc, buông xả cái kia đây, chẳng còn có cái sai khác về phải quấy nơi ba chỗ nữa vậy.

Kinh: “Lìa sáu mươi hai kiến, ở nơi Niết bàn.

Sư Triệu nói: Đã không đây kia ắt lìa mọi tà kiến hợp với Niết-bàn vậy. Trên nói rõ ngay về cái nghĩa xuất gia. Từ đây về sau nói rõ ra về cái sự của xuất gia. Tuy nói về sự nhưng thật ra chẳng tùy từng cái sự đó đâu, sao vậy? Vì kẻ xuất gia lấy sự ném bỏ ràng buộc làm chí, vô vi là tâm, lấy tâm vô vi cho nên chỗ tạo ra cái đức cũng đều vô vi vậy.

Kinh: “Là chỗ thọ nhận của người trí.

Tổ Thập nói: Tất cả các bậc hiền thánh, đại nhân đều khen ngợi thọ trì pháp xuất gia vậy.

Kinh: “Chỗ làm của bậc thánh.

Tổ Thập nói: Các bậc thánh đi trên đó mà suốt thông vậy.

Sư Triệu nói: Bậc hiền trí mà nghe theo đó, bậc thánh theo đó mà suốt thông, nên mới gọi là cái đạo xuất gia chân thật vậy.

Kinh: “Hàng phục các ma, ra khỏi ngũ đạo, sạch ngũ

nhân, được ngũ lục, lập ngũ căn.

Tổ Thập nói: Kẻ phạm tục có thể ra khỏi nhân đạo cũng chẳng thể ra khỏi thiên đạo. Bậc xuất gia tìm sự dứt lạng ắt vượt khỏi năm đường, vật với ta đều cứu độ, trong sạch năm mắt giống như thuyết phóng quang vậy.

Kinh: “Chẳng làm phiền não đến ai.

Tổ Thập nói: Tu hành tại nhà có cái hệ lụy về cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Nếu có người vật đến xâm phạm thì cái báo kia lại thêm lên. Cho nên tu tại nhà để làm thêm nhân phiền não. Xuất gia không có những hệ lụy này ắt cái nhân phiền não tự dứt. Cho nên nói chẳng làm phiền não đến ai là vậy.

Kinh: “Lìa các tạp ác.

Tổ Thập nói: Phạm dùng cái tâm chẳng thuần nhất mà nhận cái nghiệp phước lành đều gọi là tạp ác. Xuất gia tu thiện tất dứt bỏ, phá tiêu các vọng tưởng, bèn là Niết bàn, cho nên lìa mọi tạp ác.

Kinh: “Dẹp các ngoại đạo.

Sư Triệu nói: Mặt trời mặt trăng chẳng mong trừ tối tăm, nhưng tối tự tiêu trừ. Người xuất gia chẳng mong việc dẹp ngoại đạo mà ngoại đạo tự nó tiêu diệt.

Kinh: “Vượt khỏi giả danh.

Tổ Thập nói: Cái duyên nhóm họp không thật, nương mượn cái tên hão mà thôi. Như rõ được cái chân tướng nơi giả liền chẳng

mê. Cho nên gọi là vượt qua vậy.

Kinh: “Ra khỏi bùn lầy, không ràng buộc câu chấp.

Sư Triệu nói: Ra khỏi cái bùn lầy ái kiến sanh tử, không lãnh nhận cái ràng buộc câu chấp.

Kinh: “Không ngã sở không lãnh nhận.

Sư Triệu nói: Không có bốn sự lãnh nhận: nhận cái ham muốn, nhận cái ta, nhận cái giới, nhận cái thấy (thọ dục, thọ ngã thọ giới, thọ kiến).

Kinh: “Không nhiều loạn.

Tổ Thập nói: Lòng phàm còn có, pháp luật chẳng trụ, đó là nhiều loạn. Xuất gia chẳng có sự ấy: xa lìa vĩnh viễn tất cả.

Kinh: “Trong lòng gom chứa hân hoan.

Sư Triệu nói: Nhiều loạn sanh ra do nuôi nhiều lo lắng, khổ não sanh ra do chẳng biết đủ. Người xuất gia ít lòng ham muốn, nhiều loạn không có, đạo pháp đầy dẫy trong lòng, cho nên gom chứa hân hoan có thừa.

Kinh: “Hay giúp đỡ người khác.

Tổ Thập nói: Gọi là hay chiều thuận ý chúng sanh chẳng trái nghịch tâm ấy vậy!

Kinh: “Thuận thiên định, lìa các tội lỗi.

Sư Triệu nói: Các trưởng giả tử đáng nghe sự xuất gia của đạo vô vi mà lại nói cái ích lợi về công đức của pháp hữu vi. Đó là bởi

chẳng theo thiên định mà quan sát căn cơ, chẳng ngắm xét cái pháp dùng để giúp đỡ ý ấy nên lầm lỗi sanh ra vậy. Cho nên bày tỏ sự xuất gia mà khuyên răn như vậy.

Kinh: “Nếu hay như vậy mới thật là xuất gia.” Khi ấy ông Duy Ma Cật bảo các vị trưởng giả tử: “Các người nên xuất gia ở trong Chánh pháp. Vì sao? Vì Phật ra đời khó gặp.” Các trưởng giả tử nói: “Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe Phật dạy: Cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia.” Ông Duy-Ma-Cật nói: “Phải, các người nên phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đó chính là xuất gia vậy.

Tổ Thập nói: Phát đạo tâm vô thượng, tâm siêu vượt ba cõi, hình tuy còn ràng buộc nhưng đó thật là xuất gia vậy.

Kinh: “Đó chính là đầy đủ.”

Sư Sanh nói: Xuất gia là gốc muốn lìa cái hành đạo ác. Như tại gia mà hay phát ý đó tức là đầy đủ, cũng là đầy đủ cái đạo đó vậy.

Kinh: Bấy giờ có ba mươi hai vị trưởng giả tử đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

A NAN

Kinh: Phật bảo ngài A Nan: “Ông đi đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh.”

Sư Triệu nói: A Nan, Tản gọi là Hoan Hỷ, là người tổng trì bậc nhất Trong hàng đệ tử.

Kinh: Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc trước, Thế Tôn thân hơi có bệnh, phải dùng sữa bò; con liền cầm bát đến đứng trước cửa nhà người trưởng lão Bà la môn. Bấy giờ ông Duy Ma Cật đến bảo với con: “Thưa ngài A Nan sao cầm bát đứng đây sớm thế?”

Sư Sanh nói: Sáng sớm chẳng phải là buổi khát thực ắt chắc có cái gì đây?

Kinh: Con đáp: “Cư sĩ! Thế Tôn thân hơi có bệnh phải dùng sữa bò nên tôi đến đây.” Ông Duy Ma Cật nói: “Thôi thôi ngài A Nan, chớ nói lời ấy! Thân Như Lai là thể kim cương.

Tổ Thập nói: Người Tiểu thừa xương cốt là kim cương, thịt không phải là kim cương. Người Đại thừa trong ngoài đều là kim cương, tất cả chân thật đầy đủ có đại thế lực, cho nên không có chỗ tật bệnh vậy.

Kinh: “Sự dữ đã dứt lìa, sự lành tụ hội khắp thân, đâu còn có bệnh gì? Đâu còn có phiền não gì?

Sư Triệu nói: Việc sanh ra bệnh hoạn là ở chỗ cái nghiệp làm ra. Đức Như Lai không có cái lành nào chẳng chứa, không có cái dữ nào chẳng tiêu tan, thể như kim cương, thì làm gì còn có bệnh hoạn nào nữa.

Kinh: “Im lặng bước đi, ngài A Nan, chớ phỉ báng Như-Lai. Đừng để kẻ khác nghe những lời vụng về ấy. Chớ

làm cho chư thiên oai đức lớn và các vị Bồ tát từ tịnh độ phương khác qua đây nghe được lời ấy. Ngài A Nan! Chuyển luân thánh vương phước báo ít mà còn không tật bệnh, huông chi đức Như Lai vô lượng phước hội hơn khắp mọi người!

Tổ Thập nói: Tích xưa có vị La hán tên là Bạc Câu La, làm thầy bán thuốc, nói với các vị thầy tu khác nhân dịp an cư kiết hạ rằng: “Nếu cần dùng thuốc uống cứ lại tôi lấy”.

Chúng Tăng chẳng ai cần dùng, chỉ có một vị Tỳ kheo bệnh sơ sài, nhận một trái ha lê lạc. Nhân đó mà vị này chín mươi kiếp sanh ra trong loài người, loài trời, hưởng lãnh khoái lạc vô cùng. Tuy có nghe đến tên bệnh tật nhưng thân thể chẳng chút bệnh hoạn nào. Đã vậy lại thọ đến chín mươi tuổi, chưa từng có bệnh tật. Huông chi đức Phật tích thiện vô lượng, bệnh do đâu mà sanh ra?

Hỏi rằng? Thiện ác đối nhau, báo ứng phải rõ ràng. Ngũ nghịch trọng tội ức kiếp chịu khổ sở, thì sao cái lành do một trái cây lại lãnh hưởng phước báo vô lượng?

Đáp rằng: Làm tội nặng mà sức yếu. Làm lành nhỏ nhưng thể hùng mạnh. Thí như con rắn độc muốn bắt người ăn, trước phải nhả hơi độc trên trái đất, người đạp phải, tức thời mê man, chẳng đứng dậy đi được. Sau đó nó mới dùng hơi mà hút vào bụng. Trong ngôi Tam Bảo làm công đức cũng giống như thế. Ban đầu lúc làm công đức thì sự tuy nhỏ nhưng lợi ích âm thầm đã sâu xa, sau mới tiện bề dẫn nhập vào Phật đạo, rốt ráo Niết bàn phước đó mới rốt ráo.

Kinh: “Lui đi ông A Nan! Chớ làm cho chúng tôi chịu sự sỉ nhục đó. Hàng ngoại đạo Phạm Chí nghe lời ấy sẽ nghĩ rằng: “Sao gọi là thầy, bệnh mình không cứu được mà cứu nổi bệnh người khác ư? Hãy im lặng đi mau đừng để người khác nghe được.

Sư Triệu nói: Bậc Bồ tát nghe được thì bảo ông là chẳng thông, kẻ ngoại đạo nghe qua ắt bảo rằng Phật thật có bệnh, sao gọi được là bậc lương y về pháp? Bệnh nơi thân chẳng cứu được, mà muốn cứu cái bệnh nơi tâm người thì há cứu được sao?

Kinh: “Ngài A Nan, phải biết thân chư Như Lai chính là pháp thân, chẳng phải thân tư dục.

Tổ Thập nói: Pháp thân có ba loại: Một là thân do pháp hóa sanh, thân kim cương vậy. Hai là ngũ phần pháp thân. Ba là thật tướng các pháp, hòa hợp lại làm Phật. Thật tướng cũng gọi là pháp thân.

Sư Triệu nói: Cái hình tướng nơi ba cõi có đối đãi gọi là thân tư dục.

Kinh: “Phật là đấng Thế Tôn, siêu vượt ba cõi, thân Phật là vô lậu, phiền não đã dứt tận.

Sư Triệu nói: Pháp thân không hư giả là cái thường cảnh tuyệt đối màu nhiệm, tình đời ràng buộc chẳng nhiễm được. Tâm, tướng chẳng có thể bàn luận được. Cho nên nói các việc trần lao thế sự đã dứt trọn, vượt khỏi ba cõi. Vì ba cõi đều còn có lậu (phiền não) vậy.

Kinh: “Thân Phật vô vi, chẳng lọt vào số lượng.

Sư Sanh nói: Thân chúng sanh là thân phiền não hoặc hữu vi, Hữu vi là pháp dấy lên rồi diệt mất, tuy chẳng thuộc bốn đại, nhưng đó là chỗ đáng lo sợ. Phật dùng pháp vô lậu làm thể, chẳng phải hữu vi, làm sao có bệnh được? Hữu vi ắt có số lượng.

Kinh: “Thân như thế còn có bệnh gì?” Bạch Thế Tôn! Lúc đó con thật hổ thẹn, chẳng lẽ gần Phật mà nghe làm sao?

Sư Triệu nói: Chịu sai bảo như thế này, bị răn trách như thế kia, tới lui đều xấu hổ, hoặc cho là nghe làm vậy chẳng?

Kinh: Liền ấy, con nghe trên không trung có tiếng nói: “A Nan! Y như lời cư sĩ, vì Phật ứng hiện ra đời ác đũ ngũ trược.

Tổ Thập nói: Ngũ trược là: kiếp trược, chúng sanh trược, phiền não trược, kiến trược, mệnh trược.

Nhiều năm gọi là do hoằng (do tuần); nhiều do hoằng gọi là kiếp. Đại kiếp tỉ như hiện kiếp vậy. Trong đại kiếp có tiểu kiếp, nhiều ác sự thì gọi là kiếp trược; người thiện đã hết, chỉ còn người ác thì gọi là chúng sanh trược. Ngoài tà kiến, các việc trần lao thế sự còn kết ra tam độc (tham, sân, si) chồng chất thêm nữa, chẳng kể đến đạo lý, hay làm chướng ngại thánh đạo, người như thế tất sa vào nẻo dữ, đó là kết sử, là phiền não trược vậy. Ngoài tứ kiến, còn giữ tà kiến, hủy báng nhân quả tội phước và thánh đạo Niết bàn thì gọi là kiến trược.

Buổi ban đầu của đại kiếp, người thọ không lường, lúc ấy Phật chưa ra đời. Sau đó tuổi thọ càng giảm lúc con người thọ được sáu vạn tuổi có Phật Câu Lưu Tôn ra đời. Đến lúc một trăm hai mươi tuổi Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện dưới thế. Sau đó càng giảm, cho đến khi con người chỉ còn thọ được ba mươi tuổi, lúc ấy Phật Di Lặc ra đời. Một trăm hai mươi tuổi trở xuống gọi là mệnh trước. Tiểu kiếp lại bắt đầu, thọ mệnh của con người lại dài vậy.

Kinh: “Nên hiện hành pháp ấy.

Tổ Thập nói: Bản tiếng Phạn gọi là bản pháp (pháp nghèo), thị hiện ra đau ốm, xin ăn... đều là pháp nghèo vậy.

Kinh: “Đề độ thoát chúng sanh.

Sư Sanh nói: Mở cái ý cho ông A Nan khiến được lấy sữa vậy. Thật như ông Duy Ma Cật nói, Phật ứng với đời ngũ trược ác thế mà thị hiện ra vậy.

Kinh: “Cứ làm đi ngài A Nan, lấy sữa đừng thẹn.”

Sư Triệu nói: Thông cảm với cái xấu hổ đó, nên không trung có tiếng nói để ngăn cái xúc cảm đó lại. Như lời cư sĩ nói có cái thân thể “vô lậu” nào phải chạm với bệnh hoạn của đời đâu? Vì muốn độ chúng sanh trong đời ngũ trược nên Phật thị hiện có bệnh, cứ lấy sữa đừng thẹn.

Kinh: Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật trí huệ biện tài như vậy nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

Kinh Quả Báo Nhân Duyên nói: Như Lai không tật bệnh.

Nhưng vì người Bà la môn ỷ mình thông thái, rộng cầu tà đạo, tham lam tật đố, kiêu căng khinh mạn đạo Phật. Nên đối với việc đó Như Lai khéo dùng phương tiện, mượn danh có bệnh, tạm bày ba thừa Thánh đạo, khuyên dẫn người đạo Bà la môn vậy.

Trước Bồ tát hóa thân vào nhà người Bà la môn làm một con bò cái, sanh ra hai con bò con, bò mẹ tính còn rất dữ hay húc người. Phật bảo ông A Nan đến xin sữa. Người Bà la môn không hiểu ý Phật, thấy ông A Nan đi lại, lòng ghét giận bốc lên nói với vợ rằng: "Ta muốn cho A Nan bị bò rượt", cho nên nói: "Đại đức! Đại đức! Qua bên chuồng bò tùy tiện lấy sữa dễ hơn". Con bò thấy thầy A Nan liền quỳ mọp xuống nói rằng: "Đại đức, Phật muốn lấy sữa của tôi, Ngài nên nặn vú trái, chừa vú phải lại hoặc nặn vú phải, chừa vú trái lại. Sao vậy? Vì tôi có hai con nhỏ dùng sữa tôi để sống." Hai con bò con cũng quỳ mọp xuống bẩm: "Đại đức! Chúng tôi sẽ dùng cỏ kia, còn sữa của mẹ tôi xin dâng hết lên Phật".

Người Bà la môn thấy hai con bò như vậy, phát sanh kính ngưỡng thâm sâu, khen ngợi sự chưa từng có. Liền đem đủ thứ vật quý báu và quyền thuộc lại chỗ Phật thành tâm cúng dường, cầu Phật tha lỗi. Phật nhân đó thuyết pháp, người này chứng pháp vô sanh nhẫn. Đó là bản ý dạy dỗ người Bà la môn của đức Phật vậy.

Kinh: Như vậy, năm trăm vị đại đệ tử mỗi người đều trước Phật bạch lại chỗ duyên do của mình, thuật lại lời nói của ông Duy Ma Cật và đều nói rằng: “Không kham lãnh đến thăm ông.”

IV. PHÂM BỒ TÁT

BỒ TÁT DI LẶC

Kinh: Lúc ấy Phật bảo Bồ tát Di Lặc: “Ông nên đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh.”

Tổ Thập nói: Đức Di Lặc đã nói kể ngôi vị tôn kính, lại sẽ trở nên vị Phật nơi Quốc độ này, tất cả tôn trọng, nên sai đi trước. Việc so lường lớn nhỏ giữa ngài Di Lặc và ông Duy Ma Cật ắt chưa có thể định được vậy. Hoặc nói rằng: Ông Duy Ma Cật tuy lớn, hoặc tuy giỏi nhưng chưa thành Phật. Hoặc nói rằng: Ngài Di Lặc tuy lớn nhưng đã gặp ông Duy Ma Cật rồi nên nay từ chối không đi. Hoặc đó chỉ là phân thân của ngài Di Lặc, chẳng phải chính thể.

Lấy theo ba duyên này cho nên có cái tích nhận lệnh. Bắt đầu dùng một người tuy không đủ sức, nhưng đám đông cũng chưa phục, cho nên lại tìm người tài nữa sai khiến đi thêm vậy. Cũng muốn khiến mọi người nói ra cái chỗ đã nghe, nói hết cái chỗ tốt đẹp tận tột của ông Duy Ma Cật.

Sư Triệu nói: Năm trăm vị đệ tử đều chẳng kham lãnh, cho nên lại khiến bậc Bồ tát, đủ biết đức của ông Tịnh Danh khó nổi sánh cùng vậy.

Kinh: Ngài Di Lặc bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông, vì sao? Nhớ lúc xưa con vì vị thiên Vương và quyền thuộc ở cung trời Đâu Xuất.

Tổ Thập nói: Đó là thuyết pháp trong hàng người. Đức Di Lặc là bậc Thiên sư trong cõi trời này. Thiên nhân lòng đầy sùng kính thường đến nghe pháp.

Kinh: Nói hạnh bất thối chuyển địa.

Tổ Thập nói: Tức là vô sanh pháp nhẫn. Ông Duy Ma Cật trước chẳng sửa sai chỗ tâm nhẫn (tâm nhẫn được vô sanh thì gọi là vô sanh pháp nhẫn) mà sửa sai chỗ thọ ký trước đã. Vì chư thiên chấp theo sự tiên tri thọ ký ngài Di Lặc, cho nên có cái tôn kính về sự bồ xứ, vương vấn cái tâm thành Phật, tưởng nghĩ đến sự thọ ký hiếm có, cho nên trước phải nêu rõ ra cái chỗ không có thọ ký. Thọ ký do tâm sanh nên tìm chỗ phát sanh mong cầu thọ ký, phát sanh tiêu dứt tất thọ ký cũng chẳng còn. Cho nên bác bỏ cái "đời" để trừ bỏ cái phát sanh vậy.

Kinh: Lúc ấy, ông Duy Ma Cật đến bảo con: “Ngài Di-Lặc! Thế Tôn thọ ký cho Ngài một đời sanh sẽ được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Sư Sanh nói: A nậu đa la là vô thượng. Tam miệu tam là chánh biến. Chữ Bồ đề tiếng Ấn thì có nhưng tiếng Tần thì không có. Thật ra đó là cái thể cùng cực của trí huệ; nhưng có ba phẩm bậc: Thanh văn, Bích chi Phật và Phật. Kẻ nhị thừa mỗi bậc đều cho đó là đạo bồ đề, đó chẳng phải chỗ gọi là Bồ đề đâu, chỉ có cái Bồ đề của Phật mới là Vô Thượng Chánh Biến Bồ Đề. Một đời là không còn đời nào nữa, chỉ còn một đời đó thôi, quyết không có cái nghĩa là hai vậy.

Kinh: “Ngài dùng đời sanh nào mà được thọ ký.

Sư Sanh nói: Ngài Di Lặc qua thuyết hành, ý muốn dùng thọ ký mà dặt lỏi, chẳng phải nói về thọ ký đâu. Nhưng ai kia đâm lòng chấp, còn có cái tham muốn thọ ký, còn cái này tất lại thấy Bồ đề có thể đắc. Do đó ông Duy Ma Cật bèn nói sự thọ ký của ngài Di-Lặc là không, để răn trách về cái ý, khiến rời xa cái câu chấp của ai kia vậy. Sau rồi mới giải thích về cái thấy theo Bồ đề tâm. Phàm thọ ký phải dùng bốn sự hợp thành, mỗi mỗi xét ra đều không. Bốn việc đó: Một là dùng người thọ ký làm chủ. Hai là lấy thể Như là căn bản. Ba là không có cái vô lượng đời. Bốn là trong một đời đắc thành Phật.

Kết lại trong một đời, mà dùng thọ ký, thì trước phải nên xem đời, một đời có tám vạn năm, chỉ một niệm hiện tại, ngoài ra đều thuộc quá khứ vị lai. Cho nên nói là dùng đời nào thọ ký cho ngài Di Lặc vậy.

Kinh: “Đời trước ư? Đời sau ư? Đời này ư? Nếu là đời trước sanh thời đời trước đã dứt.

Sư Triệu nói: Riêng xét ba đời thì rõ biết không sanh vậy. Đời quá khứ đã dứt diệt, đã diệt mất thì chẳng gọi là đời.

Kinh: “Nếu đời sau sanh thì đời sau chưa đến.

Sư Triệu nói: Đời sau chưa đến, chưa đến ắt không có pháp. Không pháp thì lấy chỗ nào gọi là đời.

Kinh: “Nếu đời hiện tại sanh thì hiện tại không trụ.

Sư Triệu nói: Các pháp hiện thời luôn trôi chẳng trụ. Lấy chỗ nào là đời? Nếu sanh diệt cùng lúc ắt hai tướng cùng hư hoại. Nếu sanh diệt khác nhau ắt lúc sanh không có diệt. Lúc sanh không có diệt ắt pháp không có ba tướng (trụ, dị, diệt), pháp không có ba tướng ắt chẳng phải là pháp hữu vi. Nếu cho cùng một lúc có ba tướng thì có lỗi vô cùng. Cái thuyết vô sanh này cũng sẵn đủ các luận khác vậy. Ba đời đã không sanh thì đời nào được thọ ký vậy?

Kinh: “N như lời Phật nói: Nay các Tỳ kheo! Như các ông ngay bây giờ cũng tức thì sanh, cũng tức thì già, cũng tức thì chết.

Sư Triệu nói: Là cái nghĩa chứng pháp vô sanh vậy. Chập chập sanh diệt, bắt tay nhau là đã từ già, há đợi tới bạc đầu mới là thay đổi sao?

Kinh: Như bởi vô sanh mà được thọ ký thì vô sanh tức là chánh vị. Trong chánh vị không có sự thọ ký cũng không có sự được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tổ Thập nói: Thật tướng hằng định nên gọi là chánh vị. Lấy theo lẽ nhân duyên thì rõ biết sanh ra chẳng phải chân thật. Cho nên chẳng có cái sanh. Nay biết rõ sanh ra chẳng thật, vậy ắt vô sanh tức hằng định. Trong hằng định không có sự thọ ký vậy.

Sư Sanh nói: Kế tiếp suy xét việc không có vô lượng đời. Phạm không có vô lượng đời, thể của sự sanh là không, cho nên mới đặc vậy. Cái thể của sanh là không nên không có vô lượng kiếp sanh. Không có cái vô lượng kiếp sanh đó thì lại có cái gì

đâu? Cái này mới là chánh vị vậy. Cái chánh vị ấy vĩnh viễn là dứt nẻo tà.

Nhưng đã lấy sự không có vô lượng đời làm chánh vị thì lý không có sự thọ ký đã tự rõ. Vì được Bồ đề cho nên được thọ ký. Không có thọ ký thì cũng không được Bồ đề. Trước suy xét về sự sanh, xét ngay cái thể của nó. Giờ suy không có vô lượng đời là lấy cái chánh vị mà suy.

Gốc của kiếp sanh là tại si ái, cái ấy mà có là do lầm lạc vậy! Cho nên bên ngoài phải suy xét về cái thể của nó. Không có vô lượng đời nguyên tại ngộ lý. Đó là chỗ thấu hiểu của kẻ đạt lý vậy. Tự ứng với chánh vị bên trong mà rõ việc đó.

Kinh: “Nhu Di Lạc được thọ ký một đời là làm sao?”

Sư Triệu nói: Trên xét về cái sanh mà không có thọ ký. Đây xét cái không sanh cũng không thọ ký vậy. Vô sanh là bậc thất trụ vô tướng, pháp vị chân chánh. Pháp vị này là cái lý không ký không thành, vậy đức Di Lạc ở đời nào mà nhận cái một đời thọ ký?

Kinh: “Do từ Như sanh mà được thọ ký? Hay từ Như diệt mà được thọ ký?”

Sư Triệu nói: Như tuy không sanh diệt, nhưng sanh diệt chẳng khác Như. Dĩ nhiên thọ ký khởi ra nơi sanh diệt. Ngầm hiểu cái Như đó tức Chân, cho nên mượn sanh diệt của cái Như để tỏ ra cái chẳng khác Như của sự thọ ký riêng biệt vậy.

Kinh: “Nếu bởi Như sanh mà được thọ ký, cái Như không có sanh. Nếu bởi Như diệt mà được thọ ký, cái Như không có diệt.

Sư Triệu nói: Như chẳng phải không sanh diệt, chẳng phải có sanh diệt. Chẳng phải không sanh diệt nên giả dùng lời thọ ký, chẳng phải có sanh diệt nên để biết cái không có thọ ký vậy.

Kinh: “Tất cả chúng sanh đều Như, tất cả các pháp cũng Như. Các thánh hiền cũng Như, cho đến Di Lặc cũng Như.

Sư Triệu nói: Muôn vật tuy khác, chưa từng chẳng Như. Cái Như ấy bình đẳng phải quấy, đại khôn một lẽ, cái nghĩa không có thọ ký, không đặc mới thành vậy.

Kinh: “Nếu ngài Di Lặc được thọ ký, tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký. Vì sao? Vì Như chẳng hai chẳng khác.

Sư Triệu nói: Phạm thánh nhất như. Há có sự sai khác, được mất ư?

Kinh: “Nếu ngài Di Lặc được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác tất cả chúng sanh cũng phải được, vì sao? Vì tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ đề.

Sư Triệu nói: Cái tướng của vô tướng tức là tướng của Bồ đề vậy.

Kinh: “Nếu ngài Di Lặc được diệt độ, tất cả chúng sanh cũng phải diệt độ, vì sao? Vì chư Phật biết tất cả chúng sanh rốt ráo tịch diệt, tức là tướng Niết bàn, chẳng cần trở lại diệt

nữa.

Sư Triệu nói: Bản tánh hằng tịch diệt, nay trở lại cái tịch diệt nào nữa vậy?

Kinh: “Cho nên ngài Di Lạc chớ dùng pháp đó khuyến dụ các thiên tử. Thật không có việc phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng không có sự thoái chuyển.

Sư Triệu nói: Cái đạo bình đẳng, thật không có sự phát tâm cũng không có sự thoái chuyển mà dùng cái hạnh chẳng thoái chuyển khuyến dụ cái phát tâm đó. Bày chỉ sự thọ ký ấy làm chi?

Kinh: “Ngài Di Lạc, nên khiến cho các vị thiên tử này bỏ chỗ kiến chấp phân biệt về Bồ đề.

Sư Triệu nói: Bồ đề (đạo) lấy tịch diệt là tướng. Sanh tử tướng đồng mà chư thiên thì ghét cái sanh tử, tôn sùng cái Bồ đề. Tuy nói là tìm cầu cao siêu nhưng còn sanh cái ràng buộc trần lao. Nên khai mở phải dùng nẻo chánh, giúp xả bỏ cái phân biệt, sao còn bày chỉ dùng sự thọ ký đạo để tăng thêm cái kiến ư?

Kinh: “Vì sao? Bồ đề chẳng thể dùng thân đắc, chẳng thể dùng tâm đắc.

Sư Triệu nói: Từ đây xuống dưới rõ bày cái nghĩa của Bồ đề. Cái tốt bậc của đạo gọi là Bồ đề. Tiếng Tần không có chữ tương đương để dịch. Bồ đề chính là cái chân trí chánh giác vô tướng. Đạo ấy rộng không, huyền diệu, màu nhiệm dứt tuyệt cảnh thường.

Kẻ thông minh chẳng thể dùng cái gì mà nghe. Kẻ trí thức

cũng chẳng thể dùng cái gì mà biết. Kẻ hùng biện chẳng thể dùng lời mà nói. Họa sĩ cũng chẳng thể dùng cái gì mà vẽ. Cho nên, cái đó là đạo, vi diệu vô tướng, chẳng thể làm ra cho có.

Cái dụng đó đức Di Lặc chẳng thể cho là không. Cho nên hay thâm soi muôn vật mà chẳng chói lọi. Pháp huyền diệu vượt ngoài giới hạn mà chẳng phô bày. Bao trùm cả trời đất mà không đâu ngụ. Khéo độ chúng sanh lầm lạc mà chẳng riêng tư. Cùng cực thì đạo suốt thôn khắp chốn, mở mang cho muôn vật nên nhiệm vụ, tuy không biết mà không đâu chẳng biết. Không làm mà không gì chẳng làm. Cái ấy chỉ có đạo đại giác Bồ đề mà thôi. Đó là cái pháp vô danh. Không biết chỗ dùng lời lẽ cho nên gượng đặt tên là Bồ-đề, cái đó là đạo vô vi vậy. Đâu phải lấy thân tâm mà đắc ư ?

Kinh: “Tịch diệt là Bồ đề vì dứt hết các tướng.

Sư Triệu nói: Mâu diệu hiệu chân tánh, dứt mọi pháp tướng cho nên là đạo Bồ đề, cùng pháp đều vắng lặng vậy.

Kinh: “Chẳng quán là Bồ đề, vì lìa các duyên. Chẳng hành là Bồ đề, vì không nhớ nghĩ. Đoạn tuyệt là Bồ đề, vì xả bỏ kiến chấp. Lìa là Bồ đề, vì lìa mọi vọng tưởng.

Sư Triệu nói: Kiến chấp đoạn, vọng tưởng lìa chính là Bồ đề.

Kinh: “Ngăn dứt là Bồ đề vì ngăn dứt tất cả mong cầu.

Sư Triệu nói: Chân đạo không có sự ham muốn. Ngăn dứt tất cả sự mong cầu vậy.

Kinh: “Chẳng nhập là Bồ đề vì không tham trước.

Sư Triệu nói: Nhập là có sự thọ nhận cái ham muốn nhập vậy.

Kinh: “Thuận là Bồ đề vì thuận Chân như. Trụ là Bồ đề vì trụ pháp tánh. Đến là Bồ đề vì đến thật tế.

Sư Triệu nói: Chẳng khác Tam Không (Không, Vô tướng, Vô nguyên) vì đó là nghĩa của Bồ đề vậy. Tùy thuận bản tánh gọi là Như cho nên cốt yếu là thuận. Thường trụ chẳng đổi là tánh cho nên cốt yếu là trụ. Đến bờ kia thật tướng gọi là bờ thật tế cho nên là đến.

Kinh: “Chẳng hai là Bồ đề vì lìa ý, pháp.

Sư Triệu nói: Ý và pháp là hai. Bồ đề vô tâm sao có pháp nào ư?

Kinh: “Bình đẳng là Bồ đề vì như hư không.

Sư Triệu nói: Không tâm nơi bình đẳng nên không gì chẳng bình đẳng. Cho nên gọi là như hư không vậy.

Kinh: “Vô vi là Bồ đề vì chẳng sanh, trụ, diệt. Biết là Bồ đề vì rõ biết tâm hạnh chúng sanh.

Sư Triệu nói: Bồ đề chẳng phải là có, cho nên không sanh diệt. Bồ đề chẳng phải là không, cho nên rõ biết tâm chúng sanh vậy.

Kinh: “Chẳng hội là Bồ đề vì các nhập chẳng tụ hội.

Sư Triệu nói: Các nhập là trong ngoài lục nhập (là căn, trần). Trong ngoài đều không cho nên các nhập chẳng tụ hội, các nhập chẳng tụ hội tức là cái tướng Bồ đề vậy.

Kinh: “Chẳng hòa hợp là Bồ đề vì lìa tập khí.

Sư Triệu nói: Sống chết hòa hợp, phiền não là chỗ ràng buộc. Lìa phiền não cho nên chẳng có hòa hợp, chẳng có hòa hợp là Bồ đề vậy.

Kinh: “Không có xứ sở là Bồ đề vì không có hình sắc. Giả danh là Bồ đề vì danh tự vốn không.

Sư Triệu nói: Ngoài không có chỗ của hình sắc thì trong cũng không có cái thật sự để đặt tên.

Kinh: “Như huyễn hóa là Bồ đề vì không nắm không bỏ.

Sư Triệu nói: Bồ đề không có cái nắm giữ xả bỏ, như cái vô tâm của người huyễn vậy.

Kinh: “Không loạn là Bồ đề vì hằng thường tịnh.

Sư Triệu nói: Trong tâm đã thường tịnh, rồi loạn bên ngoài không do đâu sanh được.

Kinh: “Vắng lặng cùng cực là Bồ đề vì tánh thanh tịnh.

Sư Triệu nói: Tánh không đâu chẳng tịnh, cho nên vắng lặng không đâu chẳng cùng cực. Vắng lặng cùng cực nghĩa là khéo thuận cái đạo tịch diệt thường tịnh vậy.

Kinh: “Không nắm giữ là Bồ đề vì lìa phan duyên.

Sư Triệu nói: Lòng còn có chỗ chạy theo cho nên nương vịn nơi phan duyên. Như lìa phan duyên ắt không có chỗ nắm giữ vậy.

Kinh: “Không khác là Bồ đề vì các pháp bình đẳng.

Sư Triệu nói: Vạn pháp đồng thể, phải quấy một phen dẹp bỏ, chẳng sai khác trong chỗ khác nhau. Đó là tánh Bồ đề vậy.

Kinh: “Không so sánh là Bồ đề vì không thể thí dụ.

Sư Triệu nói: Đệ nhất đại đạo, không có song đôi, riêng một không bè đảng cho nên lấy lẽ không thể so sánh ví dụ.

Kinh: “Vi diệu là Bồ đề vì các pháp khó biết.”

Sư Triệu nói: Các pháp u viễn khó đo lường chẳng thể lấy trí mà biết được, vì Bồ đề vô trí nên không chỗ nào chẳng biết. Không biết mà không gì chẳng biết. Vi diệu tột cùng vậy.

Kinh: Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy Ma Cật thuyết pháp ấy, hai trăm vị thiên tử được vô sanh pháp nhẫn, cho nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

ĐỒNG TỬ QUANG NGHIÊM

Kinh: Phật bảo đồng tử Quang Nghiêm: “Ông đi đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh.”

Ông Quang Nghiêm bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc xưa, con vừa ra khỏi thành Tỳ Da Ly thời ông Duy Ma Cật mới vào thành. Con liền chào và hỏi rằng: “Cư sĩ từ đâu đến đây?” Ông đáp: “Tôi từ đạo tràng đến.”

Tổ Thập nói: Vì ngài Quang Nghiêm tâm ham mộ đạo tràng cho nên nói là từ đạo tràng lại để khai mở cái tâm đó. Ngài

Quang-Nghiêm tuy muốn được đạo tràng nhưng chưa biết do lẽ nào được. Được ắt do nhận cho nên rộng nói đến muôn hạnh, muôn hạnh chính là nhân của đạo tràng, nên chi nói đạo tràng là chính từ trong nhân nói quả vậy. Lại nữa đạo tràng là chỗ Phật ngồi, ở trong đó thành đạo, cho nên gọi là đạo tràng. Đạo tràng tâm thiện lại cũng y vậy, rộng chứa sự lành cho nên Phật đạo được thành, thế nên dùng muôn thiện làm địa vị của nhất thiết trí, đó là chân đạo tràng vậy.

Kinh: Con hỏi: “Đạo tràng ấy chính ở đâu? Ông đáp: “Trực tâm là đạo tràng vì không hư giả.

Sư Triệu nói: Trực tâm ấy là trọng tâm chân thật, ngay thẳng, ngoài không hư giả. Cái đó là nền tảng của muôn hạnh, thẳng tới đạo tràng vậy. Từ đây trở xuống kể ra đầy đủ các hạnh. Tất cả là nhân địa tu tập cái tâm, cái tràng thanh tịnh của việc rộng mở đạo pháp vậy.

Kinh: “Phát hạnh là đạo tràng cho nên phụng sự. Tâm sâu vững là đạo tràng cho nên tăng ích công đức. Bồ đề tâm là đạo tràng cho nên không làm lẫn.

Sư Triệu nói: Trực tâm nhập hạnh thì càng đi sâu, ắt biến thành Bồ đề tâm vậy. Tâm này ngay thật chân chính cho nên chỗ thấy chẳng làm lộn.

Đại phạm kẻ hoằng hóa đạo pháp trước phải cần khởi bốn tâm này, bốn tâm đã sanh tất lục độ vạn hạnh chẳng hạnh nào là chẳng thành vậy.

Kinh: “Bố thí là đạo tràng vì không mong phước báo. Trì giới là đạo tràng vì được nguyện đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng vì đối với chúng sanh tâm không chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng vì chẳng lui sụt. Thiên định là đạo tràng vì tâm điều hòa nhu thuận. Trí huệ là đạo tràng vì thấy rõ các pháp. Từ là đạo tràng vì chúng sanh bình đẳng. Bi là đạo tràng vì nhẫn chịu khổ nhọc khó khăn. Hỷ là đạo tràng vì vui mến chánh pháp.

Sư Triệu nói: Lấy cái vui pháp của mình muốn người đồng vui đó là hạnh hỷ vậy.

Kinh: “Xả là đạo tràng vì ghét thương lia dứt.

Sư Triệu nói: Từ nhưng sanh yêu mến, yêu mến sanh chấp trước, chấp trước sanh ràng buộc, ràng buộc sanh đau thương, đau thương sanh lo lắng, lo lắng sanh phiền não, phiền não sanh ghét hận. Lòng bi, từ tuy tốt nhưng cái tư tưởng ràng buộc đã nầy sanh cho nên dùng bình đẳng quán mà xả cả hai. Đó gọi là hạnh xả vậy.

Kinh: “Thần thông là đạo tràng vì thành tựu lực thông. Giải thoát là đạo tràng vì xoay lưng buông bỏ.

Sư Triệu nói: Giải thoát là bát giải thoát vậy. Cõi xanh là vàng, thấy vàng là xanh, xoay lưng buông bỏ cảnh giới, theo tâm quán đó gọi là xoay lưng buông bỏ.

Kinh: “Phương tiện là đạo tràng vì giáo hóa chúng sanh, tứ nhiếp là đạo tràng vì trợ giúp chúng sanh.

Tổ Thập nói: Thứ nhất là huệ thí, huệ thí có hai loại: người bậc thấp cho tiền của, người bậc cao dùng pháp thí.

Thứ hai là ái ngữ (lời nói êm ái dịu dàng), ái ngữ có hai thứ: bậc thấp lấy lời nói nhu hòa êm ái để làm vui lòng, bậc cao dùng lời pháp khuyên khích vỗ về, tất cả đều lấy cái tâm thương mến để nói lời êm ái.

Thứ ba là lợi ngữ (lời nói ích lợi), lợi ngữ cũng có hai thứ: bậc thấp thì bày phương tiện giúp cho được lợi ích về đời, bậc cao thì tạo phương tiện khiến cho được lợi ích về đạo. Thứ tư là đồng sự (là cùng nhau một công việc), đồng sự cũng có hai loại: cùng với kẻ ác ắt khuyên bảo theo đường lành, cùng với người thiện thì khiến tăng thêm thiện căn. Tùy theo phẩm loại mà nhập, sự đồng với người cho nên gọi là đồng sự.

Kinh: “Đa văn là đạo tràng vì như chỗ nghe mà hành.

Sư Triệu nói: Nghe mà không làm thì giống cái nghe của cầm thú vậy.

Kinh: “Điều phục tâm là đạo tràng vì chánh quán các pháp.

Tổ Thập nói: Hoặc dùng sự để điều phục tâm. Hoặc dùng lý để điều phục tâm. Nay chánh quán ắt dùng các pháp quán vô thường để điều phục cái tâm đó.

Kinh: “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng vì bỏ pháp hữu vi.

Tổ Thập nói: Pháp đạo phẩm đoạn dứt thọ sanh cho nên gọi là xả bỏ pháp hữu vi. Cũng dùng các pháp Không Không tam muội. Buông bỏ tam muội và tất cả thiện pháp cho nên gọi là xả bỏ vậy.

Kinh: “Đế là đạo tràng vì chẳng dối gạt đời.

Tổ Thập nói: Trong Tiểu thừa nói Tứ Đế (Bốn sự Chân thật). Trong Đại thừa nói Nhất Đế (tức Chân tánh). Nay nói Đế là nói về Nhất Đế, Nhất Đế là thật tướng vậy. Các pháp tục hư vọng nói là có nhưng rồi lại không có, nói là không có rồi lại có. Đó là dối gạt người đời. Tứ Đế là chỗ nói xóa trừ cái lầm lạc của ta nhưng nếu chẳng khởi vọng tưởng thì cũng là dối gạt vậy.

Hiện đây Nhất Đế không có những lỗi này cho nên chẳng dối gạt người đời.

Từ Nhất Đế đến các pháp vô ngã là những pháp thật tướng tức là trong Nhất Đế khác câu khác vị vậy. Do cái Nhất Đế này mà Phật đạo được thành. Nhất Đế chính là nhân Phật cho nên gọi là đạo tràng.

Kinh: “Duyên khởi là đạo tràng vì từ vô minh cho đến già chết đều như hư không vô tận. Các phiền não là đạo tràng vì biết chúng như thật. Chúng sanh là đạo tràng vì biết vô ngã. Tất cả các pháp là đạo tràng vì biết các pháp đều Không.

Sư Triệu nói: Cái thật tánh của phiền não, cái vô ngã của chúng sanh là cái nghĩa Không của các pháp. Đều là chỗ sanh ra của đạo vậy.

Kinh: “Hàng ma là đạo tràng vì chẳng nghiêng động. Tam giới là đạo tràng vì không, chỗ đến. Sư tử rống là đạo tràng vì không chỗ sợ. Thập lực, vô úy, bất cộng pháp là đạo tràng vì không có lầm lỗi. Tam minh là đạo tràng vì không còn ngại.

Sư Triệu nói: Đây là chỗ Phật đặc vậy, tóm chung gọi là Phật, Phật là Đạo vậy. Trên lấy Bồ tát hạnh là tràng. Trong quả bây giờ lấy Phật làm đạo, các sự làm tràng.

Hàng phục binh ma mà chẳng động. Đạo chơi trong ba cõi mà chẳng hướng về đâu. Diễn pháp âm vô úy mà chẳng khó. Đủ có ba mươi hai tướng nghiệp tốt của Phật mà không thiếu một. Tam minh thông suốt nên vô ngại. Đại đạo do chỗ đó mà sanh ra vậy.

Kinh: “Nhất niệm biết tất cả các pháp là đạo tràng vì thành tựu nhất thiết trí vậy.

Tổ Thập nói: Pháp của ba thừa dùng ba mươi bốn tâm thành đạo. Trong Đại thừa duy chỉ lấy nhất niệm hoát nhiên đại ngộ đầy đủ Nhất Thiết Trí.

Kinh: “Như vậy! Thiện nam tử! Bạc Bồ tát mà ứng ra các pháp Ba la mật để giáo hóa chúng sanh thời bao nhiêu việc làm như: đưa chân lên, để chân xuống... phải biết đều từ đạo tràng mà ra, đều trụ nơi Phật pháp vậy.”

Sư Triệu nói: Như hay ứng ra Lục độ Ba la mật mà giáo hóa chúng sanh thì bậc ấy đi tức là đạo chơi chốn đạo tràng. Ngưng là trụ nơi Phật pháp. Mọi động dụng không gì chẳng là đạo tràng vậy.

Kinh: Khi ông Duy Ma Cật thuyết pháp ấy, năm trăm vị thiên nhân đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác cho nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

BỒ TÁT TRÌ THẾ

Kinh: Phật bảo Bồ tát Trì Thế: “Ông đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh.” Ngài Trì Thế bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông ấy. Vì sao? Nhớ lúc xưa con ở nơi tinh thất, khi ấy ma Ba Tuần dẫn theo mười hai ngàn thiên nữ, hóa trang như trời Đế Thích trống phách đàn ca lại chỗ con. Ma cùng với quyến thuộc cúi đầu làm lễ dưới chân con, chấp tay cung kính, đứng về một bên. Con tưởng là trời Đế Thích.

Tổ Thập nói: Ba Tuần, Tàn gọi là kẻ giết hại. Thường muốn chặt lìa cái huệ mạng (trí huệ, sanh mạng) của con người cho nên gọi là kẻ giết hại. Cũng có tên là ác trong ác. Ác có ba thứ: một là ác, hai là đại ác, ba là ác trong ác.

Nếu bị người dùng cái ác hại mình, mình trở lại dùng cái ác trả thù đó là ác. Nếu người chẳng làm hại mình, vô cớ làm hại người đó là đại ác. Nếu người đến cúng dường, kính nể, chẳng nghĩ đến báo ân, ngược lại còn làm hại đó là ác trong ác. Sự phản ác của ma Vương rất nặng. Chư Phật thường muốn giúp chúng sanh yên ổn nhưng ma Vương trái lại luôn phá hoại, quấy rối cho nên nói là rất nặng vậy.

Sư Triệu nói: Ma thấy sự an tĩnh của ngài Trì Thế nên muốn

làm rối loạn tâm đó. Nếu ma hiện nguyên hình sợ khó trao lời cho nên biến thành trời Đế Thích. Lúc ấy ngài Trì Thế không dùng lục thông quán sát nên cho là Đế Thích.

Kinh: Nên bảo rằng: “Lành thay! Kiền Thi Ca đến! Dù có phước, cũng chẳng nên tự phóng túng.

Tổ Thập nói: Kiền Thi là họ. Tên hiệu là Ma Ca Đà.

Sư Triệu nói: Kiền Thi Ca là họ của vua trời Dao Lợi.

Sư Sanh nói: Vì lễ cúng dường mà đến cho nên lành vậy. Dẫn theo các cô gái đàn ca đó là tính cách tự buông lung. Phước có nhưng tự buông lung, ngược lại là mầm tội vậy.

Kinh: “Phải quán ngũ dục là vô thường để cầu gốc lành.

Sư Sanh nói: Ngũ dục là chỗ ham muốn của ngũ tình. Phàm dùng làm điều phóng túng thì của báu phải hư, nếu biết cái đó là vô thường thì mới có thể dùng cái đó để cầu cái gốc lành vậy.

Kinh: “Nơi thân, mạng, tiền của, mà tu pháp bền chắc.”

Sư Triệu nói: Kiên pháp là ba pháp bền chắc thuộc về thân, mạng, tiền của. Nếu quên thân mạng, ném bỏ tiền của, lìa xa phong tặng, các thứ ràng buộc mà tu theo đạo thì được cái thân vô cực, cái mạng vô cùng, cái tiền của vô tận. Ba cái đó trời đất cháy mà chẳng cháy đến, kiếp số hết mà chẳng tận cùng cho nên gọi là pháp bền chắc. Vì vua trời Dao Lợi ham luyến ngũ dục, không nghĩ đến vô thường cho nên khuyên tu pháp bền chắc vậy.

Kinh: Ma vương nói với con: “Thưa chánh sĩ! Xin Ngài

nhận mười hai ngàn thiên nữ này để quét tước, giặt rửa.”

Sư Sanh nói: Do khéo thuyết pháp cho nên ma mới giả bộ theo điều thiện. Thật ra muốn dùng gái làm rối loạn vậy.

Kinh: Con đáp: “Kiều Thi Ca! Ta là kẻ sa môn Thích tử, ông đừng dùng vật phi pháp này cho ta, đó chẳng phải chỗ ta cần.” Nói chưa dứt lời bỗng ông Duy Ma Cật đến nói với con: **“Đây chẳng phải là Đế Thích mà là ma đến khuấy rối Ngài đấy.”** Ông lại bảo ma rằng: **“Những cô gái này có thể để cho ta, như ta mới đáng nhận.”**

Sư Triệu nói: Vì lẽ ngài Trì Thế chưa tỏ rõ nên ma mới biến ra dạng đó. Muốn lãnh giáo hóa các cô gái cho nên mới bày ra phương cách này. Ta là kẻ bạch y đáng nhận các cô gái này, sao lại lấy cho Tăng?

Kinh: Ma liền kinh sợ nghĩ rằng: “Ông Duy Ma Cật chắc chẳng nỡ làm phiền ta.” Muốn ẩn hình mà đi, nhưng không thể ẩn được. Dùng hết thần lực cũng không đi được. Bỗng nghe có tiếng giữa hư không: **“Này Ba Tuần! Hãy trao tặng các thiên nữ này cho ông Duy Ma Cật rồi mới đi được.”** Ma vì sợ hãi nên miễn cưỡng cho. Khi ấy ông Duy Ma Cật bảo các thiên nữ rằng: **“Ma đã trao các người cho ta, nay các người đều nên phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.”**

Sư Triệu nói: Ở với ma cho nên theo cái học tham dục, với ta phải theo cái giáo lý của đạo vậy.

Kinh: Liền theo chỗ thích hợp mà thuyết pháp, khiến phát

ý đạo. Rồi lại nói: “Các người đã phát ý đạo rồi, có cái pháp để tự vui, chớ nên vui theo cái vui của ngũ dục nữa.”

Tổ Thập nói: Tánh của cá duy chỉ nương theo nước. Tánh của đàn bà thì chỉ vui ở cái dục. Ban đầu phát đạo ý, tự khích lệ tu thiện nhưng chưa có thể vui. Nhóm chứa công đức đã thuần rồi thì hân hoan vui sướng càng sâu, qua gian nan chẳng thay đổi, giảm lên sự khó khăn càng thuần hậu. Trong lòng đầy tình thương, ngoài không còn cái vui nào nữa, khiến nên dùng điều này làm sự tự vui ắt nhằm chán cái vui nơi cõi trời.

Từ đây về sau liệt kê vạn pháp ấy. Chỗ cốt yếu là giữ cái vui trong pháp, chẳng cần giữ cái pháp vậy.

Kinh: Thiên nữ liền hỏi: “Thế nào là pháp vui? Đáp rằng: “Vui thường tin Phật, vui muốn nghe pháp, vui cúng dường Tăng, vui lìa ngũ dục.

Tổ Thập nói: Đó là tin giới. Lúc được bốn sự tin, trước hết tin pháp, kế đó tin Phật, sau tin Tăng và giới luật.

Hỏi rằng: Bốn tín có phải là trước tin pháp, kế tin Phật, sau tin tăng và giới luật không?

Đáp: Ví như người bệnh nặng uống thuốc, nếu bệnh lành thì tin thuốc hay. Thuốc hay chắc phải do thầy thuốc, do đó ắt tin thầy. Tuy thầy giỏi thuốc hay nhưng cần nhất là do người khám bệnh, do đó ắt tin theo người khám bệnh. Ba việc trên tuy đã tốt đẹp rồi cũng cần phải do ta khéo nghĩ ngợi, ắt tin vào ta vậy.

Bốn tín trong pháp cũng y vậy. Lúc tư duy thật tướng thấy được cái chân thật rồi, phiền não liền trừ được, ắt là tin ở pháp màu nhiệm. Tam Bảo tuy màu nhiệm, cốt nhứt ở sự tu hành là do bởi giới nghiệp được thanh tịnh. Cho nên cái bệnh tật xưa rằng buộc dứt trừ được, ắt là phải tin theo giới.

Thâm tín bốn pháp, tâm tướng vui vẻ khả dĩ hòa thân vui tánh, cho nên chỗ vui ở cung trời chẳng sánh được.

Kinh: “Vui quán ngũ âm như oán tặc. Vui quán tứ đại như rắn độc. Vui quán nội nhập như xóm vắng. Vui giữ gìn đạo ý. Vui làm lợi ích cho chúng sanh. Vui cung kính, cúng dường bậc sư trưởng. Vui rộng bố thí. Vui giữ bền giới luật. Vui nhẫn nhục nhu hòa. Vui siêng nhóm căn lành. Vui thiên định chẳng loạn. Vui lìa cấu nhiễm tỏ sáng trí huệ. Vui rộng Bồ đề tâm. Vui hàng phục chúng ma. Vui dứt các phiền não. Vui nghiêm tịnh cõi Phật. Vui thành tựu tướng tốt mà tu các công đức. Vui trang nghiêm đạo tràng.

Sư Triệu nói: Đạo tràng, giống như chỗ đức Thích Ca thành đạo dưới gốc cây bồ đề, ba ngàn hai trăm dặm chung quanh kim cang làm đàn tràng. Mỗi vị Phật tùy theo quốc độ lớn nhỏ mà giữ diện tích đàn tràng rộng hẹp không định số.

Kinh: “Vui nghe pháp thâm diệu mà không sợ. Vui ba phép giải thoát, chẳng vui sai lúc.

Sư Triệu nói: Ba pháp giải thoát là Không, Vô tướng, Vô tác. Lấy đó mà cười mở rằng buộc gọi là giải thoát. Ba thừa do theo

chỗ đó gọi là cửa. Hàng nhị thừa bước vào ba cửa giải thoát chẳng thấu cái tốt cùng, giữa đường nắm giữ cái chững gọi là sai thời vậy. Chỗ đó bậc Đại sĩ chẳng vui theo.

Kinh: “Vui gần bạn đồng học, vui giữa đám người chẳng phải đồng học mà tâm không chướng ngại.

Tổ Thập nói: Ta học Đại thừa, người cũng vậy thì gọi là đồng học. Chỗ tu tập chẳng giống nhau gọi là không đồng học. Chỗ đồng ắt vui, chỗ khác cũng vui, tâm đó bình đẳng chưa từng tăng giảm.

Kinh: “Vui giúp đỡ ác tri thức, vui gần thiện tri thức. Vui tâm hoan hỷ thanh tịnh. Vui tu vô lượng pháp đạo phẩm. Đó là pháp vui của Bồ tát.” Khi ấy ma Ba Tuần bảo các thiên nữ: **“Ta muốn cùng các người đồng trở về thiên cung.”** Các thiên nữ đáp: **“Ông đã đem chúng tôi cho cư sĩ, có pháp vui chúng tôi vui lắm, không còn muốn vui theo ngũ dục nữa.”** Ma nói: **“Cư sĩ, ông hãy buông xả các nàng này. Người đem tất cả các vật của mình để bố thí cho người khác mới là Bồ tát.”** Ông Duy Ma Cật nói: **“Ta đã buông xả rồi, người hãy đem đi, mong cho tất cả chúng sanh được pháp nguyện đầy đủ.”**

Tổ Thập nói: Ông cư sĩ để các thiên nữ trở về với ma thì cái nguyện của ma trọn đủ, cho nên nhân đó phát ra cái nguyện mong cho tất cả chúng sanh được pháp nguyện đầy đủ. Đó là nguyện của ông Duy Ma Cật.

Sư Triệu nói: Phát nguyện là pháp thường của Bồ tát. Đem

thiên nữ trả lại cho ma thì cái nguyện của ma đầy đủ. Cho nên nhân đó sanh nguyện: Mong cho tất cả chúng sanh được pháp nguyện đầy đủ, như cái nguyện cầu của ma được đầy đủ vậy.

Kinh: Lúc ấy các thiên nữ hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Chúng tôi phải làm gì khi ở ma cung?”

Sư Triệu nói: Xưa tại ma cung dùng ngũ dục làm vui. Nay học đạo Bồ tát có cái vui của pháp. Trở lại trời ma phải sống thế nào đây?

Kinh: Ông Duy Ma Cật nói: “Các cô! Có pháp môn tên là “Vô Tận Đẳng” các cô nên học. Vô tận đẳng là ví như một ngọn đèn môi qua trăm ngàn ngọn đèn khác, chỗ tối đều sáng, sáng mãi không dứt, như thế đó các cô.

“Phàm một vị Bồ tát mở mang dẫn dắt, trăm ngàn chúng sanh phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác mà cái đạo lý ấy không hề dứt, tùy chỗ thuyết pháp mà tự tăng thêm lợi ích cho các pháp lành, đó gọi là vô tận đẳng. Các cô tuy ở tại ma cung mà dùng vô tận đẳng này làm cho vô số thiên nữ khác phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác đó là báo ân Phật, cũng là làm ích lợi lớn cho tất cả chúng sanh.”

Bấy giờ các thiên nữ cúi đầu đánh lễ dưới chân ông Duy Ma Cật rồi theo ma Ba Tuần trở về thiên cung. Bỗng nhiên hết thấy đều biến mất.

Bạch Thế Tôn, ông Duy Ma Cật thần lực tự tại trí huệ biện tài như thế nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

TRƯỞNG GIẢ TỬ THIÊN ĐỨC

Kinh: Phật bảo trưởng giả tử Thiện Đức: “Ông đi đến ông Duy Ma Cật thăm bệnh.”

Ông Thiện Đức bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lúc xưa, con có tổ chức một hội bố thí lớn ở nhà cha con.

Tổ Thập nói: Hội bố thí lớn có hai loại: Một là không dùng lễ pháp chỉ bố thí rộng rãi. Hai là dùng theo kinh sách ngoại đạo, đủ thứ phép tắc lễ nghi cúng tế. Dịp bố thí ở đây ông Thiện Đức dùng lễ pháp bố thí.

Sư Sanh nói: Pháp của người Bà la môn, bảy ngày cúng Phạm thiên, làm bố thí lớn để mong sanh về chỗ kia. Nói mình là trưởng tử thừa nghiệp cha là vậy. Đó là lý do tại sao làm cái hội pháp thí lớn.

Kinh: Cúng dường tất cả sa môn, Bà la môn, hàng ngoại đạo, kẻ nghèo khó, hèn hạ, cô độc, xin ăn.

Tổ Thập nói: Pháp Phật và ngoại đạo, phàm người xuất gia đều gọi là Sa môn. Còn người học ngoại có tài biện luận rộng rãi đều gọi là ngoại đạo.

Người xin có ba thứ: một là thầy tu, hai là quý nhân, ba là kẻ hèn hạ. Tùy theo chỗ cầu xin đều gọi là người khát thực.

Kinh: Đã hết bảy ngày; lúc ấy ông Duy Ma Cật đến trong hội, nói với con: “Này Trưởng giả tử! Phàm hội đại thí chẳng

phải như hội ông lập ra, nên lập hội pháp thí, đâu phải bố thí tiền của mà cho là hội pháp thí.”

Tổ Thập nói: Thấy sự bố thí đó chẳng có tùy hỷ nên trách móc vậy.

Bố thí có ba thứ: một là tài thí, hai là tâm thí, ba là pháp thí. Lấy tiền của cho người là tài thí, lấy tâm từ, tâm bình đẳng cho người gọi là tâm thí, thuyết pháp ích lợi cho người là pháp thí. Đó cũng là cái chỗ Bồ tát làm việc thiện, đều là lợi ích cho chúng sanh. Ích lợi cho chúng sanh có hai thứ: một là ích lợi hiện thời, hai là ích lợi cho mai sau, hai cái ích lợi đó đều gọi là pháp thí.

Nay muốn ông Thiện Đức hành pháp thí, tâm thí cho nên bác bỏ tài thí vậy.

Kinh: Con nói: “Thưa cư sĩ, sao gọi là hội pháp thí? Ông đáp: “Hội pháp thí ấy không trước không sau, nhứt thời cúng dường tất cả chúng sanh nên gọi là hội pháp thí.”

Sư Triệu nói: Phạm dùng cách tập hợp người, không thể trong một lúc mà đủ khắp. Dùng tiền của cứu giúp người không thể trong nhất thời mà gồm hết. Vì lẽ cái hội thông khắp không ranh giới đó trùm khắp không hở sót, cái ân đức của pháp cao xa bao bọc ấy chẳng thay đổi mà che phủ đồng đều, cho nên mới không giới hạn trong một hội. Nên chi đạo không đâu mà không nhuần mát, vô tâm không đâu không chứa đức mà vạn vật tự tròn đầy. Há sao lại giữ cái ân huệ bọt bèo mà buông bỏ cái lợi ích lớn như sông biển.

Muốn nhứt thời cúng dường khắp mà làm cái tục pháp có sau

trước là sao?

Kinh: Con hỏi: “Cái đó thế nào? Ông đáp: “Nghĩa là vì Bồ-đề mà khởi tâm từ.

Tổ Thập nói: Khởi tâm từ có ba loại: Kẻ phạm tục vì sự sanh về trời Phạm. Bậc nhị thừa vì cầu công đức. Bồ tát vì cầu Phật cứu thoát chúng sanh. Đây muốn khiến cầu Phật đạo mà khởi từ tâm. Từ đây về sau tùy theo văn mà tìm nghĩa, chẳng cần phải giống nhau hết thảy, chỉ khiến chẳng sai cái pháp thí mà thôi.

Kinh: “Vì cứu chúng sanh khởi tâm đại bi. Vì giữ gìn chánh pháp khởi tâm hoan hỷ. Vì nhiếp thâm trí huệ, làm theo tâm xả. Vì nhiếp phục tham lã, khởi bố thí ba la mật. Vì dạy kẻ phạm giới khởi trì giới ba la mật. Vì pháp vô ngã, khởi nhẫn nhục ba la mật. Vì lìa tướng thân tâm khởi tinh tấn ba la mật.

Tổ Thập nói: Xa lìa có hai loại: Cái thân xả bỏ cho sự việc gọi là thân xa lìa. Tâm không bị ràng buộc bởi tướng nghĩ gọi tâm xa lìa. Đối với thân tâm mà chẳng chấp trước cũng gọi là xa lìa.

Kinh: “Vì Bồ đề khởi thiên định ba la mật. Vì nhất thiết trí khởi trí huệ ba la mật. Vì giáo hóa chúng sanh nên khởi nơi không.

Sư Triệu nói: Ôm giữ chúng sanh ắt trái với nghĩa không. Ôm giữ cái lý không thì bỏ chúng sanh. Khéo thông suốt pháp tướng ắt trống rỗng cái tâm ôm giữ đó. Suốt ngày giáo hóa chúng sanh, suốt ngày chẳng trái với cái không ấy.

Kinh: “Chẳng bỏ pháp hữu vi mà khởi vô tướng.

Tổ Thập nói: Vô tướng vốn vắng bật hữu vi cho nên khuyên dạy chẳng buông bỏ.

Kinh: “Thị hiện thọ sanh mà khởi vô tác.

Sư Triệu nói: Tác là tạo tác sanh tử vậy. Bồ tát thọ sanh chẳng phải sanh ra do sự tạo tác. Chính vì bậc đại sĩ thọ sanh thường khởi vô tác.

Kinh: “Hộ trì chánh pháp, khởi lực phương tiện. Vì độ chúng sanh khởi tứ nhiếp pháp. Vì kính thờ tất cả khởi pháp trừ khinh mạn. Đối thân, mạng, tài sản, khởi ba pháp bền chắc. Đối lục niệm pháp khởi pháp tưởng nhớ. Đối sáu pháp hòa kính, khởi tâm ngay thẳng, chất trực.

Tổ Thập nói: Muốn dạy trong chúng hòa hiệp phải do sáu pháp. Một là lấy tâm từ mà khởi thân nghiệp. Hai là lấy tâm từ mà khởi khẩu nghiệp. Ba là lấy tâm từ mà khởi ý nghiệp. Bốn là lúc ăn bớt cơm trong bát cúng dường cho một vị thượng tòa, hai vị hạ tòa. Năm là giữ giới trong sạch. Sáu là trí huệ sạch trơn phiền não.

Nếu làm sáu pháp này, ắt trong chúng hằng hòa thuận không còn có sự tranh giành. Xưa có hai nhóm Tăng tranh giành nên Phật nhân đó thuyết sáu pháp hòa kính vậy.

Kinh: “Chân chánh thực hành thiện pháp khởi sự sống trong sạch. Tâm thanh tịnh vui vẻ, khởi gần bậc thánh hiền. Chẳng thường ghét người, khởi tâm điều phục. Vì pháp xuất

gia, khởi tâm sâu vững. Vì làm đúng như nói nên khởi đa văn. Vì pháp vô tranh, khởi cảnh nhàn không.

Sư Triệu nói: Tranh đua thì rơi vào phe nhóm. Không tranh đua thì thoát khỏi mà an nhàn vậy.

Kinh: “Hướng theo Phật huệ khởi pháp thiên định. Cởi mở ràng buộc cho chúng sanh, khởi địa vị Tu Hành.

Sư Triệu nói: Cái hạnh của mình chẳng trau dồi, làm sao cởi mở cho ai được!

Kinh: “Vì đầy đủ tướng tốt và thanh tịnh cõi Phật khởi nghiệp phước đức.

Tổ Thập nói: Tất cả Thiện pháp phân ra làm hai nghiệp gọi là nghiệp phước đức và nghiệp huệ minh. Trong Lục độ ba độ trước thuộc nghiệp phước đức. Ba độ sau thuộc nghiệp huệ minh. Đầy đủ hai nghiệp ắt thành Phật đạo, ví như hai bánh xe đến đích. Nghiệp phước ắt được các quả báo tướng tốt, cõi nước thanh tịnh. Nghiệp huệ minh ắt được nhất thiết trí nghiệp vậy.

Kinh: “Biết tất cả tâm móng động của chúng sanh ứng hợp thuyết pháp, khởi ra trí nghiệp.

Sư Triệu nói: Muôn hạnh của Đại thừa chia làm hai nghiệp. Dùng cái trí mà làm tiêu chuẩn cho các hạnh cho nên riêng lập nghiệp trí, các hạnh thuận theo cho nên tổng hợp đức nghiệp. Luận chỗ gây dựng thì chẳng phải một nghiệp mà thành. Cho nên trau dồi pháp tướng tốt, quốc độ thanh tịnh...trong các kinh hệ trọng là

ở chỗ dùng đức nghiệp.

Biết sự móng tướng mà thuyết pháp là dùng trí nghiệp. Cái trí nghiệp này quan trọng. Cái công dụng đó không phải mới đầu mà chưa có ích đâu!

Kinh: “Biết tất cả các pháp, chẳng giữ chẳng bỏ, vào cửa nhất tướng, khởi huệ nghiệp.

Sư Triệu nói: Cái quyết định nghiệm lý gọi là trí. Lập tâm phân biệt rành rẽ mỗi mỗi gọi là huệ. Đã biết cái móng tướng của chúng sanh, định các pháp tướng, rồi sau mới thuyết pháp, thì chỗ trọng yếu là dùng trí. Nay đây lập tâm phân biệt rành rẽ cái pháp tướng, khiến vào một cửa pháp, thì cần yếu là dùng huệ vậy. Riêng gốc nói rằng trí nghiệp huệ nghiệp là vậy.

Kinh: “Dứt lìa tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả các pháp bất thiện, khởi tất cả thiện nghiệp.

Tổ Thập nói: Trở lại tóm tắt hai nghiệp phước đức, huệ minh. Hai nghiệp này có đủ, ắt tội lỗi chướng ngại đều diệt trừ hết. Hai câu sau này cũng tóm tắt hai nghiệp trên.

Kinh: “Vì được tất cả trí huệ, tất cả thiện pháp, khởi tất cả các pháp trợ giúp Phật đạo.

Sư Triệu nói: Tất cả trí huệ là trí nghiệp, tất cả thiện pháp là đức nghiệp. Pháp giúp Phật đạo là các pháp vô lậu của Đại thừa. Trí, pháp hai nghiệp chẳng phải chỗ thành của pháp hữu lậu. Nên thành ấy là nói về các pháp giúp Phật đạo vậy.

Kinh: “Nhu vậy đó! Thiện nam tử! Đó là hội pháp thí. Như Bồ tát trụ nơi hội pháp thí đó là vị đại thí chủ, cũng là phước điền cho tất cả thế gian.”

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy Ma Cật nói pháp ấy, trong đám Bà la môn hai trăm người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc đó tâm con được thanh tịnh, ngợi khen chưa từng có, cúi đầu đánh lễ dưới chân ông Duy Ma Cật. Rồi con mở chuỗi anh lạc giá đáng trăm ngàn dâng lên. Ông không chịu nhận. Con nói: “Thưa cư sĩ, xin ông hãy nhận, tùy ý trao cho.”

Ông Duy Ma Cật liền nhận chuỗi Anh lạc, chia làm hai phần; một phần đem cho người xin ăn hèn hạ nhất trong hội; một phần dâng lên đức Nan Thắng Như Lai tất cả chúng trong hội đều thấy cõi quang minh của đức Nan Thắng Như Lai. Lại thấy chuỗi ngọc Anh lạc và cõi đức Phật ấy biến thành đài báu bốn cột, bốn mặt đều trang nghiêm rực rỡ chẳng ngăn che nhau.

Sư Sanh nói: Chia làm hai phần là để tỏ bày bình đẳng. Hiện thần lực là để tỏ rõ chỗ đứng ứng nghiệm của pháp thí. Biến thành đài báu bốn cột, tài thí sau làm được vậy! Cái pháp thí hội chân thật rõ ràng là vậy. Cho nên không đâu mà chẳng khắp.

Kinh: Khi ấy ông Duy Ma Cật hiện thần biến xong lại nói rằng: “Nhu người chủ thí dùng tâm bình đẳng thí cho một người xin ăn rất hèn hạ cũng như tướng phước điền của

Như-Lai, mà không có chỗ phân biệt. Lòng đại bi bình đẳng, chẳng cầu quả báo, đó gọi là đầy đủ pháp thí vậy.”

Sư Triệu nói: Nếu hay đồng đều chỗ sang hèn thì chỉ một hạnh báo. Lấy tâm bình đẳng đại bi mà bố thí thì mới là đầy đủ pháp bố thí vậy.

Kinh: Trong thành những người xin ăn hèn hạ bậc nhất thấy thần lực như vậy và nghe lời nói kia đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

Như vậy chư Bồ tát mỗi vị đều đến trước Phật nói duyên có của mình, khen ngợi thuật lại những lời của ông Duy-Ma-Cật và đều nói: “Không kham lãnh đến thăm bệnh ông.”

V. PHẨM VĂN THÙ SƯ LỢI THĂM BỆNH

Kinh: Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: “Ông đến Ông Duy Ma Cật thăm bệnh.” Ngài Văn Thù bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Bậc thượng nhân kia khó bề đối đáp.

Tổ Thập nói: Văn Thù Sư Lợi, Tần gọi là Diệu Đức. Kinh nói rằng: đã từng thành Phật hiệu là Long Chung Tôn (tôn quý nhất trong loài rồng).

Sư Triệu nói: Ba mươi hai ngàn vị sao chẳng đủ sức? Ngài Văn Thù Sư Lợi sao lại hơn hết? Ý rằng: Bậc chính nhân ứng biến khôn lường, ẩn hiển đều tốt đẹp, cho nên lần lượt thay đổi ngắn dài để ứng hợp với cơ duyên đó thôi. Nào ai dám quyết chắc chỗ hơn kém, luận chỗ được thua ư? Ngài Văn Thù ứng hợp với tâm mọi người nên phụng mệnh đi thăm, cho nên trước khen ngợi cái đức của ông Tịnh Danh để làm cho chúng nầy sanh cái tư tưởng khó nổi gặp vậy, người đó đạo cao tốt khó nổi đối đáp, phải vâng thánh chỉ của Phật đi thăm bệnh đó thôi.

Kinh: “Ông ấy thấu biết sâu xa thật tướng khéo nói pháp yếu. Biện tài thông suốt trí huệ không ngăn ngại rõ thấu tất cả pháp thức của Bồ tát. Thâm nhập kho tạng bí mật của chư Phật.

Sư Triệu nói: Gần thì biết tường tận pháp tắc của hàng Bồ tát. Xa thì thâm nhập bí tạng của chư Phật. Bí tạng là tạng bí mật nơi thân, khẩu, ý của chư Phật.

Kinh: “Hàng phục các ma, du hý thần thông. Trí huệ phương tiện đều được rất ráo.

Sư Triệu nói: Chúng ma là bốn loại ma.

Tổ Thập nói: Thần thông biến hóa gọi là du (đi chơi). Người, vật, đối với ta chẳng phải là thật cho nên gọi là hý (đùa chơi, vui chơi). Lại nữa thần thông tuy rộng lớn nhưng bậc giỏi ấy thì dễ. Đối với ta không khó dường như đùa chơi thôi. Cũng nói nơi thần thông ấy khéo hay nhập, trụ, xuất, tự tại vô ngại vậy.

Kinh: “Dầu vậy, con xin vâng thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông.”

Sư Triệu nói: Đức đó như vậy, không phải chỗ đủ sức đối phó nên thừa thánh chỉ của Phật sau mới đi là vậy.

Kinh: Lúc ấy trong chúng hàng Bồ tát, hàng Đại đệ tử, Đề Thích Phạm thiên, Tứ Thiên vương đều nghĩ rằng: “Nay hai vị Đại sĩ Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật cùng đàm luận ắt nói diệu pháp.” Tức thời tám ngàn Bồ tát, năm trăm Thanh văn, trăm ngàn Thiên nhân đều muốn đi theo.

Tổ Thập nói: Các vị Thanh văn này chuyên lấy lìa khổ làm tâm, chẳng cầu pháp sâu xa, cho nên chẳng cùng đi. Năm trăm vị đệ tử trí huệ thâm nhập, vui nghe pháp sâu xa, nên cùng đi.

Kinh: Bảy giờ ngài Văn Thù Sư Lợi cùng các vị Bồ tát các vị Đại đệ tử và các Thiên nhân cung kính vây quanh đi vào thành Tỳ Da Ly.

Sư Triệu nói: Vườn Am La ở ngoài thành, nhà ông Tịnh Danh ở trong thành.

Kinh: Lúc ấy, trưởng giả Duy Ma Cật thầm nghĩ: “Nay ngài Văn Thù Sư Lợi và đại chúng cùng đến viếng thăm.” Liên dùng sức thần thông làm cho trong nhà trống không, chẳng có vật gì và người hầu hạ nào, chỉ để một chiếc giường cho ông nằm bệnh.

Sư Sanh nói: Phát lên cái niệm ấy, nhân đó dùng nhà trống để chỉ cái tâm không, có bỏ dẹp cho nên mới không, mật nhiệm ý chỗ nêu bày tông yếu. Hiện thần thông chính là thể hiện của niệm ấy nên làm như vậy.

Sư Triệu nói: Hiện ra tật bệnh, cái sự hiện giờ vậy. Dọn dẹp trong nhà, bỏ kẻ hầu hạ, lấy cớ để mở đầu câu chuyện, sự chứng ở sau. Chỉ để một cái giường là do chỗ mượn tòa ngồi.

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi vào nhà rồi, thấy trong nhà trống rỗng, không có vật gì, chỉ có một mình ông nằm trên giường. Khi ấy ông Duy Ma Cật nói: “Lành thay! Ngài Văn-Thù-Sư-Lợi mới đến! Cái tướng chẳng đến mà đến, cái tướng chẳng thấy mà thấy.”

Sư Triệu nói: Sắp nói rõ cái pháp thân Đại sĩ vậy. Cử động, tiến, ngừng đều chẳng lìa thật tướng. Thật tướng chẳng đến, lấy đó mà đến. Thật tướng chẳng thấy, lấy đó mà thấy. Chẳng đến mà hay đến, chẳng thấy mà hay thấy, pháp thân như thế thì cái lành nào giống vậy được?

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Như vậy đó cư sĩ! Như đã đến lại là chẳng đến. Như đã đi lại là chẳng đi.

Sư Triệu nói: Nói rõ cái tướng không có đến đi, đó là cái diệu dụng của ông Tịnh Danh vậy. Phạm cái đi, cái đến, cái gặp nhau đều là nhân cái duyên ấy mà tạm gọi vậy thôi.

Chưa đến chẳng là đến. Đến rồi chẳng lại đến. Bỏ cái đến rồi, chẳng có cái đến, thì chỗ nào còn có sự đến đi. Cái thấy cũng vậy thôi. Chỗ biện luận khúc chiết này phải tìm trong các luận.

Kinh: “Vì sao? Vì đến không từ đâu đến. Đi không có chỗ tới. Chỗ thấy được lại là chẳng thể thấy được.

“Thôi việc ấy hãy để đó. Bệnh của cư sĩ đây có chịu nổi chăng? Điều trị có bớt không? Không đến nổi tăng chớ? Thế-Tôn ân cần hỏi thăm nhiều lắm? Bệnh của cư sĩ do đâu mà khởi? Sao sanh lâu vậy? Phải làm sao mới dứt được?”

Tổ Thập nói: Kinh sách của ngoại đạo chỉ biết có bệnh của tam đại, chẳng biết địa đại, Trong Phật pháp nói bệnh của tứ đại, bệnh sanh ra do nơi tứ đại tăng giảm. Tứ đại tăng giảm tất có nguyên do, cho nên hỏi cái nguyên do dấy ra vậy.

Sư Triệu nói: Cái sứ mạng đã bày bố cho nên lại hỏi cái nguyên do sanh ra bệnh, Cái bệnh này do đâu mà khởi? Khởi lên lâu mau rồi? Làm sao mà diệt trừ được?

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Từ si và ái bệnh tôi liền sanh.

Sư Triệu nói: Trả lời cho sự lâu mau vậy! Bồ tát tật bệnh gì? Vì thương xót người mà sanh ra tật bệnh. Tật bệnh của chúng sanh thì si ái là cội gốc. Tật bệnh của Bồ tát thì đại bi là nguồn, Phạm cao ắt do thấp khởi, bệnh phát sanh ra do lòng đại bi. Bệnh đại bi phát ra từ nơi si ái. Nhưng si ái không đầu mối, không biết ngọn nguồn. Bệnh tôi lâu mau đồng với cái căn nguyên đó. Đây nói rõ cái nguyên nhân của bệnh đại bi, chẳng phải là tự mình bệnh đâu.

Kinh: “Vì tất cả chúng sanh bệnh, thế nên tôi bệnh, Nếu tất cả chúng sanh được không có bệnh ắt bệnh tôi dứt.

Sư Triệu nói: Trả lời về chỗ dứt bệnh vậy. Bệnh của Bồ tát nhân bởi người mà sanh ra. Bệnh người đã dứt ta lại còn bệnh nào? Nhưng vì chúng sanh vô biên, si ái không cùng cho nên tâm đại bi đó cũng không cùng.

Do đó trước thương xót không cùng, lấy si ái làm ranh giới, sau tâm đại bi không tột nên cùng dứt với chúng sanh.

Đây là cái nguyên lai chỗ đến của tâm đại bi để nói rõ chỗ vô cùng của tâm đại bi.

Kinh: “Vì sao? Bồ tát vì chúng sanh nên vào sanh tử, có sanh tử ắt có bệnh. Nếu chúng sanh được lìa bệnh ấy, ắt Bồ tát cũng không còn bệnh.

Sư Triệu nói: Phạm pháp thân vô sanh huống lại có hình? Đã không có hình, bệnh do đâu mà khởi. Nhưng vì chúng sanh thọ sanh nên chẳng được không hình. Đã có hình ắt chẳng được không tật bệnh. Cho nên tùy theo lâu mau cùng nhau đồng bệnh. Như ai

kia lìa bệnh Bồ tát ắt cũng không còn bệnh.

Kinh: “Ví như ông trưởng giả chỉ có một người con, đứa con ấy mắc bệnh, cha mẹ cũng bệnh. Nếu con khỏi bệnh, cha mẹ cũng khỏi bệnh. Bồ tát cũng thế! Đối với tất cả chúng sanh thương mến như con nên chúng sanh bệnh ắt Bồ tát bệnh. Chúng sanh khỏi bệnh, Bồ tát cũng khỏi bệnh. Lại ông hỏi bệnh ấy nhân đâu mà khỏi? Bệnh của Bồ tát do đại bi mà khỏi vậy.”

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Cư sĩ! Nhà này sao trống không và không có kẻ hầu hạ”. Ông Duy Ma Cật đáp: “Quốc độ của chư Phật lại cũng đều không.”

Sư Triệu nói: Sự bình đẳng của đạo, lý chẳng hai đường. Quốc độ mười phương không đâu chẳng không. Sao lại riêng hỏi sự trống không của một cái nhà ư?

Kinh: Lại hỏi: “Lấy gì làm không?”

Sư Triệu nói: Trong nhà vì không có đồ vật nên là không. Cõi Phật vì lẽ nào là không? Dem ra bàn luận nghĩa "không" rớt ráo vậy!

Kinh: Đáp rằng: “Lấy không làm không.”

Sư Triệu nói: Phạm chỗ do tâm sanh, tâm nhân cái có mà khởi. Lãnh vực của cái phải quấy là chỗ còn vọng tưởng. Cho nên bàn có luận không riêng khác loạn xạ rời tranh đua ấy thôi.

Như có thể làm trống rỗng cái lòng ôm bám đó, rõ thấu cái

thật cảnh của tâm, về trong cái thường tồn màu nhiệm thì có không xem là một. Tuy trở lại cái trí khắp muôn vật nhưng chưa từng cho là có. Nẻo u ám tối tăm không soi sáng chưa từng cho là không. Cho nên hay đồng cùng trời đất làm một ý chỉ mà chẳng trái với cái thật đó. Soi suốt các cái có nên vật với ta đồng một. Vật, ta đồng một cho nên trí không dụng công soi xét. Không trái nghịch với cái thật ấy cho nên vật vật đều tròn đủ.

Cho nên kinh rằng: Thánh trí vô tri. Lấy hư không làm tướng, các pháp vô vi, cùng đồng ngang nhau vậy.

Cho nên lấy trí không mà không ở nơi cái có thì bèn là có mà tự không vậy. Đâu phải giả mượn cách trừ bỏ rồi sau mới là không. Trước không có cái trí không, sau không có cái pháp không. Rõ thẳng Pháp Không, chẳng dùng cái giữ định cho nên trong chiếu ra chân trí, ngoài chứng pháp không vậy.

Kinh: Lại hỏi: “Đã không sao còn dùng cái không?”

Sư Triệu nói: Trước là không cái pháp không, sau là không cái trí không vậy. Các pháp bốn tánh tự không sao lại mượn cái trí không rồi sau mới không ư?

Kinh: Đáp rằng: “Vì không phân biệt cái không cho nên là không.”

Sư Triệu nói: Trí sanh ra, khởi ở chỗ phân biệt. Nhưng các pháp vô tướng cho nên trí không phân biệt. Trí không phân biệt tức là trí không. Các pháp vô tướng tức là pháp không. Dùng trí không phân biệt nơi pháp tức biết pháp không. Đâu phải riêng có cái trí

không để mượn dùng làm không cái pháp sao? Vậy ắt trí trong khi chẳng phân biệt pháp, lúc ấy trí pháp đều đồng một cái không, chẳng lại còn cái không khác? Cho nên nói rằng: Dùng sự không phân biệt là trí không vậy.

Kinh: Lại hỏi: “Cái không có thể phân biệt được ư?”

Sư Triệu nói: Trước cho rằng dùng sự không phân biệt làm trí không cho nên biết pháp không, chẳng còn trở lại cái không nào nữa.

Tuy rằng không khác nhưng cái tướng khác nhau đã thành hình. Cái tướng khác nhau đã thành hình ắt phân biệt sanh ra.

Nếu trí và pháp không khác cái không ấy, thì do đâu cho rằng dùng cái không phân biệt làm trí không cho nên mới biết pháp không sao?

Hỏi: Cái trí không, pháp không có thể phân biệt được ư?

Trí, pháp đều không cho nên tóm gọn một câu Nhất không trọn đủ vậy.

Kinh: Đáp rằng: “Phân biệt cũng không.”

Sư Triệu nói: Xem lời nói ấy, phân biệt vốn ở nơi vô phân biệt vậy. Nếu có thể vô tâm nơi phân biệt thì phân biệt là ở nơi vô phân biệt vậy. Tuy lại trọn ngày phân biệt mà chưa từng phân biệt. Cho nên nói phân biệt cũng không.

Kinh: Lại hỏi: “Cái không, phải tìm nơi đâu?”

Sư Triệu nói: Trước nhận lấy cái chánh trí chỉ rõ cái không. E cho kẻ không biết gọi cái nghĩa không (tức là Đệ Nhất Nghĩa Không) chỉ ở trong cái chánh chẳng có trong cái tà, cho nên hỏi cái chỗ của nghĩa Không ở đâu để tỏ rõ ra cái tà chánh chẳng khác vậy.

Kinh: Đáp rằng: “Nên trong sáu mươi hai kiến mà tìm.”

Sư Triệu nói: Phàm tà nhân chánh sanh, chánh nhân tà mà khởi. Gốc đó là tánh, tánh không có hai, cho nên muốn tìm cái không của cái chánh trí ấy phải nên trong tà kiến mà tìm.

Kinh: Lại hỏi: “Sáu mươi hai kiến phải tìm nơi nào?” Đáp rằng: “Phải tìm trong pháp giải thoát của chư Phật.”

Sư Triệu nói: Buông xả tà kiến là giải thoát, trái ngược giải thoát là tà kiến. Như vậy ắt tà kiến giải thoát đều không. Nguồn gốc ấy là một cái Không mà thôi. Cho nên tìm các tà kiến phải tìm gốc nơi giải thoát.

Kinh: Lại hỏi: “Pháp giải thoát của chư Phật phải tìm nơi đâu?” Đáp rằng: “Phải tìm nơi tâm hạnh của tất cả chúng sanh.

Sư Triệu nói: Cái tâm hạnh của chúng sanh tức là hạnh trói buộc. Hạnh trói buộc tức là nơi phát sanh ra giải thoát.

Lại nữa tà chánh cùng một gốc; giải thoát ràng buộc cùng một cửa. Gốc là chân tánh chưa từng sai khác. Cho nên tìm cái pháp giải thoát của Phật phải ngay nơi tâm hạnh chúng sanh vậy.

Kinh: “Lại còn chỗ Ngài hỏi sao không có kẻ hậu hạ ấy?

Tất cả chúng ma và các ngoại đạo đều là kẻ hầu hạ của tôi.

Sư Triệu nói: Kẻ hầu hạ của trần thế chỉ cung kính rồi vâng theo mạng lệnh hầu dâng chỗ cần dùng, gọi đó là kẻ hầu hạ. Còn kẻ hầu hạ của Bồ tát là kẻ vì lẽ tự kiêu rồi nghịch mạng ngoảnh mặt xoay lưng lại với đạo, giống như người Đại thừa dùng hòa nhã để rõ cái tùy thuận; hầu hạ cung dưỡng pháp thân gọi là kẻ hầu.

Vì thế chúng ma, ngoại đạo là kẻ cung cấp người hầu hạ trước tiên vậy.

Kinh: “Vì sao vậy? Vì các ma ấy ưa sanh tử, còn Bồ tát thì ở nơi sanh tử mà chẳng bỏ. Ngoại đạo ưa kiến chấp còn Bồ tát đối nơi các kiến chấp mà chẳng động.”

Tổ Thập nói: Là nói rằng chẳng thấy có cái tướng khác vậy.

Sư Triệu nói: Ma ưa bám ngũ dục, chẳng cầu xuất thế, cho nên bị sống chết ràng buộc. Ngoại đạo tuy cầu pháp xuất thế nhưng chấp trước đạo mình cho nên bị tà kiến ràng buộc. Bậc đại sĩ xem sanh tử đồng Niết bàn nên chẳng bỏ, xem tà kiến đồng chánh kiến nên chẳng động. Chẳng động, chẳng bỏ cho nên có thể lấy đó làm kẻ hầu hạ vậy.

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Bệnh của cư sĩ đồng trạng với tướng nào?”

Tổ Thập nói: Ngay sự mà xem, nếu không có bệnh mà nói có, lại chưa thấy tướng có đó, cho nên tìm tướng đó vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Bệnh của tôi không có hình

dạng, chẳng thể thấy được.”

Sư Triệu nói: Đại Bi chẳng cần có duyên, nhưng không đâu chẳng duyên. Không đâu chẳng duyên cho nên hay ứng vật mà sanh tật bệnh, ứng vật mà sanh bệnh ắt ở nơi ta chưa từng có bệnh vậy.

Cho nên có thể đồng dùng cái tướng bệnh của chúng sanh mà chẳng trái nghịch với đạo vô tướng ấy là sao? Đại bi không có duyên, không có duyên ắt vô tướng, vì lẽ đó sanh bệnh, bệnh cũng vô tướng cho nên nói rằng bệnh tôi không có hình trạng chẳng thể thấy được.

Kinh: Lại hỏi: “Bệnh ấy do thân hợp hay do tâm hợp?”

Sư Triệu nói: Hoặc nghe bệnh chẳng thể thấy được, bèn gọi là cái tâm bệnh vô hình, cho nên nói rằng chẳng thể thấy được. Hoặc nói rằng thân bệnh vi tế cho nên chẳng thể thấy được, vì đó sanh ra sự hỏi han. Bệnh nơi thân tâm hợp với cái gì mà nói rằng chẳng thể thấy được?

Kinh: Đáp rằng: “Chẳng phải thân hợp, vì thân tướng vốn lìa. Cũng chẳng phải tâm hợp vì tâm như huyễn.”

Sư Triệu nói: Thân tướng lìa ắt chẳng phải thân. Tâm như huyễn ắt chẳng phải tâm. Thân tâm đã không thì bệnh hợp với cái gì? Không hợp nên không bệnh. Không bệnh cho nên không thể thấy được vậy.

Kinh: Lại hỏi: “Địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, bốn

đại đó bệnh hợp với đại nào?”

Tổ Thập nói: Đây là nói rõ bệnh khởi do đâu. Bệnh khởi chẳng do một sự, ắt do bốn đại giả hợp sanh ra. Giả hợp mà sanh ắt bệnh không có tự tánh. Không có tự tánh ắt giống như trước đã nói là chẳng thể thấy được. Đây tuy nói rõ chỗ bệnh nhân đâu mà khởi nhưng lại nói rõ chỗ vì sao không có bệnh.

Kinh: Đáp rằng: “Bệnh ắt chẳng phải địa đại, cũng chẳng là địa đại. Thủy hỏa phong đại cũng lại như vậy.

Sư Triệu nói: Bản tánh của tứ đại tự nó không có bệnh; những duyên đã hội hợp tăng giảm, tương khắc, do đó sanh ra bệnh hoạn. Muốn nói có bệnh thì bản tánh tự không. Muốn nói không bệnh lại nương cái giả mà có. Cho nên bệnh chẳng phải địa đại cũng chẳng là địa đại. Các đại khác cũng giống như vậy.

Kinh: “Nhưng bệnh của chúng sanh từ nơi tứ đại khởi. Vì chúng sanh có bệnh cho nên tôi bệnh.”

Sư Triệu nói: Tứ đại vốn không, bệnh cũng chẳng có. Nhưng cái bệnh hư giả của chúng sanh từ tứ đại khởi cho nên tôi vì cái bệnh hư giả đó ứng với cái bệnh kia thôi.

Ngược tìm gốc đó, kia với ta đều không thật, mà muốn nhìn cái hình tướng đó, làm sao có được.

Kinh: Khi ấy ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật: “Bồ tát an ủi khuyên bảo Bồ tát có bệnh như thế nào?”

Sư Triệu nói: An ủi khuyên bảo người có bệnh đáng phải là

ngài Văn Thù mà sao hỏi ngược lại ông Tịnh Danh? Là để những người nhóm hội chú tâm vào đó, lại để biết rõ về bệnh tật ấy. Muốn nhân chỗ đó để hiểu rõ về cái việc nhóm hội lại mà an ủi khuyên nhủ vậy.

Đây bày tỏ cái đạo không chứng của Đại thừa. Vì lẽ an ủi khuyên bảo mới nhóm hội, mới bày ra cái bệnh của Bồ tát, cho nên mới có sự hỏi han này đây vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Nói thân là vô thường, chẳng nói chán lìa cái thân.

Tổ Thập nói: Có ba loại pháp: Có pháp thế gian, có pháp xuất thế gian. Xem biết vô thường mà chán cái thân đó là pháp của hàng Thanh văn. Kẻ đăm đuổi cái thân mà chẳng biết vô thường ấy là pháp phàm phu.

Xem biết vô thường mà không chán lìa thân ấy là pháp của bậc Bồ tát. Nay vì cái bệnh hoạn ấy nên nói Bồ tát pháp. Dùng cái pháp Bồ tát mà bệnh ắt lòng không bối rối.

Sư Triệu nói: Cái pháp an ủi vỗ về ứng hợp với kẻ bệnh là nói cái vô thường của thân, lìa bỏ tham lam chấp trước vào thân. Chẳng nên vì đó nói chán lìa, khiến cầm giữ chỗ chứng đắc vậy.

Chẳng suy xét thấy lý vô thường, chẳng nhàm chán, lìa bỏ ấy là phàm phu.

Suy xét thấy lý vô thường mà nhàm chán lìa bỏ ấy là hàng nhị thừa.

Suy xét thấy lý vô thường mà chẳng nhàm chán lìa bỏ ấy là bậc Bồ tát vậy. Lấy đó mà an ủi khuyên nhủ kẻ mới học tập, khiến giúp cho an tâm khi bệnh, để cứu giúp chúng sanh. Chẳng chán sanh tử, chẳng ưa Niết bàn, đó là cái pháp an ủi, khuyên nhủ của hàng Bồ tát vậy.

Kinh: “Nói thân có khổ, chẳng nói ưa thích Niết bàn; nói thân vô ngã mà nói khuyên dạy dìu dắt chúng sanh. Nói thân không tịch, chẳng nói rốt ráo tịch diệt.

Tổ Thập nói: Tùy theo người sáng trí, tối dạ, cho nên nói có chỗ rộng, chỗ vắng tắt. Ví như cây lớn chẳng phải một búa mà ngã được, rễ đã bám sâu lâu đời, chẳng phải một pháp mà trừ được. Hoặc mặc dầu đã nghe lý vô thường, còn nói là chẳng khổ, ắt phải vì đó nói lý khổ. Đã nghe khổ bèn cho rằng có cái chủ thể của sướng khổ cho nên phải nói lý vô ngã, lý không.

Sư Triệu nói: Tuy thấy thân khổ, nhưng chẳng ưa thích cái vui Niết bàn. Tuy biết vô ngã nhưng chẳng vì lẽ chúng sanh là không mà thiếu sót trong việc dạy dỗ dìu dắt.

Tuy thấy thân không mà chẳng nắm giữ cái đạo rốt ráo Niết bàn, cho nên hay trụ sanh tử cùng với chúng sanh đồng bệnh. Bởi thế người khuyên nhủ an ủi nên nói chỗ ứng hợp thi hành, chẳng nên nói chỗ không ứng hợp thi hành.

Kinh: “Nói ăn năn đời trước mà chẳng nói thuộc vào đời trước.

Tổ Thập nói: Người có căn thông đạt nghe bốn câu trên ắt

thường trong chỗ tật bệnh mà không rối loạn. Từ đây trở xuống lại vì kẻ căn tánh si mê nói lời rất gần, rất thân thiết để khuyên bảo tâm sai quấy vậy.

Hiện nay có bệnh ắt do tội trước cho nên khuyên dạy phải ăn năn cái tội trước. Đã nói có tội trước ắt dường như tội có tánh thường thuộc vào đời trước cho nên vì đó nói chẳng thuộc vào đời trước là trừ bỏ chỗ tưởng thường của họ.

Kinh: “Lấy bệnh mình mà thương đến bệnh người.

Tổ Thập nói: Khiến nghĩ mình mà thương đến mọi vật vậy. Phải tâm niệm rằng: Ta nay mới có chút bệnh mà đã đau khổ như thể hưởng hồ chúng sanh trong đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) chịu không xiết bao sự khổ vậy.

Kinh: “Phải biết cái khổ của vô số kiếp trước mà nay làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Tổ Thập nói: Đến nay đã vô số kiếp chịu khổ không lường, chưa từng vì đạo. Vì đạo chịu khổ thì đương nhiên được lợi ích lớn và đã lấy lẽ này để tự khuyên bảo mình rồi, lại còn phải nhớ đến việc làm lợi ích cho chúng sanh khiến đều được lợi ích.

Sư Triệu nói: Phải tìm đời trước, khổ sở vô lường, nay khổ chốc lát, sao đủ để lo phiền. Nay dùng sức nghiên cứu bệnh này chỉ cứu vớt cái khổ của chúng sanh thôi.

Kinh: “Nhớ đến chỗ tu phước.

Tổ Thập nói: Pháp ở Thiên Trúc, từ lúc sanh cho đến lúc chết,

chỗ làm việc phước, mỗi việc đều có ghi chép cho nhớ. Như lúc sắp chết người thân cận nhắc lại khiến người đó nương phước, tâm không lo sợ.

Kinh: “Nhớ tưởng đến cái mạng sống trong sạch.

Tổ Thập nói: Mạng sống trong sạch là chánh mạng vậy. Tự nhớ lại từ khi sanh ra đến nay thường hành chánh mạng ắt hưởng theo nẻo lành, ta còn chỗ nào sợ sao?

Sư Triệu nói: Chớ vì muốn khỏi bệnh mình mà khởi tà mệnh. Tà mệnh là làm cái việc trái đạo cốt để giữ mạng sống.

Kinh: “Chớ sanh lòng buồn phiền, thường khởi tinh tấn.

Tổ Thập nói: Tuy xác thân chết nhưng lòng chẳng quên tinh tấn.

Kinh: “Phải làm bậc y vương liệu trị các bệnh.

Tổ Thập nói: Phải nhớ lại cái nguyên nhân bệnh, phát ra cái nguyên lớn, cũng thể với các bệnh không thể cứu được, phải dùng thuốc pháp mà liệu trị các bệnh ấy.

Kinh: “Bồ tát nên như vậy mà an ủi Bồ tát có bệnh khiến Bồ tát có bệnh được hoan hỷ”. Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Cư sĩ! Bồ tát có bệnh phải điều phục tâm như thế nào?”

Sư Triệu nói: Trước hỏi cái cách thức an ủi, khuyên dụ, nay hỏi đến pháp điều phục. Ngoài có cái khéo khuyên dụ an ủi, trong có cái khéo điều phục ắt có thể trải khắp sanh tử, cùng với quần sanh đồng bệnh, cay chua đều trải qua mà chẳng lấy làm khổ. Đó

tức là chỗ nguyên do ngài Tịnh Danh bệnh vậy. Sắp chỉ bày cho người mới tu tập cái đạo lý của tật bệnh cho nên mới hỏi như thế.

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Bồ tát có bệnh phải nghĩ thế này: Bệnh ta đây đều do cái điên đảo vọng tưởng các phiền não đời trước sanh ra, không có thật pháp, ai chịu bệnh đó.

Sư Triệu nói: Cái pháp chịu bệnh trước cần phải biết cội gốc của bệnh. Bệnh sanh ra đều do cái vọng tưởng điên đảo đời trước. Vì vọng tưởng điên đảo nên phiền não sanh. Phiền não sanh ắt chẳng được không thân.

Đã có cái thân chẳng thể không tật bệnh, tìm ngược lại gốc bệnh, hư vọng chẳng thật. Gốc đã chẳng thật lấy ai chịu bệnh ấy.

Đây nói rõ ban đầu hành giả mới tu tập trước hết phải tập pháp quán vô ngã.

Kinh: “Vì sao? Vì tứ đại hòa hợp nên giả gọi là thân, tứ đại không có chủ nên thân cũng vô ngã.

Sư Triệu nói: Giải thích cái nghĩa vô ngã vậy. Tứ đại hòa hợp nên giả gọi là thân đó thôi. Tứ đại đã không có chủ thì thân ta do đâu sanh ra. Thí dụ như một hột cát không có dầu dính, một đám cát cũng vậy. Chủ và ta một vật mà khác tên đó thôi.

Kinh: “Lại nữa bệnh này khởi đều do chấp ngã, vì thế ở nơi ngã chẳng nên sanh chấp trước.

Tổ Thập nói: Bệnh dấy ra có hai việc: Một là do đời trước chấp ngã nên sanh nhiều kết nghiệp, cái quả kết nghiệp chín rồi ắt

phải chịu khổ. Hai là do hiện tại chấp ngã nên tâm sanh phiền muộn. Chấp ngã tâm phiền muộn cho nên bệnh tăng thêm.

Sư Sanh nói: Trở lại nguồn thì bệnh này vốn không. Nhưng người có bệnh đều do chấp ngã mà sanh ra vậy. Như ở nơi ngã mà chẳng chấp trước thì bệnh sao có được?

Kinh: “Đã biết gốc bệnh, liền trừ cái tướng có ta cùng cái tướng có chúng sanh (ngã tướng, chúng sanh tướng).”

Sư Triệu nói: Gốc bệnh tức là cái vọng tướng nói trên, nhân có vọng tướng nên thấy có cái ta và chúng sanh. Như tỏ rõ vọng tướng điên đảo ắt chẳng có ta, chẳng có chúng sanh.

Kinh: “Phải khởi pháp tướng.”

Sư Triệu nói: Tướng có ta là cái nặng của bệnh ấy, cho nên dứt trừ cái tướng có ta mà khởi pháp tướng. Pháp tướng ở nơi Không là bệnh, ở nơi ngã là thuốc. Cao thấp cùng nhau chẳng có chi nên giả mượn đó để điều trị vậy.

Kinh: “Nên nghĩ rằng: Thân này chẳng qua chỉ là do các pháp hợp thành. Khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt.”

Sư Triệu nói: Đây giải thích về pháp tướng. Các pháp ngũ âm tạm hợp nhóm thành thân. Khởi chỉ là các pháp cùng khởi. Diệt chỉ là các pháp cùng diệt, không riêng có cái chân chủ thể của cái khởi diệt đó. Đã trừ cái tướng có ta, chỉ thấy các pháp theo duyên mà khởi, cho nên gọi là pháp tướng.

Kinh: “Lại nữa các pháp ấy đều không biết nhau, lúc khởi

không nói ta khởi, lúc diệt chẳng nói ta diệt.

Sư Triệu nói: Muôn vật ngổn ngang, tụ tán ai làm? Duyên hợp ắt khởi lên, duyên tan ắt lìa. Tụ, tán không hẹn trước, cho nên các pháp không biết nhau vậy.

Kinh: “Bồ tát có bệnh kia, muốn diệt trừ pháp tướng phải nghĩ rằng: Pháp tướng đó cũng là điên đảo, điên đảo ấy tức là cái đáng lo sợ ta phải lìa nó.

Sư Triệu nói: Pháp tướng tuy trừ dứt cái ta, nhưng đối với cái chân thật vẫn là điên đảo, chưa khởi được chỗ lo sợ, nên phải xa lìa nó.

Tổ Thập nói: Hướng về pháp để trừ cái tà, từ đây về sau lấy cái không trừ bỏ cái pháp vậy.

Kinh: “Thế nào là lìa? Lìa ngã và ngã sở.

Sư Triệu nói: Cái ta (ngã) là chủ muôn vật, muôn vật là cái của ta (ngã sở). Nếu lìa xa ngã và ngã sở ắt chẳng pháp nào chẳng lìa.

Kinh: “Thế nào là lìa ngã và ngã sở? Ấy là lìa hai pháp. Thế nào là lìa hai pháp: Ấy là chẳng nghĩ đến các pháp trong ngoài, thật hành bình đẳng.

Sư Triệu nói: Có ngã và ngã sở ắt hai pháp từ đó sanh ra, hai pháp đã sanh ra rồi ắt trong ngoài hình thành. Trong ngoài đã hình thành ắt các pháp có tên khác nhau. Các pháp khác tên ắt phải quấy khuynh đảo lẫn nhau. Phải quấy khuynh đảo lẫn nhau ắt bệnh hoạn nhân đó thành nên. Nếu hay chẳng nghĩ các pháp trong ngoài, thật

hành tâm bình đẳng ấy ắt nhập "không hạnh", không có bệnh hoạn của pháp tướng. Các pháp trong ngoài đó là các trần vậy.

Kinh: “Thế nào là bình đẳng? Ấy là ngã bình đẳng, Niết-bàn bình đẳng.

Sư Triệu nói: Tột cao, tận thấp xem như một, mới đúng là bình đẳng vậy.

Kinh: “Vì sao? Ngã cùng Niết bàn hai đều không.

Sư Triệu nói: Tức sự không gì chẳng khác. Tức lý không đâu chẳng một.

Kinh: “Lấy gì làm không? Chỉ là danh tự nên không. Như vậy hai pháp đó không có tánh quyết định.

Sư Triệu nói: Vì ngược với Niết bàn nên gọi là ta người. Xả bỏ ta người nên gọi là Niết bàn. Hai pháp ấy tạm nương nhau, cho nên danh tự mới sanh. Nhưng tự tánh của nó vốn không có quyết định tánh, nên cả hai đều là không vậy.

Kinh: “Được cái bình đẳng này, chẳng còn có bệnh chi khác, chỉ còn cái không bệnh, cái không bệnh cũng không.

Tổ Thập nói: Trên nói rõ cái vô ngã, vô pháp nhưng chưa lìa cái không, chưa lìa không ắt cái không còn ràng buộc; ràng buộc là bệnh cho nên nói rõ cái không bệnh cũng không vậy.

Sư Triệu nói: Chúng sanh bị vây bọc ràng buộc sâu dày không thể buông xả ngay, cho nên phải từng bậc lìa dần cho đến chỗ không còn gì để lìa nữa. Trên dùng pháp trừ ngã, lấy không trừ

pháp. Bây giờ dùng cái rốt ráo không, ngay cái không mà không mới thật sự không có tật bệnh.

Kinh: “Vị Bồ tát có bệnh này lấy cái không chỗ thọ (vô sở thọ) mà nhận các sự thọ.

Tổ Thập nói: Thọ là ba cái thọ: khổ, vui, không khổ không vui. Nếu có thể hiểu rõ cái thọ mà không thọ ắt có thể vì người cho nên thọ sanh mà nhận ba cái thọ đó.

Kinh: “Nếu chưa đến chỗ đầy đủ Phật pháp thì cũng không diệt bỏ cái thọ mà giữ lấy chỗ chứng đắc vậy.

Sư Triệu nói: Người khéo tự điều phục nơi chỗ có chẳng nhiễm có, nơi chỗ không chẳng nhiễm không. Đó là rốt ráo không thọ. Dùng cái tâm không thọ cho nên không gì không thọ. Không gì không thọ cho nên hay đời đời cùng chúng sanh đồng nhận cái thọ. Các thọ là: thọ khổ, thọ vui, thọ cái chẳng khổ chẳng vui. Phật pháp chưa tròn đủ, chúng sanh chưa độ hết, chẳng riêng mình diệt bỏ ba cái thọ mà giữ lấy chỗ chứng đắc (như các vị Tiểu thừa).

Kinh: “Dù thân có khổ, nên nghĩ đến chúng sanh nơi đường dữ mà khởi tâm đại bi.

Tổ Thập nói: Cái thân có công đức, trí huệ của ta còn khổ đau như vậy, huống hồ chúng sanh nơi đường dữ chịu vô lượng khổ cực, phải tức thời khởi tâm đại bi để nhỏ dứt cái khổ ấy.

Kinh: “Ta đã điều phục cũng phải điều phục cho tất cả chúng sanh.

Sư Triệu nói: Phải cùng khổ vui với cái khổ vui của chúng sanh.

Kinh: “Chỉ trừ bệnh đó, mà không trừ pháp.

Tổ Thập nói: Vọng kiến là chỗ thấy mấy pháp, thường, lạc, tịnh vậy. Sở dĩ nói không để trừ vọng kiến đó. Nên dùng cái không để diệt trừ, trừ ngay cái bệnh vọng tưởng đó thôi. Không có cái pháp để trừ cho nên vẫn ở chỗ đó mà chẳng trừ pháp đó.

Kinh: “Vì dứt tuyệt gốc bệnh mà dạy dỗ, dẫn dắt về lẽ ấy.

Sư Triệu nói: Các pháp duyên nhau mà sanh ra, tụ tán chẳng phải tụ chúng, hội họp thì có hình, tan rã thì không tượng, pháp tự nhiên vậy đó. Đối với ta nào có tật bệnh gì? Tật bệnh sanh ra ấy là do cái vọng tưởng của ta vào pháp, tự mình làm ra bệnh hoạn đó thôi.

Pháp đâu phải khiến ta sanh vọng tưởng, như vậy ắt vọng tưởng là gốc bệnh, pháp chẳng phải là bệnh của ta. Cho nên phát khởi cái dạy dỗ dẫn dắt để trừ gốc bệnh, chẳng phải trừ pháp vậy.

Kinh: “Sao gọi là gốc bệnh? Vì có phan duyên, do nơi theo cái có phan duyên đó mà làm ra gốc bệnh.

Tổ Thập nói: Trước nói về Bồ tát tự tìm ra gốc bệnh. Lấy lý tâm, cho nên có thể có bệnh mà chẳng bồi rồi. Bây giờ nói rõ chỗ đoạn bỏ cái bệnh chúng sanh cho nên suy xét cái nguồn gốc của bệnh sau rồi mới theo chỗ ứng hợp. Cái linh cơ máy động, động ắt tâm có chỗ thuộc về, tâm có chỗ thuộc về gọi là phan duyên. Phan

duyên thì giữ tướng, đó là cái đầu nguồn của vọng tướng, gốc rễ của bệnh vậy.

Kinh: “Phan duyên nơi đâu? Ở nơi ba cõi.

Sư Triệu nói: Nói rõ cái cảnh của phan duyên. Pháp ngoài ba cõi là vô lậu, vô vi. Pháp đó vô tướng, không phải là chỗ vọng tướng có thể nương vịn (phan duyên) theo được. Chỗ có thể phan duyên đó chỉ nơi tam giới mà thôi.

Kinh: “Làm thế nào đoạn bỏ phan duyên? Dùng vô sở đắc. Như vô sở đắc (không có chỗ được) ắt không có phan duyên.

Sư Triệu nói: Sở dĩ phan duyên vì ý có sự bám giữ. Sở dĩ có chỗ bám giữ vì ý còn có chỗ đắc. Như biết pháp là hư dối, chẳng giữ chẳng đắc ấy ắt phan duyên tự hết.

Kinh: “Sao gọi là vô sở đắc? Nghĩa là lìa hai kiến. Sao gọi là hai kiến? Ấy là nội kiến và ngoại kiến. Đó là vô sở đắc vậy.

Sư Triệu nói: Trong có vọng tướng, ngoài có các pháp, hai cái đó đều hư giả, rốt cuộc không có chỗ đắc.

Kinh: “Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát có bệnh điều phục tâm như vậy, vì đoạn dứt cái khổ già bệnh chết là Bồ đề của Bồ-tát. Nếu không như vậy chỗ tu hành sửa trị của mình không có lợi lạc của trí huệ.

Sư Triệu nói: Như hay khéo điều phục cái tâm chẳng còn ô nhiễm chứa cái dị tướng, nên đời đời ở nơi sanh tử để đoạn dứt cái khổ

của chúng sanh, đó là đạo Bồ đề của Bồ tát.

Nếu chẳng hay được như thế, thì chỗ tu hành đó, trong chưa đủ có trí huệ, ngoài chưa đủ có lợi lạc.

Kinh: “Ví như chiến thắng kẻ thù mới là dũng. Cũng vậy vị nào dứt trừ già, bệnh, chết mới gọi là Bồ tát. Bồ tát có bệnh đó lại nên nghĩ như vậy: “Như bệnh của ta đây chẳng phải thật, chẳng phải có. Bệnh của chúng sanh cũng chẳng phải thật, chẳng phải có.”

Tổ Thập nói: Rõ biết cái bệnh chẳng có thật, chỉ là giả danh cho nên trong đó chẳng loạn. Nếu cho bệnh là thật là có ắt bệnh không thể trừ. Chúng sanh vô biên, bệnh cũng vô tận. Bệnh vô tận mà tánh nó thật có thì làm sao có thể độ được? Tức thời bị mê loạn, tâm sanh thoái chuyển. Nếu bệnh chẳng thật cũng dễ trừ thôi, tâm bi bèn nảy ra rộng thệ nguyện cứu hết thảy.

Kinh: “Khi xét nghĩ như vậy, đối với chúng sanh nếu có khởi lòng đại bi ái kiến, liền nên phải xả bỏ.

Tổ Thập nói: Gọi là chưa thâm nhập thật tướng thấy có chúng sanh, tâm sanh thương chấp do đó sanh thương xót gọi là đại bi ái kiến (chấp theo chỗ thấy hiểu lầm lạc sanh lòng thương muốn cứu khổ). Đại bi ái kiến hư vọng chẳng tịnh, hay khiến người tưởng ra cái mệt mỏi, chán nản, cho nên phải xả bỏ nó.

Sư Triệu nói: Nếu tự điều phục mình, trước phải quán tướng cái bệnh của mình và bệnh của chúng sanh: chỗ thành tựu của nhân duyên hư giả không thật. Chỉ dùng cái tâm đó mà khởi tâm bi. Nếu

cái thấy đó chưa thuần, thấy có chúng sanh để thương mà khởi thương xót, gọi là đại bi ái kiến. Cái tâm bi này tuy tốt đẹp, nhưng còn lẫn lộn cái ái kiến, tức là cảnh có tâm chưa miễn được hệ lụy, cho nên phải buông bỏ vậy.

Kinh: “Vì sao? Bồ tát phải trừ dứt khách trần phiền não mà khởi lòng đại bi.

Sư Triệu nói: Tâm gặp duyên ở ngoài, phiền não dấy lên cho nên gọi là khách trần. Cái pháp của Bồ tát cần yếu là dứt trừ khách trần mà khởi đại bi. Nếu ái kiến chưa đoạn dứt ắt phiền não còn thấm nhiễm cho nên phải xả bỏ vậy.

Kinh: “Theo cái ái kiến đại bi ấy, ắt nơi sanh tử có tâm mệt mỏi chán nản. Nếu lìa được ắt không còn mỏi chán, sanh ra nơi nào cũng không bị ái kiến che lấp.

Tổ Thập nói: Nếu trừ được cái ái kiến tức là ném bỏ sự kết tập của nghiệp thọ pháp mà hóa sanh, tự tại vô ngại vậy.

Sư Triệu nói: Phạm có chỗ hiểu biết, ắt chắc có chỗ mắc vướng, có chỗ thương ắt có chỗ ghét. Đây còn có cái giới hạn của đạo, sao có thể đến được cái dụng không giới hạn. Nếu có thể lìa đó ắt pháp thân hóa sanh không đâu chẳng có, sống chết không cùng, chẳng phải xa lánh. Đâu còn cái khuấy lấp ngăn che của ái kiến mà lao khổ mệt mỏi chán nản ư?

Kinh: “Đời sống không bị ràng buộc hay vì chúng sanh nói pháp cởi mở sự ràng buộc.

Sư Triệu nói: Cái ái kiến đã trừ, pháp thân đã lập ắt đời sống không còn bị ràng buộc mà cũng hay cởi mở ràng buộc cho người.

Kinh: “Nhu Phật nói: “Nếu tự có ràng buộc mà cởi mở cho người thì không thể được. Nếu tịnh không ràng buộc mới có thể cởi mở cho người được.” Vậy nên Bồ tát chẳng nên khởi sự ràng buộc. Sao gọi là ràng buộc? Sao gọi là cởi mở? Tham đắm vị thiên, đó là ràng buộc của Bồ tát.

Tổ Thập nói: Tham đắm vị thiên có hai chương: chương Niết bàn và chương Bồ tát đạo.

Sư Triệu nói: Ba cõi thọ sanh, nhị thừa giữ sự chứng đều do luyến đắm vị thiên, cho nên bị ràng buộc.

Kinh: “Dùng phương tiện mà sanh đó là sự cởi mở của Bồ-tát.

Sư Triệu nói: Tự đã lìa sanh, phương tiện vì vật mà thọ sanh ắt ta người đều không có ràng buộc cho nên là cởi mở vậy.

Kinh: “Lại nếu không có phương tiện thì huệ buộc. Có phương tiện là huệ giải. Không có huệ, đó là phương tiện buộc. Có huệ đó là phương tiện giải.

Sư Triệu nói: Khéo chứa các đức gọi đó là phương tiện. Thấu đáo pháp tướng gọi đó là huệ. Hai hạnh đều đầy đủ mới là cởi mở. Nếu không có phương tiện mà có huệ thì chưa khỏi ràng buộc. Nếu không có huệ mà có phương tiện cũng chưa khỏi ràng buộc.

Kinh: “Sao gọi là không có phương tiện thì huệ buộc?

Bồ-tát dùng tâm ái kiến mà trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, ở trong pháp không vô tướng vô tác mà tự điều phục, đó là không có phương tiện thì huệ buộc.

Tổ Thập nói: Quán không mà chẳng giữ, vượt qua cái có mà chẳng bám trước, đó gọi là phương tiện khéo vậy.

Đây nói rõ từ bậc Lục trụ trở xuống chưa có thể vô ngại, đang tu pháp quán Không thì không có chỗ cầm giữ chấp trước, đến khi ra khỏi quán trong đời giáo hóa người thì sanh ra cái kiến thủ tướng (chấp theo tướng). Tâm yêu thương chấp trước vụng về khi ra nơi cái động vậy.

Khéo trong pháp tịnh quán, quán Không Huệ chẳng chấp giữ hình tướng, tuy là không có phương tiện nhưng theo huệ mà nhận danh. Trong đây chỉ giữ cái vượt qua pháp hữu vi, mà chẳng giữ làm phương tiện, cho nên nói là có huệ mà không có phương tiện vậy.

Từ bậc Thất trụ trở lên, tâm đó hằng định, động tĩnh chẳng khác cho nên nói là huệ có phương tiện vậy.

Sư Triệu nói: Bậc Lục trụ trở xuống, tâm chưa thuần nhất, nơi có thì bỏ không, nơi không thì bỏ có, chưa có thể dùng cái bình đẳng chân tâm có không đều vượt qua, nên trong chỗ trang nghiêm cõi Phật giáo hóa người vật ắt còn xen trộn ái kiến. Đó chưa được gọi là khéo phương tiện tu đức, cho nên không có phương tiện. Dùng ba pháp Không tự điều phục cho nên có huệ vậy.

Kinh: “Sao gọi là có phương tiện thì huệ giải? Bồ tát chẳng dùng tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, ở trong pháp không vô tướng vô tác để tự điều phục, mà chẳng mệt mỗi chán nản gọi là có phương tiện thì huệ giải.

Sư Triệu nói: Bạc Thất trụ trở lên, sẵn đủ hai hạnh, dạo chơi trong đường sanh tử mà chẳng mệt mỗi chán nản, đó là giải vậy.

Kinh: “Sao gọi là không có huệ thì phương tiện buộc? Bồ tát ở trong sự tham muốn, sự oán giận, tà kiến, các phiền não mà vun trồng cội đức đó là không có huệ phương tiện buộc.

Tổ Thập nói: Từ bậc Thất trụ trở xuống, còn có sự hơn kém chẳng đồng nhau. Đây nói rõ bậc mới tu tập chẳng tu theo pháp chánh quán, chẳng chế phục được phiền não, cho nên nói là không có huệ.

Hay tu đức hồi hướng, mong cầu quả lớn cho nên gọi là có phương tiện.

Như vậy tu pháp Tứ niệm xứ, trừ bốn sự điên đảo thì gọi là huệ lìa phiền não. Lại khéo hồi hướng, tâm không thoái chuyển, gọi là hay cầu phương tiện.

Bạc Lục trụ trở đi, tuy trong cảnh ràng buộc nhưng nếu đủ hai pháp đó ắt là trong ràng buộc mà cởi mở vậy.

Trên nói về Vô tướng huệ vượt qua cái có mà chẳng chấp trước phương tiện, đó là hai cửa xuất thế gian vậy. Đây nói về hữu

tướng huệ và hay cầu phương tiện, đó là hai cửa của pháp thế gian vậy.

Kinh: “Sao gọi có huệ phương tiện giải? Là xa lìa các sự tham muốn, oán giận, tà kiến, các phiền não mà vun trồng các cội đức, hồi hướng vô thượng chánh đẳng chánh giác, đó là huệ phương tiện giải.

Sư Triệu nói: Trên có “phương tiện huệ giải” nay có “huệ phương tiện giải”. Đến chỗ cởi mở tuy giống nhau nhưng khi làm có sự trước sau. Ban đầu làm có khi trước dùng cái phương tiện tích đức, rồi sau mới trau dồi pháp Không Huệ. Cũng có khi trước tu Không Huệ, rồi sau tích đức mỗi cái đều tùy theo chỗ thích hợp, cái cởi mở đó không khác nhau.

Lìa phiền não tức là pháp Tam Không để điều phục mọi chỗ làm. Tích đức hướng về Bồ đề tức là làm trang nghiêm cội Phật, giáo hóa chúng sanh.

Trước sau tuy nói khác nhưng bổ túc cho nhau để thật tốt đẹp vậy.

Kinh: “Ông Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát có bệnh ấy nên như vậy mà quán các pháp. Lại quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã đó là huệ.

Tổ Thập nói: Trên bốn câu nói chung về cái huệ phương tiện nơi thế gian và xuất thế gian. Nay bốn câu này riêng nói rõ cái huệ phương tiện xuất thế gian, cũng gồm luôn cái huệ phương tiện trên. Đây cốt yếu nói rõ pháp dùng huệ phương tiện trong chỗ bệnh

tật, cho nên có thể chẳng diệt thân thủ chứng.

Nếu cho thân là có, bệnh đến ắt buồn. Nếu biết thân không thật ắt trong chỗ bệnh mà không rối loạn. Cái huệ xuất thế gian cũng có sâu cạn. Vô thường là cái tướng ban đầu của Không môn, cho nên trước nói vô thường, vô thường là cái huệ cạn xuất thế gian vậy.

Kinh: “Tuy thân có bệnh vẫn hằng nơi sanh tử giúp ích cho tất cả chúng sanh mà không chán nản mệt mỏi đó gọi là phương tiện.

Tổ Thập nói: Sanh tử đáng chán mà chẳng nhàm chán, khéo ở chỗ hiểm nạn cho nên gọi là phương tiện vậy.

Kinh: “Lại nữa quán thân: thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân.

Tổ Thập nói: Lìa thân ắt không có bệnh, cho nên thân và bệnh chẳng lìa nhau. Lại rằng: Thân, bệnh vốn một tướng cho nên chẳng xa lìa nhau.

Kinh: “Bệnh đây, thân đây, chẳng mới chẳng cũ, đó gọi là huệ. Dầu thân có bệnh nhưng không diệt mất, đó gọi là phương tiện.

Sư Triệu nói: Cái tên mới cũ do ở chỗ trước sau, nhân vậy lìa thân không bệnh, lìa bệnh không thân. Do các duyên lập nên có gì là trước, có gì là sau. Đã không có trước sau ắt cũng không có mới cũ. Mới cũ đã không ắt thấu nhập thật tướng cho nên gọi là huệ.

Đã có cái huệ ấy nên cùng với người bệnh tật y nhau, chẳng giữ Niết bàn, gọi đó là phương tiện.

Ban đầu nói chỗ tự điều phục, tức là nói về sự. Khuyến dụ vô về để người tự điều phục tóm lại là quyền trí. Quyền trí rất quan yếu trong kinh này cho nên hội lời để nói vậy.

Kinh: “Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát có bệnh nên như vậy mà điều phục tâm, chẳng trụ trong chỗ điều phục mà cũng chẳng trụ trong tâm không điều phục.

Sư Triệu nói: Hạnh Đại thừa không lời lẽ, không hình tướng, mà chữ điều phục là để tượng ra văn nghĩa ở trước. Nay đây bày rõ cái yếu lý ngoài lời lẽ, cho nên cả hai đều chẳng trụ, tức là chỗ tột bậc điều phục vậy.

Kinh: “Vì sao? Nếu trụ nơi tâm không điều phục đó là pháp của người si mê. Nếu trụ nơi tâm điều phục đó là pháp Thanh văn. Cho nên Bồ tát chẳng nên trụ nơi tâm điều phục hay tâm không điều phục. Lìa hai pháp ấy là Hạnh Bồ tát.

Triệu nói: Chỗ nói chẳng điều phục là từ nơi kẻ mê mà ra.

Chỗ gọi điều phục là từ nơi bậc Thanh văn mà ra. Hành đạo Đại thừa tuyệt không có danh tướng. Muốn nói là chẳng điều phục thì đồng với kẻ mê. Muốn nói là điều phục thì đồng với Thanh văn. Hai cái ấy đều lìa mới hợp với cái hạnh trong đạo của Bồ tát vậy.

Kinh: “Ở nơi sanh tử mà chẳng làm hạnh nhỏ, ở nơi

Niết-bàn mà chẳng diệt độ, là hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Muốn nói tại nơi sanh tử, sanh tử chẳng thể nhớ lắm. Muốn nói tại Niết bàn mà lại chẳng diệt độ. Đó là nhân Trung Đạo mà hành vậy, chẳng tại sanh tử, chẳng trụ Niết bàn.

Kinh: “Chẳng phải hạnh phàm phu.

Tổ Thập nói: Hạnh phàm phu có ba loại: Hạnh lành, hạnh chẳng lành, hạnh chẳng động (hạnh chẳng động là hạnh của sắc giới và vô sắc giới) trên hai cõi ấy thọ mạng lâu dài kể ngoại đạo cho là thường còn, thường còn là nghĩa bất động. Đức Phật cũng nhân theo cái gọi của thế gian mà gọi thôi.

Kinh: “Chẳng phải hạnh hiền thánh là Hạnh Bồ tát.

Tổ Thập nói: Đó là hành ba pháp giải thoát mà chẳng giữ chứng vậy.

Kinh: “Chẳng phải hạnh nhớ, chẳng phải hạnh sạch là Hạnh Bồ tát. Tuy vượt trên hạnh ma mà thị hiện việc hàng phục các ma là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Cái chẳng thể đắc mà có, cái chẳng thể đắc mà không, chỉ có hạnh Đại thừa thôi. Vì sao? Muốn nói là có thì vô tướng vô danh. Muốn nói là không thì muôn đức phân minh. Muôn đức phân minh cho nên tuy không mà có, vô tướng vô danh cho nên tuy có mà không. Như vậy tuy nói có nhưng chẳng trái với cái không. Nói không nhưng chẳng trái với cái có.

Do đó, chương này hoặc nói có làm hoặc nói không làm. Có,

không tuy khác nhau nhưng tột cùng thì chẳng khác.

Ma hạnh là bốn ma hạnh, đã vượt qua lâu rồi nhưng thị hiện ra sự hàng phục ma ấy để chỉ rõ có chỗ vượt trên vậy.

Kinh: “Cầu nhất thiết trí, không cầu trái lúc, đó là Hạnh Bồ tát.

Tổ Thập nói: Công hạnh chưa đủ mà cầu quả trọn đủ gọi là cầu trái lúc.

Sư Triệu nói: Nhất thiết trí thì chưa thành mà giữa đường cầu chúng gọi là trái lúc.

Kinh: “Tuy quán các pháp chẳng sanh mà không nhập chánh vị là Hạnh Bồ tát.

Tổ Thập nói: Nói quán vô sanh là pháp thủ chúng. Nói không nhập chánh vị để nói rõ chỗ chẳng chúng.

Sư Triệu nói: Chánh vị là địa vị thủ chúng. Ba thừa cùng quán vô sanh, người huệ lực yếu chẳng thể tự ra khỏi. Người huệ lực mạnh vượt qua mà chẳng chúng.

Kinh: “Tuy quán mười hai duyên khởi nhưng vào các tà kiến là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Quán duyên khởi là đạo đoạn dứt tà kiến, nhưng có thể trở lại đồng với tà kiến. Đâu phải chỗ kẻ nhị thừa làm được ư?

Kinh: “Tuy nhiếp độ tất cả chúng sanh mà chẳng đắm

trước là Hạnh Bồ tát.

Tổ Thập nói: Là Tứ nhiếp pháp vậy. Tứ nhiếp là pháp thương chúng sanh. Nay nói rõ tuy thương mà chẳng đắm trước vậy.

Kinh: “Tuy vui xa lìa nhưng chẳng nương theo thân tâm dứt đoạn đó là Hạnh Bồ tát.

Tổ Thập nói: Tâm thức diệt tận gọi là xa lìa. Xa lìa lại là nghĩa không. Tiếng "chẳng nương" nói rõ nơi không mà chẳng nắm giữ tướng.

Sư Triệu nói: Lìa nhỏ là lìa sự huyên não của đời. Lìa lớn là lìa sự dứt đoạn thân tâm. Bồ tát tuy vui cái lìa lớn nhưng chẳng nương theo mà trụ trong ấy.

Kinh: “Tuy hành ba cõi nhưng chẳng hoại pháp tánh là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Ba cõi tức là pháp tánh, ở đó có chỗ nào hư hoại sao?

Kinh: “Tuy hành nơi Không nhưng trồng cội đức là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Làm nơi không để trừ cái có mới trồng các đức vậy.

Kinh: “Tuy hành Vô tướng mà cứu độ chúng sanh là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Hành vô tướng là muốn diệt cái chúng sanh

tướng nên mới độ chúng sanh vậy.

Kinh: “Tuy hành Vô tác mà hiện thọ thân là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Hành vô tác là muốn chẳng tạo sanh tử nên mới hiện thọ nhận cái thân.

Kinh: “Tuy hành Vô khởi mà khởi tất cả hạnh lành là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Hành vô khởi là muốn diệt các khởi tâm nên mới khởi các hạnh lành.

Kinh: “Tuy hành sáu ba la mật mà biết khắp các tâm, tâm sở của chúng sanh là Hạnh Bồ tát.

Tổ Thập nói: Sáu ba la mật là pháp tự hành, tự hành đã đủ, rồi mới giáo hóa người. Giáo hóa người mới biết tâm chúng sanh. Nay tuy tự hành nhưng đã có thể biết người. Lại nữa pháp Lục độ thứ sáu: pháp Quán Vô tướng mà chẳng bị vô tướng làm ngại, cũng có thể biết tâm chúng sanh vậy.

Sư Triệu nói: Pháp Lục độ là hạnh vô tướng. Vô tướng ắt vô tri nên mới biết khắp tâm hạnh chúng sanh.

Kinh: “Tuy hành lục thông nhưng chẳng dứt hết các lậu là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Tuy có đủ lục thông nhưng chẳng làm cái hạnh lậu tận. Sao vậy? Bồ tát xem lậu tức là vô lậu, cho nên hay ở mãi nơi sanh tử, cùng với chúng sanh đồng phiền não (lậu). Đâu phải vì phiền não dứt mà tự khác với phiền não ư?

Kinh: “Tuy hành tứ vô lượng tâm mà không tham đắm sanh về cõi Phạm Thiên là Hạnh Bồ tát.

Tổ Thập nói: Bốn vô lượng hạnh ứng sanh về bốn cõi thiên. Nay riêng nói cõi Phạm Thiên vì lẽ chúng sanh tôn thờ Phạm-Thiên nên đem sự tôn thờ đó ra nói. Bốn cõi thiên thường gọi là Phạm Thiên vậy.

Kinh: “Tuy tu pháp thiên định giải thoát tam muội mà chẳng tùy theo thiên định mà sanh là Hạnh Bồ tát.

Tổ Thập nói: Thiên là Tứ thiên. Định là Tứ không. Giải thoát là Bát giải thoát. Tam muội là Không, Vô tướng, Vô tác.

Sư Triệu nói: Dùng cái nhân đó mà chẳng lấy cái quả đó nên khá gọi là hạnh tự tại.

Kinh: “Tuy hành bốn pháp niệm xứ mà không mãi mãi rớt ráo lìa thân, thọ, tâm, pháp là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Bạc Tiểu thừa tu pháp Quán thân, thọ, tâm, pháp, lìa bỏ mà giữ chứng. Bạc Bồ tát tuy có tu pháp Quán bốn sự ấy nhưng mãi mãi chẳng lìa bỏ để giữ chứng.

Kinh: “Tuy hành tứ chánh cần nhưng chẳng bỏ thân tâm tinh tấn là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Là pháp Tứ chánh cần của Tiểu thừa vậy, công phu xong rồi ắt buông bỏ mà tịch diệt vào nẻo vô vi. Bạc Bồ tát tuy cũng đồng tu hạnh ấy nhưng chẳng đồng chỗ xả bỏ đó.

Kinh: “Tuy hành tứ như Ý túc mà được tự tại thần thông

là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Tuy đồng hạnh như ý túc của Tiểu thừa nhưng đã được lâu rồi tự tại thân thông như ý túc của Đại thừa. Đó là nhân của pháp thân thông vậy.

Kinh: “Tuy hành ngũ căn nhưng phân biệt rõ căn tánh mau chậm của chúng sanh là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Bậc Tiểu thừa chỉ tự tu cái căn của mình, chẳng rành được căn người. Bậc Bồ tát tuy tự tu giống vậy nhưng rành biết căn người, khiến ta người đều thuận vậy.

Kinh: “Tuy hành ngũ lực mà vui cầu thập lực của Phật là Hạnh Bồ tát. Tuy hành thất giác phần nhưng rành rõ trí huệ của Phật là Hạnh Bồ tát. Tuy hành bát chánh đạo nhưng vui hành vô lượng pháp phương tiện của Phật đạo là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Tuy đồng cái căn, lực, giác, đạo của Thanh văn song chỗ chí hướng mong cầu hạnh Phật.

Kinh: “Tuy hành pháp chỉ quán trợ đạo mà chẳng rớt ráo sa vào nơi tịch diệt là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Buộc tâm nơi duyên gọi là chỉ. Rành rõ thấu suốt gọi là quán. Pháp chỉ quán là pháp cốt yếu để trợ Niết bàn, Bồ tát nhân đó mà hành, chẳng thuận theo đó để sa vào Niết bàn vắng lặng.

Kinh: “Tuy hành các pháp bất sanh bất diệt mà dùng tướng tốt trang nghiêm thân là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Tu hạnh vô sanh diệt, vô tướng vốn là diệt hình tướng nhưng lại dùng tướng tốt để trang nghiêm thân.

Kinh: “Tuy hiện oai nghi của Thanh văn, Bích chi Phật nhưng chẳng bỏ Phật pháp là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Tuy hiện oai nghi của Tiểu thừa nhưng chẳng bỏ pháp Đại thừa.

Kinh: “Tuy tùy theo các pháp rốt ráo thanh tịnh nhưng tùy theo chỗ ứng hợp mà hiện thân là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Rốt ráo thanh tịnh lý không hình tướng mà ứng hợp theo người hiện muôn hình tướng vậy.

Kinh: “Tuy quán sát quốc độ của chư Phật vĩnh viễn vắng lặng dường hư không mà bày hiện ra đủ các cõi Phật thanh tịnh là Hạnh Bồ tát.

Sư Triệu nói: Không vốn chẳng hiện ra nhưng vì người mà hiện ra vậy.

Kinh: “Tuy đắc Phật đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn mà chẳng bỏ đạo Bồ tát là Hạnh Bồ tát.”

Sư Triệu nói: Tuy hiện thành Phật, chuyển pháp luân, nhập Niết bàn mà chẳng mãi mãi tịch diệt, trở lại nhập sanh tử tu pháp Bồ tát như trên đã nêu ra. Đâu phải chỗ kẻ nhĩ thừa làm được, riêng chỉ Hạnh Bồ tát thôi!

Kinh: Khi ông Duy Ma Cật nói xong lời ấy đại chúng đi cùng ngài Văn Thù Sư Lợi trong đó tám ngàn vị thiên tử đều

phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

VI. PHẠM BÁT TƯ NGHỊ

Tổ Thập nói: Bậc pháp thân Đại sĩ thân tâm không mỗi một. Thân Thanh văn là nghiệp kết thành, tâm tuy mộ pháp nhưng thân còn mỗi nhọc, vì thế phát ra cái tướng về sự ngừng nghỉ.

Cái lời nói ở dưới: Các vị Đại nhân giờ ngồi ở đâu? Tựa như suy ra từ cái mỗi một của mình mà xét đến thân thể của đại chúng, nên mới phát niệm ấy.

Sư Triệu nói: Chỉ một mình nằm nghỉ nơi giường, cốt yếu hiện ra ở chỗ này. Ngài Xá Lợi Phất lòng ngầm am hiểu mật cơ, cho nên mới gọi lên cái mối manh. Ông Tịnh Danh sẽ đem cái đạo không cầu ra bàn luận, cho nên mới nhân theo lẽ mà nói.

Kinh: Lúc ấy, ngài Xá Lợi Phất thấy trong nhà không có giường ghế chi cả, mới thăm tướng: “Các Bồ tát và hàng đại đệ tử đây sẽ ngồi đâu? Trưởng giả Duy Ma Cật biết ý đó, liền nói với ngài Xá Lợi Phất: “Nhân giả thì sao? Vì pháp mà đến hay cần chỗ giường ngồi mà đến?” Ngài Xá Lợi Phất nói: “Tôi vì pháp mà đến, chẳng phải vì chỗ ngồi.”

Ông Duy Ma Cật nói: “Ngài Xá Lợi Phất! Phạm người cầu pháp thì chẳng tham tiếc thân mạng, huống chi là chỗ ngồi. Phạm người cầu pháp thì không cầu theo sắc, thọ, tướng, hành, thức; chẳng cầu theo giới nhập.

Sư Triệu nói: Giới là mười tám giới, nhập là mười hai nhập.

Kinh: “Chẳng cầu nơi dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

Sư Triệu nói: Không có sự cầu nơi ba cõi vậy.

Kinh: “Ngài Xá Lợi Phất! Phàm người cầu pháp chẳng đả trước chuyện cầu Phật, chẳng đả trước chuyện cầu pháp, chẳng đả trước chuyện cầu Tăng chúng. Phàm người cầu pháp không thấy khổ mà cầu, không đoạn tập mà cầu, không diệt tận chúng đạo mà cầu. Vì sao? Vì pháp không hý luận. Nếu nói ta phải thấy khổ, đoạn tập, chúng diệt, tu đạo thì đó là hý luận chẳng phải cầu pháp vậy.

“Ngài Xá Lợi Phất! Pháp gọi là tịch diệt, nếu hành sanh diệt là cầu sanh diệt chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi là vô nhiễm nếu nhiễm nơi pháp cho đến Niết bàn đó là nhiễm trước, chẳng phải cầu pháp. Pháp không có chỗ hành, nếu hành theo pháp đó là chỗ hành, chẳng phải cầu pháp. Pháp không lấy bỏ, nếu lấy bỏ pháp, đó là lấy bỏ, chẳng phải cầu pháp. Pháp không xứ sở, nếu chấp trước xứ sở, đó là chấp trước xứ sở, chẳng phải cầu pháp. Pháp không có tướng, nếu theo tướng mà biết, đó là cầu tướng, không phải cầu pháp. Pháp không thể trụ, nếu trụ nơi pháp, đó là trụ pháp, không phải cầu pháp. Pháp không thể thấy, nghe, hay, biết nếu hành theo thấy, nghe, hay, biết đó là thấy, nghe, hay, biết. Chẳng phải cầu pháp.

Sư Triệu nói: Sáu thức rút gọn lại làm bốn tên. Thấy nghe là thức của mắt tai. Rõ, hiểu là thức của lưỡi, thân. Biết là thức của ý.

Kinh: “Pháp là vô vi, nếu làm hữu vi, là cầu hữu vi, chẳng phải cầu pháp. Thế nên, ngài Xá Lợi Phất! Nếu là người cầu pháp thì nơi tất cả các pháp phải không có chỗ cầu.”

Sự Triệu nói: Pháp tướng như thế, há có thể cầu được ư? Nếu muốn cầu thì chỉ không cầu mới thật là chân cầu.

Kinh: Khi ông Duy Ma Cật nói lời ấy rồi, năm trăm, vị thiên tử ở trong các pháp đặc pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ ông trưởng giả Duy Ma Cật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Nhân giả đã dạo chơi trong vô lượng ngàn muôn ức a tăng kỳ quốc độ, vậy cõi Phật nào có tòa sư tử tốt đẹp công đức nhiệm màu hơn hết?”

Tổ Thập nói: Tự mình biết mà hỏi là muốn cho chúng hội tin vậy. Mượn tòa ngồi của cõi nước kia có hai ý nghĩa: Một là muốn tỏ bày công đức trang nghiêm thanh tịnh của chư Phật, an bày cái tòa thù thắng, khiến cho hàng Bồ tát mới tu hành thâm sâu chí nguyện.

Hai là muốn nhân cái việc qua lại để làm cho sự giáo hóa tràn lan khắp nơi vậy.

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Cư sĩ về phương đông cách đây ba mươi sáu hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Tu-Di-Tướng. Đức Phật ở đó hiệu là Tu Di Đăng Vương hiện giờ ở đó. Thân đức Phật này cao đến tám mươi bốn ngàn do tuần, tòa sư tử cũng cao tám mươi bốn ngàn do tuần trang nghiêm tốt đẹp bậc nhất.”

Sư Triệu nói: Do tuần là đơn vị đo lường bên Thiên Trúc, thượng do tuần là sáu mươi dặm, trung do tuần là năm mươi dặm, hạ do tuần là bốn mươi dặm.

Kinh: Lúc ấy, trưởng giả Duy Ma Cật hiện sức thần thông tức thời đức Phật ấy khiến ba mươi hai ngàn tòa sư tử cao rộng, trang nghiêm, thanh tịnh đến trong nhà ông Duy-Ma-Cật. Các Bồ tát, Đại đệ tử, Đế thích, Phạm thiên, Tứ-thiên-Vương xưa nay chưa từng thấy. Nhà ông Duy Ma Cật trở nên rộng lớn trùm chứa ba mươi hai ngàn tòa sư tử mà không ngăn ngại. Với thành Tỳ Da Ly cho đến tứ thiên hạ cõi Diêm Phù Đề cũng không có sự dồn ép chật chội, tất cả đều thấy y như cũ.

Khi ấy, ông Duy Ma Cật mời ngài Văn Thù Sư Lợi và các vị Bồ tát bậc trên lên tòa sư tử ngồi, các vị này phải hiện thân mình cao như tòa kia. Các Bồ tát có thần thông liền tự biến hiện thân hình cao bốn mươi hai ngàn do tuần ngồi lên tòa sư tử.

Các Bồ tát mới phát ý cùng các vị đại đệ tử đều không thể bước lên được. Khi ấy, ông Duy Ma Cật mời ngài Xá Lợi Phất lên tòa sư tử. Xá Lợi Phất nói: “Cư sĩ! Tòa này cao rộng quá tôi không lên được.”

Tổ Thập nói: Chỗ sắp đặt thần lực của ông Duy Ma Cật là muốn khiến chúng biết sự mạnh yếu đã nêu của Đại thừa Tiểu thừa.

Cũng nói rằng tòa công đức của chư Phật chẳng phải chỗ kẻ không có đức lên được. Lý ở chỗ tuyệt dứt hình tướng, chẳng phải ở chỗ tạo tác ra.

Kinh: Ông Duy Ma Cật nói: “Ngài Xá Lợi Phất! Phải đánh lễ đức Tu Di Đăng Vương rồi mới có thể ngồi được.” Khi ấy, các vị Bồ tát mới phát tâm và hàng đại đệ tử đều đánh lễ đức Tu Di Đăng Vương Như Lai liền được ngồi trên những tòa sư tử. Ngài Xá Lợi Phất nói: “Cư sĩ! Thật chưa từng có vậy. Như cái nhà nhỏ này mà chứa được các tòa cao rộng như thế, mà thành Tỳ Da Ly cũng không có ngăn ngại. Lại nữa các thôn xóm thành ấp trong cõi Diêm Phù Đề cùng những cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần trong tứ thiên hạ cũng không bị dòn ép chật chội.” Ông Duy Ma Cật nói: “Ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật Bồ tát có pháp giải thoát tên là bất khả tư nghị.

Sư Triệu nói: Phàm chỗ có cái dấu vết chẳng thể nghĩ bàn hiện ra ngoài hẳn có cái đức chẳng thể nghĩ bàn ở trong.

Ngược tìm gốc đó, Quyền trí mà thôi! Vì sao? Vì trí không có tối tăm nên chẳng cần soi rọi, quyền không có đức nên chẳng cần tu. Không có tối tăm, chẳng cần soi rọi cho nên lý không đâu chẳng tốt. Không có đức, chẳng cần tu cho nên không công nào mà chẳng xong. Công xong ở chỗ chẳng có sự xong, cho nên một mà thành hết thảy. Lý tốt ở chỗ chẳng có cái tốt cho nên trống rỗng mà thông suốt vậy.

Vì lẽ trí bao khắp muôn vật mà không cần soi rọi. Quyền chứa

muôn đức mà không công. Vô vi vô tướng nhưng không chỗ nào chẳng làm. Đây là chỗ cao tột của bất tư nghị vậy. Lớn nhỏ hợp nhau, khác hình ứng hợp, đó là che cái vết thô của tai mắt, dùng lời nói há đủ được ư?

Nhưng phải nhân ngọn mà bày gốc, mượn thô để bày ra cái tinh vi, cho nên nhân mượn tòa ngồi để rõ ra cái sự đó vậy.

Kinh này khởi đầu nói Tịnh độ cuối cùng nói về pháp cúng dường. Trong đó, ghi chứa đạo Đại thừa, không đâu chẳng có pháp bất tư nghị. Cho nên phẩm Chúc Lụy nói rằng: Kinh này tên là "Bất tư nghị giải thoát pháp môn" phải vâng giữ đó.

Phẩm này nhân chỗ hiện dấu ngoài nên có tên đó. Giải thoát là tâm pháp tự tại, được giải thoát thì các chỗ làm đều trong làm, ngoài ứng tự tại vô ngại. Chỗ đó kẻ nhị thừa chẳng thể nghĩ bàn. Bạc Thất trụ pháp thân trở lên mới được pháp giải thoát này. Bản khác nói là thân tức tam muội giải thoát.

Kinh: “Nếu Bồ tát trụ nơi pháp giải thoát đó đem núi Tu-Di cao lớn nhét vào trong hột cải vẫn không có gì thêm bớt. Hình thể núi Tu Di vẫn nguyên như cũ mà tứ thiên vương và chư thiên nơi cõi trời Đao Lợi vẫn không hay biết đã vào đấy. Chỉ có người ứng hợp độ thể mới thấy núi Tu Di vào trong hột cải. Đó là pháp môn bất khả tư nghị giải thoát.

Tổ Thập nói: Núi Tu Di là tinh hoa của đất. Đó là địa đại; sâu nói về nước, lửa, gió, đất, đó là tứ đại. Hoặc nói rằng tứ đại có thân, cũng nói rằng rất lớn, cũng nói rằng có mãi. Nay lấy đạo lực mà

biến hóa để tỏ ra sự chẳng có linh nghiệm vậy. Vật nhỏ nằm trong hột cải rõ ra sự chẳng lớn. Lớn nhỏ cùng chung, vật không có thể nhất định, rõ ra sự vô thường.

Đây đều là lật ngược chỗ che phủ, gỡ chỗ tối tăm trì trệ để trừ bỏ cái thói thường, khiến có đường trở về gốc vậy.

Kinh: “Lại lấy nước bốn biển lớn cho vào một lỗ chân lông mà chẳng khuấy loạn các loài thủy tộc như: cá, rùa, giải, sấu, mà các biển lớn kia vẫn y nguyên. Các loài rồng, quý, thần, A tu la đều không hay không biết mình đã vào đấy. Các loài ấy cũng không có loạn động.

“Lại nữa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát trụ nơi pháp bất khả tư nghị giải thoát rút lấy cõi tam thiên đại thiên thế giới dường như người thợ xoay đồ gốm. Rồi để trong bàn tay phải quăng ra khỏi số thế giới nhiều như cát sông Hằng mà chúng sanh trong đó không hay biết mình đã có đi đâu. Lại đem trở về chỗ cũ, mà chẳng làm cho mọi người hay biết có qua lại và thế giới ấy vẫn y nguyên như cũ.

“Lại nữa ngài Xá Lợi Phất! Hoặc có chúng sanh nào ưa sống lâu trong đời mà có thể độ được, Bồ tát liền diễn bảy ngày ra làm một kiếp, khiến chúng sanh kia gọi là một kiếp. Hoặc có chúng sanh không ưa sống lâu trong đời mà có thể độ được, Bồ tát liền thu ngắn một kiếp lại làm bảy ngày, khiến cho chúng sanh kia gọi là bảy ngày.

“Lại nữa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát trụ nơi pháp bất khả tư

ngộ giải thoát đem tất cả những việc tốt đẹp của các cõi Phật gom về một nước chỉ bày cho chúng sanh. Lại nữa Bồ tát đem tất cả chúng sanh nơi cõi Phật đặt trên bàn tay phải rồi bay khắp mười phương chỉ bày cho tất cả mà chẳng động đến xứ sở của họ.

“Lại nữa ngài Xá Lợi Phất! Những đồ cúng dường chư Phật của chúng sanh khắp mười phương, Bồ tát làm cho tất cả đều thấy nơi một lỗ chân lông. Lại nữa bao nhiêu mặt trời, mặt trăng, tinh tú trong mười phương quốc độ Bồ tát đều làm cho mọi người thấy rõ nơi một lỗ chân lông.

“Lại nữa ngài Xá Lợi Phất! Bao nhiêu thứ gió nơi mười phương thế giới Bồ tát đều có thể hút vào trong miệng mà thân không hề tổn hại, những cây cối bên ngoài cũng không hề nghiêng gãy. Lại nữa khi mười phương thế giới tận thế bị thiêu đốt, Bồ tát đem tất cả lửa để vào trong bụng, lửa vẫn y nguyên như cũ mà chẳng làm hại gì. Lại nữa Bồ tát xuống hạ phương qua các cõi Phật nhiều như hằng hà sa lấy một cõi Phật rồi trải qua vô số thế giới như hằng hà sa mà đem cõi Phật ấy lên phương trên như cầm cây kim nhọn ghim lấy lá táo mà không có chi rời loạn cả.

“Lại nữa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát trụ nơi pháp “bất khả tư ngộ giải thoát” hay dùng thần thông hiện làm thân Phật, hoặc thân Bích chi Phật, thân Thanh văn, thân Đế Thích, thân Phạm Vương, thân Thế chúa (Đại Tự Tại Thiên) hoặc thân Chuyển luân Thánh Vương. Lại nữa bao nhiêu âm thanh

trong mười phương thế giới; tiếng của cõi trên, cõi chính giữa, cõi dưới thấp Bồ tát có thể biến tất cả thành tiếng Phật. Diễn nói những tiếng pháp vô thường, khổ, không, vô ngã và những pháp của thập phương chư Phật nói ra trong đó để cho tất cả đều được nghe.

“Ngài Xá Lợi Phất! Nay tôi chỉ nói qua thần lực bất khả tư nghị giải thoát của Bồ tát như thế. Nếu nói cho đủ thì cùng kiếp cũng không hết được.”

Khi ấy, ngài Đại Ca Diếp nghe nói về pháp môn “bất khả tư nghị giải thoát” của Bồ tát, ngợi khen chưa từng có, rồi nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: “Ví như có người đứng trước người mù mà phô bày các thứ hình sắc thì người mù kia cũng chẳng thấy được. Cũng như vậy tất cả hàng Thanh văn nghe pháp môn; “bất khả tư nghị giải thoát” này cũng chẳng thể hiểu được. Bậc trí giả nghe được ai mà chẳng phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chúng ta vì sao đối với pháp Đại thừa này lại đoạn tuyệt căn nguyên, tự thành hạt giống hư? Tất cả hàng Thanh văn nghe pháp môn “bất khả tư nghị giải thoát” này đều than khóc, tiếng vang chấn động cõi tam thiên đại thiên thế giới.

Sư Triệu nói: Vì trái nghịch với pháp môn "bất khả tư nghị giải thoát" này, cho nên mượn lời nói "đều than khóc đó" vậy. Bậc nhị thừa đã diệt tuyệt lo lắng, buồn phiền rồi thì chẳng còn một chút khóc nhỏ, hưởng hồ tiếng khóc vang rền chấn động cả tam thiên.

Kinh: “Tất cả hàng Bồ tát phải hết sức vui mừng mà vâng thọ pháp ấy.

Sư Triệu nói: Ngài Ca Diếp muốn nói rõ ra sự khác nhau của Đại thừa, Tiểu thừa, ức chế Tiểu thừa, xiển dương chỗ nghe này giờ. Cho nên không có phần ấy thì khóc lóc tuyệt vọng. Còn phải phần ấy thì nên vui mừng vâng thọ.

Kinh: “Nếu Bồ tát nào tin hiểu pháp môn “bất khả tư nghị giải thoát” này thời tất cả chúng ma không thể làm gì được.”

Khi ông Đại Ca Diếp nói như thế có ba mươi hai ngàn vị Thiên tử đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lúc ấy ông Duy Ma Cật nói với ông Đại Ca Diếp rằng: “Nhân giả! Trong vô lượng vô số thế giới ở mười phương, các vị làm ma vương phần nhiều là bậc Bồ tát trụ nơi pháp “bất khả tư nghị giải thoát” vì dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sanh nên thị hiện làm ma vương vậy.

Sư Triệu nói: Nhân theo chỗ ngài Ca Diếp nói rằng: Kẻ tin hiểu pháp "bất khả tư nghị" ấy ma chẳng thể quấy rối. Nhưng mười phương cũng có bậc Bồ tát tin hiểu làm ma quấy rối, bèn nói rõ bậc Đại sĩ bất tư nghị muốn cho kẻ mới học tiến đến chỗ tự tại, cho nên thị hiện làm ma vương. Chẳng phải sức ma có thể làm được vậy. Đây cũng tỏ rõ về bất tư nghị, cũng thành toàn thêm ý lời của ngài Ca-Diếp.

Kinh: “Lại nữa ngài Ca Diếp! Vô lượng Bồ tát ở mười phương; hoặc có người đến xin: tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt,

tủy, não, huyết, thịt, da, xương, xóm làng, thành ấp, vợ con, tôi tớ, voi, ngựa, xe cộ, vàng bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, đồi mồi, y phục các món ăn uống. Người đi xin ấy phần nhiều là bậc Bồ tát trụ nơi pháp “bất khả tư nghị” giải thoát, dùng sức phương tiện đến thử thách làm cho vị Bồ-tát kia được kiên cố thêm.

Tổ Thập nói: Bậc Bồ tát còn nghiệp, trong việc thí độ chưa được rốt ráo. Vì lẽ đó nên Bồ tát bất tư nghị gắng bám theo cầu xin, khiến cho vị đó tâm tham tiếc hết sạch, đầy đủ kiên cố. Cũng khiến cho chúng sanh biết sự kiên cố đó và cũng làm cho mình tự biết sự kiên cố.

Kinh: “Vì sao? Bồ tát trụ pháp bất khả tư nghị giải thoát có cái đức lực mãnh liệt, cho nên mới dám làm những chuyện bức bách để chỉ bày cho chúng sanh những việc khó làm như thế. Kẻ phàm phu thấp yếu, không có thế lực, không thể bức bách Bồ tát như vậy.

Sư Triệu nói: Chặt tay chân người, chia rẽ vợ con người, cố xin của cải làm sanh ra việc buồn rầu lo lắng, tuy trước mắt có chút khổ nhưng đưa đến chỗ yên ổn đời đời kiếp kiếp. Đó là do thâm quán căn cơ của người, nặng nhẹ mà quyền biến. Thấy gàn chẳng bì kịp kẻ thấy xa, đó chẳng phải chỗ kẻ nhị thừa có thể làm được.

Tổ Thập nói: Chúng sanh nếu có cái định tướng chân thật (tướng Không) ấy, ắt bậc bất tư nghị Đại sĩ chẳng làm điều thử thách bức bách ấy khiến chịu khổ đau. Vì chẳng phải chân thật, để có thể thành tựu, cho nên phải làm cái bức bách phiền não đó vậy.

Kinh: “Ví như bước chân đi nát vật, lún sâu, của rồng voi. Sức lừa chẳng làm nổi. Đó là môn trí huệ phương tiện của Bồ-tát trụ nơi pháp bất khả tư nghị giải thoát.”

Sư Triệu nói: Trí huệ suốt biết xa xôi, phương tiện có gần dẫn dắt. Khác dấu xưa ở chỗ nhân hình vóc, mỗi người mỗi thứ mà đều thành. Chẳng có vật chi mà chẳng theo, nhưng chẳng có thể đo lường được. Cho nên quyền trí hai môn là cội gốc của bất tư nghị vậy.

VII. PHẨM QUÁN CHÚNG SANH

Kinh: Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông **Duy-Ma-Cật** rằng: “**Bồ tát quán chúng sanh như thế nào?**”

Tổ Thập nói: Theo thứ lớp Phật pháp có hai loại: Một là "hữu", hai là "không". Nếu theo "hữu" ắt bị vướng cái tướng chấp trước. Nếu thường quán không ắt buông bỏ gốc lành. Như khéo dùng "không hữu" thì chẳng sa vào hai lỗi. Dường như mặt trời mặt trăng thay nhau cái dụng, vạn vật nhân đó thành nên. Trên đã nói về "hữu" rồi, nay lại nói rõ về "không".

Sư Triệu nói: Pháp quán của bậc Đại sĩ xót thương tật bệnh là tự điều phục, lời lẽ tinh vi cơ yếu u huyền cũng có đủ nơi văn trước rồi. Nhưng pháp tướng mênh mông huyền diệu, chẳng phải chỗ kẻ hữu tâm thấy được. Pháp chân quán ấy mịt mù lạng bặt, chẳng phải chỗ biện luận của ngôn ngữ.

Nhưng vì sao chẳng chứng Niết bàn? Vì cùng với chúng sanh đồng tật bệnh, lại hiện bất tư nghị, dấu đó bặt không mối manh, hoặc làm ma vương bức bách kẻ sơ học, đây đều là chỗ tự điều phục của bậc Đại sĩ vậy. Pháp quán tự điều phục ấy, ta người một không, nhưng lấy việc ấy làm thí dụ mới lại càng thâm thúy, mới khiến cái tông chỉ hy hữu ấy đến chỗ thậm chí mất cả ngôn từ. Còn giữ cái ta ấy thì tăng thêm cái thấy có chúng sanh. Vì vậy cái đạo không lời ấy khó dùng lời lẽ vậy. Theo lời thiên cận giữ lấy các lời dặn bảo thì xa lìa chân quán.

Muốn trừ khử cái hệ lụy bao lấp bởi ngôn từ của người thời nay cho nên mới sanh ra chỗ hỏi này vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Ví như huyễn sư thấy người huyễn hóa của mình, Bồ tát quán chúng sanh cũng như vậy.

Sư Triệu nói: Huyền sư quán huyễn, biết đó chẳng phải thật. Bậc Đại sĩ quán chúng sanh cũng như vậy.

Kinh: “Như người trí thấy trăng dưới nước, thấy dáng mặt trong gương. Như khí hùng hực tuôn ra trong khi nắng nóng. Như âm vang của tiếng kêu. Như mây giữa hư không. Như bọt nước, như bóng nổi. Như sự bền chắc của cây chuối. Như sự lâu dài của ánh chớp. Như đại thứ năm. Như âm thứ sáu. Như căn thứ bảy. Như nhập thứ mười ba. Như giới thứ mười chín. Bồ tát quán chúng sanh cũng như thế.

Tổ Thập nói: Quán chúng sanh như vậy. Cái thân chủ của chúng sanh với ngã đồng một nghĩa. Như người điên đi trên đường gặp cái hộp bỏ rơi, trong hộp có một cái gương lớn, mở hộp ra nhìn gương, tự thấy bóng của mình, bèn cho đó là chủ nhân của cái hộp, cúi đầu bái tạ, rồi bỏ đó mà chạy.

Chúng sanh vào trong cái gương quý báu nơi kho pháp của Phật, giữ tướng chấp ngã, bỏ đó mà đi thì cũng như vậy.

Cũng như một người mù đi trên đường, gặp con của vua đang trị vì trong nước, liền ôm chặt không buông, một lát người trong cung vua tới đánh cho rất đau rồi kéo ra. Như vậy, sau cũng buông

bỏ. Cũng như hạng chúng sanh tà kiến, trong cái chẳng phải của ta mà chấp là của ta, khi cái khổ vô thường đến, tùy theo duyên mà rời tiêu nát, mới biết chẳng phải của ta, cũng như vậy thôi.

Như mây trên không, lại gần ất không có vậy.

Kinh: “Như sắc của cõi vô sắc. Như mộng lúa hư. Như thân kiến của bậc Tu đà hoàn. Như sự nhập thai của A na hàm. Như tam độc của A la hán. Như sự tham lam, giận dữ, phá giới của Bồ tát được vô sanh nhẫn.

Sư Triệu nói: Bậc Thất trụ được vô sanh nhẫn, tâm kết nghiệp đã trừ dứt đời đời, huống hồ còn việc phá giới sao?

Kinh: “Như cái tập khí phiền não của Phật.

Sư Triệu nói: Chỉ có đức Như Lai là cái kết tập mới trọn dứt thôi.

Kinh: “Như sự thấy hình sắc của kẻ mù, như hơi thở ra vào của người nhập diệt tận định.

Sư Triệu nói: Tâm nhảy động bên trong, hơi thở ra vào bên ngoài. Tâm tưởng đã lặng dứt cho nên hơi thở không có ra vào.

Kinh: “Như dấu chim trên không, như con của Thạch nữ (người đàn bà không sanh đẻ). Như phiền não của người huyễn hóa. Như chỗ thấy trong chiêm bao khi tỉnh dậy. Như người diệt độ nhận thân.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc vào niết bàn mà lại nhận thân vậy.

Kinh: “Như lửa không khói. Bồ tát quán chúng sanh cũng như thế”. Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Nếu Bồ tát quán như thế, phải hành từ như thế nào?”

Sư Triệu nói: Từ lấy chúng sanh làm duyên, nếu không có chúng sanh thì tâm từ biết gửi nơi nào?

Sắp nói rõ cái chân từ không duyên mà chẳng lìa duyên, thành cái nghĩa chân từ vô tướng trên vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Bồ tát quán như thế rồi phải tự nghĩ rằng: Ta phải vì chúng sanh thuyết pháp như trên, đó là từ chân thật vậy.

Tổ Thập nói: Chân thật từ quán các pháp không mới là chân thật huệ. Chân thật huệ phát sanh vô duyên từ, gọi là chân từ, cũng lấy từ làm gốc. Vì người nói chân thật pháp gọi là chân từ, cũng lấy từ làm gốc.

Sư Triệu nói: Chúng sanh vốn không, vì chẳng thể tự giác, cho nên vì đó nói pháp này, khiến cho tự ngộ đó thôi, há còn có cái ta và người ư? Nếu có thể quán chúng sanh không ắt tâm hành cũng không. Dùng cái tâm không này, trong chỗ không, hành lòng từ ấy bèn là vô tướng chân thật từ vậy. Nếu có tâm đối với chúng sanh mà hành từ ấy, đó là hư giả.

Kinh: “Hành từ tịch diệt nên chẳng có chỗ sanh.

Sư Triệu nói: Từ bậc Thất trụ đắc vô sanh nhẫn về sau, chỗ hành muôn hạnh đều vô tướng, vô duyên, đồng thể với vô sanh.

Đồng thể với vô sanh nên không phân biệt vậy. Chân từ vô duyên, không lại còn tâm tướng, tâm tướng đã không ắt lặng bật tự nhiên, đời đời vắng dứt, chưa từng chẳng từ, chưa từng có từ, cho nên nói hành từ tịch diệt không có chỗ sanh vậy.

Từ đây về sau, rộng nói rõ hạnh vô tướng từ để thành nghĩa chân thật. Tên, hạnh tuy khác nhưng đều xuất ra ở thể từ, cho nên tất cả đều lấy từ làm danh vậy.

Kinh: “Hành từ chẳng nóng nên không có phiền não.

Sư Triệu nói: Phiền não sanh ra do ái kiến, từ không ái kiến cho nên không nóng không làm khởi dậy phiền não vậy.

Kinh: “Hành từ bình đẳng cho nên ba đời đều bình đẳng. Hành từ vô tranh cho nên không chỗ khởi. Hành từ chẳng hai cho nên trong ngoài không hợp.

Tổ Thập nói: Trong ngoài là các nhập trong ngoài. Trong ngoài là hai, đối nhau là hợp.

Kinh: “Hành từ chẳng hoại cho nên rốt ráo dứt trọn. Hành từ kiên cố cho nên tâm từ không hoại.

Sư Triệu nói: Trước nói rõ ngoài không thể làm hư hoại. Đây nói rõ trong tự không hư hoại.

Kinh: “Hành từ thanh tịnh cho nên pháp tánh trong sạch.

Sư Triệu nói: Chân từ vô tướng cùng pháp tánh đồng thanh tịnh.

Kinh: “Hành từ vô biên cho nên như hư không.

Sư Triệu nói: Vô tâm nơi che đây, nên tâm không đâu chẳng che đây.

Kinh: “Hành từ A la hán cho nên phá tan giấc kết (phiền não).

Tổ Thập nói: Tàn gọi là diệt trừ giấc kết sử (phiền não) vậy.

Đây theo sự trừ kết sanh ra nhân đó lấy làm tên. Cũng có thể trừ kết cho nên nhân chỗ có thể đó mà lãnh tên vậy.

Kinh: “Hành từ Bồ tát cho nên an vui chúng sanh.

Sư Triệu nói: Danh xưng Bồ tát là do chỗ an vui chúng sanh.

Từ an vui chúng sanh có thể gọi là Bồ tát.

Kinh: “Hành từ Như Lai cho nên được Như tướng.

Sư Triệu nói: Danh xưng Như Lai là do được Như tướng. Từ thuận Như tướng có thể gọi là Như Lai.

Kinh: “Hành từ của Phật cho nên giác ngộ chúng sanh.

Sư Triệu nói: Tự giác ngộ rồi giác ngộ cho người là Phật vậy. Đã tự ngộ từ lại hay giúp người giác ngộ xứng gọi là Phật vậy.

Kinh: “Hành từ tự nhiên cho nên không nhân đâu đắc.

Sư Triệu nói: Đạo Đại thừa, không thầy mà thành, gọi là tự nhiên. Từ chân thật của Bồ tát cũng không nhân đâu mà thành, gọi là tự nhiên vậy.

Kinh: “Hành từ Bồ đề cho nên một vị bình đẳng.

Tổ Thập nói: Chỉ Bồ đề của Phật mới có thể giải rõ cái một tướng, một vị, của tất cả các pháp. Nay giải rõ trong vô tướng sanh từ cho nên xa lìa đồng với Bồ đề vậy.

Sư Triệu nói: Đạo vô tướng một vị bình đẳng gọi là Bồ đề. Từ chân thật vô tướng, một vị bình đẳng, cho nên gọi là Bồ đề vậy.

Kinh: “Hành từ vô đẳng cho nên đoạn các ái kiến.

Sư Triệu nói: Bạc nhị thừa Lục trụ trở xuống đều do thương người mà khởi từ. Nếu có thể không có thương xót người mà khởi từ, thì từ đó mới siêu tuyệt, mới gọi là vô đẳng (không gì sánh bằng).

Kinh: “Hành từ Đại bi dẫn dạy đạo Đại thừa.

Sư Triệu nói: Giúp đỡ khổ nạn cho người, dẫn dắt bằng pháp Đại thừa. Cái năng lực của Đại bi từ muốn người an vui, cũng dẫn dắt bằng pháp Đại thừa, xứng gọi là Đại bi vậy.

Kinh: “Hành từ không chán nản cho nên quán không, quán vô ngã.

Sư Triệu nói: Cái lòng mệt mỏi, chán nản sanh ra ở chỗ còn ngã. Lấy tâm không, vô ngã làm từ cùng với tướng sanh tử đã hết, thì không lại còn mỏi chán vậy.

Kinh: “Hành từ pháp thí cho nên không luyến tiếc.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc được chân thật từ mà luyến

tiếc pháp tài, xứng gọi là pháp thí vậy.

Kinh: “Hành từ trì giới cho nên hóa độ người phá giới.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc được chân thật từ mà giết hại trộm cắp, chẳng kiêm cái giáo hóa ấy, xứng gọi là trì giới vậy.

Kinh: “Hành từ nhẫn nhục cho nên giúp đỡ người, ta.

Tổ Thập nói: Nếu có thể hành nhẫn ắt trong chẳng tự vương mắc, ngoài chẳng thương tổn vật, cho nên nói rằng giúp đỡ ta, người vậy.

Luận lòng từ trên đây bản chữ Phạn không có.

Kinh: “Hành từ tinh tấn cho nên gánh vác chúng sanh.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc được chân thật từ mà không gánh vác chúng sanh, xứng gọi là tinh tấn vậy.

Kinh: “Hành từ thiên định cho nên chẳng nhận mùi vị.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc được cái chân thật từ mà loạn tâm thọ mùi ngũ dục ấy, xứng gọi là thiên định vậy.

Kinh: “Hành từ trí huệ cho nên biết đúng thời.

Tổ Thập nói: Hành chưa đầy đủ mà đã cầu quả gọi là biết chẳng đúng thời.

Kinh: “Hành từ phương tiện cho nên thị hiện tất cả.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc được chân thật từ mà chẳng quyền hiện ứng hợp khắp nơi, xứng gọi là phương tiện vậy.

Kinh: “Hành từ không ỉn dẫu cho nên tâm ngay thẳng trong sạch.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc được chân thật từ mà tâm còn ỉn khuất không thanh tịnh, xứng gọi là không ỉn dẫu vậy.

Kinh: “Hành từ sâu vững cho nên không còn các hạnh tạp loạn.

Tổ Thập nói: Trong trực tâm dường như còn có phiền não ràng buộc. Nay thâm nhập Phật pháp nên không còn cái tướng tạp loạn vậy.

Kinh: “Hành từ không dối trá cho nên không có hư giả.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc được chân thật từ mà hư giả không chân thật, xứng gọi là không dối trá vậy.

Kinh: “Hành từ an vui cho nên khiến được sự an vui của Phật.

Sư Triệu nói: Chưa từng có bậc được chân thật từ mà chẳng khiến ta người được cái an vui của Phật, xứng gọi là an vui vậy.

Kinh: “Lòng từ của Bồ tát như thế đó.” Ngài Văn-Thù-Sư-Lợi lại hỏi: Sao gọi là bi? Đáp rằng: “Bồ tát làm công đức cốt để cho tất cả chúng sanh.”

Sư Triệu nói: Nhân pháp quán hỏi việc từ mà giải thích đủ Tứ vô lượng tâm. Thương xót người mãi mãi đau khổ, chẳng kể thân mình, tích mọi công đức nguyện cùng tất cả, trước người sau ta, cái hạnh đại bi vậy.

Kinh: Lại hỏi: “Sao gọi là hỷ?” Đáp rằng: “Chỗ có ích lợi đều vui vẻ mà làm chẳng hối hận.”

Sư Triệu nói: Tự được lợi ích của pháp, cùng vui với chúng sanh. Vui ở chỗ ta người đều được pháp vui, gọi là hỷ.

Kinh: Lại hỏi: “Sao gọi là xả?” Đáp rằng: “Làm việc phước không có chỗ hy vọng.”

Tổ Thập nói: Hiện nay chẳng mong ân, tương lai chẳng cầu báo đáp. Bạc Thanh văn hành Tứ vô lượng tâm, chẳng thật ích lợi cho chúng sanh. Đây Bồ tát hành Tứ vô lượng tâm mới thật ích lợi cho chúng sanh, cho nên bốn cái ấy đều gọi là lớn vậy.

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi lại hỏi: “Sự sống chết có chỗ đáng sợ, Bồ tát phải nương nơi đâu?”

Sư Triệu nói: Sống chết đáng sợ, sợ thì chẳng phải bậc lớn. Bạc Đại sĩ có bệnh thương đời phải nương theo chỗ nào mà thường ở nơi sanh tử? Chẳng lấy cái sợ là sợ vậy thôi.

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Bồ tát nơi chốn sống chết đáng sợ đó phải nương theo sức công đức của Như Lai.”

Tổ Thập nói: Công đức của Như Lai sâu xa mầu nhiệm. Ta hiện được y như vậy. Đâu có thể vì một chút khổ mà sanh mệt mỏi chán nản. Một lòng cầu Phật đạo, thẳng tiến chẳng lùi ắt khổ nào đều tự diệt.

E ngại chỗ đáng sợ phải trừ ấy, cũng lấy niệm này làm chỗ nương theo, cũng lấy chỗ tiến tới mà nương theo vậy.

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi lại hỏi: “Bồ tát muốn nương theo sức công đức của Như Lai phải trụ nơi đâu?” Đáp rằng: “Bồ tát muốn nương theo sức công đức của Như Lai phải trụ nơi việc độ thoát tất cả chúng sanh.”

Sư Triệu nói: Trụ ở chỗ hóa độ tất cả chúng sanh ắt tâm đó rộng lớn. Rộng lớn tâm đó thì việc đó không khó. Đây gọi là trụ vào sức công đức của Phật.

Kinh: Lại hỏi: “Muốn độ chúng sanh phải trừ những gì? Đáp rằng: “Muốn độ chúng sanh phải trừ phiền não.”

Sư Triệu nói: Sắp tìm gốc cho nên trước nói ngọn.

Kinh: Lại hỏi: “Muốn trừ phiền não phải làm thế nào?” Đáp rằng: “Phải hành chánh niệm.”

Sư Sanh nói: Phiền não sanh ra từ lòng luyến mến. Tiện đây, nên quan sát cái lý của pháp để dứt bỏ nó vậy. Nhưng lúc mới quán, thấy lý mà chưa rõ, tâm chưa trụ lý, nên cần sức mạnh của niệm tức là cái chẳng quên sau mới đắc quán. Bản khác nói là "Chánh ức niệm".

Kinh: Lại hỏi? “Thế nào là hành chánh niệm? Đáp rằng: “Phải hành không sanh không diệt.” Lại hỏi: “Pháp nào không sanh, pháp nào không diệt?” Đáp rằng: “Pháp bất thiện chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt.”

Tổ Thập nói: Ác pháp sanh ra thì diệt, chưa khởi thì chẳng để cho sanh ra. Thiện pháp chẳng diệt mà làm thêm rộng.

Kinh: Lại hỏi: “Pháp thiện và pháp bất thiện lấy gì làm gốc?” Đáp rằng: “Lấy thân làm gốc.”

Tổ Thập nói: Thân gọi là ngũ âm.

Kinh: Lại hỏi: “Thân lấy gì làm gốc? Đáp rằng: “Tham dục làm gốc.”

Tổ Thập nói: Do dục chấp tình sâu, cho nên rộng sanh kết nghiệp. Cũng vì chỗ ái mà thọ, do đó trong các kết nghiệp riêng đơn cử tham muốn vậy.

Kinh: Lại hỏi: “Tham dục lấy gì làm gốc?” Đáp rằng: “Hư vọng, phân biệt làm gốc.”

Sư Triệu nói: Pháp không tốt xấu, hư vọng, phân biệt, gọi đó là tốt, gọi đó là xấu. Xấu tốt đã thành hình ắt tham dục nảy sanh.

Kinh: Lại hỏi: “Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?” Đáp rằng: “Điên đảo tưởng làm gốc.”

Sư Triệu nói: Pháp vốn chẳng phải có, vọng tưởng là có. Vì lẽ có, nên sau mới biết đó là tốt xấu, đó là phân biệt.

Kinh: Lại hỏi: “Điên đảo tưởng lấy gì làm gốc?” Đáp rằng: “Vô trụ làm gốc.” Lại hỏi: “Vô trụ lấy gì làm gốc?” Đáp rằng: “Vô trụ ắt không gốc.” Này ngài Văn Thù Sư Lợi! Từ gốc Vô trụ mà lập tất cả các pháp.”

Tổ Thập nói: Pháp không có tự tánh duyên theo mê làm mà khởi. Khi chưa khởi thì không biết chỗ nương. Không có chỗ nương cho nên không có chỗ trụ. Vì không có chỗ trụ nên chẳng

phải có hoặc không. Chẳng phải có không mà có không là gốc. Không trụ ắt cũng tốt gốc đó. Và lại, không có chỗ sanh ra nên nói rằng không gốc. Không gốc mà là gốc của muôn vật cho nên nói rằng lập tất cả các pháp vậy.

Sư Triệu nói: Tâm dường như nước. Lặng ắt có chiều, động ắt không soi được. Si ái làm vẩn đục, gió tà là quạt làm nổi sóng cao, chưa hề tạm dừng nghỉ. Do lấy pháp quán đó, đi đâu cũng chẳng đảo điên.

Ví như đến chỗ nguồn cội mà trách cái gốc của hình trạng đó là sự chưa từng có vậy. Cái điên đảo tưởng bốc lên đó gốc vốn nơi chẳng trụ, nghĩa ở chỗ đó vậy.

Tất cả các pháp theo các duyên hội lại mà thành, cái thể của duyên chưa hội ắt pháp không có chỗ nương. Không có chỗ nương ắt không có chỗ trụ. Không trụ ắt không có pháp. Lấy không có pháp là gốc cho nên có thể lập tất cả các pháp vậy.

Nếu lấy tâm động là gốc, ắt có cái hữu tướng sanh ra. Tốt lý là ở chỗ động ban đầu, lại không có gốc vậy. Nếu lấy không có pháp là gốc, ắt có là bởi không sanh ra. Nhưng không chẳng phải bởi không, cho nên lại cũng không có gốc vậy.

Không an trụ cho nên tưởng điên đảo, điên đảo tưởng cho nên mới phân biệt, phân biệt cho nên mới tham dục. Tham dục cho nên mới có thân. Đã có thân rồi ắt thiện ác đều bày ra. Thiện ác đã bày ra ắt muôn pháp do đấy khởi ra. Từ đây sang đó muôn lời cũng chẳng thể hết được. Nếu khéo được gốc đó, ắt cái ngọn cũng dễ trừ

vậy.

Kinh: Bảy giờ trong nhà ông Duy Ma Cật có một vị Thiên nữ thấy các Bồ tát thuyết pháp, bèn hiện ra tung rải hoa trời trên thân các vị Bồ tát và đại đệ tử.

Sư Triệu nói: Thiên nữ tức là pháp thân Đại sĩ vậy. Thường cùng ông Tịnh Danh hoằng dương Đại thừa bất tư nghị, cho nên hiện làm gia nhân cùng ở một nhà. Thấy đại chúng tụ tập nghe thuyết pháp cho nên hiện thân tung hoa. Muốn dùng sự đó để khơi biện luận.

Kinh: Hoa đến các vị Bồ tát đều rơi xuống hết. Đến các vị đệ tử thì dính chặt chẳng rơi.

Tổ Thập nói: Thiên nữ lấy các sự chưa từng có trong nhà này, nhà không tạp giáo, cho nên chê bậc Tiểu thừa mà hiển dương Đại đạo. Lấy chỗ cùng một ảnh hưởng để phát minh chỗ ưu thắng đó.

Kinh: Các vị đại đệ tử dùng hết thần lực phủi hoa nhưng chẳng gỡ bỏ được.

Sư Triệu nói: sắp luận chỗ khác nhau của bậc lớn nhỏ cho nên khiến hoa phải như thế.

Kinh: Lúc ấy Thiên nữ hỏi ngài Xá Lợi Phất: “Sao lại phủi hoa? Đáp rằng: “Hoa này chẳng như pháp do đó phủi đi.”

Sư Triệu nói: Hoa thơm bám lấy thân, chẳng phải pháp của thầy Tăng, do đó phủi đi.

Một nghĩa nữa là pháp rải hoa trên thân, hoa phải rơi mới hợp. Hoa chẳng rơi chẳng phải là pháp rải hoa.

Kinh: Thiên nữ nói: “Chớ bảo hoa này không như pháp. Vì sao? Vì thật hoa không có chỗ phân biệt.

Tổ Thập nói: Tánh hoa vốn chẳng hai cho nên không phân biệt.

Sư Sanh nói: Tánh hoa không thật, há có cái phân biệt như pháp hay chẳng như pháp ư?

Kinh: “Nhân giả tự sanh cái tướng phân biệt đó thôi.

Sư Triệu nói: Hoa há có tâm với rơi hay với chẳng rơi ư? Cái tướng phân biệt ấy phát xuất tự nhân giả mà thôi.

Kinh: “Nếu xuất gia nơi Phật pháp mà có chỗ phân biệt là không như pháp. Nếu không có chỗ phân biệt là như pháp.

Sư Triệu nói: Như pháp, chẳng như pháp là tại tâm chẳng tại hoa.

Kinh: “Xem các vị Bồ tát, hoa chẳng dính ấy vì đã đoạn hết tất cả tướng phân biệt. Ví như người đang sợ hãi thì hạng chẳng phải người mới thừa cơ hại được.

Tổ Thập nói: Như có một quỷ la sát biến hình làm con ngựa. Một người sĩ phu cưỡi nó mà chẳng nghi ngờ. Giữa đường, con ngựa hỏi người sĩ phu: "Ngựa tốt hay không tốt?" Người sĩ phu rút cây đao đưa ra hỏi lại: "Đao này tốt hay không tốt?" Quỷ biết tâm người đó ngay thẳng không sợ hãi, chẳng dám gia hại. Nếu chẳng

như vậy quý thừa dịp làm hại vậy.

Kinh: “Như vậy, vị đệ tử nào sợ sanh tử thì sắc, thanh, hương, vị, xúc mới thừa cơ được. Còn người đã lìa được sợ hãi thì tất cả năm dục không làm gì được vậy. Kết tập (phiền não) chưa dứt hết nên hoa mới dính vào người, kết tập hết rồi hoa nào dính được.”

Tổ Thập nói: Hỏi rằng: Bậc Bồ tát kết tập cũng chưa dứt hết sao hoa chẳng bám vào thân?

Đáp rằng: Có hai loại tập trong Phật pháp: một là kết tập, hai là ái tập. Khi được vô sanh nhẫn kết tập đều dứt hết, nhưng chưa đoạn được ái tập Phật pháp.

Cũng nói: Bậc Pháp thân Bồ tát, tuy có kết tập nhưng vì thân thanh tịnh nên kết tập chẳng khởi vậy.

Sư Triệu nói: Dính hay không dính chỉ một lẽ trong đó thôi. Hoa đâu có lòng ư?

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thiên nữ ở nhà này lâu chưa?”

Sư Triệu nói: Ở nhà Đại thừa của ông Tịnh Danh lâu mau mà biện luận diệu tuyệt như thế.

Kinh: Đáp rằng: “Tôi ở nhà này như Ngài được giải thoát.”

Sư Triệu nói: sắp nói rõ nghĩa thứ nhất về không có lâu mau. Cho nên lấy giải thoát làm chỗ luận. Giải thoát là vô vi giải thoát

vậy.

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất nói: “Ở đây lâu vậy ư?”

Sư Sanh nói: Ngài Xá Lợi Phất trước hỏi ý. Tuy hỏi rằng "ở nhà", nhưng quan hệ tại chỗ "lâu". Kẻ chẳng thông đạt, giữ điều đó và trả lời thôi. Nhưng lời kinh đáp lại rằng: Giống như sự giải thoát lâu mau của ngài Xá Lợi Phất.

Nay ngài Xá Lợi Phất giải thoát mới hay đã lâu? Thiên nữ ở nhà này được chẳng lâu ư? Hay ở nhà này đã được lâu? Nếu lâu hay chẳng lâu thì chẳng thể được đồng giải thoát vậy, do đó chẳng được dùng tiếng "lâu" để hỏi.

Kinh: Thiên nữ nói: “Bậc kỳ lão giải thoát cũng lâu như thế nào?”

Sư Triệu nói: Hỏi ngược lại chỗ được, khiến tự ngộ vậy. Bậc kỳ lão ấy được vô vi giải thoát há có thể gọi là lâu ư?

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất nín lặng chẳng đáp.

Sư Triệu nói: Lời nói "lâu" ở trước, khuyên răn thật ở sau, cho nên không đáp được.

Kinh: Thiên nữ nói: “Sao bậc kỳ cựu đại trí lại lặng thinh?” Đáp rằng: “Giải thoát ấy, không có lời lẽ nói năng cho nên nơi đó tôi chẳng biết nói sao.” Thiên nữ nói: “Lời lẽ, nói năng, vẫn tự đều là tướng giải thoát.

Sư Triệu nói: Ông Xá Lợi Phất cho lời nói "lâu" là sai nên lặng thinh không nói, là thuận theo chân giải thoát. Nhưng chưa có thể

đến chỗ ngôn ngữ và yên lặng cùng đến, chạm vật không ngại. Cho nên thiên nữ nói giải thoát để ông hiểu ý đó.

Kinh: “Vì sao? Vì giải thoát ấy, chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng ở hai bên. Văn tự cũng chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng ở hai bên. Cho nên ngài Xá Lợi Phất! Chớ lìa văn tự mà nói giải thoát vậy.

Sư Triệu nói: Chỗ ở của pháp siêu tột ba nơi. Ở ba nơi mà câu văn tự giải thoát đều không thể được. Như vậy, sao lại muốn lìa văn tự mà riêng nói giải thoát ư?

Kinh: “Vì sao? Vì tất cả các pháp là tướng giải thoát.”

Sư Sanh nói: Cho nên không có gì chẳng phải tướng giải thoát vậy.

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất nói: “Lại chẳng phải vì lìa dâm dục, giận hờn, si mê mà được giải thoát ư?”

Sư Triệu nói: Bạc nhị thừa kết tận, chẳng làm là giải thoát. Nghe chỗ giải thích trái nghịch với khuynh hướng cho nên hỏi vậy.

Kinh: Thiên nữ nói: “Phật vì kẻ tăng thượng mạn, nói lìa dâm dục, giận hờn, si mê là giải thoát đó thôi. Nếu không có kẻ tăng thượng mạn thì Phật nói tánh của dâm dục, giận hờn, si mê tức là giải thoát.”

Sư Triệu nói: Khinh sanh tử, tôn sùng đạo của mình là kẻ tăng thượng mạn. Phật vì người ấy nói lìa kết là giải thoát. Nếu chẳng khinh sanh tử, chẳng tôn sùng đạo của mình ắt nói tánh của các kết,

ba độc tức là giải thoát, không có cái giải thoát riêng biệt.

Bậc nhị thừa tuy không có các kết kiêu căng, nhưng kinh sanh tử, tôn sùng Niết bàn do đó thường có tướng tự kiêu. Có các kết kiêu căng ấy nên chưa đắc đạo cho là đã đắc, do đó sanh ra kiêu mạn.

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất nói: “Lành thay! Lành thay! Thiên nữ! Cô đắc gì? Chứng gì mà biện tài như thế?”

Tổ Thập nói: Quả hữu vi nói là được, quả vô vi nói là chứng.

Kinh: Thiên nữ nói: “Tôi không đắc, không chứng mới được biện tài như thế.

Sư Triệu nói: Phàm trong đạo, còn có ngại thì chẳng thể sanh ra biện tài vô ngại. Biện tài vô ngại sanh ra ở đạo vô ngại. Đạo có đắc, có chứng ấy ắt có sự chẳng được, có chỗ chẳng chứng. Vì đạo Đại thừa không đắc, không chứng cho nên không chỗ nào chẳng được, không chỗ nào chẳng chứng. Từ đó nảy sanh biện tài cho nên chẳng có chỗ nào không biện luận được vậy.

Kinh: “Vì sao? Nếu có đắc có chứng thì trong Phật pháp là kẻ tăng thượng mạn.”

Sư Triệu nói: Nếu thấy mình có chỗ đắc ắt thấy người chẳng đắc. Đối nơi pháp bình đẳng của Phật dường là kẻ tăng thượng mạn. Sao có thể đến được cái biện tài vô ngại ư?

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ: “Đối với ba thừa, chí cầu thừa nào?”

Sư Triệu nói: Trên nói thẳng rằng chẳng đắc, chẳng chứng, chưa biết thừa nào nên lại hỏi vậy.

Kinh: Thiên nữ nói: “Cần dùng pháp Thanh văn để hóa độ chúng sanh, tôi làm Thanh văn. Cần dùng pháp nhân duyên hóa độ chúng sanh, tôi làm Bích chi Phật. Cần dùng pháp Đại thừa hóa độ chúng sanh, tôi làm Đại thừa.

Sư Sanh nói: Tùy người mà làm, ta chẳng định quyết vậy.

Kinh: “Ngài Xá Lợi Phất! Như người vào rừng cây Huỳnh đàn, chỉ ngửi mùi Huỳnh đàn, chẳng ngửi mùi thơm nào nữa.

Tổ Thập nói: Chẳng gọi là có nên "chẳng ngửi", gọi là "chỉ" vì đã đầy đủ, chẳng lại cầu bên ngoài. Dựa theo nghĩa của thí dụ mà khá biết vậy.

Kinh: “Cũng như người vào nhà này mà chỉ nghe hương công đức của Phật chẳng ưa nghe công đức của Thanh văn và Bích chi Phật.

Sư Triệu nói: Không thừa nào chẳng thừa mới là Đại thừa, cho nên lấy rừng hương của nhị thừa để bày tỏ nhà của ông Tịnh Danh không lẫn hương của nhị thừa. Ở nhà ấy đâu ngửi hương khác. Lấy đó có thể biết được chí ở thừa nào vậy.

Kinh: “Ngài Xá Lợi Phất! Có những vị đế thích, phạm vương, tứ thiên vương, chư thiên, long, thần, quỷ vào nhà này nghe, thượng nhân đây giảng nói chánh pháp, đều ưa hưởng công đức của Phật phát tâm rồi ra. Ngài Xá Lợi Phất! Tôi ở

nhà này đã mười hai năm, chưa từng nghe nói pháp Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ nghe pháp đại từ đại bi của Bồ tát và pháp bất khả tư nghị của chư Phật.

Sư Triệu nói: Pháp Đại thừa đều gọi là bất khả tư nghị. Trên hỏi ở nhà này lâu mau. Muốn bày mỗi luận cho nên lấy sự giải thoát mà đáp lại. Bây giờ nói thật số năm để nói rõ chỗ nghe đó chẳng lẫn lộn vậy.

Kinh: “Ngài Xá Lợi Phất! Nhà này thường hiện tám pháp “chưa từng có, khó được”. Tám pháp ấy là gì? 1. Nhà này thường có ánh sáng sắc vàng soi chiếu ngày đêm không khác, chẳng cần mặt trời, mặt trăng soi chiếu mới sáng. Đó là pháp “chưa từng có, khó được” thứ nhất. 2. Nhà này người vào chẳng bị cấu nhiễm làm phiền não. Đó là pháp “chưa từng có, khó được” thứ hai.

Tổ Thập nói: Nhà đó thanh tịnh, không có ác khí trái nghịch. Tuyệt dứt duyên như uế. Cho nên như uế chẳng sanh.

Kinh: “3. Nhà này, thường có các vị đế thích, phạm vương, tứ thiên vương, và các Bồ tát ở phương khác, nhóm họp không ngớt. Đó là pháp “chưa từng có, khó được” thứ ba. 4. Nhà này thường nói pháp lục độ ba la mật và pháp bất thối chuyển. Đó là pháp “chưa từng có, khó được” thứ tư. 5. Nhà này, thường trỗi âm nhạc bậc nhất của trời người. Vang ra vô lượng âm thanh giáo hóa. Đó là pháp “chưa từng có, khó được” thứ năm. 6. Nhà này có bốn kho tàng lớn, chứa đầy các món báu, giúp cho kẻ nghèo thiếu khắp nơi, hễ cầu liền được

không bao giờ hết. Đó là pháp “chưa từng có, khó được” thứ sáu.

“7. Nhà này, Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật Vô Động, Phật Bửu Đức, Phật Bửu Diệm, Phật Bửu Nguyệt, Phật Bửu Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hưởng, Phật Nhất Thiết Lợi Thành và vô lượng chư Phật trong mười phương như thế, khi thượng nhân đây niệm đến, liền hiện đến rộng nói tạng pháp bí yếu của chư Phật. Nói xong, các Ngài lại trở về. Đó là pháp “chưa từng có, khó được” thứ bảy. 8. Nhà này, tất cả cung điện trang nghiêm lộng lẫy của chư thiên, các cõi thanh tịnh của chư Phật đều hiện trong đây. Đó là pháp “chưa từng có, khó được” thứ tám.

Tổ Thập nói: Như có thanh kim cương, trong vòng mười dặm, dù có đá bao quanh, hình sắc của nó cũng hiện ra. Nhà này sáng suốt rõ thông, chỗ thí dụ là như vậy.

Kinh: “Ngài Xá Lợi Phất! Nhà này thường hiện tám pháp “chưa từng có, khó được” như thế, ai thấy việc chẳng thể nghĩ bàn đó mà còn ưa pháp Thanh văn ư?”

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Vì sao cô không chuyển thân nữ kia đi?” Thiên nữ đáp: “Tôi mười hai năm nay, tìm mãi cái tướng nữ nhân mà chẳng thể được? Phải chuyển chỗ nào?”

Sư Triệu nói: Ở trong nhà đến nay, nghe theo chánh pháp, chưa hề biết đàn bà khác đàn ông, nên phải chuyển chỗ nào? Thiên nữ ngộ "tướng nữ" đâu phải mười hai năm mà thôi!

Muốn bày rõ nhà này thuần một pháp, chẳng có tạp thành, cho nên dùng lời để chĩnh chỗ đó. Thấy thiên nữ mang thân con gái nên sanh lời luận đó.

Kinh: “Ví như huyễn sư hóa ra thân nữ, nếu có người hỏi: Sao chẳng chuyển thân nữ đó đi? Người ấy hỏi đúng không?”
Ngài Xá Lợi Phất nói: “Không! Huyền hóa không có tướng nhất định, còn phải chuyển gì nữa. Thiên nữ nói: “Tất cả các pháp cũng như thế, không có tướng nhất định, sao lại hỏi chẳng chuyển thân nữ?”

Sư Triệu nói: Vạn vật như huyễn, không có tướng nhất định, nào ai tốt, nào ai xấu mà muốn đổi ư?

Kinh: Tức thời Thiên nữ dùng sức thần thông biến ngài Xá Lợi Phất thành ra Thiên nữ. Thiên nữ lại tự hóa thân như ngài Xá Lợi Phất. Rồi hỏi rằng: “Sao Ngài không chuyển thân nữ đó đi?” Ngài Xá Lợi Phất mang hình tướng Thiên nữ đáp! “Tôi nay chẳng biết sao lại biến thành thiên nữ?”

Sư Triệu nói: Tôi chẳng biết vì sao lại chuyển thành thân này. Đã như vậy lại muốn chuyển đổi ư?

Kinh: Thiên nữ nói: “Ngài Xá Lợi Phất! Nếu Ngài chuyển được thân nữ đó, thì tất cả người nữ cũng sẽ chuyển được.

Sư Triệu nói: Nhân giả chẳng biết vì sao mà chuyển làm thân nữ. Đám nữ cũng chẳng biết vì sao chuyển làm thân nữ vậy. Nếu nhân giả vô tâm trong việc làm thân nữ, nên chẳng có thể chuyển đổi thân nữ ấy, thì đám nữ cũng vậy. Chẳng có thể tự chuyển thì tại

sao khuyên người chuyển thân nữ ấy.

Kinh: “Nhu ngài Xá Lợi Phất không phải người nữ mà hiện thân nữ. Tất cả người nữ lại cũng như thế, tuy hiện thân nữ mà chẳng phải người nữ đâu. Vì thế Phật nói: Tất cả các pháp không phải đàn ông, không phải đàn bà.”

Sư Triệu nói: Như ngài Xá Lợi Phất thật chẳng phải con gái mà nay lại hiện thân con gái. Đám con gái cũng hiện hình dạng con gái, thật ra chẳng phải con gái. Nam nữ không có tướng cố định, ta cũng như vậy, hãy biết đó thôi.

Kinh: Khi ấy, Thiên nữ thu thần lực lại, thân ngài Xá-Lợi-Phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi ông Xá Lợi Phất: “Sắc tướng thân nữ bây giờ ở đâu?” Ngài Xá Lợi Phất nói: “Sắc tướng thân nữ không có ở đâu mà không đâu chẳng có.”

Sư Triệu nói: Muốn nói hiện ở đây, mà thấy không tướng. Muốn nói không có đây, lại vẫn có tướng. Dường như huyễn hóa vô định chẳng biết ở đâu vậy.

Kinh: Thiên nữ nói: “Tất cả các pháp lại cũng như thế, không có ở đâu mà không đâu chẳng có. Không ở đâu, không đâu chẳng ở, ấy là lời đức Phật nói vậy”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi thiên nữ: “Cô chết ở đây rồi sẽ sanh nơi đâu?”

Sư Triệu nói: Đã biết cái không ở đâu của hiện tướng, lại hỏi sẽ sanh về đâu?

Kinh: Thiên nữ nói: “Phật hóa sanh thế nào tôi cũng hóa

sanh thế ấy.”

Tổ Thập nói: Chẳng nói liền vô sanh mà nói sự sanh là muốn dựa vào sự có sanh để trên ấy nói lý vô sanh diệt.

Sư Triệu nói: Thân tướng sanh ra đã như huyễn hóa, chết đây rồi lại sanh, há được khác đâu!

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất nói: “Chỗ hóa sanh của Phật, chẳng phải chết rồi sanh”. Thiên nữ đáp: “Chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải chết rồi sanh.”

Sư Triệu nói: Đâu phải mình tôi như huyễn hóa, không vật gì chẳng là huyễn hóa vậy.

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất hỏi thiên nữ: “Bao lâu nữa cô sẽ đắc đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác?”

Sư Triệu nói: Thân tướng chết sống đã như huyễn hóa, thì cái chân đạo Bồ đề tất cũng có thật cho nên hỏi bao lâu nữa sẽ thành?

Kinh: Thiên nữ đáp: “Nếu ông Xá Lợi Phất trở lại phạm phu, tôi sẽ đắc đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Ngài Xá Lợi Phất nói: “Chẳng có lý nào tôi trở lại phạm phu.”

Sư Triệu nói: Có cái chuyện thánh nhân trở lại phạm phu ư?

Kinh: Thiên nữ đáp: “Chẳng có lý nào tôi lại đắc đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Sư Triệu nói: Thánh nhân làm kẻ phạm phu, tôi thành đạo Bồ-đề, không có lý nào như vậy.

Kinh: “Vì sao? Vì Bồ đề không có chỗ trụ cho nên không có chỗ đắc.”

Sư Triệu nói: Đạo Bồ đề vô vi vô tướng, tự nhiên không có chỗ trụ, ai là người đắc ấy?

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất nói: “Hiện nay chư Phật đắc đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, chư Phật đã đắc, sẽ đắc nhiều như hằng hà sa thì gọi là gì?” Thiên nữ đáp: “Dùng số mục của thế tục cho nên nói có ba đời, chớ bảo là Bồ đề có quá khứ, vị lai, hiện tại.”

Sư Triệu nói: Ngôn ngữ số mục của thế tục thì có ba đời đắc. Chẳng phải cái Bồ đề đệ nhất chân đạo lại có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Kinh: Thiên nữ nói: “Ngài Xá Lợi Phất! Ngài đắc đạo A-la-hán ư?”

Sư Triệu nói: Bậc A la hán vào tâm vô lậu không thấy đắc đạo. Ở tâm hữu lậu ắt thấy có đắc. Nay hỏi từ pháp giải thoát thứ chín lúc tự chứng thành đạo thấy có đắc chăng? Muốn khiến tự ngộ nghĩa không đắc vậy.

Kinh: Đáp rằng: “Không có chỗ đắc cho nên đắc.”

Sư Triệu nói: Suy tâm mà đáp vậy. Không đắc cho nên mới có đắc. Có đắc ắt chẳng phải đắc. Đây nói rõ chỗ chân đắc ở nơi không đắc vậy.

Kinh: Thiên nữ nói: “Chư Phật, Bồ tát cũng như thế.

Không có chỗ đấc mà đấc.”

Tổ Thập nói: Nhị thừa giữ chứng. Trong thật tế, không đấc có đấc đều đồng nhau. Bậc Đại thừa ngộ pháp đã sâu, không sai khác lối ra vào vậy.

**Kinh: Lúc ấy ông Duy Ma Cật nói với ngài Xá Lợi Phất!
“Thiên nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai ức đức Phật.**

Đã được du hý thần thông của Bồ tát. Sở nguyện đầy đủ, đấc vô sanh nhẫn, trụ không thôi chuyển, vì theo bản nguyện nên tùy ý thị hiện để giáo hóa chúng sanh.

VIII. PHẠM PHẬT ĐẠO

Kinh: Bảy giờ ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Bồ tát như sao là thông đạt Phật đạo?”

Sư Triệu nói: Như trên nói rằng đạo của chư Phật lấy không đặc mà đặc. Đạo ấy sâu xa huyền nhiệm chẳng phải chỗ thông hiểu của kẻ hành đạo tầm thường. Thông hiểu đó ắt có nhân gì, cho nên hỏi chỗ nhân gì.

Sư Sanh nói: Pháp ứng hóa không trái là đạo của Phật vậy. Đã rõ thể tánh đó là thông đạt vậy.

Kinh: ông Duy Ma Cật đáp: “Bồ tát hành phi đạo là thông đạt Phật đạo.”

Tổ Thập nói: Phi đạo có ba thứ : 1. Quả báo về sự dữ; 2. Gây nghiệp về sự dữ . 3. Nghiệp thiện của thế tục và quả báo về nghiệp thiện. Kẻ phàm phu chẳng phải gốc chân thật đó mà làm đều gọi là phi đạo. Ở chỗ phi đạo đó mà chẳng mất bản thể cho nên hay nhân theo phi đạo để hoằng đạo. Nhân phi đạo mà hoằng đạo ắt thông đạt vậy. Thí như vị lương y, rõ dược tánh của vật, nên làm nghề thuốc, gặp bệnh bèn trị...

Sư Triệu nói: Phạm lấy đạo làm đạo, phi đạo làm phi đạo ắt như xấu đồng khởi, phiền não hê lụy bày ra, làm sao hiểu được cái bí yếu diệu tuyệt của tâm, thấu đạt đạo bình đẳng?

Nếu có thể chẳng lấy đạo làm đạo, chẳng lấy phi đạo làm phi

đạo, ắt tâm dứt tuyệt phải quấy gặp vật bèn ứng cơ.

Vì ở chỗ phải mà chẳng phải thật của tình, gặp trái mà chẳng phải trái của ý, cho nên có thể xem tốt xấu bằng nhau. Đi nghịch mà thường xuôi, hòa với ánh sáng trần lao, càng tối càng sáng. Đó gọi là thông đạt, vô ngại, Phật đạo bình đẳng vậy.

Kinh: Lại hỏi: “Thế nào là Bồ tát hành phi đạo? Đáp rằng: “Bồ tát làm năm tội vô gián mà không buồn giận.

Sư Triệu nói: Tội ngũ nghịch tất do phiền hận sanh ra. Tội này khi bỏ xác thân rồi thì sa vào địa ngục chịu khổ sở vô gián (không ngừng). Bồ tát diễn làm tội ngũ nghịch nhưng không phiền hận là do chẳng lấy nghịch làm nghịch cho nên hay đồng nghịch đó. Nếu lấy nghịch làm nghịch ai dám đồng?

Kinh: “Đến trong địa ngục mà không có tội cấu.

Sư Triệu nói: Tội cấu là nhân của địa ngục, thị hiện thọ quả báo thật không có nhân đó.

Kinh: “Đến trong loài súc sanh mà không có lỗi vô minh, kiêu căng, ngã mạn.

Sư Triệu nói: Si mê kiêu mạn quá nặng thường đọa làm súc sanh.

Kinh: “Đến trong loài ngạ quỷ mà sẵn đủ công đức.

Sư Triệu nói: Keo kiệt, tham lam vô phước thường đọa làm quỷ đói.

Kinh: “Hành đạo cõi sắc và vô sắc mà không cho là thù thắng.

Tổ Thập nói: Phạn bản nói là đến cõi sắc và vô sắc. Người phàm sanh lên đó ắt cho là Niết bàn đệ nhất tối thắng. Nay thực hành mà sanh lên đó nhưng chẳng cho là thù thắng.

Kinh: “Hiện hành tham dục mà lìa đắm nhiễm. Hiện hành giận dữ mà đối với chúng sanh không có giận hờn ngăn ngại. Hiện hành ngu si mà dùng trí huệ điều phục tâm đó.

Sư Triệu nói: Hiện hành tam độc nhưng chẳng trái tam thiện.

Kinh: “Hiện hành keo kiệt, tham lam mà xả bỏ cái có trong ngoài, chẳng tiếc thân mệnh. Hiện hành phá giới mà an trụ tịnh giới, cho đến tội nhỏ cũng hết lòng sợ sệt. Hiện hành giận dữ mà thường từ bi, nhẫn nhục. Hiện hành lừa dối mà siêng tu công đức. Hiện hành loạn ý mà thường niệm định. Hiện hành ngu si mà thông đạt trí huệ thế gian và xuất thế gian.

Sư Triệu nói: Hiện hành sáu điều tội tệ nhưng chẳng trái với lục độ.

Kinh: “Hiện hành điều xúc xiêm, gian dối mà khéo phương tiện tùy thuận nghĩa kinh.

Tổ Thập nói: Tuy đồng tương với xúc xiêm, gian dối nhưng thật chẳng trái nghịch điều ngay thẳng, gọi là khéo phương tiện tùy thuận nghĩa kinh vậy.

Kinh: Hiện hành kiêu căng ngã mạn mà đối với chúng sanh dường như cầu qua sông.

Tổ Thập nói: Lời nói khiêm nhường tự hạ là chỗ để cho vật giảm đạp, khinh khi. Nhẫn thọ chẳng ngã mạn như cây cầu vậy.

Kinh: “Hiện hành phiền não mà tâm thường thanh tịnh. Hiện vào nơi ma nhưng thuận theo trí huệ Phật, không theo giáo lý của ma. Hiện vào hàng Thanh văn mà nói pháp chưa từng nghe cho chúng sanh.

Sư Triệu nói: Thanh văn chẳng theo người để nghe học chẳng thể tự ngộ. Huống chi có thể vì người mà nói chỗ chưa từng nghe ư?

Kinh: “Hiện vào hàng Bích chi Phật mà thành tựu lòng đại bi giáo hóa chúng sanh.

Sư Triệu nói: Đại bi là pháp của Đại thừa chẳng phải chỗ bậc Bích chi có thể làm.

Kinh: “Hiện vào hạng nghèo khổ khốn cùng mà có viên ngọc báu trong tay công đức không cùng. Hiện vào hạng tàn tật mà có đầy đủ tướng tốt để tự trang nghiêm. Hiện vào hạng hèn hạ, nhưng sống trong chủng tánh Phật đầy đủ các công đức.

Tổ Thập nói: Tánh Phật chủng tức là vô sanh nhẫn, được cái nhẫn thâm sâu này gọi là pháp sanh, ắt siêu xuất khỏi thấp hèn bước vào cảnh giới Phật vậy.

Kinh: “Hiện vào hàng ốm yếu xấu xa mà thân thể như Na La Diên tất cả chúng sanh đều muốn xem.

Sư Triệu nói: Na La Diên Thiên là tên lục sĩ, tề chỉnh tốt đẹp, chí khí mạnh mẽ.

Kinh: “Hiện vào hạng già cả bệnh tật mà đoạn hẳn gốc bệnh, siêu vượt nỗi sợ chết. Hiện làm hạng giàu có mà thường xem vô thường, thật chẳng có chỗ tham. Hiện có thể thiếp nàng hầu mà thường vui xa lánh bùn lầy ngũ dục. Hiện nơi hạng dần độn mà thành tựu biện tài tổng trì chẳng mất. Hiện vào tà tế nhưng dùng chánh tế cứu giúp các chúng sanh.

Sư Triệu nói: Chỗ bến sông có thể qua gọi là chánh tế. Chỗ nguy hiểm lừa dối là tà tế. Phật đạo là chánh tế, ngoại đạo là tà tế.

Kinh: “Hiện vào khắp các nẻo để đoạn dứt nhân duyên sanh tử.

Sư Triệu nói: Vào khắp các nẻo khác, đâu phải mong cầu mà là muốn đoạn dứt cái duyên sanh tử.

Kinh: “Hiện nơi Niết bàn nhưng chẳng đoạn dứt sanh tử.

Sư Triệu nói: Hiện thân Niết bàn mà vào đường sanh tử vẫn trên đã liệt kê, đối với Bồ tát đều là phi đạo. Nhưng ở trong đó mà vô ngại mới là đạo, cho nên mới là thông đạt Phật đạo.

Kinh: “Ngài Văn Thù Sư Lợi! Nếu Bồ tát hay như thế mà hành phi đạo, chính là thông đạt Phật đạo.” Bấy giờ ông Duy-Ma-Cật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Những gì là hột

giống Như Lai?”

Tổ Thập nói: Từ gặp nhau đến giờ, chỉ mình ông Duy Ma Cật nói. Nay khiến người khác nói là muốn hiển rõ cái đức đó, cũng nói rằng tìm tòi cái tốt đẹp để cúng dường.

Sư Triệu nói: Đã biện luận thông suốt Phật đạo, lại hỏi chỗ đạo ấy sanh ra. Ông Duy Ma, ngài Văn Thù thay nhau mà hỏi đáp, ứng vật mà làm cho rõ vậy.

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp: “Có thân là hột giống.

Sư Triệu nói: Có thân là thân kiến vậy. Phạm tâm không có chỗ quyết định tùy vật mà biến, tại tà thì tà, tại chánh thì chánh. Tà, chánh tuy khác nhau nhưng hột giống đó không khác. Vì sao? Biến tà thành chánh, sửa ác thành thiện, há riêng có cái chánh khác cái tà, cái thiện khác cái ác ư? Như vậy ắt chánh do tà khởi, thiện nhân ác sanh cho nên nói các phiền não ràng buộc là hột giống của Như-Lai.

Kinh: “Vô minh hữu ái là hột giống.

Tổ Thập nói: Nói tổng quát, đây chia làm hai cửa, tất cả các kết (phiền não) thuộc hai cửa này cho nên riêng đơn cử hai cửa vậy. Từ đây về sau theo thứ tự mà mở rộng.

Kinh: “Tham sân si là hột giống. Bốn điên đảo (tứ điên đảo) là hột giống. Năm món ngăn che (ngũ cái) là hột giống.

Thập nói: Bốn điên đảo là nhân, năm món ngăn che là quả, sống chết là hai bánh xe, hai bánh xe đã đủ, sáu nẻo bèn theo.

Kinh: “Lục nhập là hột giống.

Tổ Thập nói: Nghĩa là nói lục tình ái. Ái là gốc của sự sanh, cho nên riêng nói rộng.

Kinh: “Bảy thức xứ là hột giống.

Tổ Thập nói: Trong sơ thiên trừ kiếp ban đầu của Phạm vương cho đến kiếp ban đầu của các Tiểu phạm (trời phạm nhỏ). Từ đó về sau hợp lại thành Thức trụ thứ nhất.

Kiếp đầu chỉ có Phạm vương chưa có các người trời Phạm khác, ý Phạm vương muốn có người trời Phạm khác, các người trời Phạm khác lúc ấy gặp cơ hội liền sanh ra. Phạm vương nhân đó khởi tà kiến cho là mình đã tạo ra, các người trời Phạm khác cũng tự cho mình từ Phạm vương sanh ra. Tuy có tinh thô nhưng cái tà tưởng đó chẳng khác. Đó gọi là thân khác nhau mà cùng một tướng. Đó là Thức trụ thứ hai.

Hạng nhị thiên hình không có hơn kém nhưng tâm chưa nhất định. Trừ người giải thoát còn người khác cũng đủ thứ niệm khác nhau. Đó gọi là một hình mà khác tướng. Là cái Thức trụ thứ ba.

Bậc tam thiên hình không có tinh thô. Tâm không có cái tướng khác lạ, chỉ có một lạc tướng. Đó là Thức trụ thứ tư vậy. Đồng với tiền tam địa của cõi vô sắc gọi là Thức trụ thứ bảy. Thức trụ là thức được an trụ. Thức, niệm phân minh không có phiền não lo lắng, không có hư hoại thì gọi là trụ. Nẻo dữ ắt khổ sở đau đớn hư hoại vậy.

Tứ Thiên ắt không có tướng hoại, không có tướng diệt định hoại, cũng vì các địa kia tâm tướng còn chút tối tăm, niệm chẳng phân minh cho nên thức chẳng an trụ vậy.

Hỏi rằng: Cõi Dục giới cũng bị nẻo dữ làm hư hoại, làm sao an lập thức trụ vậy?

Đáp rằng: Giữ cái địa chẳng giữ cảnh giới hư hoại. Nẻo dữ, đường lành của Dục giới trái đường, khác địa, khổ vui khác nhau nghĩa là chẳng liên hệ với nhau cho nên chẳng cùng hư hoại.

Lại còn nghĩa: Thế nào là ứng hợp với bậc Thất trụ?

Kinh: “Tám pháp tà là hột giống. Chín món não xứ là hột giống.

Thập nói: Thương người oán ta, ghét cái hiểu biết của ta, phiền não cái thân ta. Một đời là ba, ba đời là chín. Lại có nghĩa nói là cửu kết vậy.

Kinh: “Mười đường bất thiện là hột giống. Nói tóm lại sáu mươi hai kiến và tất cả phiền não đều là hột giống Phật cả.”

Sư Triệu nói: Chúng sanh trần lao tức thành Phật đạo. Không có người nào khác thành Phật cho nên đó là hột giống Phật vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật hỏi: “Sao thế?”

Sư Triệu nói: Phạm cái đạo tốt diệu ắt có cái nhân tốt diệu, nhưng nói trần lao là hột giống là sao vậy?

Kinh: Đáp rằng: “Nếu thấy vô vi mà vào chánh vị thì

chẳng có thể lại phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác nữa.

Tổ Thập nói: Pháp nhãn đến bậc La hán, pháp vô sanh đến bậc Phật đều gọi là chánh vị. Nói vô vi mà vào ấy là do giữ tướng thấy nên nhập chánh vị mà giữ chứng.

Lại nói thấy vô vi, cái vô vi ấy là tốt đế, tốt đế là pháp chứng, quyết định rõ ràng. Lúc thấy hai đế trước, tuy không trái thể, nhưng chưa quyết định rõ ràng, cho nên nói là cứ theo sự quyết định mà giữ chứng vậy.

Sư Sanh nói: Nhân đây hiện ra rõ ràng vậy. Thấy vô vi vào chánh vị ấy, nếu từ pháp nhãn trở lên, kết sử đã đoạn dứt, đã đến chỗ đó mới là thấy.

Vì gốc muốn bỏ sanh tử cầu ngộ. Ngộ rồi ở ngoài sanh tử, không còn trở lại trần lao, tức là nghĩa ngộ, cho nên chẳng có thể lại phát tâm bồ đề vậy.

Kinh: “Ví như chỗ gò cao không có Hoa sen, nơi thấp ước bùn lầy mới có hoa đó. Như thế, thấy vô vi vào chánh vị ấy rất cuộc chẳng lại có thể sanh nơi Phật pháp nữa. Trong bùn lầy phiền não mới có chúng sanh khởi Phật pháp vậy.

Sư Sanh nói: Thí dụ sự vào chánh vị.

Kinh: “Lại như gieo hạt giống trên hư không, rất cuộc chẳng được trở sanh, ở đất màu mỡ mới tươi tốt được. Như thế người vào vô vi chánh vị ấy, chẳng sanh nơi Phật pháp.

Khởi ngã kiến như núi Tu Di còn có thể phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác sanh trong Phật pháp. Cho nên phải biết tất cả phiền não là hột giống Như Lai, ví như không xuống biển cả không thể có được bảo châu vô giá. Như thế, không vào biển phiền não không thể được báu nhất thiết trí.”

Sư Triệu nói: Bạc nhị thừa đã thấy vô vi an trụ nơi chánh vị, rộng tâm yên lặng vui vẻ trong tịch diệt. Đã không sợ sanh tử mà còn có cái vui của pháp vô vi đạm bạc tự đủ, chẳng mong chẳng cầu. Ai lại chịu dùng Đại thừa làm tâm để che lấp cái ấy sao?

Kẻ phàm phu trầm luân trong năm đường, bị phiền não che lấp, tiến thì không có cái vui của pháp vô vi, lùi thì có cái sợ sanh tử. Lại thêm ngã tâm tự cao, chỉ có cái tối tăm thêm thôi. Cho nên có thể ở chốn trần lao, nêu tâm vô thượng, cây rễ sanh tử mà bày hoa Chánh giác.

Tự không phải kẻ phàm phu chôn mình nơi vực sâu thăm thẳm, bơi lặn trong biển trần lao, thì sao có thể được báu vô thượng ấy? Bồ tát có nghĩa là "phàm phu giác". Nhị thừa có cái xấu hổ vì rễ mục.

Kinh: Lúc ấy, ngài Đại Ca Diếp khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi, lời nói hay quá. Thật đúng như lời Ngài nói, đám trần lao ấy là hột giống Như Lai. Chúng tôi nay chẳng còn dám lại phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho đến kẻ phạm năm tội vô gián còn có thể phát ý sanh nơi Phật pháp mà nay chúng tôi không thể phát được. Ví như kẻ căn cơ đã hư hỏng thì nơi ngũ dục chẳng có thể

được lợi gì. Như thế, hàng Thanh văn đã dứt lìa cái sự ràng buộc ấy, nơi Phật pháp chẳng có ích gì vì đời đời không có chí nguyện.

Sư Triệu nói: Ông Ca Diếp tự biết lòng mình hèn yếu chẳng thể phát ý Đại đạo được. Đến việc thặng cầu thì cũng chẳng bì kịp người đã phạm tội ngũ nghịch cho nên khen ông Văn Thù Sư Lợi nói hay vậy.

Kinh: Cho nên ngài Văn Thù Sư Lợi! Kẻ phạm phu còn trở lại với Phật pháp mà hàng Thanh văn thì không. Vì sao? Vì kẻ phạm phu nghe Phật pháp có thể khởi đạo tâm vô thượng, chẳng đoạn dứt Tam Bảo. Còn chính Thanh văn trọn đời nghe Phật pháp, thập lực, tứ vô úy... mà đời đời chẳng thể phát được đạo ý vô thượng.”

Sư Triệu nói: Kẻ phạm phu nghe pháp có thể nối giống Phật ắt là báo ân được, có quay trở lại vậy.

Bậc Thanh văn riêng vui một mình, chẳng hoảng hóa Tam-Bảo thì đối với Phật pháp là không quay trở lại vậy.

Lại nữa, kinh Pháp Hoa rằng: Trong nhị thừa mà biết “ngừng” thì rốt cuộc thành Phật. Kinh này lấy căn cơ hư hỏng để bảo rõ đừng mong cầu lại nữa.

Niết bàn là chỗ chân thật của đạo, chỗ cực kỳ huyền nhiệm vậy. Kẻ nhị thừa kết tập chưa hết, ám chướng chưa trừ tận như thế sao lại lấy cái tâm bị bụi nhơ ràng buộc mà cầu cái đạo tốt chân u? Vì cái "tam hữu phần" hết cho nên giả nhận Niết bàn, chẳng phải

Niết bàn thật. Kinh này sẽ nêu chỗ mệt mỏi chán nản sanh tử của hàng nhị thừa, tiến tới chỗ tự ngừng, tiềm ẩn vô vi, bền bỉ lâu dài, đối với kẻ phàm phu ắt là dứt tuyệt đời đời.

Lại nữa, lúc khen ngợi Đại thừa là lúc khiển trách Tiểu thừa. Bậc chí nhân tùy theo chỗ khác nhau của con người mà ứng hợp nên pháp chẳng một được. Cho nên các kinh có chỗ nói chẳng giống nhau vậy.

Kinh: Lúc ấy trong hội có Bồ tát tên là Phổ Hiện Sắc Thân hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Cư sĩ! Ai là cha mẹ, vợ con, thân thích, quyến thuộc, quan dân, bạn bè của Ngài? Tôi trai tó gái, voi ngựa, xe cộ ở đâu?”

Sư Triệu nói: Ông Tịnh Danh quyền đạo vô cùng, ẩn hiển khó lường. Ngoài hiện có gia quyến như của đời, trong lấy pháp làm gia quyến. E kẻ lầm lạc thấy hình dạng bề ngoài mà chẳng thấu đạo, cho nên khởi ra lời hỏi này.

Kinh: Ông Duy Ma Cật dùng kệ đáp rằng:

Trí độ mẹ Bồ tát

Phương tiện ấy là cha.

Sư Triệu nói: Trí để soi trong, quyền để dùng ngoài, muôn hạnh sanh ra từ đó. Là chỗ xuất ra chư Phật, cho nên Bồ tát lấy trí làm mẹ, lấy quyền làm cha.

Kinh: Đạo sư tất cả chúng

Đều do đây sanh ra.

Tổ Thập nói: Phật và Bồ tát thông thường gọi là Đạo sư. Vì kẻ mới học là kẻ chưa lia được thọ sanh cho nên ứng hiện có cha mẹ. Nay muốn chỉ rõ chỗ đó nên dùng pháp giáo hóa chúng sanh, dứt tuyệt cái thọ thân, cho nên lấy pháp đáp lại vậy.

Kinh: Pháp hỷ dùng làm vợ.

Sư Triệu nói: Pháp hỷ là thấy pháp bèn sanh vui vẻ. Người đời lấy sắc đẹp của vợ làm vui, Bồ tát lấy pháp hỷ làm vui.

Kinh: Tâm từ bi là gái.

Tổ Thập nói: Tánh từ bi yếu ớt theo vật vào hữu vi. Dường như tánh con gái yếu mà tùy theo vật.

Kinh: Tâm lành, thành thật trai.

Tổ Thập nói: Tâm thành thật nên nơi việc hay làm. Dường như con trai có tánh trung trinh vững chắc nên thành gia nghiệp vậy.

Kinh: Rốt ráo vắng lặng nhà.

Tổ Thập nói: Ngăn che gió mưa, chẳng gì hơn nhà, diệt trừ các tướng chẳng gì huyền diệu hơn Không. Cũng có thể tuyệt dứt cái vấn nạn về tật bệnh, khó khăn, hàng phục ma oán. Do nhà kín đáo, thâm sâu, vững chắc mà trộm cướp hoạn nạn tự tiêu tan.

Cũng nói rằng chẳng phải là do chân yếu, gặp lúc thì lại tạm dừng bước. "Không" mới là tông yếu dùng làm cái nhà thường ở.

Kinh: Đệ tử đám trần lao.

Tổ Thập nói: Đám trần tức là chúng sanh trần lao, giáo hóa khiến theo ta, khiến theo Chánh đạo.

Kinh: Tùy ý mà chuyển hóa.

Tổ Thập nói: Chuyển khiến theo pháp giáo hóa của ta vậy.

Sư Triệu nói: Chúng sanh trần lao, tùy ý mà chuyển hóa, không đâu chẳng là đệ tử.

Kinh: Đạo phẩm thiện tri thức.

Do đây thành chánh giác.

Tổ Thập nói: Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là ba thừa đều dùng. Bồ tát thêm dùng Lục độ làm pháp trợ đạo. Giữ cái thân thiết đó để phụ cho việc gìn giữ hộ vệ. Lợi ích thành tựu, nghĩa giống như "tam ích" (ba sự ích lợi). Cho nên, giống như bậc thiện tri thức.

Kinh: Các độ là bạn lữ.

Tổ Thập nói: Hoặc có tuy là thiện tri thức nhưng chưa có thể là bạn đến cùng. Hoặc có tuy là bạn nhưng chưa phải thiện tri thức. Lại nữa, lời nói bạn lữ, để nói rõ là thiện tri thức thì phải theo tới cùng ắt tới đạo tràng.

Kinh: Tứ nhiếp các kỹ nữ.

Tổ Thập nói: Tứ nhiếp tụ chúng giống như kỹ nữ dùng nghệ thuật lôi cuốn quần chúng.

Kinh: Ca ngâm tụng lời pháp.

Lấy đó làm âm nhạc.

Sư Triệu nói: Miệng ngâm lời pháp dường như âm nhạc.

Kinh: Tổng trì là vườn hoa.

Tổ Thập nói: Tổng trì rộng thâu, là rừng huyền diệu, dạo chơi hoan hỷ. Dường như vườn trồng các thứ kỳ hoa dị thảo vậy.

Kinh: Cây rừng, pháp vô lậu.

Sư Sanh nói: Pháp vô lậu rễ sâu không thể nhổ được. Lại nữa, lý cao mà giúp người mới học là tượng của cây vậy. Lậu pháp chẳng còn lẫn lộn trong đó là nghĩa của rừng vậy.

Kinh: Hoa giác ý sạch màu.

Tổ Thập nói: Thể của hoa chưa nở thì chẳng đẹp, nở rồi thì sẽ tàn. Nở, chưa nở, phải đúng kỳ mới tận hết được cái tuyệt diệu đó. Điều thuận giác ấy lại cũng như thế, cao ắt tan rơi, thấp ắt bị vùi lấp. Cao thấp thích hợp thì thừa cái đó mà thẳng qua. Tướng khai hợp (nở chưa nở) đó dường như hoa thanh tịnh vậy.

Kinh: Giải thoát trí huệ quả.

Tổ Thập nói: Giải thoát là quả vô vi. Trí huệ là quả hữu vi.

Kinh: Bát giải là ao tắm.

Định nước lạnh trong đầy.

Tổ Thập nói: Công dụng của nước là trừ nơ bản nóng nực. Tính của giải thoát cũng trừ nóng nảy ngăn ngại.

Sư Sanh nói: Ngừng ắt có thể soi được, đó là nghĩa của nước. Định ý đầy ắp tự nhiên, đầy đủ lạnh trong.

Kinh: Rải bảy thứ tịnh hoa.

Tổ Thập nói:

1. Giới tịnh: Trước sau thanh tịnh, chỗ làm của thân khẩu không một chút ác ý, cũng chẳng khởi nhớ, cũng chẳng giữ tướng, cũng chẳng nguyện thọ sanh. Cho người sự vô úy chẳng phân biệt chúng sanh.

2. Tâm tịnh: Tam thừa chế phục tâm phiền não, đoạn tâm kết, cho đến lậu tận tâm của tam thừa đều gọi là tâm tịnh.

3. Kiến tịnh: Thấy chân tánh của pháp chẳng khởi vọng tưởng đó là kiến tịnh.

4. Độ nghi tịnh: Nếu chỗ thấy chưa sâu xa, hiện thời tuy hiểu, sau sanh nghi. Nếu thấy thâm sâu đoạn dứt nghi ngờ gọi là độ nghi tịnh.

5. Phân biệt đạo tịnh: Nếu thấy thật đạo nên làm, trái đạo nên bỏ đó là phân biệt đạo tịnh.

6. Hành đoạn tri kiến tịnh: Hành là khổ khó, khổ dễ, vui khó, vui dễ, tứ hạnh vậy. Đoạn là đoạn dứt các kết vậy. Trong học địa hết rồi nhưng chưa có thể tự biết chỗ hành chỗ đoạn. Đã được vô học tận trí, vô sanh trí, tất tự biết thấy chỗ hành, chỗ đoạn, thông đạt rõ ràng gọi là hành đoạn tri kiến tịnh.

7. Niết bàn tịnh.

Kinh: Để tắm người không nhớ.

Tổ Thập nói: Không như mà tắm là trừ nóng nực cho thỏa thích vậy, Bồ tát không có kết (ràng buộc) mà vào bát giải thoát, ngoài làm chúng sanh mà trong tâm tự vui.

Sư Triệu nói: Pháp tổng trì nhớ mãi là cái vườn chứa muôn thiện. Nơi rừng cây vô lậu trong vườn đó, trở hoa thất giác kết quả giải thoát. Ao bát giải nghiêm tịnh chứa nước thiền định lắng trong đầy ngập, rải hoa thất tịnh tràn lan trên nước.

Nên sau đó kẻ sĩ không bụi trần nhàn tản nơi vườn rậm, tắm trong ao hoa này, an nhàn vui vẻ ngao du, vui tột mực vậy.

Đâu phải vui chơi rừng vườn hoa nước thế tục mà được vui như thế. Giác ý là Thất giác ý. Giải thoát là quả của hữu vi vô vi. Trí huệ là quả về trí vậy.

Kinh: Ngũ thông voi ngựa chạy

Đại thừa dùng làm xe

Điều ngự là nhất tâm

Đạo chơi đường bát chánh.

Tổ Thập nói: Xe Đại thừa đạo chơi khắp mười phương tự tại, vô ngại. Cùng chở chúng sanh đồng đến đạo tràng.

Tiếng nhất tâm Phạn bản nói là: Tâm hòa hợp đạo phẩm. Trong có ba tướng: một là phát động, hai là nhiếp tâm, ba là xả. Nếu phát động quá ắt tâm tán loạn, tán ắt phải nhiếp. Nhiếp quá ắt bị chôn lấp. Bị chôn lấp ắt tinh tấn làm cho tâm phát động. Nếu động tĩnh được thích hợp ắt theo đó mà tiến dần dần, ở chỗ giữa đó

là xả.

Xả tức là điều ngự (cầm cương). Điều ngự tức là hòa hợp vậy. Nếu khéo điều ngự, chậm thì làm cho mau lên, nhanh thì sửa trị. Nhanh chậm phải lẽ thì buông ra khiến đi xe cứ thế mà đi, ắt tới chỗ muốn tới.

Sư Triệu nói: Pháp ngũ thông là voi ngựa. Đại thừa là ngồi lên xe. Nhất tâm là người cầm cương, đi trên đường Bát chánh đạo vậy.

Kinh: Tướng chánh phụ nghiêm thân

Trang sức tốt trau hình

Hổ thẹn là quần áo.

Tổ Thập nói: Giữ yếu lý để ngừa quấy ngừng ác, như y phục để che gió lạnh.

Kinh: Tâm tâm là tràng hoa.

Tổ Thập nói: Tâm sâu vững, tin vui cho nên hay tu thiện. Ở chỗ thiện trước, dường như là tràng hoa trên đầu.

Lại rằng: Tâm sâu vững phát minh các việc thiện, cũng như tràng hoa trang sức hình thể.

Kinh: Giàu có bảy của báu.

Tổ Thập nói: Đó là tín, giới, nghe, xả, huệ, xấu hổ. Ở nhà thì hay buông xả tiền của. Xuất gia thì hay xả bỏ ngũ dục và phiền não. Do tin thiện nên trì giới. Trì giới ắt ngừng ác. Ngừng ác xong

ắt tiến hành các việc thiện. Tiến hành các việc thiện cần yếu phải nghe nhiều. Nghe pháp cho nên hay xả, xả cho nên huệ sanh. Cho nên theo thứ tự mà nói về năm việc (ngũ sự). Năm việc đó là báu. Xấu hổ là người gìn giữ, người gìn giữ của cải cho chủ cũng là của cải, cho nên bảy việc đó thông thường gọi là của cải vậy.

Kinh: Dạy bảo tăng thêm ích

Như chỗ nói tu hành

Hồi hướng làm lợi lớn.

Tổ Thập nói: Hành là tự hành vậy. Dùng thất tài làm vốn, lại nữa ta người cùng lợi, lại dùng cái phước này hồi hướng Phật đạo. Thất bảo càng tăng, lợi càng lớn vậy.

Kinh: Tứ thiên làm giường ghế

Từ trong tịnh mạng sanh.

Sư Triệu nói: Tứ thiên là ngôi cao do tu tịnh mạng mà thành.

Kinh: Đa văn tăng trí huệ

Để làm tự giác âm.

Tổ Thập nói: Nói về giường ắt đến chỗ an nghỉ, an nghỉ ắt biết đó có pháp. Cho nên sau đó nói về nhạc. Ở ngoại quốc người sang trọng khi ngủ, ra lệnh trước cho người cai nhạc rõ, lúc muốn thức dậy thì tấu nhạc, sau đó thức giấc. Đây nhân nghe nhiều pháp âm, tỉnh giấc an nghỉ thiên.

Kinh: Thức ăn pháp cam lồ.

Tổ Thập nói: Chư thiên lấy đủ thứ thuốc hay bỏ xuống biển, dùng núi Bảo Sơn nghiền ra, làm thành cam lồ, ăn vào thành tiên, gọi là thuốc bất tử.

Trong Phật pháp dùng Niết bàn làm cam lồ khiến đoạn dứt sanh tử đời đời, đó mới thật là thuốc bất tử vậy.

Cũng nói rằng cam lồ là vị của đất trong kiếp đầu tiên, ăn ắt trường sanh. Phật pháp là thật tướng của cam lồ, nuôi huệ mạng, đó mới thật là món ăn cam lồ vậy.

Kinh: Nước uống, vị giải thoát.

Tổ Thập nói: Vị có bốn loại: 1. Xuất gia, lìa ngũ dục; 2. Hành thiện, lìa rối loạn, phiền não; 3. Trí huệ, lìa vọng tưởng; 4. Niết bàn, lìa sanh tử. Cũng có hai thứ giải thoát:

1. Giải thoát phiền não; 2. Giải thoát chỗ ngại.

Cũng nói rằng: Tánh ái không chán gọi là khát. Ái đoạn dứt liền được giải thoát. Giải thoát ngừng khát ái, cho nên gọi là nước uống. Bốn vị trên cũng dùng trừ khát ái nên là nước uống.

Kinh: Tịnh tâm nhân tắm rửa.

Tổ Thập nói: Tâm tịnh ắt không nhiễm đấm, không nhiễm tức là vì tắm rửa. Cũng gọi là dạo chơi trong tám đường giải thoát.

Kinh: Giới phẩm là hương thoa.

Tổ Thập nói: Giới trong sạch trừ như uế, chẳng mượn hương thơm.

Kinh: Trừ dẹp giặc phiền não.

Tổ Thập nói: Có hai cách đoạn dứt phiền não. 1. Già đoạn (đoạn dứt ngăn che); 2. Vĩnh đoạn (đoạn dứt vĩnh viễn). Trừ dẹp là già đoạn.

Trên nói về nuôi dưỡng bốn thể (thân tứ đại), bốn thể bình an khỏe mạnh ắt rộng hưng sự nghiệp.

Từ đây trở xuống nói về sự nghiệp đó.

Kinh: Dũng kiện chẳng ai hơn

Hàng phục bốn thứ ma

Cờ thắng dựng đạo tràng.

Tổ Thập nói: Ở ngoại quốc phá địch đắc thắng thì dựng cờ thắng. Đạo tràng hàng ma cũng biểu thị cái thắng tướng đó vậy.

Kinh: Tuy biết không khởi diệt

Vì dạy chúng có sanh

Khắp hiện vào các cõi

Như mặt trời đều thấy.

Sư Triệu nói: Biết không có khởi diệt ắt được pháp thân, không còn lại có cái phần sanh, vì người nên có sanh, cho nên chẳng ai chẳng thấy. Từ đây về sau khen đầy đủ cái đức biến ứng của Bồ tát. Lấy pháp làm nhà cho nên mới có thể như thế.

Kinh: Cúng dường khắp mười phương

Vô lượng ức Như Lai
Chư Phật và thân mình
Không có tướng phân biệt.
Tuy biết các cõi Phật
Và chúng sanh đều không
Mà thường tu tịnh độ
Giáo hóa đấm quần sanh.
Bao nhiêu loài hữu tình
Oai nghi cùng hình tiếng
Bồ tát lực vô úy
Đồng thời đều khắp hiện.
Rõ biết các việc ma
Mà hiện theo hạnh đó
Khéo dùng phương tiện trí
Tùy ý đều hay hiện.
Hoặc hiện lão bệnh tử.

Tổ Thập nói: Y như đức Phật muốn hóa độ vua Phất Ca Sa nên hiện làm thầy Tỳ kheo già. Cũng như chỗ biến hóa ở bốn cửa thành vậy.

Kinh: Thành tựu mọi chúng sanh

Rõ biết như huyễn hóa
Suốt thông chẳng có ngại.
Hoặc hiện kiếp tận thiêu
Trời đất đều rộng suốt
Chúng sanh có thường tưởng
Khiến soi rõ vô thường.

Tổ Thập nói: Hoặc thiêu thật, hoặc chẳng thiêu thật. Chẳng thiêu thật thì hai ngày cho đến ba, bốn ngày, lúc ra khỏi, chúng sanh thấy tướng thiêu liên ngộ vô thường. Trở lại chỗ chẳng bị thiêu vậy.

Kinh: Vô số ức chúng sanh
Đều đến thỉnh Bồ tát
Một phen đến nhà kia
Khiến hồi hướng Phật đạo
Kinh sách, giới, chú thuật
Các nghề nghiệp khéo léo
Đều hiện làm việc ấy
Lợi ích mọi quần sanh.
Các đạo pháp thế gian
Nương trong đó xuất gia

Đề giải mê cho người

Mà chẳng đọa tà kiến.

Tổ Thập nói: Vì đồng tập (thói quen) tương cảm nên trước đồng mà sau trái. Người xuất gia có đức vì chỗ tông yếu của vật cho nên hiện vào xuất gia để tu đức dẫn dắt vật.

Sư Triệu nói: Chín mươi sáu giống (là giống ngoại đạo) đều xuất gia cầu đạo. Tùy theo sự xuất gia đó, muốn tháo mở cái làm lạc đó, chẳng đồng cái "kiến" vậy.

Kinh: Hoặc làm nhật nguyệt thiên

Phạm vương chủ thế giới.

Tổ Thập nói: Kiếp ban đầu chưa có mặt trời, mặt trăng, cũng chưa có chúng sanh, u tối chẳng thấy mặt trời, mặt trăng cho nên làm mặt trời mặt trăng để soi sáng.

Kinh: Hoặc khi làm đất nước

Hoặc lại làm gió lửa.

Tổ Thập nói: Kiếp ban đầu đất chưa thành, dùng thần lực khiến gió sáu phương thổi nước kết thành đất. Hoặc thấy người đi trong biển lúc thuyền muốn chìm, vì đó hóa làm đất, giúp cho được yên ổn. Đến chỗ cần nước, lửa, gió đều ứng theo chỗ cầu, hoặc hóa làm, hoặc dùng thân làm ra. Món ăn, thuốc men cũng như vậy.

Kinh: Trong kiếp có tật dịch

Hiện làm các cây thuốc.

Nếu người nào dùng uống

Bệnh trừ, các độc tiêu.

Tổ Thập nói: Hoặc giúp trừ bệnh, hoặc được thành tiên, nhân đó mà giáo hóa làm cho vào chánh đạo. Ở nước ngoài có cây thuốc kỳ diệu hoặc tựa hình người, hoặc tựa hình voi ngựa. Tựa hình voi ngựa, có người cưỡi lên liền bay lên không mà đi. Hoặc chỉ thấy nghe thuốc đó các bệnh liền tiêu.

Kinh: Trong kiếp có đói khát

Hiện làm đồ ăn uống

Trước cứu người đói khát

Sau giảng dạy chánh pháp.

Trong kiếp có đao binh

Vì đó khởi từ bi

Hóa độ chúng sanh ấy

Khiến trụ cảnh không tranh.

Tổ Thập nói: Sắp đến lúc tận thế, đao binh khởi. Đời sống con người còn mười tuổi. Đức Bà Tu Mật từ cung trời Đao Lợi giáng xuống, đầu thai trong gia đình vua làm vua. Có lời giáo hóa mọi người. Tổ tiên chúng ta mạng số rất lâu, sau giận dữ, oán thù không lòng lành, cho nên đoán thọ, vậy các người phải làm lành, mọi người vâng mệnh, ác tâm từ từ giảm đi. Từ đây về sau, sanh con sống đến hai mươi tuổi, như thế nối nhau đến thời kỳ của đức

Di Lặc là tám mươi bốn ngàn tuổi.

Kinh: Như có chiến trận lớn

Ở trong lực bình đẳng

Bồ tát hiện uy thế

Hàng phục để yên hòa.

Tổ Thập nói: Hai bên đang đối địch, giúp cho bên yếu, hai bên đã ngang nhau không có thắng bại, nhân đó mà hai bên lìa nhau yên ổn vậy.

Kinh: Trong tất cả cõi nước

Chỗ nào có địa ngục

Đi ngay đến nơi ấy

Cứu vớt người khổ não.

Trong tất cả quốc độ

Súc sanh ăn lẫn nhau

Đều hiện sanh nơi đó

Làm cho được lợi ích.

Tổ Thập nói: Thế giới thời cổ xưa, người không có lễ nghĩa, muốn giết hại người già cả. Khỉ, voi, chim chóc đến tôn kính người già cả làm cho người, thú tu thiện, tất cả cùng nhau hòa thuận, như trong Đại Trí Độ Luận nói.

Kinh: Thị hiện trong ngũ dục

Lại cũng hiện tu thiên

Khiến tâm ma rối loạn

Chẳng thể thừa dịp hại.

Sư Triệu nói: Muốn nói hành thiên, lại thọ ngũ dục. Muốn nói thọ ngũ dục hiện chứng thiên. Chẳng lường được biến hóa đó. Vì lẽ, quấy rối vậy.

Kinh: Hoa sen sanh trong lửa

Thật đáng gọi hiếm có

Tại dục mà tu thiên

Hiếm có cũng như thế.

Sư Triệu nói: Nếu chẳng phải chỗ yếu chỉ tĩnh loạn ngang bằng, ai có thể lưỡng toàn được.

Kinh: Hoặc hiện làm dân nữ

Dẫn dắt kẻ háo sắc

Trước lấy dục dụ người

Sau khiến vào trí Phật.

Hoặc làm chủ ấp làng

Hoặc làm thầy khách buôn

Quốc sư và đại thần

Đề lợi ích chúng sanh.
Các chỗ có kẻ nghèo
Hiện làm kho vô tận
Nhân đó khuyên dẫn người
Khiến phát Bồ đề tâm.
Kẻ kiêu căng ngã mạn
Hiện làm đại lực sĩ
Tiêu phục mọi công cao
Khiến trụ đạo vô thượng.

Sư Triệu nói: Tâm kiêu mạn tự cao, như đỉnh núi chẳng ngừng được nước. Bồ tát hiện làm lực sĩ hàng phục tâm tự cao đó, sau mới dùng nước pháp tưới nhuần.

Kinh: Như có kẻ sợ sệt

Đứng đầu mà an ủi
Trước thí pháp vô úy
Sau khiến phát đạo tâm.
Hoặc hiện là dâm dục
Làm vị tiên ngũ thông
Khai dẫn cho chúng sanh
Khiến nương giới nhẫn từ.

Tổ Thập nói: Đời không có bậc hiền thánh, chúng sanh hèn yếu, chẳng thể nhập pháp thâm sâu cho nên dùng giới nhân giáo hóa vậy.

Kinh: Thấy người cần hầu hạ

Hiện làm kẻ tôi tớ

Đã đẹp ý người kia

Bèn phát khởi đạo tâm.

Tùy theo việc cần dùng

Mà vào trong Phật đạo

Dùng sức phương tiện khéo

Cấp đầy đủ món cần.

Đạo không lường như thế

Chỗ hành không bờ bến

Trí huệ không ranh giới

Độ thoát vô số chúng.

Khiến cho tất cả Phật

Trong vô số ức kiếp

Khen ngợi công đức đó

Dường như không thể hết.

Ai nghe pháp như thế

**Chẳng phát Bồ đề tâm
Trừ những kẻ kém cõi
Ngu si không trí huệ.**

IX. PHẠM VÀO PHÁP MÔN CHẶNG HAI

Kinh: Bấy giờ ông Duy Ma Cật nói với các Bồ tát rằng: “Các Nhân giả! Sao là Bồ tát vào pháp môn chẳng hai? Các vị tùy thích mà nói.”

Tổ Thập nói: Hữu vô thay đổi xoay dùng, cái "thường" của Phật pháp, phạm trước có nói, nên đây nói cửa "không".

Lại nữa, từ lúc nhóm hội đến giờ chỉ có hai người đối đáp, còn ngoài ra đều im lặng, nay muốn mỗi vị hiển bày cái đức đó, cho nên hỏi khiến hết thảy nói ra.

Cũng nói rằng: Hoặc là tình chẳng giống nhau, phát ngộ có nhân, nên khiến mỗi vị nói ra chỗ ngộ, giải thích rộng ra cho đám đông chưa hiểu biết. Đại phạm hội thành công là ở chỗ nói rõ cái tông yếu, vì lẽ đó chung cuộc mới mỹ mãn.

Giờ pháp tòa sắp tan, muốn nghiệm xét cái đến sâu xa đó nên nói rộng pháp chẳng hai, đó mới tột tận chỗ nhiệm màu vậy.

Hỏi rằng: Cũng có ba bốn cho đến vô lượng pháp môn mà sao chỉ nói chẳng hai?

Đáp rằng: Hai việc nhỏ nên làm lạc còn cạn mỏng, các cửa khác việc rộng lớn nên ràng buộc sâu xa. Hai cái trên phá được thì những cái còn lại có thể biết vậy.

Lại nữa, muôn pháp sanh ra đều từ duyên khởi. Duyên khởi sanh pháp nhiều ít chẳng đồng, chỗ cực kỳ cần yếu ấy là theo hai

duyên, chưa từng nghe chỗ có một duyên sanh ra vậy. Như thế, chỗ có duyên khởi, tột cùng nơi hai pháp, hai pháp đã bỏ liền vào huyền cảnh.

Cũng nói rằng: Hai pháp môn thâm tóm tắt cả pháp môn. Như sao chẳng phá cái một?

Đáp rằng: Nếu gọi là số ất chẳng phải "cái một", nếu xem "cái một" là một thì cũng chưa lìa "cái hai". Bỏ "cái hai" thì "một" này liền hết.

Lại nữa, còn "cái một" vô tướng, mượn gọi tên là "thật không". Chỗ thật không ất thể và tướng tuyệt dứt, cho nên thẳng tay vứt bỏ liền tự không vậy.

Sư Triệu nói: Từ đầu kinh đến giờ, chỗ nói rõ tuy có khác, nhưng đều là đạo Đại thừa vô tướng. Đạo vô tướng ấy tức là pháp môn bất khả tư nghị giải thoát vậy.

Pháp bất khả tư nghị giải thoát tức là cái nghĩa độc nhất của pháp chẳng hai. Cái này chính là chỗ ngài Tịnh Danh hiện bày tật bệnh, tạo nên chỗ ngài Văn Thù lập ý thăm hỏi tật bệnh.

Phàm đạo Thánh thành thì chẳng gì là chẳng do theo đó, cho nên "sự" là môi của đoạn này. Đàm luận là lời nói đầu tiên nghiệm xét chỗ quay về "một" mà xong vậy thôi!

Nhưng học giả khai tâm có chôn, nên thọ tu tập chẳng đồng. Hoặc quán sanh diệt để trở về cội gốc. Hoặc vượt hữu vô đạt cái "thể chân". Hoặc tìm tội phước mà được cái một. Hoặc xét thân

khẩu mà biết sâu chỗ yên lặng. Đường đó tuy khác chỗ hội chẳng khác. Chẳng khác cho nên giữ chỗ giống nhau của mọi người, nhân đó chứng cái ý chỉ lớn lao bộ kinh này vậy.

Kinh: Trong pháp hội có Bồ tát tên là Pháp Tự Tại nói rằng: “Các Nhân giả! Sanh diệt là hai, pháp vốn không sanh nay ắt không diệt. Được vô sanh pháp nhãn ấy chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Diệt ấy là diệt cái sanh. Nếu ngộ vô sanh thì diệt có chỗ nào diệt đâu, đó tức là vô sanh pháp nhãn.

Đây là Bồ tát nhân quán sanh diệt ngộ đạo, cho nên nói chỗ mình giải thoát là pháp môn chẳng hai, sau này đều giống vậy. Vạn pháp vân vân... lìa “Chân” đều gọi là hai, cho nên dùng cái chẳng hai làm chỗ nói.

Kinh: Bồ tát Đức Thủ nói: “Ta (ngã), cái của ta (ngã sở). Vì có “ta” cho nên liền có “cái của ta”. Nếu không có ta liền không có “cái của ta”, đó chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Cái Diệu chủ (chủ trong thân tục gọi là hồn) thường còn, cái ta vậy. Cái thân và muôn vật là chỗ có của ta. Ngã sở là chỗ có của ta. Pháp đã vô ngã thì ai có vậy?

Kinh: Bồ tát Bất Thuần nói:

Tổ Thập nói: Bất Thuần có ba nghĩa: Một là y như trời. Hai là ái kính Phật thân nhìn chẳng nháy mắt. Ba là tâm không bị việc trần tục che lấp, huệ nhãn thường mở.

Kinh: “Thọ, không thọ là hai.

Tổ Thập nói: Thọ (lãnh nhận), không thọ là giữ tướng mà chẳng giữ tướng vậy. Cũng có ngũ âm lậu gọi là thọ. Vô lậu gọi là không thọ. Cũng nói rằng: Tâm thọ, tâm không thọ như bộ A-Tỳ-Đàm nói về tâm.

Kinh: “Nếu các pháp không thọ thì không thể đắc, vì không thể đắc nên không lấy.

Tổ Thập nói: Bỏ "thọ" vậy.

Kinh: “Không bỏ.

Tổ Thập nói: Bỏ "không thọ" vậy.

Kinh: “Không gây ra.

Tổ Thập nói: Là nói chẳng trở lại thọ cái nghiệp chúng sanh vậy.

Kinh: “Không hành.

Tổ Thập nói: Tâm "hành" diệt dứt vậy.

Kinh: “Đó chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Có tâm ắt có chỗ thọ, có chỗ thọ liền có chỗ "không thọ". Đó là hai. Nếu ngộ pháp vốn không, thì cả hai đều không thọ, ắt chẳng "đắc" chẳng "hành", đó là pháp chẳng hai vậy.

Kinh: Bồ tát Đức Đảnh nói: “Nhơ, sạch, là hai. Thấy được thật tánh của nhơ liền không có tướng sạch. Thuận theo diệt tướng chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Như rửa vật nhơ, hết nhơ mới sạch, sạch hết, hết ắt không có cái sạch vậy.

Sư Triệu nói: Sạch sanh nơi nhơ, thật tánh vốn không nhơ thì sạch nơi chỗ sạch nào?

Kinh: Bồ tát Thiện Túc nói: “Động, niệm là hai. Không động thời không niệm. Không niệm liền không phân biệt. Thông suốt lý ấy là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Tâm mê hoặc hơi khởi gọi là động. Giữ tướng vướng mắc sâu gọi là niệm. Trước sau là hai vậy.

Kinh: Bồ tát Thiện Nhân nói: “Một tướng, vô tướng là hai. Nếu biết một tướng tức là vô tướng, cũng chẳng giữ vô tướng, vào bình đẳng chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Nói cái một để bỏ cái hai, chẳng phải nói một vậy. Nói cái không để bỏ cái có, chẳng phải nói không vậy. Nhưng hoặc có kẻ nghe một liền giữ tướng một, nghe không liền giữ tướng không, cho nên mới có hai cái đó.

Kinh: Bồ tát Diệu Tý nói: “Tâm Bồ tát, tâm Thanh văn là hai. Quán tướng của tâm vốn không, như huyễn hóa, thời không có tâm Bồ tát tâm Thanh văn, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Dùng thí (cho) để báo đáp cho nên tay có thể xuất ra không hết vật báu, như năm sông chảy, cho nên gọi là Diệu-Tý (tay màu diệu).

Kinh: Bồ tát Phát Sa nói:

Tổ Thập nói: Trong Nhị Thập Bát Tú là tên của sao quý. Sanh ra gặp sao đó, nhân đó dùng làm tên gọi.

Kinh: “Thiện, chẳng thiện là hai. Nếu không khởi thiện, chẳng thiện, vào vô tướng tế mà thông suốt, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Tất cả tâm thiện hữu lậu, đến cái thiện về thân, khẩu nghiệp vô lậu đến Niết bàn đều gọi là thiện. Tất cả phiền não gây bởi nghiệp thân, khẩu gọi là chẳng thiện.

Kinh: Bồ tát Sư Tử nói: “Tội phước là hai.

Tổ Thập nói: Phiền não trong ba cõi, phiền não tương ứng và phiền não gây ra do nghiệp thân khẩu đều gọi là tội. Tất cả thiện hữu lậu đều gọi là phước.

Kinh: “Nếu thông suốt tánh của tội thì tội cùng phước chẳng khác. Dùng kim cương huệ dứt lìa tướng ấy, không buộc, không mở chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Kim Cương trấn trong lòng đất phía dưới đến tận mặt đất, rồi mới ngừng. Thật tướng huệ phải thấu tận pháp tánh sau mới ngừng vậy.

Kinh: Bồ tát Sư Tử Ý nói:

Tổ Thập nói: Sư tử qua sông, nước lặn mới lội thẳng qua, quanh co thì chẳng vượt qua. Đây là bậc Đại sĩ dùng thật trí huệ vào sâu các pháp vượt qua bờ kia cho nên mượn để gọi tên.

Kinh: “Hữu lậu vô lậu là hai. Nếu được các pháp bình đẳng thì chẳng khởi tướng hữu lậu vô lậu. Chẳng chấp có tướng, chẳng trụ vô tướng, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Bồ tát Tịnh Giải nói: “Hữu vi vô vi là hai, nếu thường là tất cả thì tâm như hư không, dùng huệ thanh tịnh không ngại chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Bồ tát Na La Diên nói: “Thế gian xuất thế gian là hai.

Tổ Thập nói: Thế gian là ba cõi. Xuất thế gian là tất cả pháp đạo phạm vô lậu hữu vi vậy.

Kinh: “Thế gian tánh không, bèn là xuất thế gian trong đó chẳng vào chẳng ra.

Tổ Thập nói: Nghĩa xuất (ra) sanh nơi nhập (vào). Chẳng vào sanh tử cho nên chẳng xuất thế gian.

Kinh: “Chẳng đầy.

Tổ Thập nói: Phạm bản nói là tiền bộ.

Kinh: “Chẳng vui, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Phạm có vào ắt có ra, có ra ắt có đầy tràn. Có đầy ắt có vui. Việc này trong đời thường có luôn.

Kinh: Bồ tát Thiện Ý nói: “Sanh tử Niết bàn là hai. Nếu thấy tánh sanh tử thì chẳng có sanh tử, chẳng buộc, chẳng mở, chẳng chày, chẳng diệt. Thấu nhập như thế chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Trên nói vô vi là tam vô vi vậy. Bây giờ nói rõ rốt ráo Niết bàn vậy.

Sư Triệu nói: Buộc, chày là tên riêng của sanh tử. Mở diệt là tên khác của Niết bàn.

Kinh: Bồ tát Hiện Kiến nói: “Tận, không tận là hai. Pháp rốt ráo dù tận hay không tận đều là tướng vô tận. Tướng vô tận tức là không. Không thì chẳng có tướng tận hay tướng không tận. Thấu nhập như thế chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Vô thường là cái cửa mới vào của không. Pháp pháp tận gọi là không tận. Nếu một niệm chẳng sanh, chẳng có sanh thì sanh tận, sanh tận ắt rốt ráo không, đó gọi tận.

Sư Triệu nói: Pháp hữu vi là pháp hư giả, vô thường cho nên gọi là tận. Thật tướng của pháp vô vi là thường trụ cho nên chẳng tận. Nếu lấy tận làm tận, lấy không tận làm không tận thì đều là hai pháp. Như có thể ngộ cái tận, không tận đều là tướng vô tận ắt thấu nhập cái một không, chẳng hai pháp vậy.

Kinh: Bồ tát Phổ Thủ nói: “Ngã, vô ngã là hai. “Ngã” còn chẳng thể đắc thời cái “chẳng phải ngã” làm sao có thể đắc. Thấy thật tánh của ngã ấy, chẳng còn khởi hai tướng, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Vô ngã sanh ra từ ngã, thấy thật tánh của ngã, ngã vốn tự không, huống chi cái phi ngã.

Kinh: Bồ tát Điện Thiên nói: “Minh, vô minh là hai. Thật tánh của vô minh tức là minh. Minh cũng chẳng thể nắm giữ. Nếu thường là tất cả, ở trong đó bình đẳng chẳng hai, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Minh là huệ minh. Vô minh là si mê, mờ tối. Thấy tánh của vô minh tức là thật minh. Nếu thấy minh là minh, đó tức là vô minh cho nên chẳng có thể nắm giữ vậy.

Kinh: Bồ tát Hỷ Kiến nói: “Sắc, sắc không là hai. Sắc tức là không chẳng phải sắc diệt rồi mới không. Tánh sắc tự không, thọ, tưởng, hành, thức cũng thế. Thức, không là hai. Thức tức là không, chẳng phải thức diệt rồi mới không, vì tánh thức tự không, thông suốt lý đó chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Sắc tức là không, chẳng đợi sắc diệt rồi mới là không. Vì thấy sắc khác với không nên ắt có cái hai sanh nơi pháp tướng.

Kinh: Bồ tát Minh Tướng nói: “Bốn chủng, không chủng khác nhau là hai. Tánh bốn chủng tức là tánh không chủng. Như lớp trước, lớp sau không thời lớp giữa cũng không. Nếu có thể như thế hiểu biết thật tánh các chủng chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Trong pháp của ngoại đạo có năm đại. Trong Phật pháp có bốn đại. Bốn chủng đó trong tác pháp (pháp làm ra) rất lớn. Cho nên gọi là lớn.

Sư Triệu nói: Tứ chủng là tứ đại vậy. Không chủng là không đại vậy. Đó là năm. Chúng sanh do đó sanh ra nên gọi chủng (giống, hột giống). Nhưng tánh của tứ đại không có trước, sau, giữa chẳng khác gì không đại.

Kinh: Bồ tát Diệu Ý nói: “Con mắt, sắc trần là hai nếu biết tánh mắt nơi sắc chẳng tham, chẳng sân, chẳng si bèn là tịch diệt. Như thế, tai với tiếng, mũi với hương, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp là hai. Nếu biết tánh của ý; nơi pháp chẳng tham, chẳng sân, chẳng si bèn là tịch diệt. An trụ trong đó, là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Còn nơi tình trần, cho nên tam độc nhân đó sanh ra. Nếu ngộ tánh của lục tình (sáu căn) ắt nơi lục trần chẳng khởi tam độc. Đó là đạo tịch diệt vậy.

Kinh: Bồ tát Vô Tận Ý nói: “Bồ thí, hồi hướng nhất thiết trí là hai. Tánh của bồ thí tức là tánh của hồi hướng nhất thiết trí. Như thế, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, hồi hướng nhất thiết trí cũng là hai. Tánh của trí huệ tức là tánh của hồi hướng nhất thiết trí. Nơi trong đó vào nhất tướng ấy, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Dùng pháp lục độ làm cái nhân màu diệu. Hồi hướng nhất thiết trí ấy là hai pháp vậy. Nếu ngộ nhân quả tánh đồng nhau, thấu nhập nhất tướng, liền ứng với chẳng hai.

Kinh: Bồ tát Thâm Tuệ nói: “Không, vô tướng, vô tác là hai. Không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác. Như không, vô

tướng, vô tác, liền không tâm, ý, thức. Nơi một pháp giải thoát tức là ba pháp giải thoát. Đó chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Ba chỗ hành tuy khác nhau, nhưng đều là pháp vô duyên giải thoát. Cho nên không có tâm, ý, thức vậy. Vô duyên đã đồng thì ba pháp giải thoát cũng chẳng khác.

Kinh: Bồ tát Tịch Căn nói: “Phật, pháp và chúng là hai.

Sư Sanh nói: Có tướng ắt có đối, có đối ắt là hai. Chẳng can hệ đến một và hai vậy.

Kinh: “Phật tức là pháp.

Sư Sanh nói: Vì thể pháp là Phật. Chẳng thể lìa pháp mà có Phật. Nếu chẳng lìa pháp mà có Phật thì Phật chính là pháp vậy. Như vậy Phật cũng là pháp đó thôi.

Kinh: “Pháp tức là chúng.

Sư Sanh nói: Thể pháp cũng là chúng (Tăng).

Kinh: “Tam Bảo đều là tướng vô vi, cũng như hư không. Tất cả pháp cũng vậy. Hay tùy theo hạnh ấy, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Chân trí vô tướng là Phật bảo. Cái thật tướng vô vi là Pháp bảo. Tu hành theo đạo vô vi là Tăng bảo. Tam Bảo tuy khác nhưng đều là vô vi tướng.

Kinh: Bồ tát Tâm Vô Ngại nói: “Thân, thân diệt là hai.

Tổ Thập nói: Thân là thọ ngũ âm vậy. Thân diệt là niết bàn.

Kinh: “Thân tức là thân diệt. Vì sao? Thấy thật tướng của thân, chẳng khởi kiến thân và kiến thân diệt, thân và thân diệt chẳng hai, chẳng phân biệt. Nơi trong đó chẳng kinh chẳng sợ. Chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Lúc các pháp sanh thời không sanh. Lúc diệt thời không diệt. Thân còn, thân mất cũng chẳng khác thì sao có sự kinh sợ về việc trong đó ư?

Kinh: Bồ tát Thượng Thiện nói: “Thân, khẩu, ý nghiệp là hai. Ba nghiệp đó đều là tướng vô tác. Tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của khẩu. Tướng vô tác của khẩu tức là tướng vô tác của ý. Tướng vô tác của ba nghiệp này tức là tướng vô tác của tất cả các pháp. Có thể như thế, tùy theo huệ vô tác ấy, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Ba nghiệp tuy khác nhưng một lẽ vô tác vậy. Chỗ sanh của các pháp vốn nơi ba nghiệp. Ba nghiệp đã không, cái gì tạo tác các pháp.

Kinh: Bồ tát Phước Điền nói: “Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh là hai. Thật tánh của ba hạnh là không. Không thời không phước hạnh, không tội hạnh, không bất động hạnh. Nơi ba hạnh này mà chẳng khởi, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Phước là thiện hạnh ở Dục giới. Tội là mười đường dữ. Bất động là hạnh của cõi sắc và vô sắc vậy.

Kinh: Bồ tát Hoa Nghiêm nói: “Do ngã mà khởi nhị nguyên là hai. Thấy được thật tướng của ngã thì chẳng khởi hai pháp. Nếu chẳng trụ hai pháp tất không có thức. Không có thức ấy chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Nhân ta cho nên có người. Hai tên sanh ra từ đó. Như thấy thật tướng của ngã ắt cái thức ta người không do đâu mà khởi ra.

Kinh: Bồ tát Đức Tạng nói: “Có tướng sở đắc là hai. Như không có sở đắc ắt không có giữ, bỏ. Không giữ bỏ ấy, chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Đắc (được) là ở nơi ta. Tướng là cái bên kia. Ta chẳng có cái tướng đắc thì ai giữ, ai bỏ.

Kinh: Bồ tát Nguyệt Thượng nói: “Tối và sáng là hai. Không tối, không sáng thời không có hai. Vì sao? Như vào định diệt thọ tưởng không có tối, không có sáng. Tất cả pháp tướng cũng như thế. Bình đẳng vào nơi ấy chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Tổ Thập nói: Yếu chỉ nơi đây là dứt tuyệt cái biết soi chiếu. Không có sáng, tối vậy.

Sư Triệu nói: Bạc nhị thừa vào diệt tận định. Sáu căn bỏ hết. Tâm tướng dứt hết. Tuy trải qua ngày đêm mà chẳng biết cái khác của tối sáng. Bạc Bồ tát vô tâm nơi sáng tối đó thôi.

Kinh: Bồ tát Bảo Ấn Thủ nói: “Ưa Niết bàn, không ưa thế

gian là hai. Nếu chẳng ưa Niết bàn chẳng chán thế gian thì chẳng có hai. Vì sao? Nếu có buộc ắt có mở. Nếu gốc không buộc thì ai cầu mở. Không buộc không mở ắt không ưa không chán. Đó chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Thế gian không buộc, sao mà chán? Niết bàn không mở sao mà ưa?

Kinh: Bồ tát Châu Đỉnh Vương nói: “Chánh đạo, tà đạo là hai. Trụ nơi chánh đạo thì không phân biệt thế nào là tà, thế nào là chánh. Lìa hai cái ấy chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Bồ tát Nhạc Thật nói: “Thật, chẳng thật là hai. Thật thấy ấy chẳng còn thấy thật, hướng chi chẳng thật. Vì sao? Không phải chỗ thấy của nhục nhãn. Huệ nhãn mới thấy. Huệ nhãn đó chẳng thấy mà không gì chẳng thấy. Đó chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Thật tướng là cảnh của huệ nhãn, không phải chỗ thấy của nhục nhãn. Huệ nhãn còn chẳng thấy thật hướng chi chẳng thật. Tuy nói là chẳng thấy mà không chỗ nào chẳng thấy. Đó là cái thể của chân huệ nhãn.

Kinh: Như thế, các vị Bồ tát mỗi mỗi đều nói xong. Bèn hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: “Thế nào là Bồ tát vào pháp môn chẳng hai? Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Như ý tôi, nơi tất cả pháp chẳng lời lẽ, chẳng nói, chẳng chỉ bày, chẳng phân biệt, lìa mọi vấn đáp. Chính là vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Sanh nói: Các Bồ tát mỗi vị trước đã nói nghĩa chẳng hai.

Tựa như có cái chẳng hai có thể nói được. Nếu có cái chẳng hai có thể nói được ấy, tức lại còn cái đối với một là chẳng hai vậy. Vì vậy ngài Văn Thù nói rõ ra chỗ không thể nói mới là chẳng hai vậy.

Kinh: Lúc ấy ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Chúng tôi ai ai cũng nói rồi; nhân giả nên nói thế nào là Bồ tát vào pháp môn chẳng hai?” Ông Duy Ma Cật im lặng không nói.

Sư Sanh nói: Ngài Văn Thù tuy rõ ra chỗ chẳng thể nói. Nhưng chưa rõ ra chỗ nói là chẳng nói vậy. Do đó ông Duy Ma Cật im lặng không nói, để biểu thị cái lời về đó chẳng thật. Lời nói nếu là thật, đâu thể im lặng ư!

Sư Triệu nói: Có lời lẽ về nơi không lời lẽ. Chưa phải như không lời lẽ tại nơi không lời lẽ. Do đó im lặng vậy.

Phân trên các Bồ tát hiển bày lời lẽ về pháp tướng. Ngài Văn-Thù có lời lẽ ở chỗ không lời lẽ. Ông Tịnh Danh không lời lẽ tại nơi không lời lẽ. Ba lẽ đó bày tỏ cái yếu lý tuy đồng, nhưng cái dấu tích có cạn sâu. Vì lời nói ở sau chỗ không lời lẽ. Biết thì ở sau chỗ không biết Tin vậy thôi!

Tổ Thập nói: Sau khi đức Phật nhập tịch sáu trăm năm. Có một người sáu mươi tuổi mới xuất gia, chưa bao lâu, tụng hết ba tạng kinh. Sau đó làm ra ba tạng luận nghĩa. Làm luận xong, nghĩ ngợi rồi nói: Trong Phật pháp còn có cái việc này sao? Chỉ có pháp thiên định, ta đang hành. Đối với việc thọ thiên pháp đó, tự phát

thệ nguyện: Nếu không đắc đạo, không đủ tất cả công đức thiên định; trọn đời chẳng ngừng nghỉ, hông chẳng chạm đất. Nhân đó có danh là Hiếp Tỳ kheo. Ít lâu đắc thành A la hán, đủ tam minh lục thông, có tài hùng kiện, khéo hay luận nghĩa.

Có ngoại đạo sư tên là Mã Minh, trí huệ lanh lợi, tất cả kinh thư, đều biết chu đáo, cũng có tài hùng biện. Có thể phá các luận nghĩa. Nghe danh Hiếp Tỳ kheo, bèn đem các đệ tử sang, xưng lên rằng: Tất cả luận nghĩa đều phá được. Nếu ta chẳng phá được lời luận của người thì chịu cắt đầu.

Ông Hiếp Tỳ kheo nghe lời đó, im lặng chẳng nói. Ông Mã-Minh liền sanh lòng kiêu mạn. Cho rằng người đó chỉ có hư danh, thật không biết gì, cùng đám đệ tử bỏ ra. Quay về giữa đường suy nghĩ kỹ. Nói với đám học trò: Người đó có trí huệ rất sâu xa, ta thua rồi. Học trò lạ lòng hỏi rằng: Vì sao? Đáp rằng: Tất cả ngôn ngữ đều có thể phá được nên ta nói tức là tự phá lấy ta. Người kia không nói thì không có chỗ phá. Liền quay lại đến chỗ ấy, nói với Hiếp Tỳ kheo rằng: Tôi chịu thua vì thật là ngu si, cái đầu ngu si này không phải chỗ cần của tôi; ông chặt đi. Nếu không chặt, tôi phải tự chặt.

Ông Hiếp Tỳ kheo nói: Chẳng chặt cái đầu của ông, chỉ chặt búi tóc của ông thôi. Việc đó ở thế gian chẳng khác gì chết vậy.

Ông Mã Minh liền xuống tóc làm học trò Hiếp Tỳ kheo, trí huệ biện tài thế gian chẳng bì kịp, làm rộng thêm kinh luận, hoàng hóa Phật pháp. Người đương thời gọi là Phật thứ hai.

Phàm lặng lẽ, tiếng lời tuy khác nhưng tỏ rõ cốt yếu chỉ có một vậy. Chỗ cùng hiểu tuy có một nhưng dấu tích có tinh thô. Có lời lẽ ở chỗ không lời lẽ, chưa bằng chỗ không lời lẽ nơi chỗ không lời lẽ. Cho nên chỗ im lặng ấy mới là diệu tuyệt của luận vậy.

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Đến chỗ không có chữ nghĩa lời lẽ, đó mới thật thấu vào pháp môn chẳng hai.”

Sư Triệu nói: Hiểu ngầm ấy, người đó là ngài Văn Thù, vì chờ đợi thốt lời nên khen hay vậy.

Kinh: Khi nói Phẩm Vào Pháp Môn Chẳng Hai này trong chúng có năm ngàn vị Bồ tát thấu vào pháp môn chẳng hai, đắc vô sanh pháp nhẫn.

X. PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH

Kinh: Bảy giờ ngài Xá Lợi Phất tâm khởi niệm: “Giờ ăn sắp đến. Các vị Bồ tát đây sẽ ăn nơi đâu?”

Tổ Thập nói: Ngài Xá Lợi Phất riêng khởi niệm ấy, yếu chỉ có ba: Một là cái thân kết nghiệp chưa có thể không có hưởng thực. Hai là mất hẳn cái ý Đại thừa, vui nơi pháp chẳng thâm sâu. Ba là suy mình có đợi chờ, cho là chúng cũng vậy. Lại ở vào hàng trên trước của chúng đệ tử nên vì chúng mà nghĩ đến sự cung cấp.

Sư Sanh nói: Chẳng nhớ đến chúng đệ tử đâu. Vì tự có cái pháp khát thực đó thôi.

Kinh: Ông Duy Ma Cật biết ý đó nên nói rằng: “Phật nói tám pháp giải thoát. Nhân giả thọ hành. Há nên xen cái ý ăn mà nghe pháp ư?”

Sư Triệu nói: Phật nói tám pháp giải thoát. Đó mới là miếng ngon mà chẳng ham muốn, món ăn thượng hạng nuôi dưỡng pháp thân. Nhân giả nhân thọ gọi là chẳng cầu nhiều. Nhưng sao lại xen lẫn cái tưởng món ăn vào lòng muốn nghe pháp. Đó đâu phải là nguyên do đưa đến cái lòng tìm cầu?.

Kinh: “Nếu có ý ăn, hãy đợi giây lát, tôi sẽ khiến Ngài được bữa ăn chưa từng có.” Ông Duy Ma Cật liền vào tam muội, dùng sức thần thông hiện bày cho đại chúng thấy rõ cảnh giới phương trên. Qua bốn mươi hai hăng hà sa cõi Phật.

Có cối tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích nay vẫn hiện tại. Mùi hương ở cối ấy so với mùi hương của trời, người khắp mười phương cối Phật thì hơn hết. Cối ấy không có tên Thanh văn, Bích chi Phật. Chỉ có chúng đại Bồ tát thanh tịnh, được Phật thuyết pháp. Cối ấy tất cả đều lấy mùi hương làm lâu các. Đi khắp cối hương ấy, vườn tược đều có mùi thơm. Hơi thơm của món ăn bay khắp mười phương vô lượng thế giới.

Lúc ấy Phật Hương Tích cùng các Bồ tát đang ngồi ăn, có các vị thiên tử đồng hiệu là Hương Nghiêm đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác cúng dường Phật và các Bồ tát. Cảnh ấy, đại chúng không ai chẳng thấy rõ tận mắt. Khi ấy ông Duy Ma Cật hỏi các Bồ tát rằng: “Các Nhân giả, vị nào có thể đến thỉnh cơm của Phật kia được?” Do sức oai thần của ngài Văn Thù Sư Lợi cho nên tất cả đều im lặng.

Sư Triệu nói: Ngài Văn Thù sắp hiển cái đức của ông Tịnh-Danh cho nên dùng thần lực khiến đại chúng trong hội im lặng vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật nói: “Các Nhân giả, đại chúng đây, không có chi phải thẹn”. Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Nhu lời Phật dạy, chớ khinh người chưa học”. Khi ấy ông Duy-Ma-Cật chẳng rời khỏi chỗ ngồi, ở trước đại chúng đang hội, hóa ra một vị Bồ tát tướng tốt rực rỡ, oai đức thù thắng, hơn hết cả đại chúng; rồi nói với vị hóa Bồ tát đó rằng: “Ông hãy qua thế giới phương trên, khỏi bốn mươi hai hằng hà sa

cõi Phật, có cõi tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương-Tích đang cùng các vị Bồ tát ngồi ăn. Ông qua đó y lời tôi thưa rằng: Con Duy Ma Cật xin cúi đầu dưới chân Thế-Tôn, cung kính không cùng, thăm hỏi Thế Tôn hằng ngày an lành ít bệnh, ít nã. Khí lực yên ổn chẳng? Mong được chỗ cơm thừa của Thế Tôn mang về cõi Ta Bà làm Phật sự khiến cho những người ưa pháp nhỏ được mở rộng nơi pháp lớn. Cũng làm cho danh tiếng của Như Lai được nghe khắp cả.”

Khi ấy, vị hóa Bồ tát liền ở trước hội bay lên cõi trên. Đại chúng đều thấy vị đó bay đi đến cõi Chúng Hương, lễ dưới chân Phật kia. Và nghe tiếng thưa rằng: “Duy Ma Cật xin cúi đầu dưới chân Thế Tôn, cung kính không cùng, thăm hỏi Thế-Tôn hằng ngày an lành ít bệnh, ít nã. Khí lực yên ổn chẳng? Mong được chỗ cơm thừa của Thế Tôn mang về cõi Ta-Bà làm Phật sự khiến cho những người ưa pháp nhỏ được mở rộng nơi pháp lớn. Cũng làm cho danh tiếng của Như Lai được nghe khắp cả.” Các vị Đại sĩ nước Chúng Hương thấy vị hóa Bồ tát đều ngợi khen chưa từng có và nghĩ rằng: “Bậc thượng nhân này từ đâu đến? Cõi Ta Bà ở đâu? Sao gọi là người ưa pháp nhỏ.” Liền đem việc ấy hỏi Phật.

Sư Triệu nói: Các vị Đại sĩ kia đều đắc thần thông nhưng chẳng có thể thường hiện trước mặt. Lại nữa cõi này thuần một pháp Đại thừa, không có nghe cái tên ưa pháp nhỏ. Cho nên sanh câu hỏi này vậy.

Kinh: Phật dạy rằng: “Phương dưới, qua bốn mươi hai

hằng hà sa cõi Phật, có thể giới tên là Ta Bà, đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, nay hiện ở đời ngũ trược ác thế. Vì những chúng sanh ưa pháp nhỏ mà diễn bày lý đạo. Cõi đó có Bồ tát tên là Duy Ma Cật trụ nơi pháp bất khả tư nghị giải thoát nói pháp cho các vị Bồ tát. Cho nên sai vị hóa Bồ tát này đến, xưng dương danh hiệu ta và khen ngợi cõi này để làm cho các vị Bồ-tát kia tăng ích công đức.” Các Bồ tát nước Chúng Hương nói rằng: “Vị đó như thế nào mà biến hiện ra vị hóa Bồ tát có đức lực chẳng sợ hãi, thần thông đầy đủ như thế này? Phật nói: “Vị đó thật lớn. Ông thường sai hóa Bồ tát đi khắp mười phương làm Phật sự, lợi ích cho chúng sanh.”

Khi đó Hương Tích Như Lai lấy bát đựng đầy cơm của cõi Chúng Hương trao cho hóa Bồ tát. Bảy giờ chín trăm vạn Bồ-tát ở cõi Chúng Hương đều thưa rằng: “Chúng con muốn đến cõi Ta Bà để cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni, ra mắt ông Duy Ma Cật và các hàng Bồ tát.” Phật nói: “Nên đi, nhưng các ông phải thu hương nơi thân lại, chớ để cho chúng sanh cõi kia sanh tâm vướng mắc. Và phải bỏ hình thể cũ đi, chớ để cho những người cầu đạo Bồ tát ở cõi kia phải tự hổ thẹn. Lại nữa các ông đến cõi đó chớ đem lòng khinh chê mà có tướng làm ngăn ngại, Vì sao? Vì mười phương quốc độ đều như hư không, chư Phật vì muốn hóa độ những người ưa pháp nhỏ, cho nên không hiện ra hết cõi thanh tịnh.”

Lúc ấy hóa Bồ tát đã nhận bát cơm rồi. Cùng với chín trăm vạn Bồ tát đều thưa oai thần của Phật và thần lực của

ông Duy Ma Cật, đang ở nơi thế giới kia bỗng nhiên biến mất, trong khoảnh khắc đến nhà ông Duy Ma Cật. Khi ấy ông Duy Ma Cật liền hóa ra chín trăm vạn tòa sư tử trang nghiêm tốt đẹp như trước. Các Bồ tát đều lên ngồi trên ấy. Vị hóa Bồ tát liền mang cái bát đựng đầy cơm thơm dâng lên ông Duy-Ma-Cật. Mùi thơm của cơm xông khắp thành Tỳ Da Ly và tam thiên đại thiên thế giới. Lúc đó, trong thành Tỳ Da Ly các hạng bà la môn, cư sĩ nghe mùi hương này, thân ý tự nhiên sung sướng ngợi khen chưa từng có. Liền ấy trưởng giả chủ Nguyệt Cái, có theo tám vạn bốn ngàn người đi đến vào nhà ông Duy Ma Cật.

Tổ Thập nói: Nước đó không có vua, chỉ có năm trăm cư sĩ cùng nhau giữ luật nước, đây nói tiếng chủ là do dân chúng đề cử vậy.

Sư Triệu nói: Nước Tỳ Da Ly không có vua chúa, chỉ có năm trăm vị trưởng giả cùng sửa trị việc nước. Ông Nguyệt Cái do công chúng tôn trọng đề ra, cho nên gọi là chủ. Từ đây về sau đều nghe hơi thơm mà tụ tập lại vậy.

Kinh: Thấy trong nhà các Bồ tát rất đông và các tòa sư tử cao rộng trang nghiêm tốt đẹp. Thấy đều vui mừng làm lễ các Bồ tát và đại đệ tử rồi đứng qua một bên. Các vị thần ở đất, thần ở hư không và các vị trời ở cõi dục, cõi sắc nghe mùi thơm này đều đến nhà ông Duy Ma Cật. Khi ấy, ông Duy-Ma-Cật nói với ông Xá Lợi Phất và các vị Đại Thanh văn rằng: “Các Nhân giả, Có thể dùng cơm vị cam lồ của Như Lai.

Tổ Thập nói: Vì niệm hương về chỗ đó, cho nên lấy ăn mà dạy vậy. Cũng muốn nhân đó chỉ rõ cái lý của việc ăn. Niết bàn là một pháp cam lồ. Kẻ ăn món này thì nhân đó mà được. Cho nên trong cơm có vị cam lồ vậy.

Kinh: “Do đại bi huân tập.

Tổ Thập nói: Huân có ba nghĩa: Một là quả báo đại bi. Hai là mong nhớ tâm bi. Ba là dùng mắt từ bi mà nhìn.

Kinh: “Chớ dùng ý có hạn lượng mà ăn, thì không tiêu được vậy.”

Tổ Thập nói: Ăn cơm đó, nên phát tâm lớn lao, xây dựng nghiệp lớn; mới thật là báo ân. Báo ân mới tiêu vậy.

Kinh: Có vị Thanh văn khác nghĩ rằng: “Cơm này ít lắm mà đại chúng người nào cũng phải ăn!” Hóa Bồ tát nói: “Chớ lấy đức nhỏ, trí cạn của Thanh văn mà so lường vô lượng phước huệ của Như Lai. Bốn bể có khô cạn, cơm này vô tận. Dầu cho tất cả mọi người ăn vắt cơm lớn như núi Tu Di; trong trọn một kiếp cũng không hết được. Vì sao? Vì là món ăn dư của đấng đầy đủ công đức, vô tận giới, định, huệ giải thoát, giải thoát tri kiến nên không bao giờ hết được.”

Khi ấy với bát cơm đó tất cả chúng hội đều no, mà cơm dường như không hết. Các Bồ tát, Thanh văn, trời, người ăn đó rồi thân thể nhẹ nhàng vui vẻ. Ví như Bồ tát ở cõi Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm. Lại nữa các lỗ chân lông thoáng ra mùi hương huyền diệu cũng như mùi hương các cây ở cõi

nước Chúng Hương. Bấy giờ ông Duy Ma Cật hỏi các vị Bồ tát ở nước Chúng Hương rằng: “Đức Như Lai Hương Tích lấy chi để thuyết pháp?” Các Bồ tát kia nói: “Đức Như Lai ở cõi tôi, không dùng văn tự để nói, chỉ dùng các mùi hương khiến cho các trời, người được vào luật hạnh.

Sư Triệu nói: Đất nước đó không phải trọn không có lời lẽ. Nhưng chỉ dùng hương thơm làm gốc thông hiểu đạo cũng như cõi này nhân lời lẽ mà thông hiểu đạo. Cũng có chỗ nhân thân biến mà được ngộ vậy.

Kinh: “Các vị Bồ tát đều ngồi dưới gốc cây hương, nghe mùi hương màu nhiệm ấy liền được hết thấy pháp tam muội đức tạng. Được pháp tam muội ấy công đức của Bồ tát đều được đầy đủ.” Các Bồ tát kia hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Hiện nay, đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni lấy chi để thuyết pháp? Ông Duy Ma Cật nói: “Chúng sanh cõi này càng cường khó giáo hóa cho nên Phật nói lời lẽ càng cường để điều phục họ.

Tổ Thập nói: Đức Như Lai thuyết pháp, yếu chỉ đó có ba: Một là lời nói mềm mỏng hiền hòa, hai là lời nói càng cường, ba là lời nói xen lẫn. Làm lành thì quả tốt, là lời mềm mỏng hiền hòa. Làm dữ thì quả khổ, là lời nói càng cường. Khen lành chê dữ là lời nói xen lẫn vậy.

Kinh: “Nói: đó là địa ngục, là súc sanh, là ngạ quỷ, là chỗ tai nạn.

Sư Triệu nói: Bày tỏ Bát nạn.

Kinh: “Là chỗ người ngu sanh, là thân tà hạnh, là quả báo của thân tà hạnh. Là miệng tà hạnh, là quả báo của miệng tà hạnh. Là ý tà hạnh, là quả báo của ý tà hạnh. Là sát sanh, là quả báo của việc sát sanh. Là chằng cho mà lấy, là quả báo của việc chằng cho mà lấy. Là tà dâm, là quả báo của việc tà dâm. Là vọng ngữ, là quả báo của việc vọng ngữ. Là hai lưỡi, là quả báo của việc hai lưỡi. Là lời nói ác, là quả báo của lời nói ác. Là lời nói phi nghĩa, là quả báo của lời nói phi nghĩa. Là tham lam ganh ghét, là quả báo của việc tham lam ganh ghét. Là tức giận, buồn phiền, là quả báo của việc tức giận buồn phiền. Là tà kiến, là quả báo của tà kiến. Là keo lận, là quả báo của keo lận. Là phá giới, là quả báo của việc phá giới. Là giận hờn, là quả báo của việc giận hờn. Là lừa dối, là quả báo của lừa dối. Là loạn ý, là quả báo của loạn ý. Là ngu si, là quả báo của ngu si. Là kết giới, là trì giới, là phạm giới. Là nên làm, là không nên làm. Là chướng ngại, là không chướng ngại. Là bị tội, là khỏi tội. Là trong sạch, là nhơ bẩn. Là hữu lậu, là vô lậu. Là tà đạo, là chánh đạo. Là hữu vi, là vô vi. Là thế gian, là Niết-bàn. Vì những người khó giáo hóa, tâm như khỉ vượn. Cho nên dùng ngàn nấy loại pháp để chế ngự tâm đó, mới có thể điều phục được.

Sư Triệu nói: Vì cái khó giáo hóa đó cho nên mới chỉ bày tội phước như thế.

Kinh: “Ví như voi, ngựa, ngang bướng không điều phục được. Dem các việc đau khổ, phải đến triệt cốt rồi sau mới

điều phục được.

Tổ Thập nói: Ngựa có năm giống. Thứ nhất thấy bóng roi tức thì điều phục. Thứ hai bị roi rồi mới phục. Thứ ba dùng dùi nhọn đâm vào da mới chịu phục. Thứ tư đâm vào bắp thịt mới phục. Thứ năm thấu xương mới phục.

Chúng sanh nhanh chậm cũng có năm phẩm. Thứ nhất thấy kẻ khác vô thường, tâm liền ngộ. Thứ hai thấy bạn lành vô thường, tâm liền ngộ. Thứ ba thấy anh em thân thích vô thường, tâm liền ngộ. Thứ tư thấy phụ mẫu vô thường, tâm liền ngộ. Thứ năm thấy thân mình vô thường, chịu lắm khổ não, lại thêm dùng lời đấng, sau mới ngộ.

Kinh: “Chúng sanh càng càng khó giáo hóa như thế, cho nên phải dùng tất cả những lời khổ thiết mới có thể đưa họ vào luật hạnh.” Các Bồ tát kia nghe nói xong, đều khen rằng: “Chưa từng có vậy, đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật ấn dấu các sức tự tại vô lượng đó mà dùng những pháp ưa thích của người nghèo kém để độ thoát chúng sanh.

Tổ Thập nói: Ân che tung tích, vui lập chỗ sáng. Tự mình đồng với kẻ nghèo, kẻ xin ăn. Tự mình đồng với kẻ nghèo, kẻ xin ăn thì mới cùng nhau thông cảm đón tiếp. Đón tiếp ắt dễ thay đổi, cho nên vì chỗ người nghèo kém tin ưa vậy.

Kinh: “Các Bồ tát đây cũng chịu khổ sở, nhún nhường dùng tâm đại bi vô lượng sanh nơi cõi Phật này.” Ông Duy-Ma-Cật nói: “Cõi này, Bồ tát đối với chúng sanh tâm đại

bi kiên cố đúng như lời các Ngài nói. Một đời làm ích lợi cho chúng sanh ở cõi này còn hơn trăm ngàn kiếp tu hành ở cõi khác.

Tổ Thập nói: Ví như vị lương y, gặp lúc có bệnh dịch, nghề thuốc thịnh hành. Rộng thí thuốc men, lành bệnh rất nhiều, chỗ cung cấp không lường. Bậc Bồ tát Đại sĩ ở trong cõi chẳng sạch cũng y vậy. Người dữ khắp nơi thì cứu độ mới lan rộng.

Mười việc pháp dược, rộng cứu các bệnh. Giáo hóa rộng rãi, lợi ích thâm sâu. Chỉ một đời mà hơn muôn kiếp vậy.

Kinh: “Vì sao? Vì cõi Ta Bà này có mười pháp thiện mà các Tịnh độ khác không có. Thế nào là mười? 1. Dùng bố thí để nhiếp độ kẻ bần cùng. 2. Dùng giới trong sạch nhiếp độ kẻ phá giới. 3. Dùng nhẫn nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ. 4. Dùng tinh tấn để nhiếp độ kẻ lười biếng. 5. Dùng thiên định để nhiếp độ kẻ loạn ý. 6. Dùng trí huệ để nhiếp độ kẻ ngu si.

Tổ Thập nói: Si (mê muội) có hai loại. Một là không biết tất cả các pháp. Hai là đối với các pháp sâu xa của các vị Phật chẳng có thể rõ hiểu.

Kinh: “7. Nói pháp trừ nạn để độ kẻ bị tám nạn. 8. Dùng pháp Đại thừa để độ kẻ ưa pháp Tiểu thừa. 9. Dùng các căn lành để cứu giúp kẻ không có đức. 10. Thường dùng tứ nhiếp để thành tựu chúng sanh.”

Sư Triệu nói: Phạm thiện do ác khởi. Sạch do nhơ mà tăng thêm. Cõi này đủ mười pháp dữ, cho nên mười đức tăng trưởng.

Cõi kia thuận thiện cho nên chỗ trí đức không có. Do đó trăm ngàn kiếp tu chẳng bằng một đời vậy.

Kinh: Các Bồ tát kia hỏi: “Bồ tát phải thành tựu mấy pháp nơi cõi này mới là không có tỳ vết, được sanh về cõi Tịnh-Độ?”

Tổ Thập nói: Bồ tát tu hành thâm sâu, không phải chỗ nghi vậy. Đây là vì kẻ tu hành cạn cợt ở cõi chẳng thanh tịnh. E cái tu cạn, công nhỏ chưa thể tự cứu mình. Ví như chút nước sôi đổ vào sông lớn. Cũng như người sức yếu nhảy vào nước cứu kẻ chết đuối, chưa thể giúp nhau được, mà cùng người kia chìm. Cho nên hỏi dùng cái gì làm pháp để được sanh về Tịnh Độ vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật đáp: “Bồ tát thành tựu tám pháp thì nơi cõi này mới là không có tỳ vết, được sanh về cõi Tịnh-Độ. Tám pháp ấy là gì? 1. Làm lợi ích cho chúng sanh mà không mong báo đáp. 2. Thay thế cho tất cả chúng sanh chịu mọi điều khổ não. 3. Tất cả công đức làm đều thí hết cho chúng sanh. 4. Tâm bình đẳng đối với chúng sanh, khiêm nhường không ngại, đối với Bồ tát xem như Phật. 5. Những kinh chưa nghe, khi nghe chẳng có chỗ nghi ngờ. 6. Đối với hàng Thanh văn chẳng chống đối. 7. Chẳng ganh ghét với sự được cúng dường của người. Chẳng khoe lợi lộc của mình, ở nơi đó mà điều phục tâm. 8. Thường xét lỗi mình, không nói đến lỗi người.

Tổ Thập nói: Như một ông Tỳ kheo tọa thiền trong rừng. Đến giờ cần ăn, cầm bát khỏi rừng. Giữa đường gặp kẻ cướp dữ, kẻ

cướp kéo cung muốn bắn. Thầy Tỳ kheo giận tự trách mình, không sanh ác tâm. Chỉ cái bụng nói với kẻ cướp: Ngươi nên bắn vào chỗ này ta vì nó mà ra khỏi rừng, cho nên gặp phiền não vậy. Đó là tội của cái bụng. Xét mình mà khoan thứ cho vật cũng giống như vậy.

Chẳng nói đến điều sai của người, chẳng như Duy Na (vị trí sự) ngu đần kia muốn được địa vị mà liếm đồ như ướm tìm tội sai trái của người.

Xét đến lỗi mình, cho đến sự cầu các công đức, cũng là một việc.

Kinh: “Hằng nhất tâm cầu các công đức.

Sư Triệu nói: Bụi trần dễ tăng, công đức khó đủ. Tự mình chẳng nhất tâm chuyên cầu, thì không lấy gì thành được. Đủ tám pháp này, ắt không có tỳ vết, hết đời sanh về Tịnh Độ vậy.

Kinh: Khi ông Duy Ma Cật, ngài Văn Thù Sư Lợi thuyết pháp này trong đại chúng. Cả trăm ngàn trời, người đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, mười ngàn Bồ tát đắc vô sanh pháp nhẫn.

XI. PHẨM BỒ TÁT HẠNH

Kinh: Khi ấy, đức Phật thuyết pháp nơi vườn cây Am La. Bỗng nhiên vườn ấy trở nên rộng lớn, trang nghiêm, tất cả chúng hội đều chói sắc vàng.

Sư Triệu nói: Bạc chí nhân không ở một chỗ, hiểu rồi là đồng. Đức Như Lai, đức Tịnh Danh tuy trang phục khác, chỗ ở khác, nhưng màu nhiệm chứa trong chỗ đó. Do đó, đến đi, gây ra sự biến hóa để cùng hoằng dương cái đạo bất tư nghị vậy.

Nhân chỗ sai đi thăm bệnh để rõ ra chỗ như trên. Giờ sắp đi đến đức Như Lai, để xác nhận cái chủ trương ấy. Cho nên trước hiện ra điềm lành này để khai hóa tâm mọi người.

Kinh: Ngài A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà có điềm lành ấy ứng hiện. Chỗ này bỗng nhiên rộng rãi trang nghiêm, tất cả chúng hội đều chói sắc vàng.” Phật bảo ngài A Nan: “Đó là Duy Ma Cật, Văn Thù Sư Lợi và đại chúng cung kính vây quanh phát ý muốn đến cho nên điềm lành ấy ứng hiện trước.” Lúc đó ông Duy Ma Cật nói với ngài Văn Thù Sư Lợi: “Chúng ta nên cùng nhau đến ra mắt Phật, cùng với các Bồ tát để đánh lễ cúng dường.”

Tổ Thập nói: Ông Tịnh Danh khuyên cùng nhau đến ra mắt đức Phật. Một là thấy thành tâm đó, muốn toại ý đó. Hai là khiến chứng minh cái việc cơm thơm làm cho phát ngộ. Ba là vì lòng còn tiếc cuộc viễn du nên khiến thật trở về. Cho nên muốn cùng nhau

đến thỉnh pháp.

Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Hay lắm! Nay chính là lúc nên đi.” Ông Duy Ma Cật liền dùng sức thần thông đem cả đại chúng và các tòa sư tử để lên bàn tay phải đi đến chỗ Phật. Đến nơi ông để xuống mặt đất rồi cúi đầu lễ dưới chân Phật, đi quanh phía phải bảy vòng, một lòng chấp tay đứng sang một bên. Các Bồ tát kia liền xuống tòa đến cúi đầu lễ dưới chân Phật, cũng đi bảy vòng rồi đứng sang một bên. Các Đại đệ tử, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương tất cả cũng đều xuống tòa, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn theo pháp an ủi hỏi thăm các vị Bồ tát rồi liền bảo mỗi vị trở lại chỗ ngồi. Cả chúng đều vâng lời dạy. Khi chúng ngồi xong, Phật bảo ngài Xá Lợi Phất rằng: “Ông có thấy thần lực tự tại của Bồ tát Đại sĩ làm đó chẳng? Đáp rằng: “Dạ con đã thấy”. Lại hỏi: “Ý ông ra sao? Đáp rằng: “Bạch Thế Tôn! Con thấy việc làm đó, không thể nghĩ bàn, không thể lấy ý mà tính được. Chẳng phải chỗ đo lường ước độ được.”

Sư Triệu nói: Theo đức Văn Thù đồng vào cái nhà chẳng thể nghĩ bàn. Nhân mượn tòa báu, thấy cái thần lực đó. Kiêm thêm việc ăn cơm thơm, ngồi trên bàn tay mà đi về. Không thể đo lường được cái biến hóa đó. Cho nên không thể hình dung đo lường. Kinh này tỏ bày cái đạo chẳng thể nghĩ bàn, nên mỗi việc trải qua đều bày rõ ra cái dấu tích chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Kinh: Lúc ấy, ngài A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, mùi

hương con nghe đây từ xưa chưa từng có. Đó là mùi hương gì? Phật bảo ngài A Nan! “Ấy là mùi thơm nơi lỗ chân lông của các vị Bồ tát kia vậy”. Ngài Xá Lợi Phất nói với ông A Nan rằng: “Lỗ chân lông của chúng tôi cũng phát ra mùi hương”. Ngài A Nan nói: “Mùi hương ấy từ đâu đến?” Ngài Xá-Lợi-Phất nói: “Đó là do trưởng giả Duy Ma Cật xin cơm thừa của Phật ở cõi nước Chúng Hương đem về. Ai ăn cơm đó nơi nhà ông, thì tất cả lỗ chân lông đều phát ra mùi hương như thế”. Ngài A Nan hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Mùi hương đó được bao lâu?” Ông Duy Ma Cật nói! “Cho đến khi cơm đó tiêu.” Lại hỏi: “Cơm đó bao lâu thì tiêu?” Đáp rằng: “Thế lực của cơm đó đến bảy ngày rồi mới tiêu.

Tổ Thập nói: Cũng có nói rằng: ứng với kẻ đắc đạo. Thời gian hương cơm xông ra, không quá bảy ngày, tắt thành thánh đạo. Như dấu hiệu của đạo bảy đời, bảy bước.

Kinh: “Lại nữa ngài A Nan! Những Thanh văn chưa vào chánh vị, ăn cơm ấy thì được vào chánh vị rồi mới tiêu. Đã vào chánh vị, ăn cơm đó thì được tâm giải thoát rồi mới tiêu.

Tổ Thập nói: Mười sáu tâm kiến đế vậy.

Hỏi rằng: Ăn cơm thơm vì sao đắc đạo?

Đáp rằng: Thân thể yên ổn, tâm thanh tịnh, phát ý chưa từng có. Cơm còn được như thế, huống hồ đạo ư? Có cái quả màu nhiệm ấy, tất có cái nhân màu nhiệm. Tốt lòng tin mộ, thấu hiểu sâu xa nhân quả. Thấu hiểu nhân quả tức hiểu biết duyên khởi. Hễ

thấu hiểu duyên khởi ắt thấy thật pháp.

Kinh: “Nếu chưa phát ý Đại thừa, ăn cơm đó thì đến khi phát ý rồi mới tiêu. Đã phát ý rồi, ăn cơm đó thì được vô sanh nhẫn rồi sau mới tiêu. Đã được vô sanh nhẫn, ăn cơm đó, đến khi nhất sanh bổ xứ rồi mới tiêu. Ví như có món thuốc, gọi là vị thượng hạng; kẻ nào uống vào, các độc trong thân đều bị trừ diệt rồi sau mới tiêu. Cơm này cũng như thế, diệt trừ tất cả độc phiền não rồi sau mới tiêu.” Ngài A Nan bạch Phật: “Thật chưa từng có vậy! Bạch Thế Tôn! Như thế món cơm thơm ấy hay làm Phật sự?”

Sư Triệu nói: Cơm vốn làm sung mãn thân thể, trừ được sự ràng buộc, việc chưa từng nghe thấy vậy.

Kinh: Phật nói: “Như vậy, như vậy ông A Nan! Hoặc có cõi Phật lấy hào quang sáng của Phật mà làm Phật sự. Có cõi lấy các Bồ tát mà làm Phật sự. Có cõi lấy người của Phật hóa ra mà làm Phật sự. Có cõi lấy cây bồ đề mà làm Phật sự.

Sư Triệu nói: Đức Phật thành đạo ở dưới gốc cây. Cây đó gọi là bồ đề. Cây này ánh sáng không đâu chẳng chiếu. Mùi thơm không đâu chẳng bay đến. Hình sắc vi diệu tùy chỗ ưa thích mà thấy. Cây phát ra tiếng pháp, tùy theo chỗ lòng ưa mến mà nghe. Đó là cây báo ứng của đức Như Lai vậy. Chúng sanh gặp ấy, tự nhiên ngộ đạo. Cõi này dùng cây làm cội gốc của sự giáo hóa vậy.

Kinh: “Có cõi lấy y phục, đồ ngũ của Phật mà làm Phật sự.

Tổ Thập nói: Xưa có vua ở cõi Diêm Phù Đề được cái đại y của Phật, gặp lúc đời có bệnh dịch. Vua lấy áo Phật treo lên để chỉ bày cho dân chúng. Dân chúng đều cung kính. Bệnh đều khỏi. Lòng tin, kính có ích lợi thâm sâu, nhân đó mà giải thoát. Đây giống sự đó vậy.

Kinh: “Có cõi dùng cơm ăn mà làm Phật sự. Có cõi dùng vườn, rừng, đền đài mà làm Phật sự.

Sư Triệu nói: Cõi Chúng Hương, tức là việc này. Nghĩa cần nhất về ăn uống là căn lữ làm nẻo thông đạo. Vườn tược đền đài lấy căn mắt làm nẻo thông đạo vậy.

Kinh: “Có cõi dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà làm Phật sự.

Tổ Thập nói: Hoặc một tướng, hai tướng cho đến nhiều tướng. Tùy theo chỗ ứng hợp thấy, mà hiện tướng.

Cũng nói rằng: Dùng cái hình tượng của Phật, như vua Bình-Sa dùng tượng Phật với vua Phất Ca Sa nhân đó mà ngộ. Sau đây nói về Phật thân, là bày hiện toàn thân vậy.

Kinh: “Có cõi lấy thân Phật mà làm Phật sự. Có cõi lấy hư không mà làm Phật sự.

Tổ Thập nói: Trừ dẹp hình sắc, rỗng không vô hình tượng. Khiến cho nhà tâm đó rỗng rang thanh tịnh, ràng buộc tướng tự diệt. Cũng như đức Văn Thù Sư Lợi diệt mất các sắc tướng để giáo hóa vua A Xà Thế vậy.

Kinh: “Chúng sanh ứng theo duyên đó mà vào luật hạnh. Có cõi lấy chiêm bao, huyền hóa, bóng dáng, tiếng vang, hình tượng trong gương, trăng dưới nước, ánh nắng dợn. Các thí dụ như thế mà làm Phật sự. Có cõi lấy âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cõi dùng đất nước Phật thanh tịnh, tịch mịch, không lời lẽ, không nói năng, không chỉ bày, không biết, không gây làm, vô vi mà làm Phật sự.

“Như thế A Nan! Chư Phật oai nghi, tiến dùng, mọi hoạt động không chi chẳng phải là Phật sự. A Nan! Có bốn thứ ma và tám mươi bốn ngàn cửa phiền não, các chúng sanh vì đó mà bị mỗi một nhọc nhằn. Chư Phật liền dùng những pháp ấy mà làm Phật sự.

Tổ Thập nói: Gốc rễ phiền não có bốn. Hai vạn một ngàn trần cấu (phiền não) thuộc về một bệnh. Bốn bệnh là tám mươi bốn ngàn. Nói tổng quát là tám mươi bốn ngàn, tương riêng thì vô lượng. Nay nói tám mươi bốn ngàn ắt gồm cả cái không lường được. Cho nên là môn (cửa) vậy.

Phật sự có ba loại: Một là lấy điều thiện làm Phật sự, dùng quang minh thần lực thuyết pháp như trên. Hai là vô ký (là không lành, không dữ) là hư không vậy. Ba là dùng bất thiện (các điều chẳng lành) là tám mươi bốn ngàn phiền não vậy.

Ví như thầy thuốc hoặc dùng thuốc lành, hoặc dùng thuốc độc trị bệnh cho người. Phật cũng như thế, dùng phiền não, y như Phật dùng thương yêu mà độ ông Nan Đà. Sự giận dữ hóa độ rồng dữ cũng như vậy.

Sư Triệu nói: Chúng sanh đều vì phiền não mà bệnh, nhưng các vị Phật lấy đó làm thuốc. Như dâm nữ lấy dâm dục làm sự lo phiền, bèn cho tốt lòng ham muốn đó, sau ngộ đạo. Ròng dũ lấy ghét giận làm lo phiền, bèn cho tăng thêm cái ghét hận đó, sau sẽ giáo hóa. Đó là dùng ham muốn trừ ham muốn. Dùng oán giận diệt oán giận. Dường như vị lương y dùng thuốc độc trừ bệnh độc. Không phương nào không dùng để làm Phật sự vậy.

Kinh: “Đó gọi là vào pháp môn của tất cả chư Phật, bậc Bồ tát vào cửa ấy, như thấy tất cả cõi Phật thanh tịnh tốt đẹp chẳng lấy làm vui, chẳng tham, chẳng kiêu hãnh. Như thấy tất cả cõi Phật chẳng thanh tịnh, chẳng lấy làm buồn, chẳng ngại, chẳng lánh lìa. Chỉ nơi chư Phật mà sanh tâm thanh tịnh, hoan hỷ cung kính cho là chưa từng có vậy. Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vì giáo hóa chúng sanh cho nên hiện ra các cõi Phật chẳng đồng.

Sư Triệu nói: Phật không có chỗ nhất định, ứng vật mà hiện. Ở nơi sạch thì sạch. Nơi nhơ thì nên nhơ. Tốt xấu tại ở kia. Nơi Phật không có hai, thì sao tự sanh buồn vui trong khoảng kia ư? Vì dự vào cửa này đây, cho nên thấy sạch chẳng tham, bỗn phận mình chẳng kiêu. Xem nhơ chẳng ngại, nghịch lòng chẳng lánh. Cho nên hay sanh chân định.

Biết Phật bình đẳng, nhưng dấu tích ứng hợp chẳng đồng. Kẻ nhòm trộm đây chẳng phải bậc tín tâm bình đẳng vậy. Tự họ chẳng vào cửa Phật sự ấy, ai là người có thể chẳng lấy nhơ sạch làm tâm?

Kinh: “A Nan! Ông thấy cõi nước của chư Phật nhiều

khác như thế nhưng hư không chẳng như vậy. Y vậy thấy sắc thân của chư Phật rất nhiều khác nhưng cái trí huệ vô ngại đó không nhiều khác như thế. A Nan! sắc thân của chư Phật, oai tướng, chủng tánh, giới định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực vô sở úy, các pháp bất cộng, đại từ đại bi, hành động oai nghi, cho đến thọ mệnh, thuyết pháp giáo hóa thành tựu chúng sanh, thanh tịnh cõi Phật, đủ các pháp Phật, tất cả đều bình đẳng cho nên gọi là Tam miệu tam Phật đà.

Tổ Thập nói: Tam miệu tam bồ đề, Tần dịch là chánh biến tri. Đây nói Tam miệu tam Phật đà là chánh biến giác vậy. Thấy pháp không sai cho nên gọi là chánh, trí không đâu chẳng khắp cho nên gọi là biến. Ra khỏi cái chiêm bao sanh tử cho nên gọi là giác vậy.

Kinh: “Gọi là Đa đà a dà độ.

Sư Triệu nói: Tần dịch là Như Lai cũng là như khứ (là y vậy đi). Như pháp mà tới, như pháp mà đi, xưa nay chẳng thay đổi. Ngàn bậc Thánh đều theo vết đó, cho nên gọi là Như Lai, cũng gọi là như khứ.

Tổ Thập nói: Đa đà a dà độ, Tần dịch là Như Lai cũng gọi là như khứ. Y như pháp biết, y như pháp nói cho nên có tên vậy.

Chư Phật lấy đạo yên ổn mà lại, Phật đây cũng như thế lại. Phật kia yên ổn mà đi, Phật đây cũng như thế đi.

Kinh: “Gọi là Phật đà.

Tổ Thập nói: Phật đà, Tần dịch là giác. Phạm đặc đạo thì gọi

là giác. Giác có hai loại: Một là giác nơi Tứ đế. Hai là giác nơi tất cả các pháp. Giác mà chẳng cùng tột thì không phải là chân giác. Cho nên không gọi là giác vậy. Như Phật hỏi ngài Xá Lợi Phất ba phen chẳng trả lời được. Thiên nữ hỏi im lặng không nói được. Thế là chưa khỏi giấc ngủ mê vậy. Nói tiếng biến, nói tiếng như, nói tiếng giác. Ba tên này là liếng xung hô về cái tột lý tánh. Nhân đó biết rõ các vị Phật đồng đẳng với nhau, khác với bậc nhị thừa vậy.

Kinh: “A Nan! Nếu ta nói rộng nghĩa ba câu ấy, dầu suốt đời ông cũng không thọ hết được. Giả thử chúng sanh đầy dẫy trong cõi tam thiên đại thiên này đều như A Nan: Đa văn bậc nhất được niệm tổng trì; những người đó dầu trọn kiếp thọ cũng không thể thọ được. Như thế A Nan! Chư Phật vô thượng chánh đẳng chánh giác không có hạn lượng; trí huệ, biện tài không thể nghĩ bàn được.”

Ngài A Nan bạch Phật rằng: “Con từ nay về sau không dám tự cho mình là đa văn nữa.” Phật bảo ngài A Nan: “Chớ khởi ý thối lui. Vì sao? Ta nói ông đa văn hơn hết trong hàng Thanh văn chớ không phải đối với hàng Bồ tát. Thôi đi, A Nan! Dầu người có trí cũng chẳng thể so sánh với các hàng Bồ tát được. Tất cả biển sâu còn có thể đo lường được, chớ pháp thiên định, trí huệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của Bồ tát không thể đo lường được. A Nan! Các ông hãy để qua một bên chỗ hành của các vị Bồ tát. Ông Duy Ma Cật đây hiện bày sức thần thông trong một lúc mà tất cả hàng Thanh văn, Bích chi Phật trải trăm nghìn kiếp tận lực biến hóa đều không

thể làm được.”

Bấy giờ các Bồ tát ở cõi nước Chúng Hương đến đó, chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con khi mới thấy cõi này, nảy ra cái tưởng cho là thấp kém. Giờ tự hối trách xả bỏ ý nghĩ ấy. Vì sao? Phương tiện của chư Phật không thể nghĩ bàn được. Vì độ chúng sanh cho nên tùy theo chỗ ứng hợp mà hiện ra cõi Phật khác nhau. Bạch Thế Tôn! Xin ban cho chút ít pháp để chúng con trở về cõi kia được nhớ nghĩ đến Như Lai.”

Tổ Thập nói: Cõi kia cũng chẳng chỉ dùng mùi hương làm Phật sự. Cho nên thỉnh lời giáo pháp. Cũng sắp muốn khắp mười phương giáo hóa cõi chẳng thanh tịnh nên thỉnh học nhiều pháp vậy. Cũng vì lẽ xa chơi đất lạ chẳng lẽ trở về không. Lại nữa vì lẽ các vị Bồ tát kia chắc là hỏi học cái yếu lý cao thượng, cho nên chịu nghe cái khác lạ vậy. Cũng muốn khiến cho hàng Bồ tát kia biết ơn cho nên thỉnh dạy.

Rằng sao là khiến biết ơn? Các vị Bồ tát nơi cõi thanh tịnh kia chỉ ăn cơm thơm mà tự vào luật hạnh. Thường vui ắt quên cái vui đó, quên cái vui đó ắt quên chỗ căn do. Chỗ căn do ấy là Phật. Nhưng nếu quên đó, thật chẳng biết ơn vậy.

Như nghe cái chẳng có hai cửa khổ mà sau được, mới ngộ chỗ tự nhiên được ấy, nhân cái mâu nhiệm mà công sâu vậy.

Kinh: Phật bảo các Bồ tát rằng: “Có pháp môn “tận vô tận giải thoát” các ông nên học.

Tổ Thập nói: Tận có hai loại: Một là vô vi tận, hai là hữu vi

tận. Hữu vi tận thì cái vô thường thay đổi diệt tận. Vô vi tận thì trí huệ đoạn khiến diệt tận vậy.

Nay đây nói pháp môn tận đó là cái vô thường của hữu vi dứt hết.

Kinh: “Sao gọi là tận? Đó là pháp hữu vi. Sao gọi là vô tận? Đó là pháp vô vi. Như Bồ tát thời chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi.

Sư Triệu nói: Hữu vi tuy là giả dối, nhưng xả bỏ thì nghiệp lớn chẳng thành. Vô vi tuy thật nhưng trụ vào chỗ đó thì huệ tâm chẳng sáng suốt. Do đó Bồ tát chẳng tận (chẳng hết) hữu vi, cho nên đức không gì chẳng tợ, chẳng trụ vô vi cho nên đạo không đâu chẳng bao khắp. Hay ra vào đường sanh tử gặp vật liền chớ chuyên.

Nơi sạch thì sạch, chẳng lấy làm vui sướng. Nơi nhơ thì nhơ, chẳng lấy làm lo. Ứng theo người mà động. Nơi ta là vô vi. Đó là cái đạo bình đẳng chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Cái đạo chẳng thể nghĩ bàn ấy ắt ra khỏi cái pháp tận, bất tận vậy.

Các vị Bồ tát kia nghe Phật sự bình đẳng chẳng thể nghĩ bàn do đó thỉnh pháp. Cho nên Phật khai dạy hai pháp này.

Chỉ bày cái đạo chẳng thể nghĩ bàn không ngăn ngại vậy. Nói không ngăn ngại là nơi hai việc chẳng ngăn ngại vậy. Cái chẳng tận hữu vi là chẳng ngại phạm phu vậy. Cái chẳng trụ vô vi là không ngại nhị thừa vậy.

Kinh: “Sao gọi là chẳng tận hữu vi? Nghĩa là chẳng lìa đại

từ, chẳng bỏ đại bi.

Sư Triệu nói: Từ bi là nền móng của việc bước vào đời, là cội gốc của cây đức cho nên nói về hữu vi đó.

Kinh: “Sâu phát tâm nhất thiết trí mà chẳng hề quên.

Sư Triệu nói: Phát tâm chẳng quên đó là trung tâm của mọi hạnh.

Kinh: “Giáo hóa chúng sanh trọn chẳng chán mỗi. Nơi tứ nhiếp pháp thường ghi nhớ thuận hành. Hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng. Trồng các căn lành không mỗi một nhàm chán.

Sư Triệu nói: Lấy từ bi làm gốc rễ. Phát tâm làm tâm. Sau đó thuận theo Tứ nhiếp pháp giáo hóa chúng sanh, che chở chánh pháp, trồng căn lành dùng những đức này làm tươi tốt khắp cây cảnh. Cây đạo ngày thêm tươi nhuận là chẳng tận hữu vi vậy. Các hạnh nguyện nói sau là đám lá cảnh. Giữ cho ngày càng tươi nhuận, ngày càng sum sê để thành nghĩa chẳng tận.

Phế bỏ từ bi, chẳng vun trồng cây đạo thì các đức tổn hao tự ẩn núp nơi Niết bàn thì gọi là tận hữu vi pháp vậy.

Tổ Thập nói: Gọi là kiên cố thiện tâm, bám sâu chẳng thể lay động được, gọi là rễ (căn) vậy. Như có một người, đến chỗ ngài Xá-Lợi-Phát xin xuất gia. Ngài Xá Lợi Phát xem qua căn mạng trước, tám ngàn đại kiếp chẳng trồng căn lành, liền bỏ đi mà chẳng độ.

Qua đến chỗ năm trăm vị đệ tử của Phật cũng chẳng ai nhận. Người đó đến dưới cửa vườn Kỳ Thọ, tủi khóc buồn thảm, đức Phật từ ngoài trở về, thấy vậy liền hỏi. Người đó bèn đem hết chuyện ra kể lại. Đức Phật liền quở ngài Xá Lợi Phất! Người trí huệ chẳng sâu xa, không thấy căn người, khinh rẻ sai. Đức Phật liền nhận người đó, khen rằng: Thiện lai, Tỳ kheo! Râu tóc người đó tự rơi xuống, mình mặc áo pháp, liền thành vị sa môn. Phật vì đó thuyết pháp, người đó tức đắc quả A la hán.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật: Người này đã trồng thiện căn Niết-bàn khi nào?

Phật nói: Xưa qua vô số kiếp đời trước, có đức Phật tên là Nhân Nhĩ. Bảy giờ có một người vào rừng kiếm củi. Cọp từ trong rừng đi ra, muốn ăn người ấy. Người ấy trèo lên cây, cọp ở dưới cây. Người ấy cực kỳ khủng khiếp. Khi ấy Phật ở trên không bay qua, người đó thấy liền kêu to: "Nam mô Phật". Tâm nảy ra sự tin ưa, cực chán sanh tử. Thệ nguyện khắc sâu trong lòng: Nguyện lìa các khổ này. Nhân cái thiện căn này mà nay được giải thoát.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi đức Phật xong ăn năn tội lỗi, gieo người xuống đất, tự mình than thở xót xa.

Đức Phật tỏ lời: Ví như trong đá có vàng, người ngu chẳng biết, vát đi không giữ. Nhưng người thợ vàng thấy đó biết trong có vàng, bèn dùng dụng cụ lấy ra. Chúng sanh không rõ trong đá, nhưng có người trí huệ thạo phân kim. Người trí huệ chẳng sâu xa bỏ đi mà chẳng độ. Như Lai sâu thấy gốc rễ dùng phương tiện thiên định trí huệ lấy ra đó vậy.

Kinh: “Chí hăng yên vững nơi phương tiện hồi hướng.

Tổ Thập nói: Muôn việc thiện (thế gian phước thiện) vô thường, tùy theo ý mà thành. Cho nên phải cần cái pháp phương tiện hồi hướng (quay về) đạo Phật. Như xưa vua Bình Sa bị giam trong ngục, nhòm theo lỗ hồng thấy xa xa trên núi đức Phật đi qua lại, lòng rất vui vẻ.

Kinh: “Cầu pháp chẳng biếng trễ. Thuyết pháp chẳng tham tiếc. Siêng cúng dường chư Phật. Cho nên vào sanh tử mà không sợ. Nơi vinh nhục tâm chẳng buồn, vui. Chẳng khinh người chưa tu học. Kính trọng người tu học như Phật. Giúp cho kẻ sa vào phiền não nảy sanh chánh niệm. Lánh xa sự vui chơi, chẳng cho là quý.

Tổ Thập nói: Xuất gia là ham muốn, tìm đến thiên định trí huệ, là mọi vọng tưởng thì gọi là lánh xa sự vui chơi. Giả dùng sự cầu đạo, chẳng phải chỗ quý vậy.

Kinh: “Chẳng đắm say sự vui sướng của mình, mừng việc vui của người.

Tổ Thập nói: Người đời thấy kẻ khác vui ắt sanh ganh ghét. Thấy kẻ kia khổ cực thì lòng yên ổn. Tự vui thì sanh ra vương mắc. Tự khổ thì lòng hỗn loạn. Bồ tát ắt không như vậy. Thấy kẻ khác vui chẳng hề ganh ghét, mà lòng chia vui. Thấy kẻ khác khổ cực thì lòng xúc động, muốn giúp cho được giải thoát. Tự vui chẳng vương mắc. Tự khổ lòng yên vui.

Kinh: “Tu các thiên định, tưởng như địa ngục.

Tổ Thập nói: Thiên định có ba loại: Một là Đại thừa. Hai là Tiểu thừa. Ba là phàm phu. Phàm phu thiên lòng chấp ngã kiêu mạn. Tiểu thừa thiên riêng hay cầu chứng, có thể đốt tan những nghiệp lành, làm hỏng cái rễ của đạo vô thượng. Đối với Bồ tát thì đó là nẻo dữ cho nên xem đó như địa ngục.

Kinh: “Đối trong việc sống chết, tưởng như nhà mát trong vườn.

Sư Triệu nói: Sanh tử tuy khổ nhưng cái đạo lớn do bởi chỗ đó. Bồ tát khéo dạo chơi, cho nên tưởng như nhà mát trong vườn.

Kinh: “Thấy kẻ đến cầu xin, tưởng như thầy lành.

Tổ Thập nói: Vốn không có ý bố thí; nhân kẻ kia đến tìm xin, làm cho ta phát tâm bố thí, thì người ấy đối với ta là thầy, cho nên khởi cái tưởng là thầy. Giống như vua Nguyệt Thị dạo chơi xem xét dân tình. Có hàng ngàn người đi xin đứng bên lề đường, chấp tay lên tiếng cầu xin chỗ cần dùng. Vua hỏi quan Đại thần: "Đây là người nào? Họ nói cái gì?" Viên Đại thần đáp rằng: "Đó là người ăn xin".

Vua trí huệ sắc bén liền hiểu ý đó, bảo viên Đại thần: "Những người đó là thầy lớn của ta. Không phải kẻ đi xin đâu! Người không hiểu lời nói đó ư? Sự thiếu thốn của kẻ kia, là nói pháp cho ta, chẳng phải ăn xin đâu. Họ nói: Đòi trước chúng ta, cũng làm vua trong nước, vì chẳng tu bố thí, cho nên bị cái quả báo này. Vua nay không bố thí, sau rồi cũng phải vậy thôi. Vì lẽ đó cho nên phải biết đó là thầy lớn của ta vậy".

Kinh: “Bỏ các chỗ có, đủ tướng nhất thiết trí.

Tổ Thập nói: Bỏ các chỗ có như thân mệnh, nước nhà, vợ con. Tất cả bỏ được hết, cấp cho chúng sanh. Khi cấp cho chúng sanh, hiểu rõ sự thí ấy ắt chắc được đủ nhất thiết trí. Rõ thấy nhân quả, nên thí mà không ăn năn vậy.

Kinh: “Thấy người phá giới, khởi tướng cứu hộ.

Sư Triệu nói: Giới che giữ cho người. Bỏ giới thì không có gì che giữ. Bồ tát tự mình có che giữ. Cho nên muốn giúp đỡ kẻ không có sự che giữ vậy.

Kinh: “Các pháp ba la mật, tướng là cha mẹ.

Tổ Thập nói: Giữ cái thường sanh ra pháp thân vậy. Cũng cho rằng con có chỗ cần dùng, ắt xin trình lên cha mẹ. Chỗ cần dùng của Bồ tát ắt cầu nơi Lục độ. Chọn cái ích lợi đó, tử như là cha mẹ.

Kinh: “Các pháp đạo phẩm, tướng là quyến thuộc.

Sư Sanh nói: Giúp cho ta thành ấy là ba mươi bảy pháp đạo phẩm; như có người quyến thuộc giúp nhau thành.

Kinh: “Tích tập thiện căn; không có thứ bậc, giới hạn, dùng việc nghiêm sức ở các tịnh độ thành cõi Phật của mình.

Tổ Thập nói: Chọn lấy tướng thanh tịnh của nước kia, rồi tu hành cho xứng; cho nên cõi thanh tịnh của mình cùng với cõi kia chẳng khác thì gọi là nhân kia nên mình vậy.

Kinh: “Hành bố thí không có giới hạn, được đầy đủ tướng

tốt.

Sư Triệu nói: Mở toang bốn cửa, mặc kẻ tìm cầu chọn lấy chỗ cần chẳng ngại. Bồ thí lớn là pháp vậy. Bồ thí này chính là nhân của tướng tốt.

Kinh: “Trừ tất cả điều ác, trong sạch thân khẩu ý. Sống chết vô số kiếp mà lòng vẫn vững cảm.

Sư Triệu nói: Sanh tử lâu dài, khổ độc vô lượng. Tự mình không có trí dũng, sao có thể trong cương giới của chỗ sanh tử đó ư?

Kinh: “Nghe vô lượng đức Phật, chí quyết như vậy mà chẳng mỏi mệt. Dùng gươm trí huệ phá giặc phiền não; ra khỏi ám, giới, nhập. Gánh vác chúng sanh khiến đời đời được giải thoát. Dùng đại tinh tấn hàng phục ma quân. Thường cầu vô niệm, thật tướng trí huệ.

Tổ Thập nói: Không giữ tướng niệm vậy. Kẻ phạm phu cho rằng trí huệ là có niệm ắt công cao ngã mạn tăng thêm. Cho nên Bồ-tát cầu trí vô niệm vậy.

Kinh: “Hành lễ ít mong muốn, biết đủ mà chẳng bỏ việc đời. Không sai oai nghi mà hay tùy thế tục.

Sư Triệu nói: Cử chỉ y như thế tục, chẳng mất oai nghi của đạo. Thiên hạ đều bảo ta đồng với họ. Nhưng ta vẫn một mình riêng khác.

Kinh: “Khơi huệ thần thông, dẫn dắt chúng sanh được

niệm tổng trì, chỗ nghe không quên. Khéo phân biệt các căn cơ. Dứt lìa nghi ngờ của chúng sanh. Dùng lạc thuyết, biện tài, diễn nói vô ngại. Thanh tịnh mười thiện đạo; lãnh phước người, trời. Tự Tứ vô lượng tâm, khai đạo Phạm thiên.

Tổ Thập nói: Muốn làm người trời Phạm để mời quay bánh xe pháp, ở chỗ tôn trọng mà dùi dắt vật vạy. Cũng là việc Bồ tát tự hành tự sanh về cõi trời Phạm vậy.

Kinh: “Khuyên thỉnh nói pháp, tùy hỷ ngợi khen việc lành. Được âm thanh của Phật.

Sư Triệu nói: Kinh có tám loại âm cũng nói rằng có sáu mươi loại âm. Kinh Mật Tích nói rằng âm của Phật chẳng thể nghĩ bàn ứng vật vô lường.

Kinh: “Thân khẩu ý thiện. Được oai nghi của Phật. Tu các pháp thiện sâu vững. Chỗ hành ngày càng tốt đẹp hơn lên. Dùng giáo pháp của Đại thừa thành tựu Bồ tát tăng. Tâm không buông lung. Chẳng mất những điều thiện. Làm y pháp này thì gọi là Bồ tát chẳng tận hữu vi.

“Sao gọi là Bồ tát chẳng trụ vô vi? Nghĩa là tu học pháp Không mà chẳng lấy không làm chứng.

Sư Triệu nói: Từ đây về sau, đều thuộc chỗ quán hạnh vô vi vậy. Quán vô vi, ắt thấy cái vui đạm bạc mà chẳng chứng Niết bàn. Đòi đòi trong đường sanh tử. Gọi là chẳng trụ vô vi vậy.

Pháp Không, Vô tướng, Vô tác. Ba thừa cùng tu hành nhưng

pháp quán lập ra chẳng giống nhau. Pháp Không quán của nhị thừa, chỉ độc lý vô ngã. Pháp Không quán của Đại thừa, không pháp nào chẳng ở trong. Vì không pháp nào chẳng ở trong cho nên cái không pháp cũng không. Cái không pháp đã không cho nên hay chẳng chứng không.

Kinh: “Tu học vô tướng vô tác, chẳng lấy vô tướng vô tác làm chỗ chứng.

Sư Triệu nói: Pháp vô tướng của nhị thừa, chỉ tại chỗ tận đế. Pháp vô tướng của Đại thừa ở chỗ tất cả các pháp. Pháp vô tác của nhị thừa không tạo sanh tử. Pháp vô tác của Đại thừa vạn pháp chẳng tạo vậy.

Kinh: “Tu học vô khởi nhưng chẳng lấy vô khởi làm chứng.

Sư Triệu nói: Các pháp do duyên hội mà có. Duyên tan thì không còn. Pháp nào có trước để đợi duyên mà khởi ư? Đây là cửa riêng của Không quán vậy.

Kinh: “Quán vô thường mà chẳng nhằm chán gốc thiện.

Tổ Thập nói: Vô thường thì không pháp nào chẳng diệt. Diệt nhưng không đoạn dứt, cho nên tu thiện chẳng chán. Cũng quán vô thường là đạo Niết bàn. Đạo Niết bàn thì đều là gốc thiện. Nay chẳng trụ vô vi nên chi chẳng nhằm chán lối hữu vi vậy.

Kinh: “Quán thế gian khổ nhưng chẳng ghét sanh tử. Quán vô ngã mà khuyên răn người đời chẳng mệt mỏi. Quán

tịch diệt mà chẳng đời đời tịch diệt.

Sư Triệu nói: Hàng nhị thừa lấy vô thường làm vô thường, cho nên chán thiện pháp hữu vi. Lấy khổ làm khổ cho nên ghét cái khổ sanh tử. Lấy vô ngã làm vô ngã cho nên lười biếng khuyên dạy người đời. Lấy tịch diệt làm tịch diệt cho nên muốn đời đời tịch diệt.

Bồ tát chẳng lấy vô thường làm vô thường cho nên chẳng chán gốc thiện. Chẳng lấy khổ làm khổ cho nên chẳng ghét sanh tử. Chẳng lấy vô ngã làm vô ngã cho nên khuyên dạy người chẳng mệt mỏi. Chẳng lấy tịch diệt làm tịch diệt cho nên chẳng đời đời tịch diệt. Quán không chỗ hành mà dùng hành pháp giáo hóa chúng sanh.

Kinh: “Quán xa lìa mà thân tâm tu các pháp thiện.

Tổ Thập nói: Xa lìa có ba. Một là xa lìa ngũ dục của nhân gian. Hai là xa lìa phiền não. Ba là các pháp tánh Không nên xa lìa. Đây Quán tánh Không nên xa lìa, nhưng chẳng xa lìa các pháp thiện vậy.

Kinh: “Quán không có chỗ về mà quay về theo pháp thiện.

Sư triệu nói: Các pháp mới đầu không có chỗ lại, sau rốt không có chỗ quay về. Tuy biết không có chỗ quay về nhưng thường quay về pháp thiện.

Kinh: “Quán vô sanh mà dùng pháp sanh gánh vác tất cả.

Sư Triệu nói: Tuy thấy vô sanh, nhưng ở chỗ sanh để gánh vác cho người.

Kinh: “Quán vô lậu (không phiền não) mà chẳng đoạn dứt các lậu (phiền não).

Sư Triệu nói: Phạm vô lậu cùng đồng với vô vi, thể tự vô tướng. Đều là hạnh vô vi vậy.

Tuy thấy vô lậu, nhưng cùng với người đồng lậu. Đồng lậu có hai. Hữu vi vào sanh tử thật chưa đoạn dứt lậu. Được dứt hết lậu rồi mà hiện ra chẳng đoạn dứt.

Sư Triệu nói: Pháp tánh vô nghiệp, đâu có chỗ nào tu hành, tuy biết không hành nhưng dùng hành để giáo hóa người.

Kinh: “Quán rõ chỗ trống rỗng, không có, nhưng chẳng bỏ đại bi.

Sư Triệu nói: Tướng của các pháp, chỉ là trống rỗng; chỉ là Không. Nhưng chẳng vì "Không, Vô" mà xả bỏ tâm đại bi.

Kinh: “Quán các địa vị trong chánh pháp, nhưng không tùy theo Tiểu thừa.

Sư Triệu nói: Các địa vị trong chánh pháp là quán các địa mà thủ chứng trong pháp vô vi vậy.

Tổ Thập nói: Gọi là pháp thủ chứng vô sanh diệt vậy.

Kinh: “Quán cái giả dối của các pháp, không bền chắc, không người, không chủ, không tướng; bản nguyện chưa tròn

đầy nên chẳng xem phước đức, thiên định trí huệ là hư huyền.

Sư Triệu nói: Các pháp lập thành là do nhân duyên, giả dối không có gốc, lấy chi làm thật, lấy chi làm chủ? Tuy biết như vậy, nhưng bản nguyện chưa tròn nên chẳng cho công đức định huệ là hư giả mà uổng phí sự tu hành.

Kinh: “Tu các pháp như thế, gọi là Bồ tát chẳng trụ vô vi. Lại nữa vì đầy đủ phước đức, nên chẳng trụ vô vi.

Sư Triệu nói: Ở trên đã chỉ rõ ngay chỗ Bồ tát chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi. Nhưng chưa giải thích chỗ tại sao chẳng tận, chẳng trụ.

Phàm hạnh của bậc Đại sĩ, mỗi hạnh đều có nguyên do, thành tựu tốt đẹp đều có trong đó. Cho nên lại còn đối vật mà sáng rõ ra. Phàm chỗ tích đức là vậy ắt phải trải bước nơi bến trần. Nếu trụ vô vi thì công đức chẳng có đầy đủ.

Kinh: “Vì đầy đủ trí huệ, nên chẳng tận hữu vi.

Tổ Thập nói: Văn trên một pháp môn bày ra một nghĩa. Nay nói rõ trong một cửa đồng có đủ hai nghĩa. Nếu chẳng trụ không thì chẳng tận hữu (chẳng hết hữu). Chẳng tận hữu thì chẳng trụ không vậy.

Kinh: “Đại từ bi cho nên chẳng trụ vô vi. Tròn đầy bản nguyện cho nên chẳng tận hữu vi. Gom góp thuốc pháp nên chẳng trụ vô vi.

Sư Triệu nói: Hái thuốc hay ắt ở chỗ núi non hiểm trở. Chẳng

phải cái hoa sanh ra ở nhà. Gom góp thuốc pháp ất tại chỗ hữu vi hiêm trở, chẳng phải sanh ra trong chỗ pháp vô vi vậy.

Kinh: “Vì tùy bệnh cho thuốc nên chẳng tận hữu vi.

Sư Triệu nói: Nếu bỏ hữu vi thì cùng với quần sanh cách tuyệt. Sao có thể tùy bệnh mà trao thuốc được?

Kinh: “Biết bệnh của chúng sanh nên chẳng trụ vô vi.

Sư Triệu nói: Học biết những bệnh tật, chắc biết nơi có bệnh. Đâu phải trụ nơi vô vi mà có thể được vậy sao?

Kinh: “Dứt trừ bệnh cho chúng sanh nên chẳng tận hữu vi.

Sư Triệu nói: Trừ dứt bệnh của chúng sanh tất phải chế ra pháp hữu vi cứu chữa. Đâu phải tận hết pháp hữu vi mà có thể được vậy sao?

Kinh: “Này các vị Chánh sĩ! Bồ tát nhân tu pháp này nên chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi. Đó gọi là pháp môn “tận vô tận giải thoát”. Các ông cần phải học.”

Khi ấy, các vị Bồ tát kia, nghe Phật nói pháp này đều hết sức vui mừng. Bèn dùng hoa màu nhiệm với muôn loại màu sắc, muôn loại hương thơm rải khắp tam thiên đại thiên thế giới cúng dường đức Phật và kinh pháp này cùng các vị Bồ tát. Rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngợi khen chưa từng có. Nói rằng: “Chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni mới có thể ở cõi này mà hành phương tiện khéo léo được.” Nói rồi, bỗng nhiên biến

mất, trở về cõi Chủng Hương.

XII. PHẠM THẤY PHẬT VÔ ĐỘNG

Kinh: Lúc ấy, đức Thế Tôn hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Ông muốn thấy Như Lai, thì lấy gì để quán Như Lai?”

Sư Triệu nói: Xoay qua bảo đức Văn Thù cùng nhau đến ra mắt Phật. Tuy động dụng còn xuôi theo mắt tục, nhưng chỗ quán chẳng đồng, sự thấy đức Như Lai trái với tình đời. Cái ý chỉ của quán sắp bày rõ sau này, để tỏ ra cái Phật sự chẳng thể nghĩ bàn cho nên biết rồi mà vẫn hỏi vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật thưa: “Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng thế.

Sư Triệu nói: Phật ấy là sao vậy? Đó là danh xưng chỗ cùng lý, tột tánh của bậc Đại giác, đạo đó huyền nhiệm rộng không cho nên màu nhiệm tuyệt dứt cảnh tượng thường tình. Tâm chẳng thể dùng trí mà biết, hình chẳng thể dùng ảnh tượng mà đo lường nổi. Hành vi đồng với muôn vật, nhưng ở trong chỗ chẳng làm; ở trong những lời lẽ nói năng, nhưng quê hương ở chỗ không lời lẽ nói năng. Chẳng phải có nhưng chẳng thể cho là không có, chẳng phải không nhưng chẳng thể cho là có. Lặng lẽ, biệt mù, trống rỗng, mênh mông. Vật chẳng thể đo lường nổi, chẳng thể dùng chi đặt tên, cho nên gượng gọi là giác. Đó là chỗ đến, cũng là chỗ cùng tột vậy. Tại sao vậy? Phạm đồng nhau mọi chỗ, chỗ được cũng được; đồng nhau nơi chỗ mất, chỗ mất cũng mất đó. Do đó thì chân thật đồng chân thật. Pháp giả đối đồng pháp giả đối.

Đức Như Lai soi thấu chỗ u ẩn đã nêu. Một cái thật tướng kia, tướng của thật tướng tức là tướng của Như Lai, cho nên kinh nói: Thấy thật tướng pháp là thấy Phật vậy. Đức Tịnh Danh tự quán cái thật tướng của thân cho là quán tướng Như Lai thì nghĩa là như vậy.

Kinh: “Con thấy Như Lai đời trước chẳng đến, đời sau chẳng đi, hiện tại chẳng trụ, chẳng quán sắc, chẳng quán chỗ Như của hình sắc, chẳng quán cái tánh của hình sắc; chẳng có quán thọ tướng hành thức, chẳng quán chỗ Như của thức, chẳng quán cái tánh của thức.

Sư Triệu nói: Pháp thân siêu tuyệt ba đời, chẳng phải chỗ gom tụ của ám giới nhập. Cho nên chẳng thể dùng sự ở đến, đi mà thấy nhận, chẳng thể lấy tánh Như của ngũ ám mà quán vậy.

Kinh: “Chẳng phải tứ đại khởi, đồng với hư không.

Sư Triệu nói: Pháp thân như hư không, chẳng phải do tứ đại khởi tạo.

Kinh: “Không tích chứa lục nhập, vượt khỏi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm.

Sư Triệu nói: Pháp thân vượt ngoài sáu căn, cho nên không chứa lục nhập.

Kinh: “Chẳng ở trong ba cõi, đã lìa ba sự như lấm.

Sư Triệu nói: Đã vượt ngoài ba cõi, thì sao có sự như lấm của ba cõi?

Kinh: “Thuận ba cửa giải thoát, sẵn đủ ba minh, đồng đẳng vô minh.

Sư Triệu nói: Pháp thân vô tướng, thể thuận theo ba pháp giải thoát. Tuy có ba minh, mà chẳng khác vô minh vậy.

Kinh: “Chẳng phải một tướng, chẳng phải khác tướng.

Sư Triệu nói: Không hình nào chẳng tượng ra cho nên chẳng thể là một. Tượng mà chẳng tượng cho nên chẳng thể cho là khác.

Kinh: “Chẳng có tướng mình, chẳng có tướng khác.

Sư Triệu nói: Chẳng tự có mà đồng tự có, cho nên tự mà chẳng tự, chẳng có cái tướng của người mà đồng như cái tướng của người; cho nên người mà chẳng phải người. Cái thân vô tướng (pháp thân) nên đâu thể dùng một chỗ khác giữa ta và người để quán cái thể tánh đó ư?

Kinh: “Chẳng phải vô tướng, chẳng phải giữ tướng.

Sư Triệu nói: Đã chẳng phải không có cái tướng của vật. Lại chẳng phải cái tướng có thể giữ.

Kinh: “Chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải trong giòng, mà giáo hóa chúng sanh.

Sư Triệu nói: Muốn nói bờ này vắng lặng đồng Niết bàn, muốn nói bờ kia sanh tử là yên vui; lại còn chẳng phải trong giòng, nhưng thường giáo hóa chúng sanh.

Đó là chỗ tột mực của đạo vậy. Bờ này sanh tử, bờ kia

Niết-bàn. Trong giòng nước chẳng phải là Thánh hiền vậy.

Sư Sanh nói: Thuận ba cửa giải thoát thì qua bờ kia vậy. Nếu có đến chắc là tận tột bờ kia, nếu không đến chắc là chẳng đến. Không đi đến, chẳng đến, nhưng rốt ráo đến vậy.

Bờ này là sanh tử, bờ kia là Niết bàn, trong giòng chảy là phiền não (kết sử) vậy.

Kinh: “Quán nơi tịch diệt, cũng chẳng đời đời diệt dứt.

Sư Triệu nói: Quán nơi tịch diệt, quán tức tịch diệt; diệt mà chẳng diệt. Đâu có thể do hình mà đặt tên được.

Kinh: “Chẳng đây, chẳng kia, chẳng vì đây, chẳng vì kia.

Sư Triệu nói: Chẳng đây nhưng đồng đây, cho nên đây mà chẳng đây. Chẳng kia nhưng đồng kia, cho nên kia mà chẳng kia. Đâu phải vì đây mà đồng đây, vì kia mà đồng kia ư? Chỗ này bày rõ cái thánh tâm không có chỗ đây kia đồng có, vì thế mà đồng vậy.

Kinh: “Chẳng thể dùng trí mà biết được, chẳng thể dùng thức phân biệt được.

Sư Triệu nói: Trí và thức sanh ra do nơi tướng, pháp thân vô tướng, cho nên chẳng phải là chỗ của trí và thức sánh kịp.

Kinh: “Không tối, không sáng.

Sư Triệu nói: Sáng vượt tam quang (mặt trời, mặt trăng, sao), ai gọi đó là tối, tối quá nhà tối ai gọi đó là sáng. Nhưng trong tối thì

tối, trong sáng thì sáng, hay tối hay sáng ấy đâu phải chỗ sáng tối có thể làm được. Cho nên nói rằng: không tối, không sáng vậy.

Kinh: “Không có tên, vô tướng.

Sư Triệu nói: Chẳng có thể dùng tên gọi được, chẳng có thể dùng tướng mà hình dung được.

Kinh: “Không mạnh, không yếu.

Sư Triệu nói: Rất mềm không trái nghịch, ai gọi là mạnh. Cứng cõi không có chi chẳng khuất phục ai gọi đó là yếu.

Kinh: “Chẳng sạch, chẳng nhơ.

Sư Triệu nói: Nơi sạch thì sạch, ai gọi đó là nhơ? Nơi nhơ thì nhơ, ai gọi đó là sạch? Như vậy thì mạnh yếu sạch nhơ ấy, thật ra chẳng phải chỗ cho là mạnh yếu sạch nhơ vậy.

Kinh: “Chẳng tại phương hướng, chẳng lìa phương hướng.

Sư Triệu nói: Pháp thân không tại đâu, nhưng không đâu chẳng tại. Không tại đâu cho nên chẳng ở trong phương hướng; không đâu chẳng tại, cho nên chẳng lìa phương hướng.

Kinh: “Chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Sư Triệu nói: Muốn nói có ư? Không tướng không tên. Muốn nói không ư? Sẵn ứng muôn hình.

Kinh: “Không bày, không nói.

Sư Triệu nói: Chẳng phải chỗ sáu căn đề cập đến được, há có

thể nói để chỉ bày cho người được.

Kinh: “Chẳng bố thí, chẳng keo lặn, chẳng giữ giới, chẳng phạm giới, chẳng nhẫn, chẳng sân, chẳng tinh tấn, chẳng giải đãi, chẳng định, chẳng loạn, chẳng trí, chẳng ngu, chẳng thật, chẳng dối.

Sư Triệu nói: Chẳng thể lấy thiện làm thiện, chẳng thể lấy ác làm ác.

Kinh: “Chẳng đến, chẳng đi, chẳng ra, chẳng vào.

Sư Triệu nói: Vắng lặng vậy mà đi, ở yên vậy mà đến; ra khỏi chỗ u ám vào chỗ mờ mịt, ai phân biệt được cái động ấy.

Kinh: “Đoạn dứt tất cả lời lẽ nói năng.

Sư Triệu nói: Thể tuyệt lời lẽ.

Sư Sanh nói: Chút vương mắc đó thôi.

Kinh: “Chẳng phải phước điền, chẳng phải không phước điền, chẳng phải nên cúng dường, chẳng phải không nên cúng dường.

Sư Triệu nói: Thể của vô tướng chẳng hề có ranh giới, ai biết là ruộng hay chẳng phải là ruộng, nên hay chẳng nên ư?

Kinh: “Chẳng giữ, chẳng bỏ.

Sư Triệu nói: Giữ thì mất cái chân thật, bỏ thì trái với đạo.

Kinh: “Chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng.

Sư Triệu nói: Biệt mù không có hình dạng, chẳng phải có tướng vậy, ba mươi hai tướng, chẳng phải không có tướng vậy.

Kinh: “Đồng với chân tế (Phật tánh), bình đẳng với pháp tánh, chẳng thể cân, chẳng thể lường, vượt qua mọi số lượng.

Sư Triệu nói: Thể của vô tướng, đồng với chân tánh, bình đẳng với pháp tánh, chỗ lời lẽ chẳng đề cập đến được, chỗ ý chẳng có thể suy nghĩ nổi, vượt qua cái cảnh vẽ họa, vượt qua cái bờ cõi cân lường.

Kinh: “Chẳng lớn, chẳng phải nhỏ.

Sư Triệu nói: Lớn bao trùm trời đất, chẳng thể cho là nhỏ. Nhỏ chen vào chẳng biết, chẳng thể cho là lớn. Bậc có thể lớn có thể nhỏ ấy chỉ vì không lớn nhỏ thôi!

Kinh: “Chẳng phải thấy, chẳng phải nghe.

Sư Triệu nói: Chẳng phải sắc cho nên chẳng thấy, chẳng phải thanh cho nên chẳng nghe.

Kinh: “Chẳng phải giác, chẳng phải biết.

Sư Triệu nói: Chẳng phải hương vị, xúc cho nên chẳng phải chỗ ba căn hiểu vậy, chẳng phải pháp cho nên chẳng phải chỗ ý biết được.

Kinh: “Lìa khỏi những sự ràng buộc (kết phược).

Sư Triệu nói: Thể của vô lậu là thể dứt bật sự trói buộc.

Kinh: “Bình đẳng với các trí, đồng đẳng với chúng sanh.

Sư Sanh nói: Há còn dung chứa cái trí, xuất ra từ các trí, tự khác lạ với chúng sanh ư?

Kinh: “Đối với các pháp, không phân biệt.

Sư Triệu nói: Bình đẳng với thật tướng của trí, đồng tánh của chúng sanh, hồn nhiên không bờ cõi, há cùng với pháp có phân biệt ư?

Kinh: “Tất cả đều không được, không mất, không ô trược, không phiền não.

Sư Triệu nói: Không được cho nên không mất, không thanh tịnh cho nên không ô trược. Thể ở ngoài sự, sao có thể buồn ư?

Kinh: “Không làm, không khởi, không sanh, không diệt.

Sư Triệu nói: Pháp thân vô vi, tuyệt dứt tạo tác, đâu có làm khiến khởi, sanh rồi lại diệt ư?

Kinh: “Không sợ, không lo, không vui, không chán, không có rồi, không sẽ có, không hiện có.

Sư Triệu nói: Pháp thân không nương gởi, bất chỗ có trong ba đời, ba tai nạn (hỏa, thủy, phong) chẳng có thể làm lo sợ được. Trước sau không có cái gì biến đổi được, thể đó lặng lẽ vắng bật, ở yên, vô vi không số mạng; há chứa sự lo sợ, sự vui, sự chán nản nơi đó ư?

Kinh: “Chẳng thể lấy tất cả lời lẽ nói năng mà phân biệt, chỉ bày rõ ràng được.

Sự Sanh nói: Trọn đều dứt vậy!

Kinh: “Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai như thế. Làm theo pháp quán đó, nhân pháp quán ấy thì gọi là chánh quán. Nếu quán khác đây thì gọi là tà quán.” Lúc ấy ngài Xá Lợi Phất hỏi ông Duy Ma Cật rằng: **“Ông chết ở đâu mà đến sanh ra nơi này?”**

Tổ Thập nói: Thấy thần đức kỳ tuyệt, thì chỗ đến ấy chắc tôn quý, cho nên hỏi cái bản lai vậy. Ông Duy Ma Cật e người người còn cái chết sống, cho nên câu sau hỏi ngược lại để rõ ra sự không có cái chết sống.

Cũng nói rằng: Hoặc có chỗ gọi là phần sanh của ông Duy-Ma-Cật chưa dứt, cho nên hỏi việc sống chết đó. Dưới đáp rằng chẳng tận thiện, chẳng trường cái ác. Rõ ra cái phận sanh đã dứt hết vậy. Chẳng đáp thẳng vì: Một là muốn khuấy phục bậc Thanh văn, hai là chẳng muốn tự mình nói ra cái tốt đẹp của bản lai vậy.

Kinh: Ông Duy Ma Cật nói: “Chỗ đắc pháp của Ngài có cái chết rồi sanh ư?”

Sư Triệu nói: Hỏi ngược lại chỗ đắc, để chứng cho sự không sống chết vậy. Chỗ đắc pháp tức là pháp vô vi vô tướng; ba thừa đều dùng vô tướng mà đắc quả vậy.

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất nói: “Không có cái chết rồi sanh vậy.” Ông Duy Ma Cật Nói: “Nếu các pháp không có tướng chết rồi sanh, sao ngài hỏi: Ông chết ở đâu mà đến sanh ra nơi

chôn này?

Sư Triệu nói: Lấy chõ của mình đấ, có thể biết pháp tướng, lại hỏi làm chi?

Kinh: “Ý Ngài thế nào? Ví như huyễn sư hóa ra kẻ nam người nữ, đó có phải chết rồi sanh không? Ngài Xá Lợi Phất nói: “Không có chết rồi sanh vậy.” Ông Duy Ma Cật hỏi: “Ngài há chẳng nghe Phật nói các pháp như tướng huyễn hóa ư?” Đáp rằng: “Có nghe như vậy.” Ông Duy Ma Cật nói: “Nếu tất cả các pháp như tướng huyễn hóa, sao ngài hỏi: Ông chết ở đâu mà đến sanh ra nơi chôn này?”

Sư Triệu nói: Sống dường như “hóa” còn chết dường như “hóa” qua đi, vật không gì là chẳng vậy, riêng hỏi làm chi?

Kinh: “Ngài Xá Lợi Phất! Chết là tướng hủy hoại của tướng hư dối; sống là tướng tiếp nối của pháp hư dối.

Sư Triệu nói: Trước xác định tướng sống chết vậy.

Kinh: “Bồ tát tuy chết nhưng chẳng dứt mắt góc lành, tuy sống chẳng thêm điều ác.”

Tổ Thập nói: Phàm phu lúc chết thì khởi dữ dứt lành; sống thì các việc ác tăng thêm, Bồ tát thì chẳng như vậy. Lại nữa phàm phu góc lành hết cho nên mạng dứt, tăng thêm cái ác tâm điên đảo, như vậy sau rồi thọ sanh. Bồ tát thì chẳng như thế. Pháp hóa sanh thanh tịnh, chõ đó tùy ý cho nên không mảy may lo sợ. Ất tuy dấu tích đó đến đi, nhưng chẳng phải gọi là chết rồi sanh vậy.

Phần trên lấy tánh Không rõ ra việc không có chết rồi sanh; nay dùng cái pháp hóa tự tại bày rõ chỗ không có sự chết rồi sanh. Tìm nơi hai cửa thì chết rồi sanh không có sự nương bám. Nên hỏi chết rồi sanh thì trật xa đó vậy.

Kinh: Bảy giờ Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “Có cõi tên là Diệu Hỷ, tên hiệu của Phật là Vô Động, ông Duy Ma Cật ở nước đó chết rồi sanh qua đây.”

Sư Triệu nói: Trên trả lời không sanh. Đây là chỗ sanh ra, ứng việc mà tạm đặt tên.

Kinh: Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Chưa từng có vậy! Bạch Thế Tôn! Người này chịu bỏ cõi thanh tịnh mà thích đến chỗ nhiều oán hại này ư?” Ông Duy Ma Cật nói với ngài Xá-Lợi-Phất: “Ý ngài thế nào? Khi ánh sáng mặt trời phóng ra hợp với bóng tối ư?” Đáp rằng: “Không, khi ánh sáng mặt trời phóng ra thì không còn tối nữa.” Ông Duy Ma Cật nói: “Mặt trời tại sao lại đi qua cõi Diêm Phù Đề?” Ngài Xá-Lợi-Phất trả lời: “Muốn đem ánh sáng soi chiếu để trừ tối tăm.” Ông Duy Ma Cật nói: “Bồ tát y vậy, sanh ra trong cõi Phật chẳng thanh tịnh để giáo hóa chúng sanh, chẳng cùng ngu ám chung hợp. Chỉ diệt trừ phiền não, tối tăm của chúng sanh đó thôi.”

Khi ấy đại chúng khao khát ngưỡng mong thấy cõi Diệu-Hỷ, đức Vô Động Như Lai và các hàng Bồ tát chúng Thanh văn. Đức Phật biết tất cả tâm niệm của chúng hội liền bảo ông Duy Ma Cật rằng: “Thiện nam tử! Ông hãy vì chúng

hội này mà hiện cõi Diệu Hỷ, đức Vô Động Như Lai và các hàng Bồ tát chúng Thanh văn. Trong chúng đều muốn thấy.”

Tổ Thập nói: Vì kẻ chẳng tu (Tịnh quốc) và kẻ muốn vãng sanh nên hiện cõi Phật đó. Chẳng đưa đi xa, mà mang lại ấy vì muốn bày tỏ cái thần lực của ông Duy Ma Cật.

Cái việc ấy lòng vui mà ngộ sâu, cho nên bảo khiến hiện việc đó vậy.

Kinh: Khi ấy ông Duy Ma Cật lòng thầm nghĩ: “Ta sẽ chẳng dời khỏi chỗ ngồi mà tiếp lấy cõi Diệu Hỷ với núi Thiết-Vi, suối, hang, sông ngòi, biển lớn, suối nguồn, các núi Tu Di và mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Các cung điện của trời, rồng, quỷ thần, Phạm vương, cùng các hàng Bồ tát, Thanh-văn, thành ấp xóm làng, trai gái lớn nhỏ; cho đến đức Vô Động Như Lai và cây bồ đề, các hoa sen màu diệu hay khắp mười phương làm Phật sự.

Sư Triệu nói: Cúi đầu tôn kính là khó, cho nên nói đến cây bồ đề và hoa sen màu diệu kia đều đang phát ra ánh sáng rực rỡ khắp mười phương làm Phật sự. Đức Phật cùng các vị Bồ tát hóa hiện trên hoa cũng khắp mười phương làm Phật sự. Đều là chỗ lấy mang đến được vậy.

Kinh: “Ba đường thêm báu từ cõi Diêm Phù Đề lên đến cõi trời Đao Lợi, do thêm báu này chư thiên đi xuống lễ kính đức Vô Động Như Lai, nghe thọ kinh pháp.

Sư Triệu nói: Cõi dục, cõi trời quả báo thông lưu, chân có thể

bước trên chốn hư không. Nhưng cõi này dùng thêm cấp nghiêm sức bằng báu vật làm đường đi, cho nên cùng nhau qua lại vậy.

Kinh: “Người trong cõi Diêm Phù Đề cũng bước trên thêm báu đó mà lên đến cung trời Đao Lợi ra mắt chư Thiên kia.

Sư Triệu nói: Cõi trang nghiêm thanh tịnh là chỗ tập hợp của phước đức. Quả báo của người với trời khác nhau chưa mấy cho nên cùng đường qua lại có sự giao thiệp, ngao du vui vẻ.

Kinh: “Cõi Diệu Hỷ thành tựu vô lượng công đức như thế, trên đến tầng trời A ca ni tra (sắc cứu cánh) dưới đến đáy nước. Ta dùng tay phải bứt ra như bánh xe của thợ làm đồ gốm.

Tổ Thập nói: Bản tiếng Phạn nói rằng: Như bứt lấy miếng đất bùn, nay nói như là bánh xe của thợ làm đồ gốm để chỉ rõ chỗ bứt lìa thuộc trung ương, như bánh xe làm đồ gốm, dưới không chạm đất, bốn phía lìa tuyệt nhau vậy.

Kinh: “Đưa vào cõi này, dường như cầm vòng hoa đưa cho tất cả chúng xem.” Thăm nghĩ như vậy rồi, ông liền nhập tam muội hiện sức thần thông.

Sư Triệu nói: Nặng vì rễ yếu, yên vững là vì người xao động, không phải sức mạnh của Tam muội thì không thể vận dụng cái động chuyển của thần túc.

Kinh: Dùng tay phải bứt lấy cõi Diệu Hỷ đặt vào cõi Ta Bà

này, nơi cõi đó các Bồ tát, chúng Thanh văn, cùng các người trời có thần thông đều cất tiếng thưa rằng: “Kính bạch Thế Tôn! Ai đem chúng con đi, xin Thế Tôn cứu giúp che chở cho.”

Sư Triệu nói: Bạc Bồ tát đại thông, chỗ thấy diễm biến đổi lại khác hẳn, vì chúng mà hỏi thôi. Còn lại các hàng người trời thì chưa tận hiểu nên hỏi. Lòng e sợ chưa dứt hết cho nên xin cứu giúp che chở.

Kinh: Đức Phật Vô Động nói: “Chẳng phải ta làm, đó là thần lực của ông Duy Ma Cật làm ra.” Ngoài ra những người chưa có thần thông thì chẳng hiểu biết rằng mình đến đâu cả. Cõi Diệu Hỷ tuy vào cõi Ta Bà này mà chẳng thêm bớt, cõi Ta-Bà này cũng chẳng chật hẹp, y nguyên như trước không khác lạ.

Bấy giờ Phật Thích Ca Mâu Ni bảo đại chúng rằng: “Các ông hãy xem cõi Diệu Hỷ, đức Vô Động Như Lai; nước đó trang nghiêm tốt đẹp; các Bồ tát hạnh thanh tịnh, hàng đệ tử trong trắng.” Đại chúng thưa rằng: “Thưa, đã thấy.” Đức Phật bảo: “Các Bồ tát muốn được cõi Phật thanh tịnh như thế, phải học cái đạo của đức Vô Động Như Lai đã làm.” Khi hiện ra cõi Diệu Hỷ này, cõi Ta Bà có mười bốn na do tha người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều nguyện xin sanh qua cõi Phật Diệu Hỷ. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni liền thọ ký cho rằng: Sẽ được sanh qua nước kia.

Khi ấy cõi Diệu Hỷ, nơi cõi Ta Bà này làm những việc lợi ích xong rồi, liền trở về chỗ cũ, đại chúng đều thấy. Phật bảo

ông Xá Lợi Phát: “Ông thấy cõi Diệu Hỷ và đức Phật Vô Động chẳng?” Đáp rằng: “Thưa, đã thấy. Bạch Thế Tôn! Nguyên khiến cho tất cả chúng sanh được cõi thanh tịnh như đức Phật Vô Động và được sức thần thông như ông Duy Ma Cật. Bạch Thế Tôn! Chúng con được nhiều lợi lành, được ra mắt người như vậy, thân cận cúng dường. Còn những chúng sanh hoặc hiện tại đây, hoặc sau khi Phật diệt độ mà nghe kinh này cũng được lợi lành. Huống lại nghe rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, giải nói, đúng như pháp tu hành. Như có người tay cầm được kinh điển này thì liền đã được kho tàng pháp bảo. Như có người đọc tụng, giải thích nghĩa lý kinh này y lời giảng nói tu hành thời được chư Phật hộ niệm.

Sư Triệu nói: Hành ứng bên trong, hộ niệm bên ngoài cảm xúc về cái lý am hiểu thấu đáo sâu xa. Đứng vào hạng số (người được Phật hộ niệm) tự nhiên ấy vậy.

Kinh: “Những ai cúng dường cho người ấy, phải biết là cúng dường lên Phật vậy.

Sư Triệu nói: Người ấy tức là người được Phật hộ niệm.

Kinh: “Người nào sao chép, gìn giữ kinh này, phải biết trong nhà đó có Như Lai. Như nghe kinh này mà hay thuận lòng vui vẻ người đó chắc mau đến bậc “nhất thiết trí”. Nếu hay tin hiểu kinh này, cho đến một bài kệ bốn câu, giải nói cho người khác nghe, phải biết người đó được thọ ký quả vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

XIII. PHẨM PHÁP CÚNG DƯỜNG

Kinh: Khi ấy vua trời Đạo Lợi Đế Thích ở trong đại chúng bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con tuy đã theo Phật cùng đức Văn Thù Sư Lợi nghe trăm nghìn thứ kinh mà chưa từng nghe kinh điển “bất khả tư nghị tự tại thần thông quyết định thật tướng” này.

Sư Triệu nói: Nói kinh sắp dứt, ngài Xá Lợi Phất đã khen hay tốt trước rồi. Đế Thích lại còn hân hoan chỗ được gặp, nên ngợi khen vậy.

Kinh này lời lẽ tuy giản dị vẫn tất nhưng nghĩa bao trùm các kinh luật. Ngồi chưa trọn một ngày mà thấy đủ thần thông biến hóa, lời lẽ rất cao xa của bậc Đại thừa, sức thần thông cảm ứng, một phen gặp gỡ, cái lý không đâu chẳng cùng tột.

Kinh: “Nhu con hiểu chỗ nghĩa lý, ý vị của Phật nói thì nếu có chúng sanh nào nghe kinh pháp này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng thì quyết chắc được pháp này chẳng nghi ngờ. Huống chi đúng như lời nói mà tu hành, thời người đó ắt ngăn đóng nẻo ác, mở các cửa lành, thường được chư Phật hộ niệm, hàng phục kẻ ngoại học, dẹp trừ ma oán, tu đạo Bồ đề, an trụ đạo tràng, noi theo dấu tích thật hành của đức Như Lai.

“Bạch Thế Tôn! Như có người thọ trì, đọc tụng, y như lời nói mà tu hành, con sẽ cùng các quyền thuộc lại cúng dường hầu hạ. Ở nơi xóm làng, thành ấp, núi rừng, đồng nội chỗ nào

có kinh này, con sẽ cùng quyền thuộc đến chỗ đó nghe thọ kinh pháp. Những người chưa tin, sẽ làm cho họ sanh lòng tin, những người đã tin rồi, chúng con sẽ giúp đỡ họ.”

Đức Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Thiên đế! Như ông nói, ta sẽ giúp ông thỏa lòng. Kinh này rộng nói đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác bất khả tư nghị của chư Phật, quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì thế Thiên đế! Nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, cúng dường kinh này thì chính là cúng dường chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Sư Triệu nói: Là ý khéo giúp đỡ, che chở vậy. Tam thế Bồ đề, đạo bất tư nghị đều rõ bày trong kinh này. Nếu thọ trì giúp đỡ, cúng dường thì chính là cúng dường ba đời chư Phật. Cho nên giúp người được thỏa lòng vậy.

Kinh: “Thiên đế! Giả sử Như Lai đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới ví như mía, tre, lau, lúa, mè, rừng bụi, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào hoặc một kiếp hoặc chưa đầy một kiếp cung kính tôn trọng tán thán, cúng dường, dâng các món cần dùng, cho đến khi chư Phật diệt độ, đem xá lợi toàn thân mỗi vị, xây tháp thất bảo, ngang rộng bằng cõi Tứ thiên hạ, cao đến cõi Phạm thiên. Trang nghiêm bảo tháp bằng tất cả các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, cờ phướn, âm nhạc tốt đẹp bậc nhất. Hoặc một kiếp, hoặc chưa tròn một kiếp mà cúng dường. Thiên đế! Ý ông như sao? Người đó gieo trồng phước đức có nhiều chăng?”

Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: “Nhiều lắm! Bạch Thế Tôn!

Phước đức của người đó đủ cho trăm nghìn ức kiếp nói cũng chẳng hết được.” Phật bảo Thiên đế: “Phải biết kẻ thiện nam, người thiện nữ đó nghe kinh điển “bất khả tư nghị giải thoát” này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu hành thì phước đức nhiều hơn người kia. Vì sao? Vì Bồ đề của chư Phật đều từ kinh này sanh ra. Tướng của Bồ đề chẳng thể so lường nổi. Bởi nhân duyên đó nên phước chẳng thể lường được vậy.

“Về quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, thời ấy có đức Phật tên hiệu là Dược Vương, Như Lai, úng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới tên là Đại Trang Nghiêm, kiếp đời gọi là Trang Nghiêm, Phật sống hai mươi tiểu kiếp, có ba mươi sáu ức na do tha Thanh văn tăng, mười hai ức Bồ tát tăng. Thiên đế! Lúc đó có vị chuyển luân thánh vương tên là Bảo Cái, đầy đủ bảy báu, cai trị bốn cõi thiên hạ. Vua có một ngàn người con, đoan chính, dũng cảm, mạnh mẽ hay hàng phục những kẻ oán địch. Khi ấy vua Bảo Cái và quyến thuộc cúng dường đức Dược-Vương Như Lai, dâng cúng các đồ cần dùng trọn năm kiếp, qua năm kiếp rồi, vua bảo ngàn người con rằng: “Các người cũng phải như ta, đem tâm sâu vững cúng dường đức Phật.” Sau đó ngàn người con vâng mệnh, cúng dường đức Dược Vương Như Lai trọn năm kiếp tất cả đồ cần dùng.

Sư Triệu nói: Trước dùng tiền của cúng dường để dạy dỗ sự thọ trì. Thọ trì tức là việc cúng dường pháp vậy. Đức Như Lai

muốn thành tựu ý nghĩa của việc cúng dường pháp cho nên dẫn chuyện xưa để làm chứng cứ.

Kinh: “Có một người con vua tên là Nguyệt Cái, ngồi một mình suy nghĩ rằng: “Có việc cúng dường nào thù thắng hơn việc cúng dường này chăng?”

Tổ Thập nói: Mong ước hoặc có các vị trời đức lớn nào có sự cúng dường thù thắng hơn. Nếu hơn cách này thì mong cho được bằng.

Vì cho rằng: Tuy là vật quý của mình nhưng chẳng biết có thể làm vui lòng bậc thánh không? Mong mỗi ngoài các vật quý này, còn có cái gì để thỏa thích thành tâm cho nên khởi ra cái niệm ấy lại suy nghĩ về chỗ cúng dường thù thắng hơn vậy.

Kinh: “Nhân thần lực của Phật, trong hư không có vị trời nói rằng: “Thiện nam tử: Cúng dường pháp là hơn hết các việc cúng dường.”

Tổ Thập nói: Nếu cúng dường bằng của cải thì đối với Phật ắt vô dụng, đối với chúng sanh thì vô ích, cho nên không phải là chỗ mừng vui vậy. Đức Như Lai chứa công đức nhiều kiếp vốn vì chúng sanh. Nếu vâng theo kinh điển như lời nói tu hành thì gọi là vui lòng thánh nhân mới thật là cúng dường vậy.

Kinh: “Ông Nguyệt Cái liền hỏi? “Sao gọi là cúng dường pháp? Vị trời đáp: “Ông đến hỏi đức Dược Vương Như Lai, đức Phật sẽ rộng vì ông nói rõ việc cúng dường pháp.” Tức thì vương tử Nguyệt Cái đi đến chỗ Dược Vương Như Lai cúi đầu

đánh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Trong việc cúng dường, cúng dường pháp là hơn hết; như sao gọi là cúng dường pháp? Phật nói: “Thiện nam tử! Cúng dường pháp chính là chỗ sâu xa trong kinh điển do chư Phật nói.

Tổ Thập nói: Ba tạng cùng Tạng tạng, Bồ tát tạng là năm tạng kinh. Bốn tạng kinh trước giữ cái nghĩa sâu xa. Nói về thật tướng cho nên được cho là kinh điển sâu xa.

Từ đây về sau chỗ nói của Ba đời chư Phật khắp mười phương đều hết sức sâu rộng ngợi khen chỗ Phật nói kinh điển sâu xa. Vì người chưa tỏ hiểu ý nghĩa thọ trì tu hành của việc cúng dường pháp vậy.

Kinh: “Tất cả thế gian khó tin, khó nhận, vi diệu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm.

Sư Triệu nói: Kinh sâu xa gọi là phương đẳng đệ nhất nghĩa kinh vậy; cái ý chỉ đó sâu xa màu nhiệm, không phải chỗ đặc của kẻ hữu tâm, vi diệu không hình tượng, chẳng phải chỗ thấy của kẻ thông minh, siêu tuyệt trần cảnh, không nhiễm như hư không. Muốn lấy chỗ hữu tâm, hữu minh mà tin, nhận, thấy thì chẳng thể được.

Từ đây về sau cái ý chỉ tốt đẹp trong kinh sâu xa, chư Phật nói kinh sâu xa tức là pháp thân của Phật vậy.

Phàm của cải nuôi dưỡng, chỉ nuôi thân tứ đại, pháp nuôi dưỡng thì nuôi dưỡng pháp thân. Nếu có thể hộ trì kinh này, khiến

pháp thân thêm rộng lớn, việc cúng dường này cao hơn hết vậy.

Kinh: “Chẳng phải chỉ do sự phân biệt suy nghĩ mà được.

Sư Triệu nói: Đệ nhất nghĩa kinh, mâu nhiệm cao xa vô tướng, chẳng phải bậc minh triết ai có thể phân biệt được. Chỗ sai biệt của nghiệp tuy do phân biệt, nhưng chẳng phải do phân biệt mà được. Chỗ được ấy chỉ vì không phân biệt vậy.

Kinh: “Đó là chỗ gồm thâu trong pháp tạng của Bồ tát, là dấu in của ấn Đà la ni.

Sư Triệu nói: Chỗ gồm thâu pháp tạng của Bồ tát kiên cố chẳng phải cái lý của Tiểu thừa. Dấu in của Tổng trì, dấu in đó ắt "chân"; chỗ gồm thâu của pháp tạng, chỗ gồm thâu đó tất thật.

Đã chứa trong pháp tạng in ra dùng Tổng trì, đâu phải kẻ tầm thường khai phát ra được. Vì rõ ra cái pháp bảo sâu xa kiên cố nên khó có thể nhòm trộm được vậy.

Sư Sanh nói: Đà la ni là nắm giữ vậy. Nếu nắm giữ thật tướng chẳng mất, đối với trời, người, ma, phạm chẳng còn lại sợ có chỗ không thông. Thí như dùng ấn vua làm tin, các cửa quan, bến nước, các chỗ cấm không ngăn trở được. Quả thật là cái ấn giữ chỗ dấu in theo kinh, thì không có ngăn ngại vậy.

Kinh: “Đến chỗ chẳng thôi chuyển, thành tựu lực độ khéo phân biệt nghĩa, thuận pháp bồ đề, trên hết các kinh.

Sư Triệu nói: Mười hai bộ kinh trong Ba tạng, kinh phương đẳng là đệ nhất.

Kinh: “Vào đại từ bi, lia những việc ma và các tà kiến.

Sư Triệu nói: Ma là tử ma. Kiến là sáu mươi hai kiến.

Kinh: “Thuận pháp nhân duyên.

Tổ Thập nói: Nếu pháp định có rồi, thì chẳng có sanh diệt. Nếu pháp toàn không cũng chẳng có sanh diệt. Chẳng sanh chẳng diệt thì trái với nhân duyên. Kinh sâu xa nói: Chẳng phải có chẳng phải không. Chẳng phải có chẳng phải không cho nên thuận theo pháp nhân duyên vậy.

Kinh: “Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mệnh. Không, vô tướng, vô tác, vô khởi. Không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có mạng sống, trống trơn, không hình, không làm, không gây ra.

Sư Triệu nói: Pháp theo nhân duyên sanh; theo duyên mà sanh ra thì không có tự tánh. Không có tự tánh thì không có chủ. Không có chủ thì không có ta người, thọ mạng, chỉ trống không, không tướng, không làm, không khởi. Đây là chỗ thuận theo kinh sâu xa vậy.

Sư Sanh nói: Đây ắt là pháp nhân duyên thôi.

Kinh: “Hay làm cho chúng sanh ngồi nơi đạo tràng mà chuyển pháp luân. Các vị trời, rồng, thần, càn thất bà thấy đều ngợi khen. Hay làm cho chúng sanh vào pháp tạng của Phật, gồm thấu cả trí huệ của các bậc hiền thánh. Diễn nói chỗ tu hành theo đạo của các Bồ tát. Y theo nơi nghĩa thật tướng

của các pháp. Giảng rõ các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt.

Sư Triệu nói: Chẳng y thật tướng mà luận về bốn sự chẳng thường ấy, thì chẳng phải giáo hóa bình đẳng vậy; y theo thật tướng mới là thông hiểu vậy.

Kinh: “Hay cứu độ tất cả chúng sanh hủy phạm giới cấm.

Tổ Thập nói: Trong giáo pháp Tiểu thừa, phạm tội ngũ nghịch và hủy tứ cấm thì bị phế bỏ chẳng cứu. Trong pháp sâu xa của Đại thừa thì không phải chẳng cứu.

Kinh: “Hay làm cho các ma, kẻ ngoại đạo, tham lam, chấp trước phải sợ sệt.

Sư Triệu nói: Hủy tứ cấm, phạm ngũ nghịch, là chỗ của pháp Tiểu thừa chẳng có thể cứu được. Các ma, ngoại đạo, kẻ tham lam, chấp trước buông lung là chỗ pháp Tiểu thừa chẳng diệt dứt được. Hay cứu vớt hay diệt dứt ấy chỉ có kinh phương đẳng sâu xa của Đại thừa mà thôi.

Kinh: “Là chỗ của chư Phật hiền thánh cùng ngợi khen, xoay lưng lại cái khổ, sanh tử, chỉ rõ cái vui của Niết bàn. Là chỗ nói khắp mười phương của tam thế chư Phật. Nếu nghe những kinh như thế mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, dùng sức phương tiện phân biệt, giải thích, giảng nói, chỉ bày rành rẽ rõ ràng cho chúng sanh; giữ gìn che chở chánh pháp thì gọi là cúng dường pháp.

Sư Triệu nói: Như vậy tất cả các kinh đều là pháp thân của chư Phật. Nếu nghe kinh đó mà hay tin hiểu hộ trì, diễn bày rành rẽ, khiến cho Đại pháp thêm rộng, gọi là cúng dường pháp, thành tựu pháp thân.

Kinh: “Lại nữa đối với các pháp như lời nói mà tu hành.

Tổ Thập nói: Chương trước nói rõ sự vâng thuận kinh điển là pháp chân chánh cúng dường, y như lời nói mà tu hành, luôn theo pháp lục độ; từ chỗ mười hai nhân duyên trở xuống chỉ rõ chỗ được pháp vô sanh nhẫn. Lấy trí huệ chân thật tùy thuận thật pháp.

Kinh: “Tùy thuận mười hai nhân duyên, lìa các tà kiến, đắc vô sanh nhẫn. Định quyết không có ta, không có chúng sanh.

Sư Triệu nói: Chẳng hiểu duyên khởi cho nên có cái mê của tà kiến, làm lạc với cái ta.

Nếu như theo lời nói mà hành thì được huệ sáng suốt, thấy rõ ràng căn duyên do đâu của mười hai nhân duyên cho nên đoạn dứt các tà kiến, được vô sanh nhẫn không còn cái tướng ta, người, chúng sanh nữa. Thấy duyên như duyên đó là tùy thuận. Rõ ràng hữu vô đó là quyết định. Đều là cái biệt xung của trí dụng vậy.

Kinh: “Nhưng đối với nhân duyên quả báo, không trái nghịch, không tranh cãi, lìa chỗ ta có.

Sư Triệu nói: Không trái nghịch, không tranh cãi, tức là tùy thuận nghĩa.

Cái thân thọ ngũ ấm cùng gia quyến, sở hữu, nhân duyên quả báo tức là chỗ ta có (ngã sở) vậy. Nếu có thể thấy rõ tánh của nhân duyên, quả báo tùy thuận mà không trái nghịch thì là ngã sở.

Trước quán thẳng vào nhân duyên, biết là không có kẻ gây tạo nên là ngã kiến. Giờ quán về nhân duyên quả báo biết là không có chỗ thuộc cho nên là cái ngã sở kiến vậy (chỗ ta thấy).

Kinh: “Y theo nghĩa lý, chẳng y theo lời nói.

Sư Triệu nói: Chỗ tốt lý chẳng thể lấy lời lẽ bày diễn. Tìm ở lời lẽ thì mất mục đích; vả lại lý mâu nhiệm hằng một, lời nói vô phương diễn tả. Nên muốn dùng cái lời lẽ vô phương ấy mà định đoạt cái lý hằng một thì sai lầm lắm vậy.

Do đó, y theo nghĩa, chẳng y theo lời nói, cái sáng suốt của thấy vậy.

Kinh: “Y theo trí, chẳng y theo thức.

Sư Triệu nói: Sáu thức phân biệt sáu trần mà thôi, chẳng có thể phân biệt chỗ phải quấy. Phân biệt phải quấy chỉ độc cái Chánh trí thôi; do đó người tu hành y theo trí, chẳng y theo thức.

Kinh: “Y theo kinh liễu nghĩa, không y theo kinh chẳng liễu nghĩa.

Sư Triệu nói: Phật nói kinh, trong đó ý chỉ cốt yếu là nghĩa lý, tách tĩa rành rẽ cùng tột nên rất dễ hiểu, cứ y theo đó.

Cũng có những kinh tùy theo thời, giả nói là hợp với đạo, không rõ ý Phật. Tự mình chưa hiểu rõ chẳng nên y theo vậy.

Kinh: “Y theo pháp, chẳng y theo người.

Tổ Thập nói: Đức Phật có nói: Sau khi ta nhập Niết bàn, phải y theo bốn pháp dùng làm Đạo sư gọi là Tứ y pháp. Rõ được bốn pháp này nên y theo, nên tin thọ.

Chỗ y theo pháp, chẳng y theo người ấy, pháp gọi đó là kinh giáo. Phải y theo kinh pháp, chẳng thể lấy chỗ người khác hơn, đó là bỏ pháp theo người.

Pháp có hai thứ: Một là văn tự và lời nói, hai là nghĩa lý pháp, chớ y theo lời nói.

Nghĩa cũng có hai thứ: Một là do thức biết nghĩa, hai là do trí biết nghĩa. Thức thì chỉ biết tìm cầu ngũ dục hư giả, chẳng cầu cái thật hữu ích. Trí thì hay cầu cái thật hữu ích, ném bỏ ngũ dục (tài, sắc, danh, ăn, ngủ) cho nên y theo cái nghĩa do trí biết, chẳng y theo cái nghĩa do thức biết. Vì mong cầu cái nghĩa do trí biết đó, cho nên y theo trí là vậy.

Do trí biết nghĩa có hai lẽ: Một là "liễu nghĩa kinh", hai là "bất liễu nghĩa kinh".

"Bất liễu nghĩa kinh" như đức Phật nói giết cha mẹ không có tội; chưa phân biệt rành rẽ đó là "bất liễu nghĩa" vậy.

Nếu nói cái vô minh là cha, ái là mẹ, là gốc rễ của sanh tử cho nên gọi là cha mẹ; đoạn dứt cái gốc đó thì sanh tử tuyệt dứt, cho nên gọi là giết mà không có tội. Đã phân biệt rành rẽ thì là "liễu nghĩa kinh" vậy.

Lại sau như Phật nói: Phật là bậc nhất trong con người. Niết-bàn là hạng nhất trong pháp. Như thế đều gọi là "liễu nghĩa". Vì vậy phải y theo kinh "liễu nghĩa" chứ y theo "kinh bất liễu nghĩa".

Kinh: “Tùy thuận pháp tướng, không có chỗ vào, không có chỗ quay về.

Sư Triệu nói: Pháp tức là pháp của nhân duyên nói sau đây. Trước thuận theo nhân duyên, biết là pháp không sanh. Nay thuận theo nhân duyên, biết pháp không tuyệt tận. Pháp từ duyên mà có, theo duyên mà không. Cái có đó chẳng theo vị lai lại; cái không đó chẳng theo quá khứ mà đi cho nên nói rằng: Không có chỗ vào, không có chỗ quay về.

Kinh: “Vô minh rất ráo dứt tuyệt, nên các hành cũng rất ráo dứt tuyệt, cho đến cái sanh rất ráo dứt tuyệt, nên lão tử cũng rất ráo dứt tuyệt.

Tổ Thập nói: Đây tức là bốn chỗ y theo như thật pháp. Trước là mười hai nhân duyên, bày rõ chỗ y như lý thuyết tu hành, tùy thuận nhân duyên cho nên được vô sanh pháp nhẫn. Giờ đây bày rõ chỗ hành trong tứ y, y theo mười hai nhân duyên như thật tướng vậy.

Kinh: “Quán như thế thì mười hai nhân duyên không có tướng tận.

Sư Triệu nói: Chỉ có một nghĩa diệt tận. Đã nói rằng: Rất ráo diệt, mà còn rằng không có tận ấy là sao?

Phàm diệt sanh ra nơi chẳng diệt. Rốt ráo thường diệt thì không có gì chẳng diệt. Không có gì chẳng diệt thì diệt không có chỗ diệt. Diệt không có chỗ diệt tức là nghĩa không có chỗ "tận" vậy.

Kinh: “Chẳng còn khởi lại các kiến.

Sư Triệu nói: Trước quán nhân duyên vô sanh, lìa các kiến của cái thường ngã. Nay quán nhân duyên không tận, lìa các kiến về đoạn diệt.

Kinh: “Đó gọi là cúng dường pháp cao tột.” Đức Phật bảo Thiên đế: “Vương tử Nguyệt Cái theo đức Dược Vương Phật, nghe pháp như thế, được “nhu thuận nhẫn”.

Tổ Thập nói: Nhu là mềm mại vậy. Nơi thật tướng pháp chưa vào sâu, tín nhu hòa, tín nhu hòa tùy thuận chẳng trái chỗ nên gọi là nhu thuận nhẫn.

Kinh: “Liền cởi áo báu và đồ trang sức nơi thân cúng dường Phật và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Sau khi đức Như-Lai diệt độ, con sẽ hành việc cúng dường bằng pháp giữ gìn bảo vệ chánh pháp; nguyện nhờ oai thần của Phật thương xót gia hộ khiến con hàng phục được ma oán, tu hạnh Bồ tát.”

Tổ Thập nói: Bốn ma hợp lại làm ra ba oán: Một là phiền não. Hai là thiên ma. Ba là ngoại đạo vậy. Sau khi đức Như Lai diệt, ông Nguyệt Cái chưa đủ đạo lực. Nếu chẳng thêm oai thần ắt bị ma phá hoại chẳng thể hàng phục được, cho nên xin Phật giúp thêm oai thần.

Kinh: “Đức Phật biết ý nghĩ nơi thâm tâm ông nên thọ ký rằng: “Về đời sau này ông sẽ thủ hộ pháp thành.” Nay Thiên-đế! Khi ấy vương tử Nguyệt Cái được thấy pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký, đem lòng tin xuất gia tu tập các pháp lành, tinh tấn; chẳng bao lâu được ngũ thông, đầy đủ đạo hạnh Bồ tát được pháp tổng trì, biện tài không ngăn ngại.

Tổ Thập nói: Là nghe rồi thọ trì vậy.

Kinh: “Sau khi Phật diệt độ, ông dùng sức thần thông tổng trì, biện tài đã được trọn mười tiểu kiếp y theo chỗ pháp chuyển luân của Dược Vương Như Lai, tùy nơi mà ban bố. Tỳ-kheo Nguyệt Cái thủ hộ Phật pháp, siêng năng tu hành tinh tấn; ngay đời đó hóa độ được trăm vạn ức người, nơi đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng thôi chuyển. Mười bốn na do tha người phát tâm sâu vững về Thanh văn, Duyên giác thừa và vô lượng chúng sanh được lên cõi trời.

“Thiên đế! Vua Bảo Cái khi ấy đâu phải người nào khác hiện nay thành Phật hiệu là Bảo Diệm Như Lai. Còn một ngàn người con vua đó chính là một ngàn vị Phật trong đời hiện kiếp; đức Ca La Cưu Tôn Đà thành Phật trước hết, sau cùng là đức Như Lai hiệu là Lô Lô Chí. Tỳ kheo Nguyệt Cái chính là thân ta đây. Như vậy Thiên đế! Ông phải biết cái cốt yếu đó, cúng dường pháp là hơn hết trong các việc cúng dường, là bậc nhất không chi sánh kịp. Vì vậy Thiên đế! Phải dùng việc cúng dường pháp mà cúng dường chư Phật.”

XIV. PHẨM CHÚC LỰY

Kinh: Lúc ấy Phật bảo Bồ tát Di Lặc rằng: “Ông Di Lặc! Nay ta đem pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác tu tập trong vô lượng ức a tăng kỳ kiếp mà phó chúc cho ông.

Tổ Thập nói: Chẳng giao phó chúc cho ngài A Nan, vì không có cái thân lực, chẳng có thể rộng bố khắp nơi cho nên chẳng phó chúc vậy.

Ông Duy Ma Cật chẳng phải Bồ tát ở cõi này cho nên chẳng phó chúc, ngài Văn Thù ngao du không định chốn nên chẳng phó chúc. Phó chúc ngài Di Lặc vì sẽ thành Phật nơi chốn này.

Phật tự dùng thân lực tuyên bố là muốn thành tựu cái công nghiệp của ngài Di Lặc vậy.

Kinh: “Những kinh như vậy, sau khi Phật diệt độ, trong thời mạt thế, các ông phải dùng thân lực rộng truyền khắp cõi Diêm Phù Đề chớ để tuyệt dứt.

Sư Triệu nói: Thành cao thì phòng vệ nhiều. Đạo cao thì ma cũng thịnh. Tự chẳng có thân lực thì không lấy chi mà kiềm chế, nắm giữ; cho nên khuyên dùng thân lực vậy.

Kinh: “Vì sao? Về đời vị lai sẽ có những người thiện nam, thiện nữ và trời, rồng, quỷ thần, càn thất bà, la sát... phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ưa pháp Đại thừa. Nếu họ chẳng được nghe những kinh như thế này thì mất lợi lành.

Tổ Thập nói: Nếu chẳng được nghe kinh này, hoặc bị sa vào Nhị thừa, ắt mất cái ích lợi tốt lành của Đại thừa.

Kinh: “Những người như thế, nghe các kinh này tất chắc ưa thích tin chịu, phát tâm hiếm có. Nên ông phải lãnh nhận rồi tùy theo chỗ lợi ích ứng hợp của chúng sanh mà diễn nói pháp.

Sư Triệu nói: Cái chỗ thông, tắc, hao, ích của pháp như thế, cho nên khuyên ngài Di Lặc lãnh nhận rồi rộng nói khắp vậy.

Kinh: “Di Lặc! Ông phải biết, Bồ tát có hai tướng. Sao gọi là hai? Một là ưa thích văn từ hay đẹp. Hai là chẳng sợ nghĩa sâu xa, có thể vào lẽ như nhiên chân thật. Nếu ưa câu văn rườm rà đẹp đẽ, phải biết đó là Bồ tát mới học. Nếu ở nơi kinh điển rất sâu xa như thế mà không nhiễm, không vướng mắc, không chút sợ sệt có thể thấu đáo tận trong, nghe rồi tâm thanh tịnh, thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói tu hành, phải biết đó là người tu hành đã lâu.

“Ông Di Lặc! Lại có hai pháp gọi là Bồ tát mới học chẳng có thể quyết định trong pháp tột sâu. Hai pháp ấy là chi? Một là chưa nghe những kinh điển sâu xa, nghe rồi thì sợ sệt sanh lòng nghi ngờ, chẳng thể tùy thuận được, chê bai chẳng tin, rồi nói rằng: “Lúc trước ta chẳng nghe kinh này, từ đâu mà có thể? Hai là nếu có người hộ trì, giải nói, những kinh sâu xa như thế mà chẳng chịu gần gũi, cúng dường, cung kính hoặc lại nói lỗi xấu của người kia.

Sư Triệu nói: Một là chê pháp, hai là chê người.

Kinh: “Bồ tát mới học phải biết, hai pháp đó, chỉ tự làm tổn hại mình, chẳng thể trong pháp sâu xa điều phục được tâm.

“Ông Di Lặc! Lại có hai pháp, Bồ tát tuy tin hiểu pháp sâu xa, dưng tự làm tổn hại mình, chẳng thể được vô sanh nhẫn. Hai pháp ấy là chi? Một là khinh mạn hàng Bồ tát mới học mà chẳng dạy bảo. Hai là tuy tin hiểu pháp sâu xa mà vẫn giữ tướng phân biệt.”

Sư Triệu nói: Do bởi chỗ hiểu mà giữ tướng phân biệt. Tuy gọi là hiểu nhưng chưa hợp chỗ hiểu chân thật. Đây là cái mối lo bên trong của kẻ học vậy.

Kinh: Bồ tát Di Lặc nghe Phật nói như thế, liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chưa từng có vậy! Như lời Phật nói, con quyết xa lìa các lỗi như thế.

Sư Triệu nói: Một đời bậc Đại sĩ, há có cái ác này. Nghe rồi sau mới lìa ư? Buông ra lời ấy chính vì kẻ chưa lìa ấy thôi!

Kinh: “Vâng giữ pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác của đức Như Lai tu tập từ vô số a tăng kỳ kiếp. Như đời vị lai có người thiện nam, thiện nữ nào cầu pháp Đại thừa; con sẽ đem đến tay người đó những kinh như thế, cho họ sức ghi nhớ.

Tổ Thập nói: Lấy thần thông thêm vào sức nhớ, khiến cho không quên vậy.

Hỏi rằng: Thời xưa ma thường xuống trần thế, phá hoại, quấy rối người tu hành; bây giờ sao chẳng đến?

Đáp rằng: Vì ân lực của ông Ưu Bà Quật! Khi Phật còn tại thế, có người ngoại đạo tên là Tát Già Ni Kiên, rất thông minh, hay luận nghĩa, tâm rất kiêu căng ngạo mạn. Biết Phật pháp cao cả nhiệm mầu, ý muốn xuất gia, mới hỏi Phật rằng: Nếu con xuất gia thì trí, đức, danh tiếng được như Phật chẳng? Phật nói: Chẳng được. Lại hỏi được như ngài Xá Lợi Phất chẳng? Phật nói: Chẳng được. Y vậy lần lượt hỏi hết năm trăm vị đệ tử. Cho đến hỏi được như ngài La Hầu La chẳng? Đáp rằng: Chẳng được. Lúc ấy ông Ni-Kiên nói: Con xuất gia đã chẳng được như Phật lại cũng chẳng được như đệ tử của Phật nữa thì xuất gia làm chi? Lại hỏi sau sẽ được chẳng? Phật nói: Đời sau không còn những bậc lớn, nên sẽ được.

Ông Ni Kiên mệnh chung rồi, sau Phật nhập Niết bàn một trăm năm, sanh ra dưới thời A Dục Vương xuất gia học đạo, đắc A-la-hán, có danh tiếng lớn lao, giáo hóa người trong nước, khiến đắc bậc A la hán. Trừ cái số độ chồng chẳng độ vợ; độ vợ chẳng độ chồng không tính, chỉ chọn lấy số vợ chồng đồng thời đắc A-la-hán, dùng toán số mà tính thì sổ sách chứa đầy nhà. Sau khi tịch diệt dùng giấy ấy mà thiêu xác, chẳng cần mượn đến vật khác.

Lúc chưa tịch diệt, thường tọa thiền trong rừng. Thấy một con chó đói, đói gần chết bèn cho chó phần đồ khát thực. Con chó ăn xong bụng trướng lên gần chết, các thầy Tỷ kheo mỗi người một cái tọa cụ ngồi vây quanh tụng kinh nói pháp. Con chó lấy lòng

lành nhìn các vị Tỳ kheo, lại nghe được pháp âm, chết rồi sanh về cõi trời thứ sáu, rất có oai đức, ngồi chung với ma vương. Khi ấy xác chó đã hôi thối ma vương thầm nghĩ sao lại có bậc đại nhân này cùng ngồi chung với ta? Liền quán duyên do, mới biết đó là con chó, tức thì giận dữ, cho đó là Tỳ kheo Ưu Bà Quạt sai con chó thối này lên cùng ngồi chung. Liền lập phương kế khiến cho ngài Ưu Bà Quạt bị nhục nhã.

Khi ấy ngài Ưu Bà Quạt tọa thiền trong rừng vào diệt tận định. Ma lấy tràng hoa rất đẹp trên trời, buộc trên trán ông; rồi nói với tứ chúng chung quanh cùng xem việc trên. Tỳ kheo này ở chôn vẳng vẻ mà chung diện như thế sao gọi là thanh tịnh có đức được.

Lát sau ngài Ưu Bà Quạt ra khỏi định, thấy trên đầu có tràng hoa, biết đó là do ma làm ra. Bèn chỉ mặt ma nói rằng ngươi là ma vương, liền lấy xác chó biến thành tràng hoa rất đẹp. Rồi bảo ma rằng: Ngươi dùng tràng hoa cúng dường cho ta, nay ta dùng tràng hoa hoàn lại, ngươi hãy đeo vào. Rồi dùng thần lực đeo vào cổ ma vương. Đeo rồi tràng hoa trở lại thành xác chó, sinh chương hôi thối rất gớm ghiếc.

Ma dùng thần lực vứt bỏ đi nhưng chẳng được, chạy đến Đế-thích, Đế thích chẳng chịu tiếp, trở về cung trời thứ sáu, cho đến Phạm thiên, hết thấy chẳng ai chịu tiếp, chẳng ai cởi ra được.

Lúc ấy có tiếng nói rằng: Ngươi phải tự trở về cầu xin thầy Tỳ-kheo kia, ma liền đến chỗ ngài Ưu Bà Quạt cầu xin mở cái chuỗi thối tha đó. Ngài Ưu Bà Quạt liền bắt phải thề: Ngươi từ nay cho đến pháp tận, chẳng được trở lại xuống phá hoại quấy rối

người tu hành.

Lại nữa ta tuy thấy pháp thân Phật nhưng chẳng thấy sắc thân, người nay vì ta hóa làm hình Phật. Nếu làm y vậy ta sẽ mở tràng chuỗi nơi người, ma liền nhận lời thề đó, tiện lời nói với ông Tỳ-kheo rằng: Khi tôi hóa làm Phật, Ngài đừng hướng về tôi mà lễ. Rồi ngay trong rừng hóa làm thân Phật, đầy đủ tướng tốt phóng ra hào quang rực rỡ. Hóa làm các vị đệ tử đều như ngài Xá Lợi Phất, đại chúng vây quanh, từ trong rừng đi lại. Ngài Ưu Bà Quạt mừng vui quá, quên lời hứa liền làm lễ.

Ma nói: Sao lại trái nghịch lời hứa, hướng về tôi mà lễ. Ngài Ưu Bà Quạt nói: Ta tự để cái ý ở Phật mà lễ đó. Khi ấy cái tràng chuỗi hôi thối tự nhiên mở ra. Ma nói: Đức Phật thật đại từ bi, tôi làm phiền đức Phật rất nhiều mà Phật chẳng trả báo tôi, nhưng nay gặp thầy Tỳ kheo trả lại cái báo nặng quá như thế này.

Thầy Tỳ kheo trả lời: Đức Phật đại từ đại bi, hay khoan thứ nhân nhẹn người. Ta là người Tiểu thừa chẳng được như vậy. Việc ma chẳng lại phá nữa nguyên do từ đó vậy.

Kinh: “Làm cho thọ trì, đọc tụng, diễn nói cho người khác. Bạch Thế Tôn! Nếu đời sau có người hay thọ trì, đọc tụng diễn nói cho người khác phải biết đó là do thần lực của Di-Lặc kiến tập”. Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Di Lặc! Như lời ông nói ta giúp cho ông vui thêm.”

Khi ấy tất cả Bồ tát chấp tay bạch Phật rằng: “Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con nơi cõi nước khắp mười phương sẽ

truyền bá pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác này. Lại sẽ khai mở dẫn dắt những người thuyết pháp khiến được kinh này.”

Lúc đó bốn vị Thiên vương bạch Phật rằng: “Bạch Thế-Tôn! Ở bất cứ chỗ nào, thành ấp, xóm làng, rừng núi, đồng nội có quyển kinh này, có người đọc tụng, giải thuyết; con sẽ đem các quyển thuộc đến chỗ đó để nghe pháp, ủng hộ người đó, mỗi phía một trăm do tuần, không thể ai cố ý dò tìm làm hại.”

Bấy giờ Phật bảo ngài A Nan: “Ông hãy thọ trì kinh này. Rộng truyền khắp chốn.”

Ngài A Nan nói: “Thưa con đã thọ trì điều cần yếu ấy. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì?”

Phật nói: “Ông A Nan! Kinh này tên là: “Duy Ma Cật Sở Thuyết” cũng gọi là “Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát Pháp Môn”. Ông hãy thọ trì y vậy.”

Đức Phật nói kinh này rồi, trưởng giả Duy Ma Cật, ngài Văn Thù Sư Lợi, ngài Xá Lợi Phất, ngài A Nan... và các hàng trời, người, a tu la, tất cả đại chúng nghe lời Phật nói đều rất vui mừng tin thọ phụng trì.



HỘ PHÁP

Ebook được hoàn thành tại tp: hcm ngày 10/08/2015